



ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

"Hải Phòng - Tăng tốc và bứt phá"



**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC
CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN NGÀNH
VÀ ĐỊA PHƯƠNG**

DDCI 2024
HẢI PHÒNG

Đơn vị chủ trì, quản lý và thực hiện

UBND thành phố Hải Phòng

Cục Thống kê thành phố Hải Phòng

Economica Vietnam

Nhóm chuyên gia

Lê Duy Bình

Phạm Tiến Dũng

Phạm Minh Tuyết

Nguyễn Thúy Nhi

Đào Phương Thảo

Nguyễn Thị Hoài Hương

Trần Thị Phương

Lê Quỳnh Chi



ĐIỂM ĐẾN THÀNH CÔNG
HẢI PHÒNG - TĂNG TỐC VÀ BỨT PHÁ



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

PHỤ LỤC III

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ
NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP
SỞ, BAN, NGÀNH VÀ ĐỊA PHƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**



Để tham khảo báo cáo đầy đủ, hồ sơ, dữ liệu chi tiết về DDCI Hải Phòng,
đề nghị truy cập trang web:

<https://haiphong.ddci.org.vn/>

Hoặc quý vị có thể sử dụng điện thoại di động, máy tính bảng để quét mã QR dưới đây:



Tháng 12/2024

LỜI CẢM ƠN

Chi số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương năm 2024 là công trình đánh giá thực tiễn năm thứ năm về năng lực điều hành kinh tế và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh tại các Sở, ban, ngành và địa phương của thành phố Hải Phòng.

Kết quả đánh giá DDCI Hải Phòng năm 2024 là việc thực hiện giữa ba cơ quan Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, Cục Thống kê thành phố Hải Phòng và đơn vị tư vấn. Cục Thống kê thực hiện khảo sát DDCI Hải Phòng 2024. Đơn vị tư vấn đề xuất xây dựng báo cáo phương pháp luận, Bộ Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương năm 2024; phân tích dữ liệu, hoàn thiện báo cáo đánh giá và xếp hạng DDCI 2024. Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt báo cáo phương pháp luận, Bộ Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương năm 2024; phê duyệt kết quả điểm số, xếp hạng và Báo cáo kết quả đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương (DDCI) thành phố Hải Phòng năm 2024.

Nhóm nghiên cứu xin trân trọng cảm ơn các ý kiến chỉ đạo và sự ủng hộ của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng. Chúng tôi đặc biệt cảm ơn lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ban, ngành, cũng như lãnh đạo tại các địa phương của thành phố đã ủng hộ quá trình triển khai thực hiện đánh giá DDCI.

Nhóm nghiên cứu xin trân trọng cảm ơn lãnh đạo của Cục Thống kê thành phố, nhóm chuyên gia và các cán bộ khảo sát của Cục Thống kê đã trực tiếp tổ chức công việc khảo sát và nhập dữ liệu từ hoạt động điều tra tại từng địa phương. Chúng tôi trân trọng cảm ơn sự nỗ lực của các cán bộ Cục Thống kê và tinh thần trách nhiệm của các điều tra viên để đảm bảo cuộc điều tra được thực hiện khách quan, chất lượng và đúng tiến độ thời gian.

Xin đặc biệt cảm ơn những góp ý quý báu về phương pháp luận từ các chuyên gia Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam gồm ông Đậu Anh Tuấn (Phó Tổng thư ký VCCI - Trưởng ban Pháp chế, VCCI), ông Phạm Ngọc Thạch (Phó Trưởng ban Pháp chế, VCCI), ông Phan Đức Hiếu (Ủy viên Thường trực Ủy ban Kinh tế của Quốc hội khóa XV - Chuyên gia kinh tế) cũng như rất nhiều các chuyên gia khác.

Nhóm nghiên cứu xin trân trọng cảm ơn và ghi nhận những ý kiến đóng góp về nội dung và chuyên môn của nhóm triển khai DDCI, cán bộ các Sở, ban, ngành và địa phương, các Hiệp hội Doanh nghiệp trên địa bàn thành phố, các Hội Doanh nghiệp - Doanh nhân quận, huyện và các cơ quan khác trong quá trình hoàn thiện phương pháp luận và triển khai Kế hoạch.

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	4
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	6
DANH MỤC BẢNG, BIỂU ĐỒ.....	7
CHƯƠNG I: TỔNG QUAN CHUNG	10
1.1. Giới thiệu chung về DDCI Hải Phòng năm 2024	10
1.2. Những điểm mới trong DDCI Hải Phòng năm 2024.....	11
1.3. Quy trình triển khai DDCI Hải Phòng năm 2024.....	13
1.4. Thống kê mẫu khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024.....	15
1.5. Đặc điểm mẫu khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024.....	18
1.6. Những khó khăn trong quá trình triển khai DDCI Hải Phòng	19
CHƯƠNG II: CẢM NHẬN VỀ MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, KINH DOANH.....	21
2.1. Tình hình và triển vọng kinh doanh.....	21
2.2. Đánh giá chung về khả năng tiếp cận đất đai.....	22
2.3. Đánh giá chung về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững	23
2.4. Ảnh hưởng của siêu bão Yagi.....	25
CHƯƠNG III: KẾT QUẢ DDCI CẤP SỞ, BAN, NGÀNH	27
3.1. Kết quả và xếp hạng	27
3.2. Sự thay đổi kết quả DDCI.....	28
3.3. Kết quả DDCI cấp Sở, ban, ngành theo chỉ số thành phần.....	29
3.4. Kết quả DDCI theo Sở, ban, ngành.....	41
CHƯƠNG IV: KẾT QUẢ DDCI CẤP ĐỊA PHƯƠNG.....	63
4.1. Kết quả và xếp hạng	63
4.2. Sự thay đổi kết quả DDCI.....	64
4.3. Kết quả DDCI cấp địa phương theo chỉ số thành phần.....	65
4.4. Kết quả DDCI theo địa phương.....	76
CHƯƠNG V: TỔNG KẾT VÀ ĐỀ XUẤT	91
5.1. Tổng kết	91
5.2. Đề xuất	92
TÀI LIỆU THAM KHẢO	94
PHỤ LỤC.....	96

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BHXH	Bảo hiểm xã hội
BQL KKT	Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng
CCHC	Cải cách hành chính
CNTT	Công nghệ thông tin
CSTP	Chỉ số thành phần
DDCI	Department and District Competitiveness Index (Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương)
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
DN	Doanh nghiệp
DNNVV	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
GD&ĐT	Giáo dục & Đào tạo
GTVT	Giao thông vận tải
HKD	Hộ kinh doanh
HTX	Hợp tác xã
KH&CN	Khoa học & Công nghệ
KH&ĐT	Kế hoạch và Đầu tư
LĐ-TB&XH	Lao động - Thương binh & Xã hội
NN&PTNT	Nông thôn & Phát triển nông thôn
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PCI	Provincial Competitiveness Index (Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh)
QLNN	Quản lý nhà nước
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TTHC	Thủ tục hành chính
UBND	Ủy ban nhân dân
VBQPPL	Văn bản quy phạm pháp luật
VCCI	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
VH&TT	Văn hóa và Thể thao

DANH MỤC BẢNG, BIỂU ĐỒ

Bảng 1.1. Phiếu khảo sát DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2024.....	16
Bảng 1.2. Phiếu khảo sát DDCI cấp địa phương năm 2024.....	17
Biểu đồ 1.1. Tỷ lệ DN/HTX theo lĩnh vực trong DDCI cấp Sở, ban, ngành.....	18
Biểu đồ 1.2. Tỷ lệ HKD theo lĩnh vực trong DDCI cấp địa phương.....	19
Biểu đồ 2.1. Tình hình kinh doanh của DN/HTX/HKD năm 2024.....	21
Biểu đồ 2.2. Triển vọng kinh doanh của các DN/HTX/HKD.....	22
Biểu đồ 2.3. Mức độ tiếp cận đất đai của DN/HTX/HKD năm 2024.....	23
Biểu đồ 2.4. Điểm số chỉ số tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.....	23
Biểu đồ 2.5. Điểm số chỉ số tăng trưởng xanh và bền vững.....	24
Biểu đồ 2.6. Mức độ ảnh hưởng của siêu bão Yagi.....	25
Biểu đồ 3.1. Kết quả DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2024.....	27
Biểu đồ 3.2. Mức thay đổi điểm số DDCI của các Sở, ban, ngành năm 2023-2024.....	28
Biểu đồ 3.3. Điểm số CSTP thực hiện TTHC.....	29
Biểu đồ 3.4. Sự thay đổi điểm số của CSTP thực hiện TTHC các Sở, ban, ngành năm 2023-2024.....	30
Biểu đồ 3.5. Điểm số CSTP tính minh bạch và ứng dụng CNTT.....	31
Biểu đồ 3.6. Sự thay đổi điểm số của CSTP tính minh bạch và ứng dụng CNTT của các Sở, ban, ngành năm 2023-2024.....	32
Biểu đồ 3.7. Điểm số của CSTP tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành.....	33
Biểu đồ 3.8. Mức thay đổi điểm số của chỉ số tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành năm 2023-2024.....	33
Biểu đồ 3.9. Điểm số CSTP chi phí thời gian.....	34
Biểu đồ 3.10. Sự thay đổi điểm số của CSTP chi phí thời gian của các Sở, ban, ngành năm 2023-2024.....	35
Biểu đồ 3.11. Điểm số CSTP chi phí không chính thức.....	36
Biểu đồ 3.12. Mức thay đổi điểm số CSTP chi phí không chính thức trong năm 2023-2024.....	36
Biểu đồ 3.13. Điểm số CSTP cạnh tranh bình đẳng.....	37
Biểu đồ 3.14. Mức thay đổi điểm số chỉ số cạnh tranh bình đẳng của các Sở, ban, ngành năm 2023-2024.....	38
Biểu đồ 3.15. Điểm số CSTP hỗ trợ SXKD.....	39
Biểu đồ 3.16. Mức thay đổi điểm số chỉ số hỗ trợ SXKD của các Sở, ban, ngành năm 2023-2024.....	39
Biểu đồ 3.17. Điểm số CSTP hiệu lực thiết chế.....	40
Biểu đồ 3.18. Mức thay đổi điểm số chỉ số hiệu lực thiết chế các Sở, ban, ngành năm 2023-2024.....	41
Biểu đồ 3.19. Điểm số các CSTP của BQL KKT.....	41
Biểu đồ 3.20. Điểm số các CSTP của BHXH TP.....	42
Biểu đồ 3.21. Điểm số các CSTP của Công an TP.....	43
Biểu đồ 3.22. Điểm số các CSTP của Sở Công Thương.....	44
Biểu đồ 3.23. Điểm số các CSTP của Sở Du lịch.....	45
Biểu đồ 3.24. Điểm số các CSTP của Sở GTVT.....	46
Biểu đồ 3.25. Điểm số các CSTP của Sở GD&ĐT.....	47
Biểu đồ 3.26. Điểm số các CSTP của Cục HQ TP.....	48
Biểu đồ 3.27. Điểm số các CSTP của Sở KH&ĐT.....	49
Biểu đồ 3.28. Điểm số các CSTP của Sở KH&CN.....	50
Biểu đồ 3.29. Điểm số các CSTP của Sở LĐ-TB&XH.....	51
Biểu đồ 3.30. Điểm số CSTP của NHNN - HP.....	52
Biểu đồ 3.31. Điểm số CSTP của Sở NN&PTNT.....	53
Biểu đồ 3.32. Điểm số CSTP của Sở Tài chính.....	54
Biểu đồ 3.33. Điểm số CSTP của Sở TN&MT.....	55
Biểu đồ 3.34. Điểm số CSTP của Sở TT&TT.....	56
Biểu đồ 3.35. Điểm số CSTP của Cục Thuế TP.....	56

Biểu đồ 3.36. Điểm số CSTP của Sở Tư pháp.....	57
Biểu đồ 3.37. Điểm số CSTP của Sở VH&TT.....	58
Biểu đồ 3.38. Điểm số CSTP của Sở XD.....	59
Biểu đồ 3.39. Điểm số CSTP của Sở Y tế.....	60
Biểu đồ 4.1. Kết quả DDCI cấp địa phương năm 2024	63
Bản đồ 4.1. Bản đồ phân phối điểm DDCI cấp địa phương năm 2024.....	64
Biểu đồ 4.2. Mức thay đổi điểm số DDCI của các địa phương năm 2023-2024	65
Biểu đồ 4.3. Điểm số CSTP quy trình thực hiện TTHC	65
Biểu đồ 4.4. Mức thay đổi điểm số CSTP thực hiện TTHC của các địa phương năm 2023-2024	66
Biểu đồ 4.5. Điểm số CSTP tính minh bạch và ứng dụng CNTT	67
Biểu đồ 4.6. Mức thay đổi điểm số của chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT năm 2023-2024...	67
Biểu đồ 4.7. Điểm số của CSTP tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương.....	68
Biểu đồ 4.8. Mức thay đổi điểm số của chỉ số tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương năm 2023-2024	69
Biểu đồ 4.9. Điểm số CSTP chi phí thời gian	70
Biểu đồ 4.10. Mức thay đổi điểm số CSTP chi phí thời gian năm 2023-2024	70
Biểu đồ 4.11. Điểm số CSTP chi phí không chính thức.....	71
Biểu đồ 4.12. Sự thay đổi điểm số của chỉ số chi phí không chính thức năm 2023-2024	72
Biểu đồ 4.13. Điểm số CSTP cạnh tranh bình đẳng.....	72
Biểu đồ 4.14. Mức thay đổi điểm số CSTP cạnh tranh bình đẳng năm 2023-2024.....	73
Biểu đồ 4.15. Điểm số CSTP hỗ trợ SXKD.....	74
Biểu đồ 4.16. Mức thay đổi điểm số CSTP hỗ trợ SXKD năm 2023-2024	74
Biểu đồ 4.17. Điểm số CSTP hiệu lực thiết chế và ANTT.....	75
Biểu đồ 4.18. Mức thay đổi điểm số của chỉ số hiệu lực thiết chế và ANTT năm 2023-2024	75
Biểu đồ 4.19. Điểm số các CSTP của huyện An Dương.....	76
Biểu đồ 4.20. Điểm số CSTP của huyện An Lão	77
Biểu đồ 4.21. Điểm số các CSTP của huyện Cát Hải	78
Biểu đồ 4.22. Điểm số các CSTP của quận Dương Kinh.....	79
Biểu đồ 4.23. Điểm số các CSTP của quận Đồ Sơn	80
Biểu đồ 4.24. Điểm số CSTP của quận Hải An.....	81
Biểu đồ 4.25. Điểm số các CSTP của quận Hồng Bàng	82
Biểu đồ 4.26. Điểm số các CSTP của quận Kiến An	83
Biểu đồ 4.27. Điểm số các CSTP của huyện Kiến Thụy.....	84
Biểu đồ 4.28. Điểm số các CSTP của quận Lê Chân.....	85
Biểu đồ 4.29. Điểm số CSTP của quận Ngô Quyền	86
Biểu đồ 4.30. Điểm số các CSTP của huyện Thủy Nguyên.....	87
Biểu đồ 4.31. Điểm số các CSTP của huyện Tiên Lãng	88
Biểu đồ 4.32. Điểm số các CSTP của huyện Vĩnh Bảo	89



DDCI
HẢI PHÒNG

CHƯƠNG I

Tổng quan chung





CHƯƠNG I. TỔNG QUAN CHUNG

1.1. Giới thiệu chung về DDCI Hải Phòng năm 2024

Nâng cao năng lực cạnh tranh, cải cách môi trường kinh doanh luôn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Chính phủ trong công cuộc đổi mới và phát triển đất nước. Là một trong những cực tăng trưởng của cả nước, thành phố Hải Phòng đã có nhiều nỗ lực để cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nhằm phát triển kinh tế, thu hút đầu tư trong và ngoài nước. Trong Chỉ thị số 15/CT-UBND ngày 03/06/2020 của UBND thành phố Hải Phòng về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2021-2025 đã nhấn mạnh các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu: “Cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy khởi nghiệp, sáng tạo, tham gia hiệu quả vào cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu”; Chương trình hành động số 02-CTr/TU ngày 25/12/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố thực hiện Nghị quyết Đại hội XVI Đảng bộ thành phố đã nêu mục tiêu: “Môi trường đầu tư, kinh doanh tiếp tục được cải thiện, phần đầu Hải Phòng luôn là một trong 10 địa phương đạt thứ hạng cao nhất về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)”. Một trong những sáng kiến và nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh, đầu tư của thành phố là triển khai khảo sát DDCI Hải Phòng liên tục 5 năm từ năm 2020-2024, nhằm đánh giá chất lượng quản lý, điều hành của các Sở, ban, ngành và quận, huyện thông qua cảm nhận của cộng đồng DN/HTX/HKD.

Phương pháp luận DDCI đều thực hiện hiệu chỉnh từng năm để hoàn thiện và phù hợp với thực tế cũng như cập nhật theo phương pháp luận mới của PCI. DDCI Hải Phòng năm 2024 tiếp tục tập hợp các đánh giá về cảm nhận của các cơ sở sản xuất kinh doanh, cụ thể là các DN/HTX/HKD về công tác điều hành kinh tế của các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện và lãnh đạo các cơ quan đó một cách hệ thống. Thông qua kết quả trên, các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện sẽ có những đánh giá, điều chỉnh thích hợp để cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh theo lĩnh vực và địa phương. Mục tiêu cuối cùng chính là mang lại lợi ích cho các DN/HTX/HKD và nhà đầu tư, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, minh bạch hơn, tăng niềm tin vào hệ thống chính quyền và tăng động lực phát triển kinh tế tại Hải Phòng. Tiếp nối chủ đề của các năm trước, DDCI Hải Phòng năm 2024 với chủ đề **“Hải Phòng - Tăng tốc và bứt phá”** tiếp tục thể hiện tinh thần cải cách mạnh mẽ và sự quyết tâm của thành phố Hải Phòng trong năm 2024, 2025 để hoàn thành mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025.

Mục tiêu tổng quát: Triển khai DDCI để thúc đẩy cải thiện chất lượng quản lý, điều hành kinh tế của các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện tại thành phố, tạo động lực cải cách liên tục và đồng bộ giữa các ngành, các cấp nhằm tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, thông thoáng, minh bạch tại thành phố Hải Phòng.

Mục tiêu cụ thể:

- DDCI nhằm mục tiêu xây dựng hình ảnh thân thiện và cầu thị của chính quyền cấp thành phố và cấp địa phương đối với các DN/HTX/HKD. Đây là hoạt động góp phần thực hiện yêu cầu của Chính phủ là chuyển từ chính quyền quản lý sang xây dựng chính quyền phục vụ.

- DDCI cung cấp cho lãnh đạo thành phố một công cụ hiệu quả để giám sát và chỉ đạo cải thiện chất lượng điều hành đối với các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện. Phản hồi của các DN/HTX/HKD qua điều tra DDCI cung cấp những thông tin chân thực, khách quan về quá trình thực hiện thủ tục hành chính và làm việc với các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện. Đây là nguồn thông tin tham khảo độc lập, khách quan đối với lãnh đạo các cơ quan để chỉ đạo kịp thời nhằm cải thiện chất lượng hoạt động.
- DDCI giúp lãnh đạo thành phố xác định được những thực tiễn tốt trong cải cách hành chính tại các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, từ đó nhân rộng ra các đơn vị khác. Đây cũng là cách để khích lệ và phát huy sự năng động, sáng tạo của cán bộ công chức các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện trong thực hiện chỉ đạo của lãnh đạo thành phố về nâng cao chất lượng điều hành và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.
- DDCI hỗ trợ lãnh đạo các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện cải thiện hiệu quả hoạt động của đơn vị mình. Kết quả điều tra DDCI giúp lãnh đạo các cơ quan đó nhận diện rõ những điểm mạnh cần phát huy và những hạn chế cần khắc phục trong hoạt động của mỗi cơ quan trong diện đánh giá. Từ đó, lãnh đạo các cơ quan có thể xác định trọng tâm cải cách, lựa chọn và triển khai các giải pháp phù hợp thực tế và kịp thời.
- DDCI hướng tới tạo sự cạnh tranh, thi đua lành mạnh giữa các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện trong việc cải thiện mức độ hài lòng của nhà đầu tư, DN/HTX/HKD trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính tại mỗi cơ quan, từ đó góp phần vào nỗ lực chung của chính quyền thành phố trong việc tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi cho nhà đầu tư, DN/HTX/HKD.
- DDCI nhằm tạo ra kênh thông tin phản hồi rộng rãi, minh bạch và tin cậy để nhà đầu tư, DN/HTX/HKD tham gia đóng góp ý kiến đối với chính quyền địa phương và các Sở, ban, ngành trong việc nâng cao chất lượng điều hành và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh trên địa bàn thành phố. Việc triển khai DDCI sẽ giúp nắm bắt, thu thập thường xuyên các khó khăn, vướng mắc của các DN/HTX/HKD tại địa phương, phản ánh kịp thời tới các cơ quan nhà nước có liên quan tại thành phố để có giải pháp xử lý nhanh chóng và hiệu quả.

1.2. Những điểm mới trong DDCI Hải Phòng năm 2024

a. Điều chỉnh phạm vi khảo sát, điều tra

Năm 2023, DDCI đã bổ sung phạm vi khảo sát, điều tra, đưa Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - Chi nhánh Duyên hải Bắc Bộ, Liên minh Hợp tác xã thành phố, các Hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn thành phố, Hội Doanh nghiệp, doanh nhân các quận, huyện là đối tượng khảo sát. Bởi vì, các đối tượng này đại diện cho các doanh nghiệp thành viên, do vậy có thể đánh giá được tất cả các Sở, ban, ngành, địa phương.

Khi triển khai thực tế, mức độ tham gia của các cơ quan đại diện cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh còn rất thấp, chưa thể hiện được vai trò của mình trong phối hợp triển khai, nhất là trong quá trình khảo sát, lấy ý kiến từ các hiệp hội. Năm 2023, phiếu khảo sát DDCI Hải Phòng đã gửi tới 21 cơ quan đại diện Hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề thành phố. Tuy nhiên, mặc dù đã liên hệ và đôn đốc nhiều lần nhưng đơn vị tư vấn chỉ nhận về 01 phiếu đánh giá của Hiệp hội Vận tải Hải Phòng. Như vậy, việc thực hiện khảo sát các Hiệp hội doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề thành phố không hiệu quả.

Với thực tế như vậy, đánh giá DDCI 2024 đã loại bỏ đối tượng Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - Chi nhánh Duyên hải Bắc Bộ, Liên minh Hợp tác xã thành phố, các Hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn thành phố, Hội Doanh nghiệp, doanh nhân các quận, huyện ra khỏi đối tượng khảo sát.

b. Mở rộng thu thập dữ liệu về đối tượng cơ sở sản xuất kinh doanh trong khảo sát

DDCI 2024 mở rộng thu thập dữ liệu về đối tượng cơ sở sản xuất kinh doanh trong khảo sát, bao gồm: các cơ sở sản xuất kinh doanh tham dự hội nghị đối thoại doanh nghiệp; các cơ sở sản xuất kinh doanh được hỗ trợ theo các chương trình hỗ trợ của Sở, ban, ngành và địa phương. Việc mở rộng thu thập dữ liệu này nhằm nâng cao và hoàn thiện phương pháp luận DDCI.

c. Cải tiến và hoàn thiện chỉ số thành phần

Trong quá trình nghiên cứu phương pháp luận PCI 2021 và thực tế rút kinh nghiệm triển khai thực hiện DDCI giai đoạn 2020-2023, đơn vị tư vấn đã rà soát, loại bỏ những chỉ tiêu không còn phù hợp nhưng cơ bản vẫn giữ những chỉ tiêu và CSTP cơ bản. Bộ chỉ số DDCI Hải Phòng năm 2024 vừa phản ánh kịp thời nhịp độ cải cách của các cơ quan tại thành phố, với các chỉ tiêu phù hợp, đo lường được chất lượng quản lý, điều hành vừa phải giữ được tính ổn định qua thời gian, để làm cơ sở so sánh cho các cơ quan đánh giá chính xác những thay đổi, biến động về chất lượng điều hành kinh tế và kiểm nghiệm mối liên hệ với hiệu quả kinh doanh của DN/HTX/HKD.

Cụ thể bao gồm:

- Điều chỉnh tên chỉ số thành phần “Quy trình thực hiện TTHC” thành “*Thực hiện thủ tục hành chính*” để phù hợp với các chỉ tiêu thành phần tương ứng, tập trung đánh giá các khía cạnh hỗ trợ quá trình thực hiện TTHC, trong khi quy trình thực hiện TTHC được triển khai theo quy định của Nhà nước.

- Bổ sung thêm chỉ số “Tăng trưởng xanh, phát triển bền vững” gồm 3 chỉ tiêu nhưng không đưa vào tính điểm ở các Sở, ban, ngành và địa phương. Theo xu thế hiện tại về phát triển xanh bền vững, Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 của Chính phủ; đồng thời VCCI đã xây dựng và công bố chỉ số xanh (PGI) năm 2023, để chuẩn bị tốt cho việc thực hiện chỉ số xanh, đơn vị tư vấn đề xuất bổ sung một chỉ số thành phần trong phiếu khảo sát về chỉ số xanh mang tính chất thí điểm để cung cấp thêm thông tin. Chỉ số thành phần này không đưa vào tính điểm nhưng sẽ cung cấp một khía cạnh chi tiết về chỉ số xanh tại thành phố Hải Phòng và được phân tích trong một phần của báo cáo DDCI Hải Phòng.

- Điều chỉnh và bổ sung các chỉ tiêu ở một số chỉ số thành phần của khối Sở, ban, ngành và địa phương:

+ Chỉ số thành phần “Thực hiện TTHC”: Bổ chỉ tiêu 1.1 “*Tổng thời gian DN/HTX dành cho việc tìm hiểu thông tin về trình tự, thủ tục hành chính*” theo ý kiến đóng góp của các cơ quan, do các TTHC có mức độ phức tạp khác nhau nên thời gian tìm hiểu sẽ khác nhau.

+ Chỉ số thành phần “Tính minh bạch và ứng dụng công nghệ thông tin”: Bổ chỉ tiêu 2.5 “*Mức độ minh bạch thông tin khi ứng dụng CNTT để DN/HTX tra cứu tình trạng và tiến độ xử lý hồ sơ*” và chỉ tiêu 2.6 “*Mức độ thực hiện TTHC trực tuyến/ứng dụng phương thức mới của DN/HTX khi thực hiện TTHC*” theo các ý kiến góp ý của các cơ quan, do mức độ thực hiện CNTT, dịch vụ công trực tuyến ở các cơ quan khác nhau, các chỉ tiêu về hiệu quả thực hiện dịch vụ công trực tuyến có thể đánh giá thông qua các chỉ tiêu ở chỉ số “Chi phí thời gian”.

+ Chỉ số thành phần “Tính năng động của các cơ quan chính quyền”: Bổ chỉ tiêu 3.9 “*Mức độ tin tưởng và ủng hộ đối với lãnh đạo trong quá trình điều hành, cải thiện môi trường kinh doanh*” theo ý kiến đóng góp của các cơ quan, do có thể đánh giá từ các chỉ tiêu khác.

+ Chỉ số thành phần “Chi phí thời gian”: Điều chỉnh 2 chỉ tiêu 4.7 “*Chất lượng của các hoạt động thanh tra, kiểm tra*” và 4.8 “*Tình trạng các cuộc thanh tra, kiểm tra tạo cơ hội cho cán bộ những nhiều đối với các cơ sở SXKD*” thành chỉ tiêu mới “*Việc thanh tra, kiểm tra ảnh hưởng thế nào đối với hoạt động SXKD của DN/HTX/HKD*”.

+ Chỉ số thành phần “Chi phí không chính thức” Bỏ chỉ tiêu 5.2 “*Mức chi các khoản không chính thức cho cán bộ trong tổng thu nhập của DN/HTX*” và chỉ tiêu 5.3 “*Mức độ công việc được giải quyết khi đã chi khoản chi phí không chính thức*” thay bằng 2 chỉ tiêu mới “*Mức độ phổ biến của chi phí không chính thức khi DN/HTX/HKD bị thanh tra, kiểm tra*” và “*Tác động của chi phí không chính thức đối với quyết định kinh doanh, đầu tư của DN/HTX/HKD*”.

+ Chỉ số thành phần “Hỗ trợ sản xuất kinh doanh”: Bỏ chỉ tiêu 7.3 ở Sở, ban, ngành “*Hiệu quả các chương trình hỗ trợ trong việc nâng cao hoạt động SXKD của DN*” và 6 chỉ tiêu ở địa phương: chỉ tiêu 7.3 “*Hiệu quả thiết kế và thực hiện của các chương trình hỗ trợ khởi sự kinh doanh*”, chỉ tiêu 7.4 “*Hiệu quả thiết kế và thực hiện của các chương trình hỗ trợ các vấn đề về thuế*”, chỉ tiêu 7.5 “*Hiệu quả thiết kế và thực hiện của các chương trình hỗ trợ xúc tiến thương mại, hỗ trợ liên kết, kết nối cung cầu, hỗ trợ tìm kiếm thị trường tiêu thụ, quảng bá sản phẩm*”, chỉ tiêu 7.6 “*Hiệu quả thiết kế và thực hiện của các chương trình hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp và tuyển dụng lao động cho người lao động trên địa bàn*”, chỉ tiêu 7.7 “*Hiệu quả thiết kế và thực hiện của các chương trình hỗ trợ về vốn vay ưu đãi, tín dụng sản xuất kinh doanh*”, chỉ tiêu 7.8 “*Hiệu quả thiết kế và thực hiện của công tác thi đua, khen thưởng đối với các cơ sở SXKD khi thành tích xuất sắc trong sản xuất kinh doanh, đóng góp cho xã hội, cộng đồng*”. Bổ sung 3 chỉ tiêu mới “*Hiệu quả của các chương trình hỗ trợ về gia nhập thị trường, và nâng cao hoạt động SXKD của DN/HTX/HKD*”, “*Tác động của các chương trình hỗ trợ về kết nối DN/HTX/HKD với thị trường, chuỗi cung ứng*”, “*Tác động của các chương trình hỗ trợ về kết nối DN/HTX/HKD với nhà cung cấp dịch vụ kinh doanh, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp*”.

+ Chỉ số thành phần “Hiệu lực thiết chế”: Bỏ chỉ tiêu 8.4 “*Hiệu quả của hoạt động tiếp DN, HTX, HKD*” và chỉ tiêu 8.5 “*Tính minh bạch và công bằng của cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo*”. Bổ sung chỉ tiêu “*Hiệu quả giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của DN/HTX*”.

Như vậy sau khi rà soát, điều chỉnh, bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh đối với khối Sở, ban, ngành gồm 08 chỉ số thành phần với 46 chỉ tiêu; bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh đối với khối địa phương gồm 08 chỉ số thành phần với 67 chỉ tiêu.

d. Bổ sung câu hỏi về ảnh hưởng của bão Yagi

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, để kịp thời nắm bắt tình hình của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn thành phố, đơn vị tư vấn đã bổ sung 02 câu hỏi liên quan đến tác động của bão Yagi đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong Phần A - Thông tin chung trên Phiếu khảo sát A (dành cho khối Sở, ban, ngành) và Phiếu khảo sát B (dành cho khối địa phương).

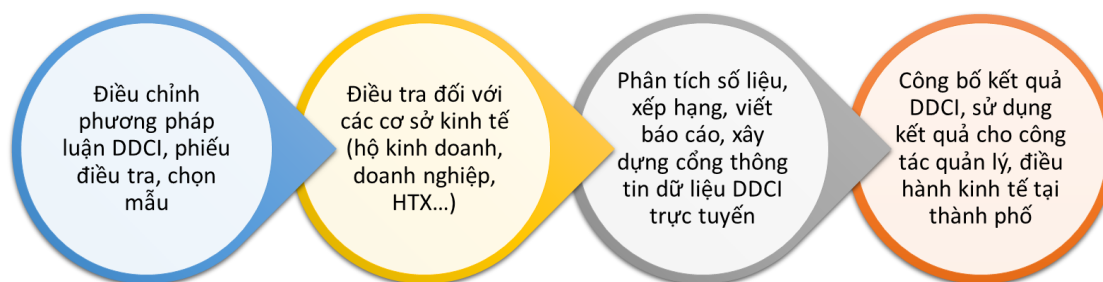
e. Tách vai trò thực hiện giám sát quá trình khảo sát DDCI

Giai đoạn 2020-2023, đơn vị tư vấn thực hiện vai trò giám sát đơn vị khảo sát DDCI (Cục Thống kê Hải Phòng). Sau quá trình nghiên cứu việc thực hiện qua 4 năm đánh giá, đồng thời để ngày càng hoàn thiện phương pháp luận DDCI của thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất tách vai trò thực hiện giám sát quá trình khảo sát DDCI độc lập với hoạt động của tư vấn.

1.3. Quy trình triển khai DDCI Hải Phòng năm 2024

1.3.1. Quy trình triển khai DDCI Hải Phòng năm 2024

Quy trình triển khai DDCI Hải Phòng năm 2024 được chia thành bốn bước chính như sau:



Bước 1: Điều chỉnh Phương pháp luận DDCI và phiếu điều tra: Việc hiệu chỉnh phương pháp luận chỉ số DDCI Hải Phòng năm 2024 dựa trên việc nghiên cứu tình hình thực tiễn, rút kinh nghiệm từ phương pháp luận PCI, việc xây dựng phương pháp luận và quá trình triển khai điều tra, khảo sát, kết quả phân tích DDCI Hải Phòng năm 2020-2023. Việc hiệu chỉnh phương pháp luận chỉ số DDCI Hải Phòng năm 2024 đồng thời với việc hiệu chỉnh lại các công cụ khảo sát và phân tích, xử lý dữ liệu.

Bước 2: Tiến hành điều tra đối với các cơ sở kinh tế (DN/HTX/HKD): DDCI Hải Phòng năm 2024 khảo sát các DN/HTX/HKD thông qua khảo sát trực tuyến và trực tiếp. Các phiếu thu về được rà soát, giám sát nhằm đảm bảo chất lượng phiếu trả lời, sau đó được làm sạch, phê duyệt và nhập liệu vào hệ thống xử lý dữ liệu.

Bước 3: Phân tích số liệu và xây dựng báo cáo xếp hạng: Đơn vị tư vấn thực hiện tổng hợp, phân tích, đánh giá dữ liệu khảo sát, điều tra DDCI Hải Phòng năm 2024, tính toán điểm số và xếp hạng các Sở, ban, ngành, UBND các quận, huyện, từ đó xây dựng báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt về DDCI Hải Phòng năm 2024.

Bước 4: Phê duyệt và công bố kết quả đánh giá DDCI: Căn cứ văn bản trình duyệt của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND thành phố phê duyệt và tổ chức công bố kết quả điểm số, xếp hạng và Báo cáo kết quả đánh giá DDCI Hải Phòng năm 2024. Sau đó, đơn vị tư vấn thực hiện chia sẻ dữ liệu thống kê, báo cáo phân tích, đánh giá, kết quả điểm số và xếp hạng DDCI Hải Phòng năm 2024 trên môi trường Internet.

1.3.2. Đối tượng tham gia khảo sát

a. DDCI cấp Sở, ban, ngành

Đối tượng trả lời phiếu khảo sát DDCI cấp Sở, ban, ngành của Hải Phòng năm 2024 chủ yếu là DN, HTX và một số ít chi nhánh và văn phòng đại diện trực thuộc doanh nghiệp của các tỉnh, thành phố khác trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Trong một số trường hợp, các HKD có thể lựa chọn tham gia đánh giá phiếu khảo sát DDCI cấp Sở, ban, ngành khi các HKD đó thực sự có tương tác về quản lý điều hành hoặc thực hiện TTHC với Sở, ban, ngành. Tuy nhiên, để đảm bảo tính thống nhất, trong các tài liệu về sau sẽ sử dụng thuật ngữ “DN/HTX” để đại diện chung cho các đối tượng đánh giá DDCI cấp Sở, ban, ngành.

b. DDCI cấp địa phương

Đối tượng trả lời phiếu khảo sát DDCI cấp địa phương của Hải Phòng năm 2024 chủ yếu là các HKD. Ngoài ra, các HTX hoặc DN có đăng ký hoặc hoạt động ở quận, huyện và có tương tác với chính quyền địa phương cũng có thể lựa chọn trả lời phiếu khảo sát DDCI cấp địa phương. Tuy nhiên, để đảm bảo tính thống nhất, các tài liệu về sau sẽ sử dụng thuật ngữ “HKD” để đại diện chung cho các đối tượng đánh giá DDCI cấp địa phương.

1.3.3. Đối tượng đánh giá

a. DDCI cấp Sở, ban, ngành

DDCI cấp Sở, ban, ngành của Hải Phòng năm 2024 tiến hành đánh giá 21 Sở, ban, ngành, cụ thể như sau: (1) Sở Kế hoạch và Đầu tư, (2) Sở Tài chính, (3) Sở Tài nguyên và Môi trường, (4) Sở Xây dựng, (5) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, (6) Sở Giao thông Vận tải, (7) Sở Khoa học và Công nghệ, (8) Sở Giáo dục và Đào tạo, (9) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, (10) Sở Công Thương, (11) Sở Tư pháp, (12) Thông tin và Truyền thông, (13) Sở Y tế, (14) Sở Văn hóa và Thể thao, (15) Sở Du lịch, (16) Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, (17) Công an thành phố, (18) Cục Thuế thành phố, (19) Cục Hải quan thành phố, (20) Bảo hiểm xã hội thành phố, (21) Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh thành phố Hải Phòng.

b. DDCI cấp địa phương

DDCI cấp địa phương của Hải Phòng năm 2024 đánh giá chất lượng điều hành của 14 quận, huyện trên địa bàn thành phố gồm: (1) Hồng Bàng, (2) Ngô Quyền, (3) Lê Chân, (4) Kiến An, (5) Hải An, (6) Đồ Sơn, (7) Dương Kinh, (8) An Dương, (9) An Lão, (10) Cát Hải, (11) Kiến Thụy, (12) Thủy Nguyên, (13) Tiên Lãng, (14) Vĩnh Bảo.

1.3.4. Cách thức tiếp cận điều tra

a. Điều tra trực tuyến là phương pháp chủ yếu

DDCI Hải Phòng năm 2024 đẩy mạnh hình thức khảo sát trực tuyến trên nền tảng platform đối với nhóm đối tượng chủ yếu là các DN/HTX ở phiếu Sở, ban, ngành.

b. Kết hợp khảo sát trực tiếp

Phương pháp phỏng vấn trực tiếp các các DN/HTX/HKD theo danh sách mẫu đã được lựa chọn cũng được kết hợp song song trong điều tra DDCI Hải Phòng năm 2024. Nhóm đối tượng chủ yếu của phương pháp khảo sát trực tiếp là các HKD ở phiếu khảo sát cấp địa phương do khả năng tiếp cận công nghệ hạn chế hơn so với nhóm DN/HTX. Tuy nhiên, hình thức khảo sát trực tuyến vẫn được khuyến khích với các HKD đủ khả năng tham gia.

Năm 2024, tỉ lệ khảo sát trực tuyến trong khảo sát toàn thành phố đạt 70,4%, tỉ lệ khảo sát trực tiếp đạt 29,6%.

1.3.5. Thời gian điều tra

Thời gian điều tra khảo sát: tháng 10-11 năm 2024.

Thời hiệu của các thông tin, dữ liệu về cảm nhận, chấm điểm của DN/HTX/HKD đối với các nội dung được khảo sát là đối với năm 2024.

1.4. Thống kê mẫu khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

DDCI Hải Phòng năm 2024 tiếp tục đánh giá năng lực quản lý, điều hành của 2 nhóm: Sở, ban, ngành và địa phương. Khảo sát năm 2024 nhận được sự quan tâm của các đơn vị với số lượng phiếu thu về 2.507 phiếu, trong đó có 1.656 phiếu Sở, ban, ngành và 851 phiếu địa phương.

1.4.1. Mẫu khảo sát DDCI Hải Phòng cấp Sở, ban, ngành

Bảng 1.1. Phiếu khảo sát DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2024

Lĩnh vực	Số phiếu	Tỉ lệ %
BHXH/ BHYT	265	16,00 %
Thuế	211	12,74 %
ĐKKD	150	9,06 %
GTVT	125	7,55 %
Hải quan	110	6,64 %
Công an (LV khác ngoài PCCC)	80	4,83 %
Lao động - TB&XH	75	4,53 %
CA/PCCC	70	4,23 %
NN&PTNT	55	3,32 %
KH&CN	45	2,72 %
Xây dựng	45	2,72 %
Quản lý KCN/KKT	40	2,42 %
TTTT, Viễn thông	40	2,42 %
Đất đai	40	2,42 %
Tài nguyên Môi trường	36	2,17 %
Công Thương	36	2,17 %
Văn hóa, Thể thao	35	2,11 %
Đầu tư	32	1,93 %
Y tế	30	1,81 %
GD&ĐT	30	1,81 %
Tư pháp	30	1,81 %

Lĩnh vực	Số phiếu	Tỉ lệ %
Ngân hàng nhà nước	30	1,81 %
Du lịch	30	1,81 %
Tài chính	16	0,97 %
Tổng	1.656	100%

Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

1.4.2. Mẫu khảo sát DDCI Hải Phòng cấp địa phương

Bảng 1.2. Phiếu khảo sát DDCI cấp địa phương năm 2024

Quận, huyện	Số phiếu	Tỉ lệ %
Huyện Thủy Nguyên	110	12,93 %
Quận Lê Chân	105	12,34 %
Quận Ngô Quyền	80	9,40 %
Huyện Vĩnh Bảo	75	8,81 %
Huyện An Dương	70	8,23 %
Huyện Tiên Lãng	63	7,40 %
Huyện Kiến Thụy	62	7,29 %
Huyện An Lão	51	5,99 %
Quận Kiến An	50	5,88 %
Quận Hồng Bàng	45	5,29 %
Quận Hải An	45	5,29 %
Quận Dương Kinh	35	4,11 %
Huyện Cát Hải	30	3,53 %
Quận Đồ Sơn	30	3,53 %

Quận, huyện	Số phiếu	Tỉ lệ %
Tổng	851	100%

Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

1.5. Đặc điểm mẫu khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

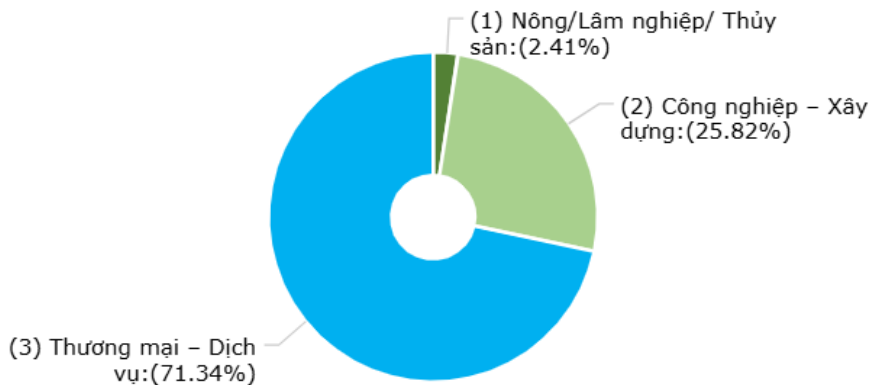
1.5.1. Đặc điểm mẫu khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024 cấp Sở, ban, ngành

DDCI Hải Phòng cấp Sở, ban, ngành được tổng hợp từ 1.656 các cơ sở SXKD. Trong đó, DN khu vực tư nhân trong nước chiếm phần lớn với 69,4%, DN có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 16,27%, DNNN chiếm 3,94% và còn lại 9,7% DN thuộc loại hình khác.

Theo lĩnh vực ngành nghề, thương mại - dịch vụ vẫn là ngành nghề kinh doanh chiếm tỉ trọng lớn nhất trong phân phối mẫu (71,34%), tiếp theo là ngành công nghiệp - xây dựng (25,82%) và nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 2,41%. Tỉ lệ này cũng khá tương đồng với dàn mẫu khảo sát DDCI các năm trước.

Xét theo thời gian thành lập, các DN/HTX tham gia khảo sát được thành lập trong khoảng 2-5 năm gần đây chiếm 19,78%, từ 6-10 năm là 20,51%, từ 11-15 năm là 14,24% và cách đây trên 15 năm là 26,35%. Tỉ lệ DN/HTX mới được thành lập trong vòng 2 năm gần đây là 18,99%.

Biểu đồ 1.1. Tỉ lệ DN/HTX theo lĩnh vực trong DDCI cấp Sở, ban, ngành



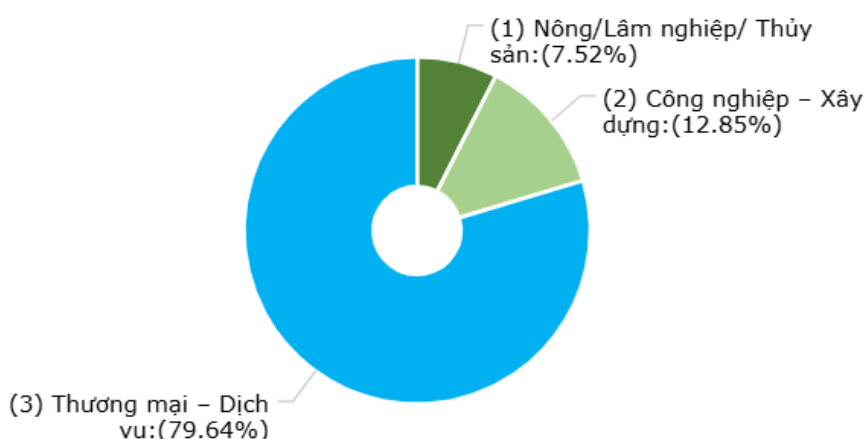
Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

1.5.2. Đặc điểm mẫu khảo sát DDCI cấp địa phương

DDCI cấp địa phương năm 2024 đã khảo sát 851 cơ sở SXKD (chủ yếu là HKD chiếm 98,41%, một số ít là DN chiếm 1,34%, Chi nhánh/VP đại diện chiếm 0,12%) từ 14 quận, huyện trong thành phố. Trong đó, chiếm phần lớn là các HKD hoạt động kinh doanh trên 10 năm (43,36%), HKD hoạt động trong khoảng 6-10 năm là 30,95%, còn lại 25,43% HKD mới thành lập dưới 5 năm.

Xét theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh, chiếm tỉ lệ lớn trong mẫu điều tra là các HKD trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ, chiếm tới 79,64%, tiếp theo là các HKD trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng 12,85%, các HKD trong lĩnh vực nông/lâm nghiệp/thủy sản chiếm 7,52%.

Biểu đồ 1.2. Tỷ lệ HKD theo lĩnh vực trong DDCI cấp địa phương



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

1.6. Những khó khăn trong quá trình triển khai DDCI Hải Phòng

Bước sang năm thứ năm triển khai, DDCI Hải Phòng đã mang lại nhiều tác động tích cực góp phần nâng cao chất lượng điều hành kinh tế và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh. Tuy nhiên, quá trình triển khai DDCI vẫn gặp một số vấn đề khó khăn như sau:

- Hạn chế trong công tác truyền thông: Nhận thức chưa đầy đủ của DN/HTX/HKD do nhiều DN/HTX/HKD chưa hiểu rõ về mục đích và ý nghĩa của khảo sát, dẫn đến sự thờ ơ hoặc ngại khi tham gia. Truyền thông chưa sâu rộng khi công tác truyền thông chưa tiếp cận được đầy đủ các kênh mà DN/HTX/HKD thường xuyên sử dụng.
- Khó khăn trong thu thập dữ liệu: Điều tra viên gặp nhiều khó khăn khi liên hệ với DN/HTX/HKD. Tỷ lệ thay mẫu DN/HTX/HKD khảo sát là khoảng 35%. Nhiều DN/HTX/HKD từ chối tham gia khảo sát do lo ngại về tình trạng lừa đảo khi tham gia khảo sát trực tuyến.
- Danh sách DN/HTX/HKD không đầy đủ hoặc chưa được cập nhật: Danh sách các DN/HTX/HKD thực hiện TTHC và làm việc ở các cơ quan cung cấp còn thiếu nhiều thông tin, chưa đầy đủ và khó tiếp cận, dẫn đến khó khăn trong việc chọn mẫu và tiếp cận DN/HTX/HKD. Năm 2024, danh sách tổng hợp được từ 21 Sở, ban, ngành, địa phương nhưng một số Sở, ban, ngành cung cấp thiếu thông tin (mã số thuế, số điện thoại, địa chỉ) như Sở Tư pháp, Sở LĐ-TB&XH, Sở TN&MT, Cục Hải quan, huyện Tiên Lãng, quận Hải An. Điều này dẫn đến tình trạng thiếu thông tin nên khó tiếp cận với các đơn vị tiềm năng.
- Khó khăn về ứng dụng công nghệ thông tin: Mặc dù khảo sát trực tuyến được triển khai, nhiều DN/HTX/HKD, đặc biệt là các hộ kinh doanh nhỏ, gặp khó khăn khi sử dụng công nghệ. DN/HTX/HKD chưa quen với việc sử dụng nền tảng trực tuyến, dẫn đến tỷ lệ tham gia thấp hoặc sai sót khi điền thông tin.
- Sự phối hợp chưa đồng bộ giữa các cơ quan: Thiếu sự tham gia tích cực của các Sở, ban, ngành và địa phương khi một số cơ quan chưa thực hiện tốt vai trò hỗ trợ như cung cấp danh sách DN hoặc tham gia vào công tác truyền thông.

CHƯƠNG II

Cảm nhận chung về môi trường
đầu tư kinh doanh

DDCI
HẢI PHÒNG





CHƯƠNG II. CẢM NHẬN VỀ MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, KINH DOANH

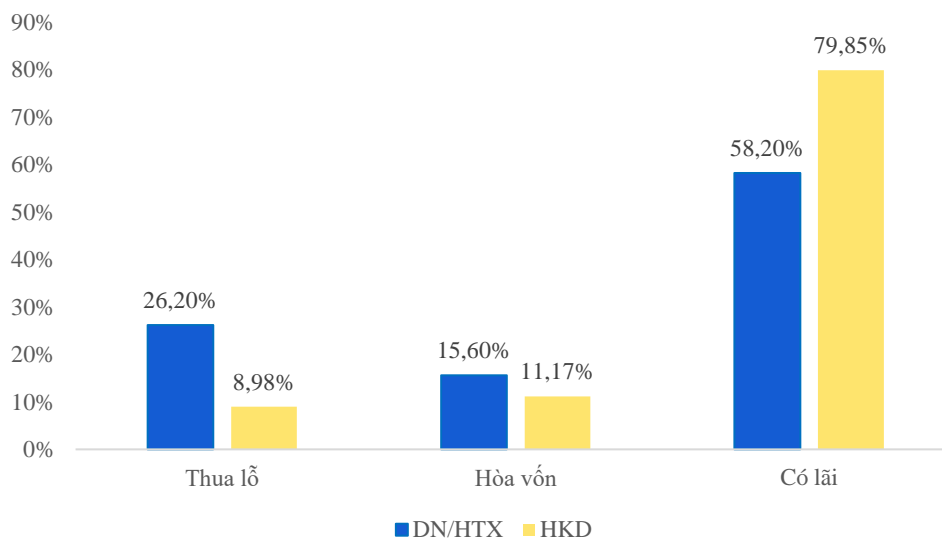
2.1. Tình hình và triển vọng kinh doanh

2.1.1. Tình hình kinh doanh

Bức tranh kinh doanh của cộng đồng sản xuất kinh doanh tại Hải Phòng trong năm 2024 tiếp tục cho thấy sự đan xen giữa các yếu tố tích cực và thách thức. Kết quả khảo sát DDCI phản ánh phần lớn DN/HTX/HKD có kết quả kinh doanh khả quan. Cụ thể, tỷ lệ DN/HTX kinh doanh có lãi đạt 58,20% ở cấp Sở, ban, ngành, trong khi ở cấp địa phương, con số này lên đến 79,85% đối với HKD. Đây là sự cải thiện đáng kể so với giai đoạn 2021-2023, cho thấy năng lực hoạt động của các đơn vị kinh doanh ngày càng được nâng cao nhờ khả năng thích ứng tốt hơn với thị trường và khai thác hiệu quả các chính sách hỗ trợ từ địa phương.

Ngoài ra, tỷ lệ các DN/HTX/HKD đạt mức hòa vốn cũng khá đáng kể, chiếm 15,60% đối với DN/HTX và 11,17% đối với HKD. Tuy nhiên, tỷ lệ thua lỗ vẫn đáng chú ý, với 26,20% DN/HTX hoạt động kém hiệu quả so với chỉ 8,98% ở nhóm HKD. Những con số này cho thấy, mặc dù đã có những tín hiệu lạc quan, tốc độ tăng trưởng của DN/HTX/HKD vẫn còn chậm, cộng đồng kinh doanh tại Hải Phòng tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức cần vượt qua.

Biểu đồ 2.1. Tình hình kinh doanh của DN/HTX/HKD năm 2024



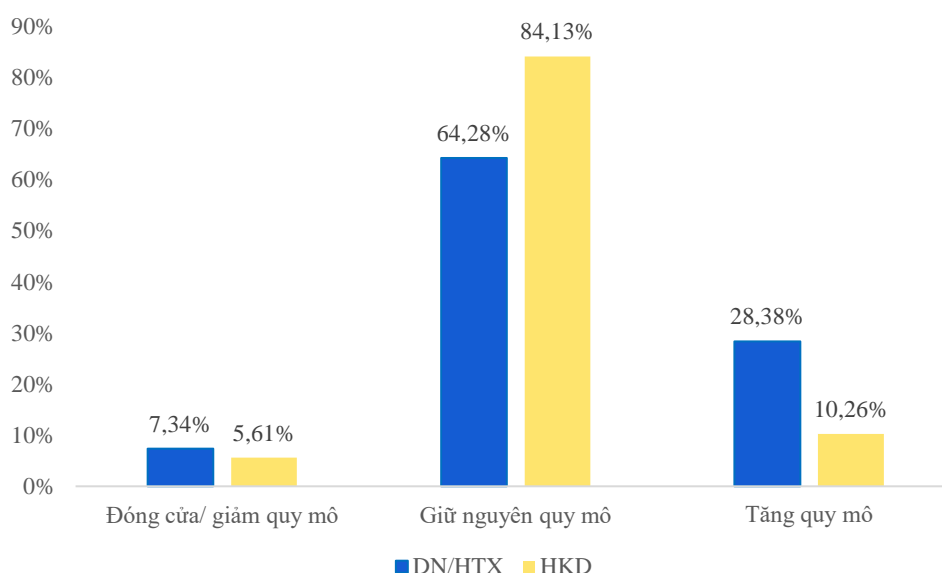
Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

2.1.2. Triển vọng kinh doanh

Mức độ lạc quan và niềm tin của cộng đồng DN/HTX/HKD về triển vọng kinh doanh được thể hiện rõ qua kết quả khảo sát DDCI Hải Phòng 2024. Cụ thể, chỉ có 10,26% HKD và 28,38% DN/HTX dự định mở rộng quy mô kinh doanh, tỷ lệ này có sự tăng trưởng nhẹ so với giai đoạn 2020-2023. Tuy nhiên, đa số các DN/HTX/HKD vẫn duy trì thái độ thận trọng, quyết định giữ nguyên quy mô kinh doanh hiện tại, với 84,13% HKD và 64,28% DN/HTX chọn phương án này. Mặc dù tỷ lệ giảm quy mô hoặc đóng

cửa doanh nghiệp ở các nhóm này khá thấp, lần lượt là 7,34% đối với DN/HTX và 5,61% đối với HKD, song đây vẫn là những chỉ số phản ánh bức tranh kinh tế năm 2024 còn nhiều thử thách. Điều này dự báo rằng trong thời gian tới, các doanh nghiệp sẽ tiếp tục phải đối mặt với nhiều thử thách trong việc duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh.

Biểu đồ 2.2. Triển vọng kinh doanh của các DN/HTX/HKD



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

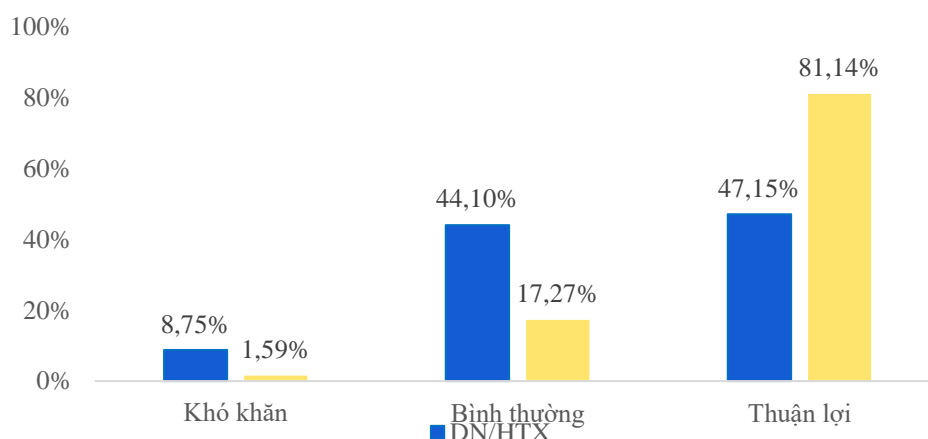
Đánh giá chung về môi trường đầu tư, kinh doanh, phần lớn các DN/HTX/HKD đều đồng ý cho rằng môi trường được cải thiện hơn và chất lượng quản lý điều hành của các cơ quan cũng được nâng lên so với trước đây. Cụ thể, 97,52% HKD và 95,47% DN/HTX cho rằng chất lượng quản lý về kinh tế của chính quyền địa phương hoặc sở, ban, ngành có cải thiện. Bên cạnh việc tập trung phát triển kinh tế - xã hội, các Sở, ban, ngành và quận, huyện cũng đã dành sự quan tâm nhất định đến các vấn đề phát triển bền vững, bao trùm và bảo tồn các giá trị lịch sử, truyền thống.

2.2. Đánh giá chung về khả năng tiếp cận đất đai

Theo thang điểm từ “rất khó tiếp cận” đến “rất dễ tiếp cận” phần lớn các hộ kinh doanh (HKD) đánh giá việc tiếp cận mặt bằng kinh doanh ở mức “thuận lợi” chiếm tới 81,14%, trong khi tỷ lệ này đối với các doanh nghiệp (DN) và hợp tác xã (HTX) chỉ đạt 47,15%. Đặc biệt, tỷ lệ DN/HTX gặp khó khăn trong việc tiếp cận mặt bằng kinh doanh cao hơn so với HKD, với 8,75% DN/HTX cho rằng đây là vấn đề khó khăn, trong khi chỉ có 1,59% HKD phản ánh như vậy. Sự khác biệt này có thể do nhiều hộ kinh doanh sử dụng đất gia đình làm mặt bằng, vì vậy họ ít gặp khó khăn trong việc tiếp cận đất đai và không lo ngại về vấn đề mất mặt bằng. Ngược lại, cả DN/HTX và HKD đều cho rằng việc tiếp cận quỹ đất sạch là một thách thức lớn.

Ngoài ra, vấn đề vướng mắc về đất đai vẫn là một thách thức đáng lưu ý. Một bộ phận nhỏ DN/HTX/HKD phản ánh khó khăn trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến đất đai. Cụ thể, 11,65% HKD và 33,02% DN/HTX cho rằng các vướng mắc đất đai được giải quyết ở mức chấp nhận được, trong khi tỷ lệ DN/HTX và HKD cho rằng các vấn đề này không được giải quyết hoặc chỉ được giải quyết qua loa lần lượt là 4,35% và 2,05%.

Biểu đồ 2.3. Mức độ tiếp cận đất đai của DN/HTX/HKD năm 2024



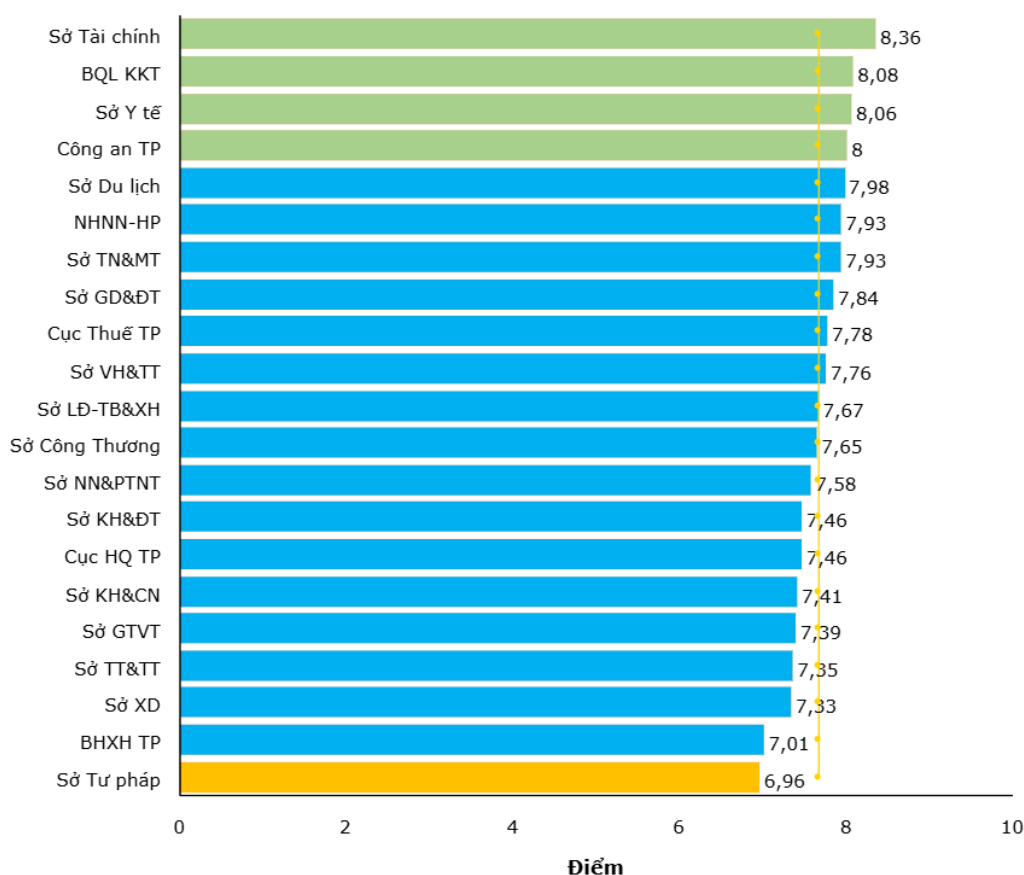
Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Từ những phân tích trên cho thấy việc nâng cao khả năng tiếp cận đất đai rất có ý nghĩa, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh tại thành phố, giải quyết những vấn đề bất cập tồn tại cổ hữu từ lâu nay của công tác quản lý đất đai.

2.3. Đánh giá chung về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững

2.3.1. DDCI cấp Sở, ban, ngành

Biểu đồ 2.4. Điểm số chỉ số tăng trưởng xanh và phát triển bền vững



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

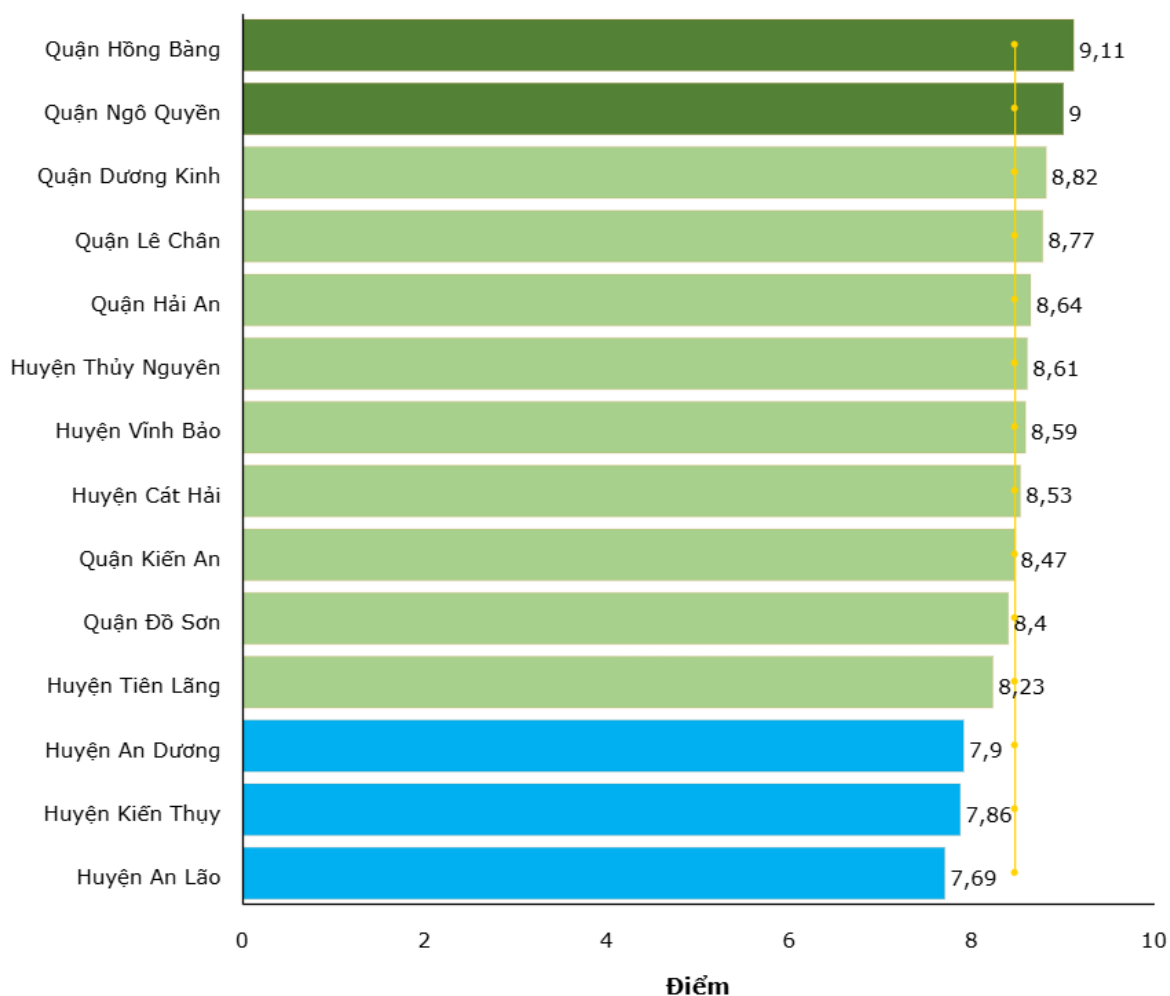
Chỉ số về tăng trưởng xanh và bền vững không đưa vào bảng điểm, xếp hạng chung DDCI mà chỉ đánh giá về việc triển khai các chủ trương, chính sách về phát triển xanh, là cơ sở phân tích riêng theo Sở, ban, ngành và các địa phương, bổ sung cho đánh giá chỉ số PGI của thành phố trong thời gian tới.

Kết quả DDCI ghi nhận mức điểm 7,67 điểm cho CSTP này trung bình chung cho các Sở, ban, ngành. Dưới góc độ DDCI cấp Sở, ban, ngành, CSTP này quan tâm đến việc các Sở, ban, ngành khuyến khích, nâng cao nhận thức, tiên phong, lồng ghép nội dung và hành động để hướng đến một nền kinh tế tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Nhìn chung, khoảng 60% DN/HTX đánh giá các Sở, ban, ngành đã quan tâm đến vấn đề chung của tăng trưởng xanh, có các hành động khuyến khích DN/HTX sản xuất kinh doanh chú ý đến yếu tố môi trường, phát triển bền vững.

Mặc dù vậy, mức độ quan tâm cũng có sự khác biệt đôi chút giữa các Sở, ban, ngành. Một số Sở, ban, ngành được đánh giá cao như Sở Tài chính, BQL KKT, Sở Y tế và Công an TP. Cộng đồng DN/HTX kì vọng cao hơn vào các hành động thiết thực của một số Sở, ban, ngành khác như Sở TT&TT, Sở XD, BHXH TP và Sở Tư pháp, liên quan đến các vấn đề nêu trên.

2.3.2. DDCI cấp địa phương

Biểu đồ 2.5. Điểm số chỉ số tăng trưởng xanh và bền vững



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Thời gian vừa qua, nhiều địa phương tại Hải Phòng đã có những hoạt động, khuyến khích các mô hình kinh doanh quan tâm hơn đến vấn đề môi trường, tăng trưởng xanh và phát triển bền vững. Bám sát các quy định và chủ trương của Trung ương, của thành phố, một số địa phương đã có những quan tâm nhất định đến các vấn đề kể trên.

Kết quả DDCI ghi nhận mức điểm 8,47 điểm trung bình chung cho các địa phương, với quận Hồng Bàng dẫn đầu đạt 9,11 điểm, quận Ngô Quyền đứng thứ 2 với 9 điểm và quận Dương Kinh đạt 8,82 điểm ở vị trí thứ 3. Các địa phương còn lại cần quan tâm hơn nữa tới tăng trưởng xanh trong thực hiện chính sách. Hơn 80% HKD cho biết các địa phương đã tích cực và hiệu quả trong khuyến khích HKD thực hiện các biện pháp, thực tiễn tốt để giảm thiểu tác động môi trường.

Đặc biệt, ở một số địa phương theo ghi nhận ý kiến của các DN/HTX/HKD về vấn đề môi trường. Hoạt động giải phóng mặt bằng gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh như quận Ngô Quyền, huyện Thủy Nguyên. Bên cạnh đó, vấn đề nguồn nước sạch ở huyện Tiên Lãng không đảm bảo tiêu chuẩn cho sinh hoạt và sản xuất kinh doanh đã được phản ánh lên các cơ quan nhưng chưa được giải quyết triệt để, khiến nhiều HKD bức xúc và kiến nghị nhiều lần.

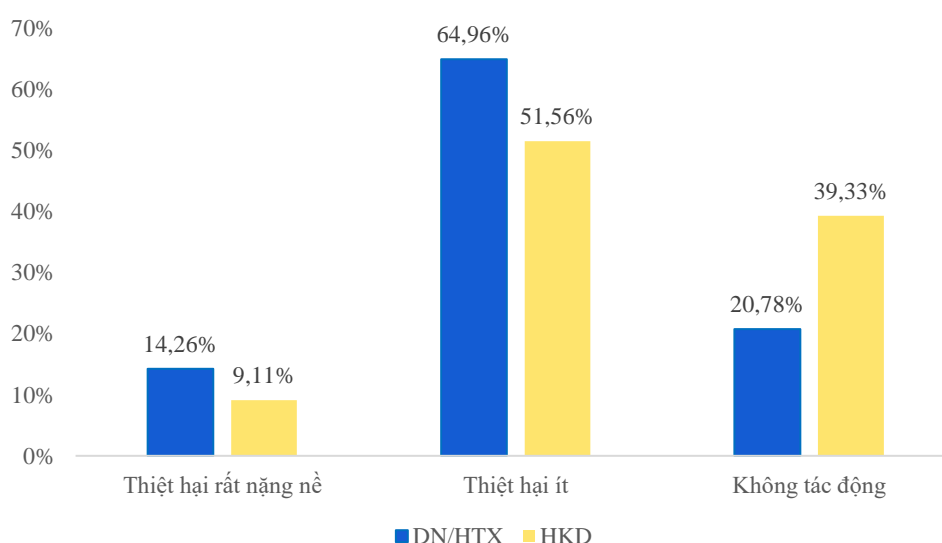
2.4. Ảnh hưởng của siêu bão Yagi

Năm 2024, siêu bão Yagi đã gây ra những tác động lớn đến DN/HTX/HKD ở Hải Phòng. Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn các DN/HTX/HKD đều chịu thiệt hại từ cơn bão; 14,26% DN/HTX chịu thiệt hại rất nặng nề, cao gần gấp đôi so với HKD chỉ chiếm 9,11%; 64,96% DN/HTX và 51,56% HKD ghi nhận mức thiệt hại ít; chỉ có một tỉ lệ thấp không chịu ảnh hưởng (39,33% HKD, 20,78% DN/HTX).

Khắc phục các thiệt hại sau siêu bão Yagi, các cơ quan chính quyền đã nhanh chóng thực hiện các chính sách hỗ trợ SXKD cho các DN/HTX/HKD. Khảo sát DDCI cho thấy hơn 80% DN/HTX/HKD đánh giá các cơ quan đã kịp thời có các biện pháp, chính sách hỗ trợ ổn định SXKD. Tuy vậy vẫn còn khoảng 4% DN/HTX/HKD cho biết các biện pháp hỗ trợ vẫn còn chậm trễ, chưa kịp thời.

Với những thiệt hại tương đối nặng nề, trong thời gian tới, các cơ quan chính quyền thành phố cần có các chính sách hỗ trợ hiệu quả để giúp DN/HTX/HKD khắc phục khó khăn, đặc biệt với những trường hợp thiệt hại nặng nề.

Biểu đồ 2.6. Mức độ ảnh hưởng của siêu bão Yagi



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

CHƯƠNG III

Kết quả DDCI cấp Sở ban ngành

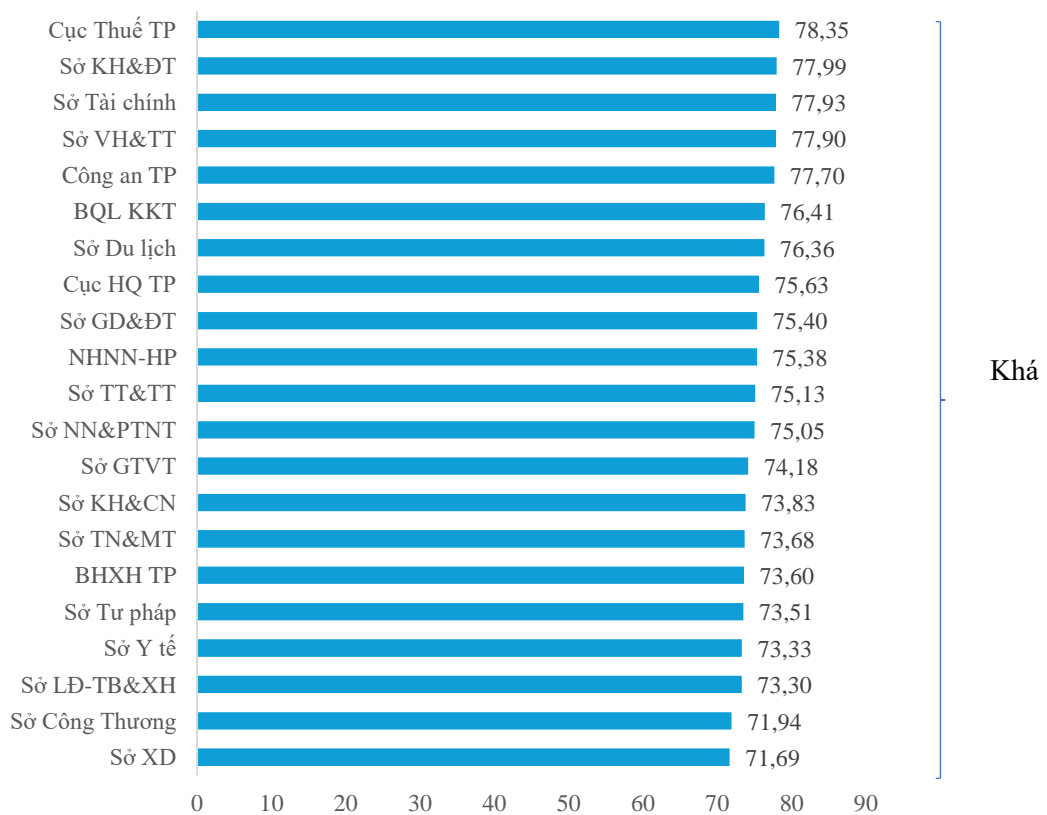
DDCI
HẢI PHÒNG



CHƯƠNG III. KẾT QUẢ DDCI CẤP SỞ BAN NGÀNH

3.1. Kết quả và xếp hạng

Biểu đồ 3.1. Kết quả DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2024



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Với thang điểm tối đa là 100, điểm tổng hợp Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và thứ hạng tương ứng được trình bày tại biểu đồ 3.1. Để nhìn nhận rõ ràng sự khác biệt giữa các sở ban ngành, điểm số tổng hợp chung sẽ được quy về thang điểm 100 điểm. Trong khi đó điểm số các chỉ số thành phần ở thang điểm 10. Điểm số DDCI trung bình chung Sở, ban, ngành năm 2024 là 75,15 điểm, giảm 1,44 điểm so với năm 2023, thuộc mức điểm khá. Cụ thể như sau:

- Cục Thuế đứng thứ nhất với 78,35 điểm. Năm 2024, Cục Thuế được đánh giá cao do thực hiện cải cách thủ tục hành chính mạnh mẽ, áp dụng công nghệ số trong kê khai thuế, hoàn thuế trực tuyến và hỗ trợ DN/HTX sử dụng hóa đơn điện tử. Với phương châm lấy người nộp thuế làm trung tâm phục vụ, Cục Thuế Hải Phòng đang đẩy mạnh cải cách hành chính gồm 147 dịch vụ

công trực tuyến toàn trình và 88 dịch vụ công cung cấp thông tin với 120 dịch vụ công được tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

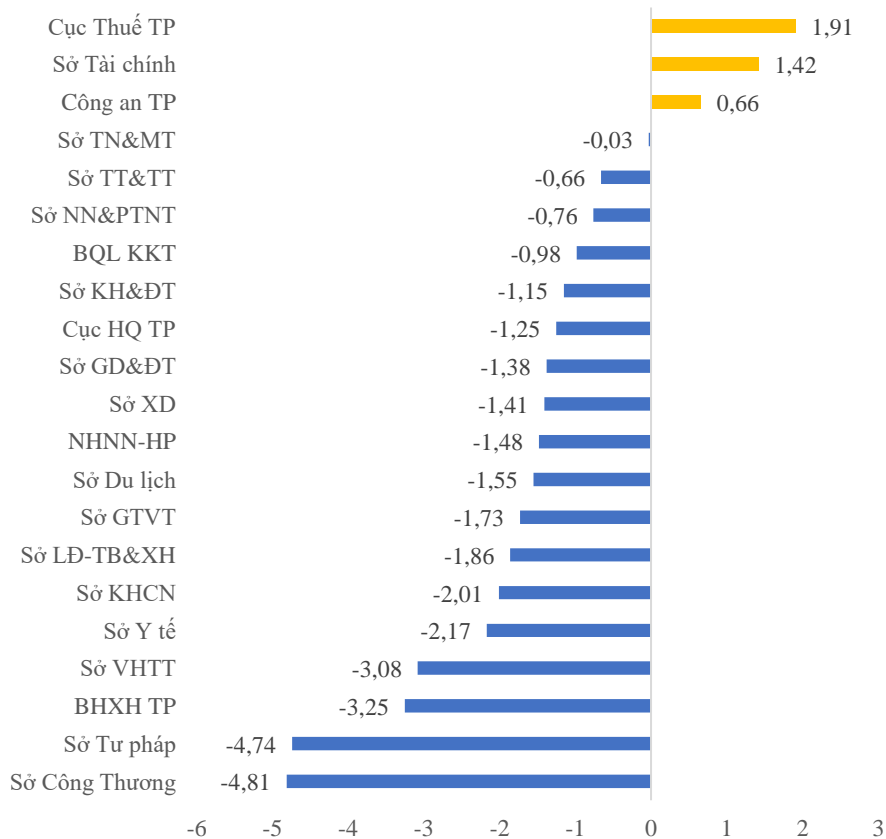
- Các cơ quan nằm trong nhóm 77 điểm gồm: Sở KH&ĐT ở vị trí thứ 2 với 77,99 điểm, Sở Tài chính ở vị trí thứ 3 với 77, 93 điểm, Sở VH&TT với 77,90 điểm ở vị trí thứ 4 và Công an TP đạt 77,70 điểm ở vị trí thứ 5.
- Còn lại là 15 Sở, ban, ngành có mức điểm trong khoảng 71-76 điểm. Trong đó, Sở Công Thương và Sở Xây dựng có điểm số thấp hơn 73 điểm, lần lượt xếp ở vị trí 20 và 21 trên bảng xếp hạng..

Với phân bố điểm trong khoảng 70-78 điểm, các Sở, ban, ngành có sự chênh lệch điểm số không nhiều và rất cạnh tranh trên bảng xếp hạng. Khoảng cách điểm số giữa cơ quan ở vị trí thứ nhất và cuối cùng trong bảng xếp hạng là 6,66 điểm, thu hẹp khoảng cách hơn so với năm 2023 (khoảng cách điểm số năm 2023 là 7,88 điểm).

Theo CSTP, chi phí không chính thức (8,23 điểm), thực hiện TTHC (7,78 điểm), hiệu lực thiết chế (7,63 điểm) là CSTP mang lại nhiều thay đổi cho môi trường kinh doanh tại thành phố Hải Phòng trong năm qua. Tuy nhiên, ngoài những chỉ số thành phần có nhiều tín hiệu tích cực thì các Sở, ban, ngành cần nhìn thẳng vào hiện trạng, nghiên cứu và tìm ra giải pháp nhằm cải thiện môi trường kinh doanh trong những năm tới. Đó là các lĩnh vực như hỗ trợ SXKD (6,96 điểm), cạnh tranh bình đẳng (7,27 điểm) và tính minh bạch và ứng dụng CNTT (7,29 điểm) với điểm số thuộc nhóm điểm số thấp.

3.2. Sự thay đổi kết quả DDCI

Biểu đồ 3.2. Mức thay đổi điểm số DDCI của các Sở, ban, ngành năm 2023-2024



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Điểm số trung bình của DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2024 giảm điểm nhẹ so với năm 2023. Điều này cho thấy việc cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố có dấu hiệu chững lại, các Sở, ban, ngành không có nhiều sáng kiến đột phá; cộng đồng DN, HTX, HKD tiếp tục kỳ vọng vào sự tăng tốc cải cách mạnh mẽ hơn từ thành phố, đặc biệt là cải thiện môi trường đầu tư và kinh doanh. Phân tích cụ thể điểm số năm 2024 so với năm 2023 cho thấy có 18/21 Sở, ban, ngành giảm điểm và chỉ có 3 cơ quan tăng điểm. Cụ thể:

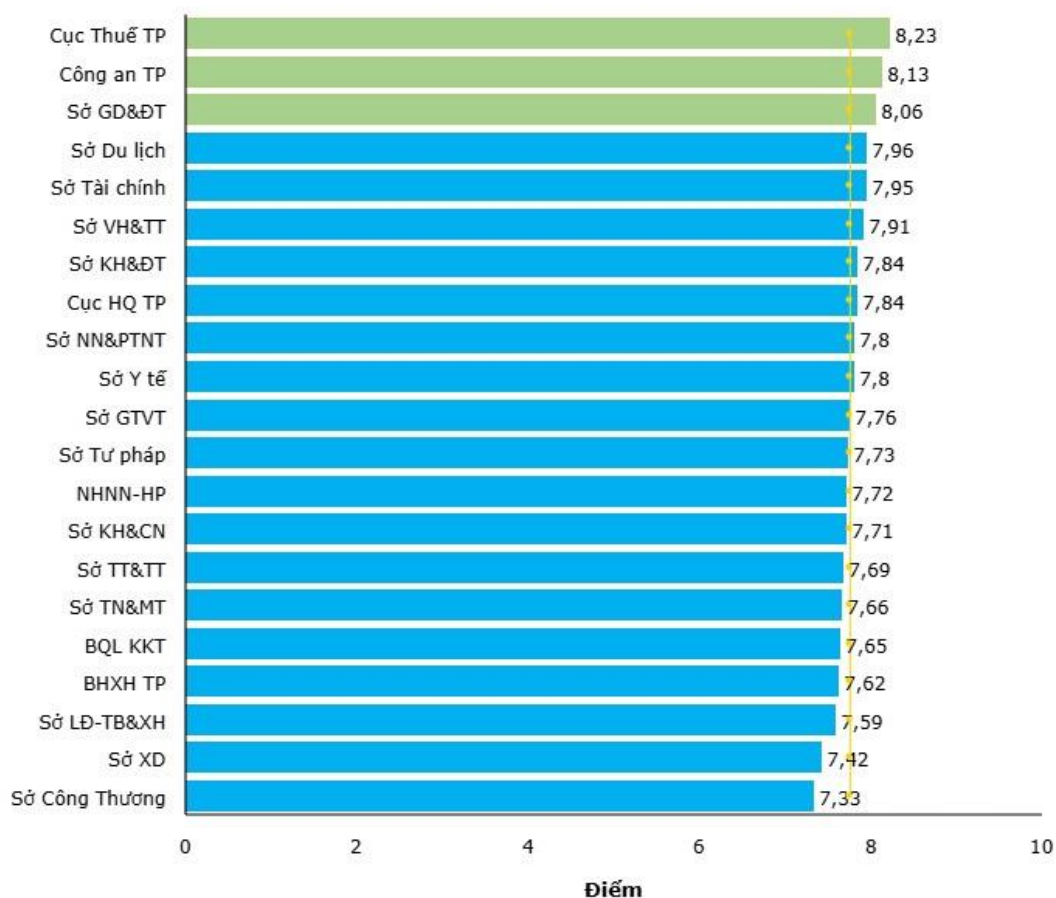
- Nhóm cơ quan có điểm số tăng: Cục Thuế TP, Sở Tài chính và Công an TP là 3 cơ quan có điểm số tăng nhiều, giúp các cơ quan này thăng hạng trên bảng xếp hạng. Cục Thuế TP và Sở Tài chính là 2 cơ quan có mức tăng điểm nhiều nhất với hơn 1 điểm, đã giúp 2 cơ quan vươn lên vị trí thứ nhất và thứ ba trên bảng xếp hạng.

- Nhóm cơ quan giảm điểm số: Các cơ quan giảm điểm mạnh trên 4 điểm như Sở Công Thương và Sở Tư pháp, giảm trên 4 điểm, đã khiến các cơ quan này giảm thứ hạng nhiều so với năm 2023. Các cơ quan còn lại giảm khoảng 1-3 điểm, với các cơ quan có điểm số tương đối ổn định các năm trước thứ hạng không bị ảnh hưởng nhiều như Sở KH&ĐT, Cục Hải quan, BQL KKT, Sở GD&ĐT. Tuy nhiên một số cơ quan ở nhóm cuối bảng năm 2023 vẫn chưa có cải thiện và tiếp tục giảm điểm như Sở Y tế, Sở LĐ-TB&XH và Sở Xây dựng.

3.3. Kết quả DDCI cấp Sở, ban, ngành theo chỉ số thành phần

3.3.1. Thực hiện TTHC

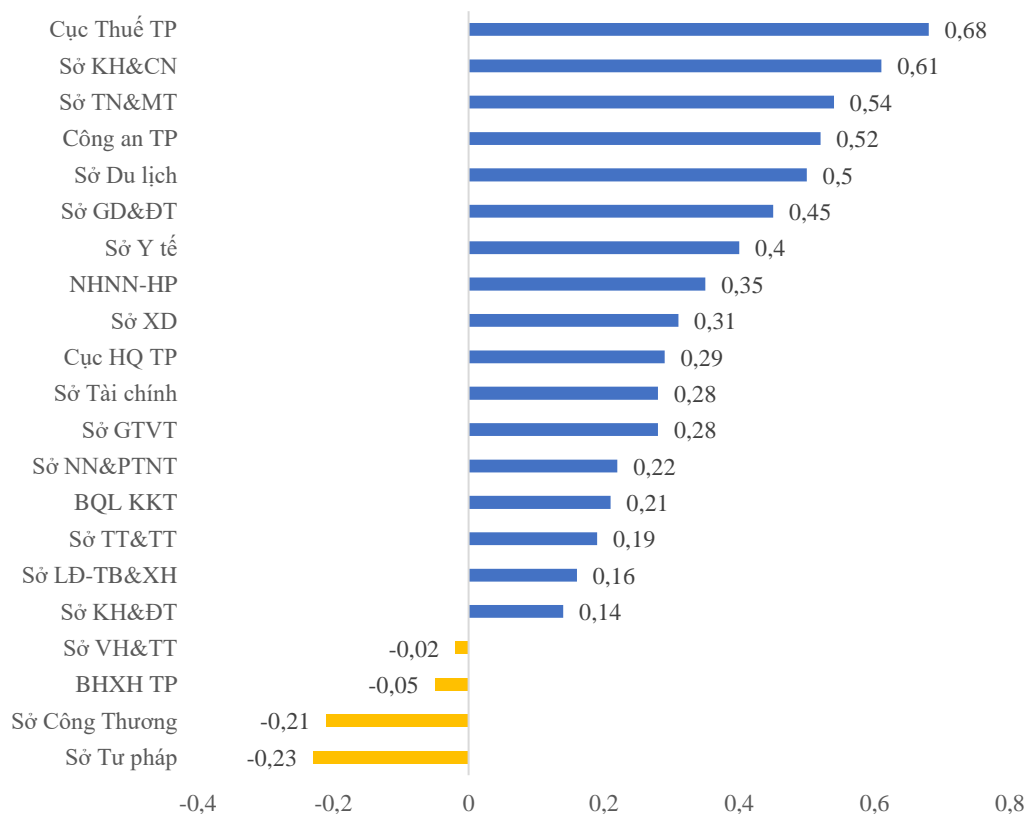
Biểu đồ 3.3. Điểm số CSTP thực hiện TTHC



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

DDCI Hải Phòng 2024 chỉ ra tín hiệu tích cực của chỉ số thực hiện TTHC khi đây là chỉ số duy nhất có điểm số tăng so với năm 2023. Điểm số trung bình chung của các Sở, ban, ngành đạt 7,78 điểm năm 2024. 3 cơ quan đứng đầu đạt mức điểm tốt trên 8 điểm là Cục Thuế TP, Công an TP và Sở GD&ĐT. Trong khi đó Sở Xây dựng và Sở Công Thương là 2 cơ quan có điểm số dưới 7,5 điểm, xếp ở vị trí cuối bảng.

Biểu đồ 3.4. Sự thay đổi điểm số của CSTP thực hiện TTHC các Sở, ban, ngành năm 2023-2024



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

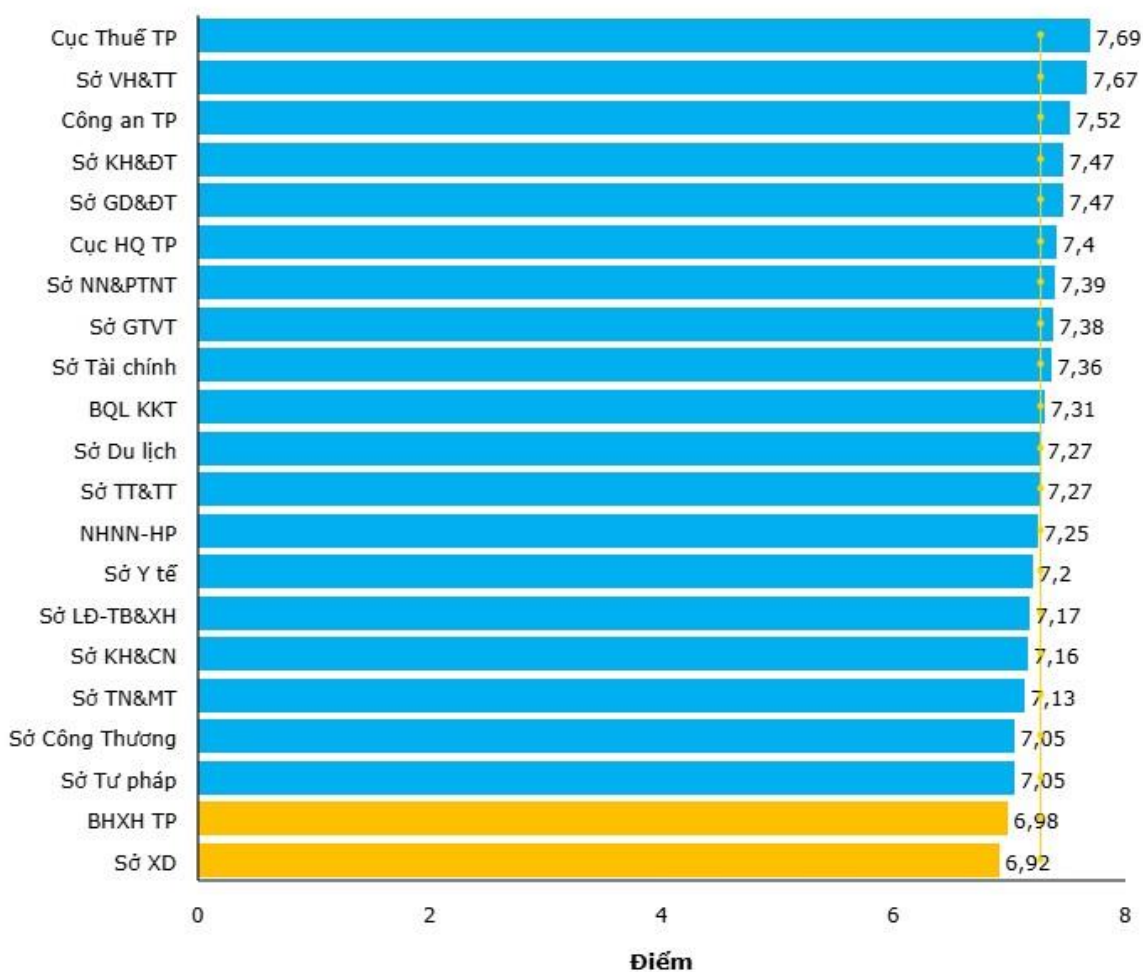
Kết quả khảo sát cụ thể các chỉ tiêu cho thấy, năm 2024, các DN/HTX thực hiện TTHC thuận lợi hơn. Các DN/HTX tiếp tục ghi nhận những chuyển biến tích cực trong việc tổ chức thực hiện TTHC: hơn 70% DN/HTX cho rằng việc tổ chức thực hiện và hướng dẫn giải quyết các TTHC, công việc khá hợp lý, cán bộ am hiểu về chuyên môn đạt khoảng 75%; tỷ lệ DN/HTX cho rằng cán bộ nhiệt tình, trách nhiệm đạt 75%, tỷ lệ doanh nghiệp phải hủy bỏ hoặc trì hoãn kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục chiếm tỷ lệ nhỏ (1,85%).

Mặc dù vậy, 5% DN/HTX cho biết thời gian thực hiện các thủ tục để dự án hoặc hoạt động kinh doanh chính thức đi vào hoạt động vẫn còn chậm hơn thời gian quy định. Do đó, trong thời gian tới, các cơ quan cần cải thiện hơn nữa việc tổ chức thực hiện TTHC, việc hướng dẫn của sở ban ngành về thực hiện thủ tục hồ sơ cần nhanh chóng, đầy đủ hơn.

3.2.2. Tính minh bạch và ứng dụng CNTT

Lĩnh vực này của DDCI cấp Sở, ban, ngành chưa có nhiều cải thiện, đạt 7,29 điểm năm 2024, giảm 0,13 điểm so với năm 2023. Ba cơ quan đứng đầu gồm Cục Thuế TP, Sở VH&TT, Công an TP cũng đạt mức điểm khá. BHXH và Sở Xây dựng là 2 cơ quan đứng cuối bảng xếp hạng, với điểm số thuộc nhóm trung bình khá dưới 7 điểm.

Biểu đồ 3.5. Điểm số CSTP tính minh bạch và ứng dụng CNTT

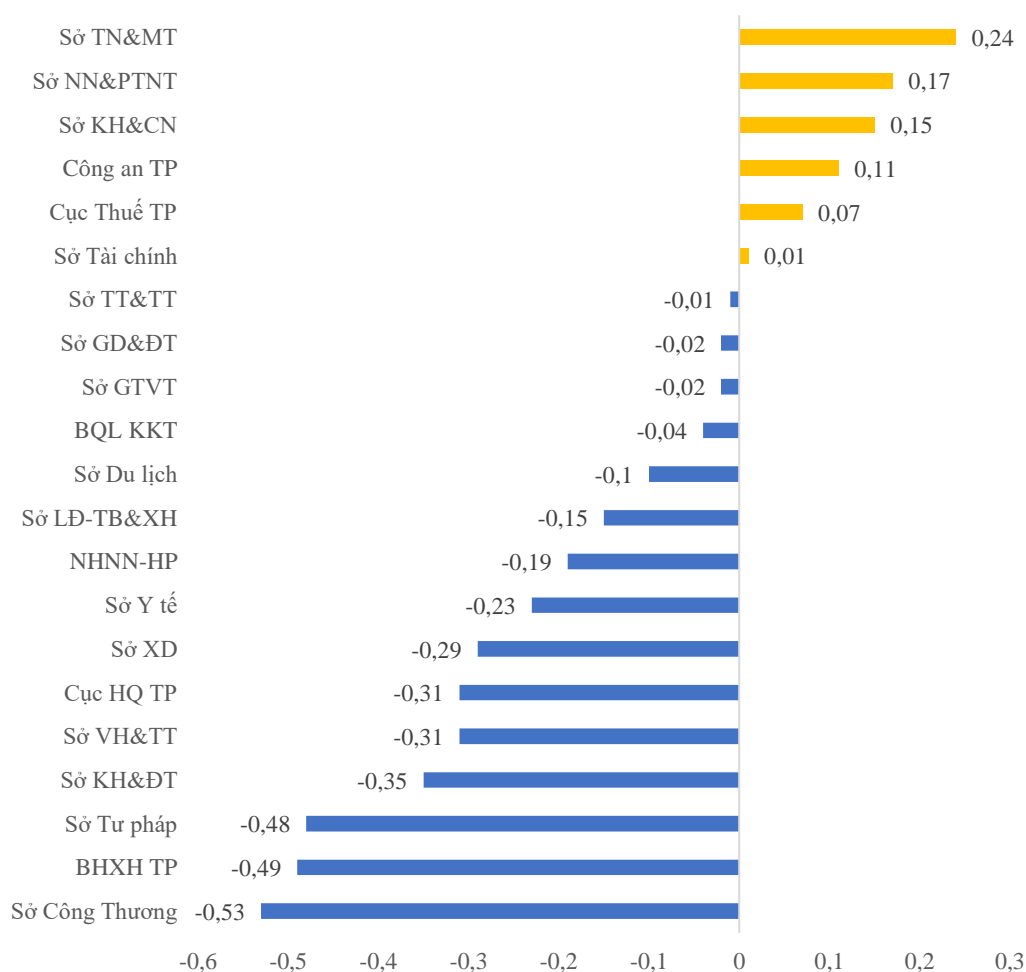


Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Kết quả DDCI Sở, ban, ngành cho thấy các tiêu chí về minh bạch còn thấp điểm, trong khi đó các tiêu chí liên quan đến ứng dụng công nghệ có điểm số khả quan hơn (trên 7,8 điểm). Một mặt, các Sở, ban, ngành nên tập trung cải thiện trong ứng dụng công nghệ, giải quyết TTHC trực tuyến nhanh chóng, chính xác, mở rộng các hình thức cung cấp thông tin sẽ tạo động lực và niềm tin cao hơn cho khối DN/HTX.

Mặt khác, các Sở, ban, ngành cần tập trung cải thiện các chỉ tiêu về minh bạch khác. Bằng chứng là mức độ minh bạch thông tin còn hạn chế, chưa kịp thời, đầy đủ và còn khó tiếp cận nhất là các thông tin quy hoạch, tài liệu quan trọng. Cụ thể, 63,58% DN/HTX cho biết thuận lợi khi tiếp cận với các thông tin, văn bản quy phạm pháp luật, TTHC, cơ chế chính sách mới. Hơn 40% DN/HTX được cung cấp thông tin, văn bản không có sẵn chủ động và nhanh chóng từ các cơ quan khi được yêu cầu cung cấp thông tin. Hơn 25% DN/HTX cho biết cần có mối quan hệ với cán bộ nhà nước để tiếp cận được thông tin, giải quyết công việc.

Biểu đồ 3.6. Sự thay đổi điểm số của CSTP tính minh bạch và ứng dụng CNTT của các Sở, ban, ngành năm 2023-2024



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

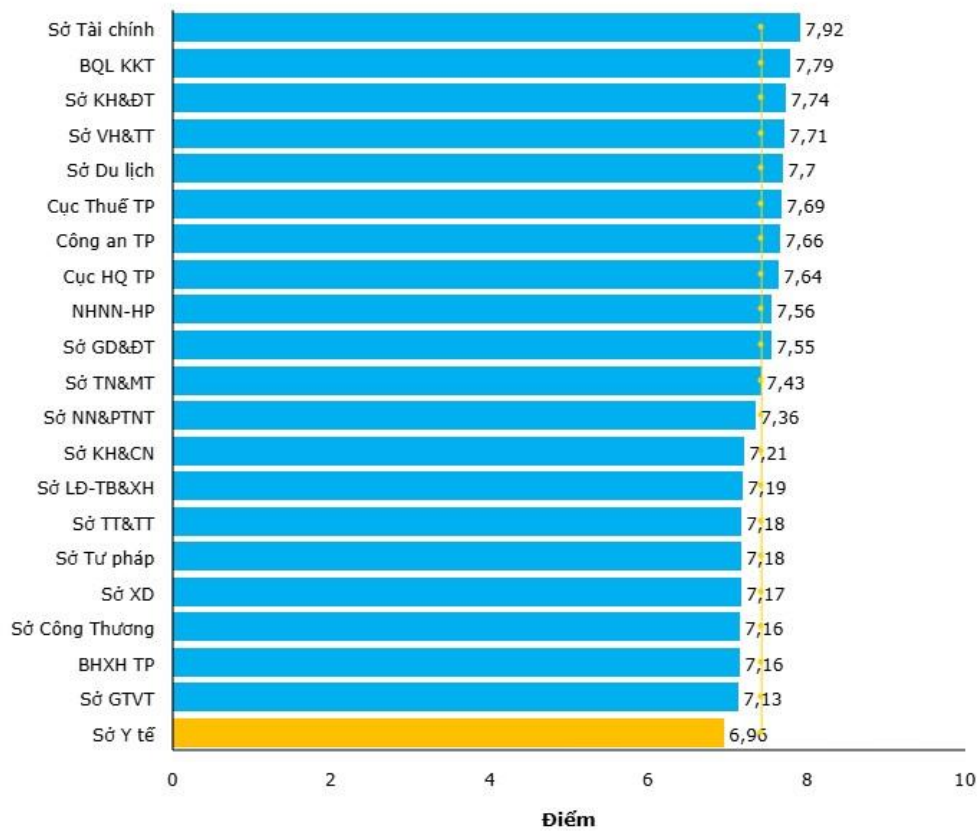
3.2.3. Tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành

Tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành năm 2024 đạt 7,43 điểm, giảm nhẹ 0,12 điểm so với năm 2023. Thông qua khảo sát, các DN/HTX đánh giá tích cực những nỗ lực của lãnh đạo Sở, ban, ngành trong việc giải quyết vấn đề cho DN/HTX, nhưng kết quả hành động của các đơn vị còn chưa đáp ứng kỳ vọng của cộng đồng DN.

Nhìn chung, DN/HTX cho rằng các Sở, ban, ngành đã thực hiện hiệu quả và linh hoạt các chương trình trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm được giao (64,43%), lãnh đạo Sở, ban, ngành sáng tạo và mạnh dạn triển khai các chủ trương/quyết định và giải quyết các vấn đề phát sinh mới (60,8%), không có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ khi thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND thành phố (63,39%).

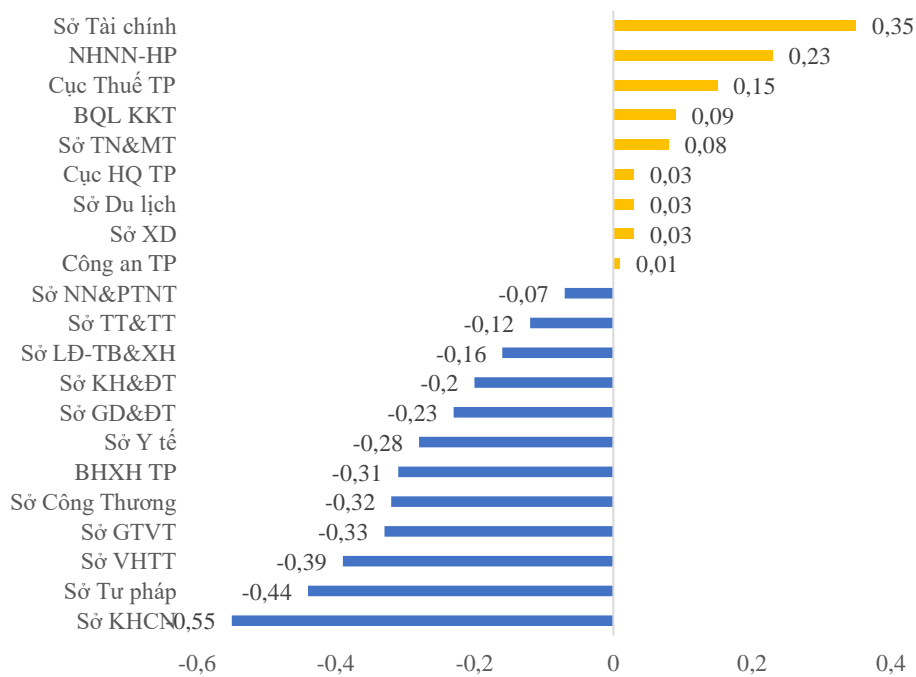
Tuy nhiên, DN/HTX còn chưa được tham gia nhiều vào đóng góp chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển của các Sở, ban, ngành. 13,73% các DN/HTX chưa bao giờ được tham gia góp ý chính sách, 15,21% ý kiến cho rằng họ “hiếm khi” được tham gia vào hoạt động này và 46,24% là các DN/HTX thỉnh thoảng được mời tham gia góp ý và đối thoại chính sách. Đối thoại chính sách vẫn là điểm nghẽn mà các cơ quan cần quan tâm khi chất lượng các kênh đối thoại, tham vấn chưa được cộng đồng DN đánh giá cao, có 42,11% ý kiến cho rằng các vấn đề của họ được giải quyết ở mức bình thường. Đây cũng là nhóm chỉ tiêu thấp điểm nhất khi đánh giá về tính năng động của Sở, ban, ngành.

Biểu đồ 3.7. Điểm số của CSTP tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Biểu đồ 3.8 Mức thay đổi điểm số của chỉ số tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành năm 2023-2024



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

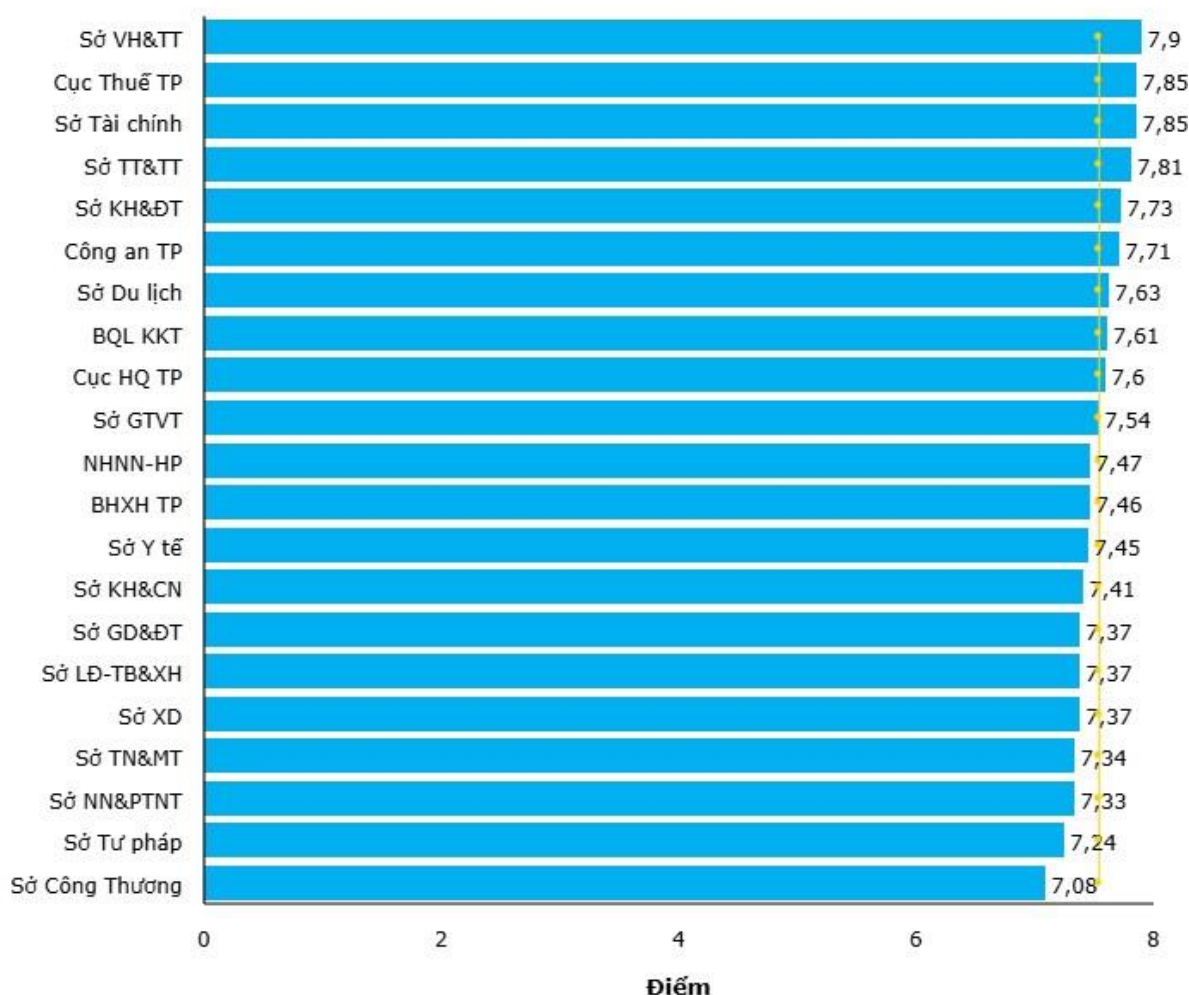
3.2.4. Chi phí thời gian

Chi phí thời gian có điểm số 7,53 điểm, giảm 0,38 điểm, là CSTP có điểm số giảm mạnh nhất khi đánh giá các Sở, ban, ngành. Điều này thể hiện rõ khi 21 cơ quan đều giảm điểm ở chỉ số này so với năm 2023. Sở VH&TT, Cục Thuế, Sở Tài chính, Sở TT&TT và Sở KH&ĐT được đánh giá tích cực hơn cả khi có điểm số chi phí thời gian cải thiện trong năm vừa qua. Phân tích sâu kết quả của 2 điểm hình tốt này có thể thấy thành công của 2 đơn vị trên dựa nhiều vào việc ứng dụng CNTT và cung cấp dịch vụ công của đã tiết kiệm nhiều thời gian cho người làm TTHC.

Theo các chỉ tiêu, giải quyết TTHC trực tuyến tiếp tục là điểm sáng trong rút ngắn chi phí thời gian tại tỉnh (ở hầu hết các sở ban ngành, với điểm trung bình chung là 8,05 điểm), số lần thanh tra, kiểm tra trung bình cũng chủ yếu là 1 lần (8,61 điểm).

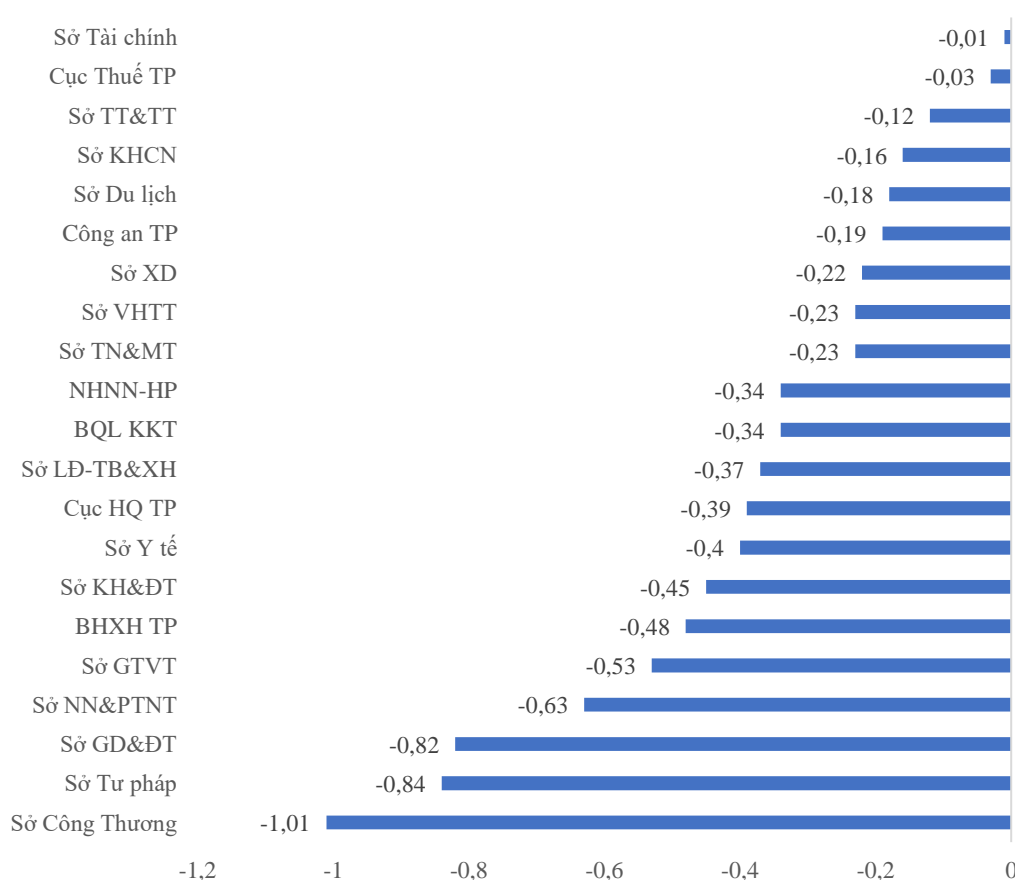
Tuy nhiên, khi được hỏi về tác động của hoạt động thanh tra, kiểm tra tới sản xuất, kinh doanh, vẫn còn một số DN/HTX (1,52%) cho rằng có gây cản trở tiêu cực tới sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Trong đó, thời gian của một đợt thanh tra, kiểm tra kéo dài là điểm cần cải thiện. Chỉ có 18,51% các DN/HTX cho rằng thời gian, thanh tra kiểm tra là nhanh gọn, hợp lý.

Biểu đồ 3.9. Điểm số CSTP chi phí thời gian



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Biểu đồ 3.10. Sự thay đổi điểm số của CSTP chi phí thời gian của các Sở, ban, ngành năm 2023-2024



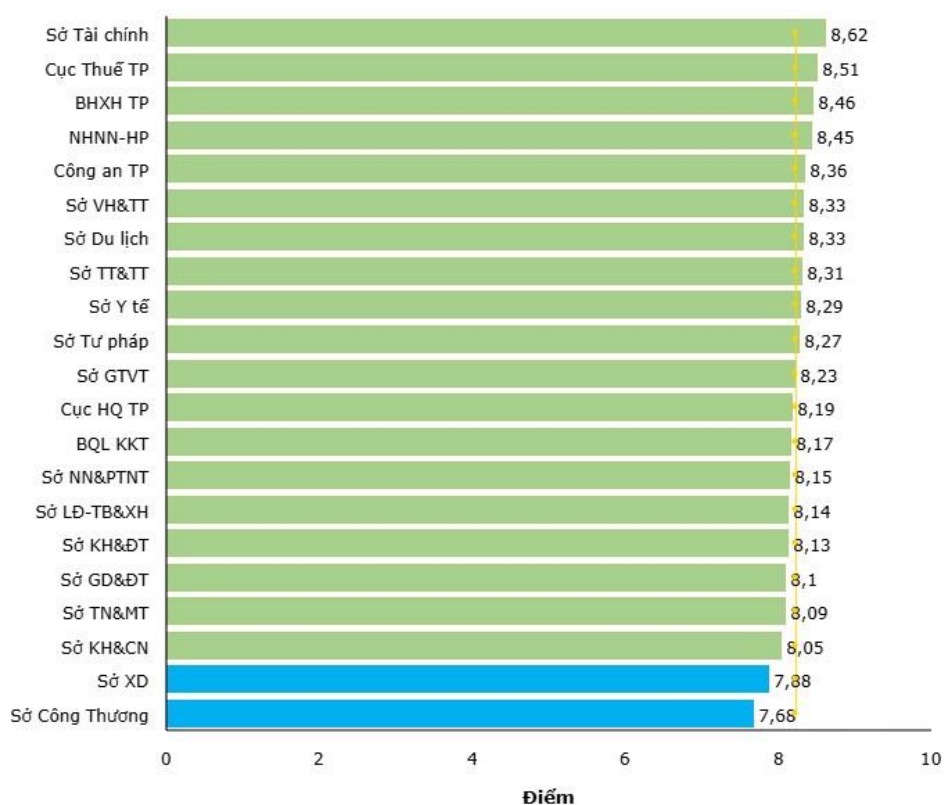
Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

3.2.5. Chi phí không chính thức

Kết quả DDCI cấp Sở, ban, ngành năm 2024 tiếp tục cho thấy chỉ số chi phí không chính thức là chỉ số có kết quả cao nhất trong 8 CSTP. Điểm số của chỉ số này đạt 8,23 điểm, giảm nhẹ 0,13 điểm so với năm 2023. 19/21 Sở, ban, ngành được đánh giá ở mức điểm tốt. Trong đó, Sở Tài chính, Cục Thuế TP, BHXH TP là những cơ quan có điểm số ở nhóm dẫn đầu và chỉ có 2 cơ quan là Sở Xây dựng và Sở Công Thương có mức điểm khá dưới 8 điểm.

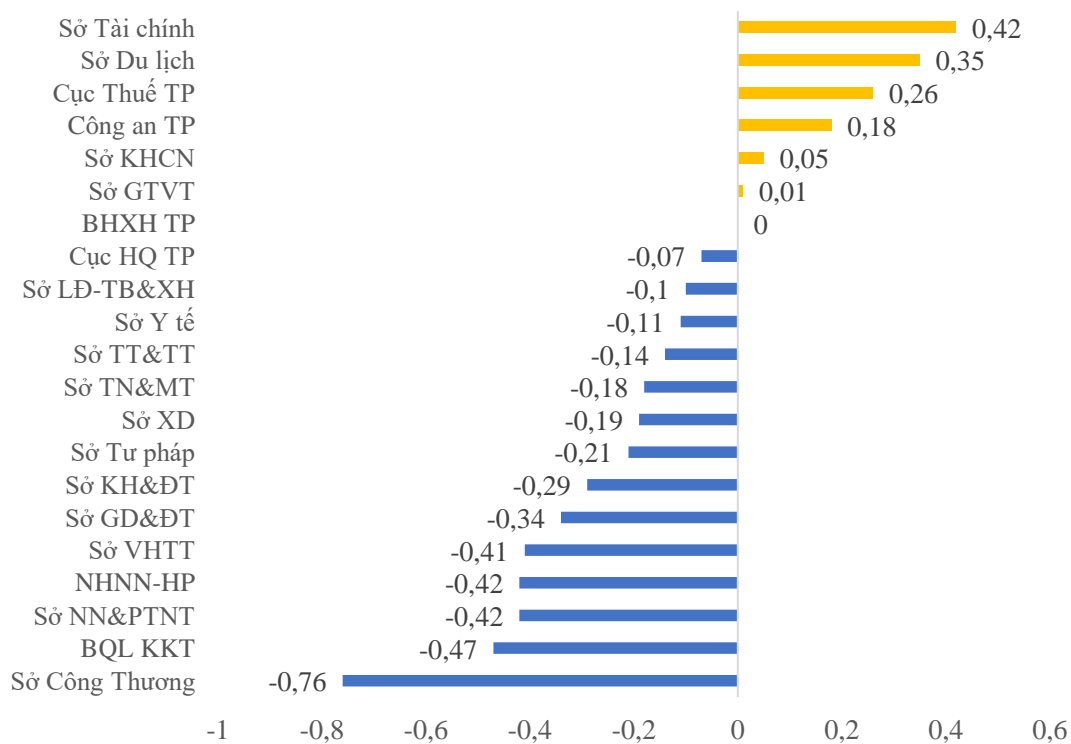
Theo kết quả khảo sát, 60,63% các DN/HTX cho rằng vẫn tồn tại chi phí không chính thức, tình trạng gợi ý, gây khó khăn, cản trở của cán bộ, công chức khi DN/HTX thực hiện TTHC hoặc giải quyết công việc. Xét riêng lĩnh vực thanh tra, kiểm tra, 28,75% các DN/HTX cho rằng vẫn tồn tại chi phí không chính thức khá phổ biến. Bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại 13,88% các DN/HTX cho rằng, chi phí không chính thức khiến kế hoạch kinh doanh của họ bị ảnh hưởng. 3,87% số ý kiến tin rằng chi phí không chính thức có xu hướng tăng nhẹ trong tương lai. Từ đó có thể thấy rằng, nỗ lực cắt giảm chi phí không chính thức cần đồng bộ hơn nữa, không để một vài trường hợp làm ảnh hưởng đến niềm tin, kỳ vọng của DN/HTX vào hệ thống chính quyền.

Biểu đồ 3.11. Điểm số CSTP chi phí không chính thức



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

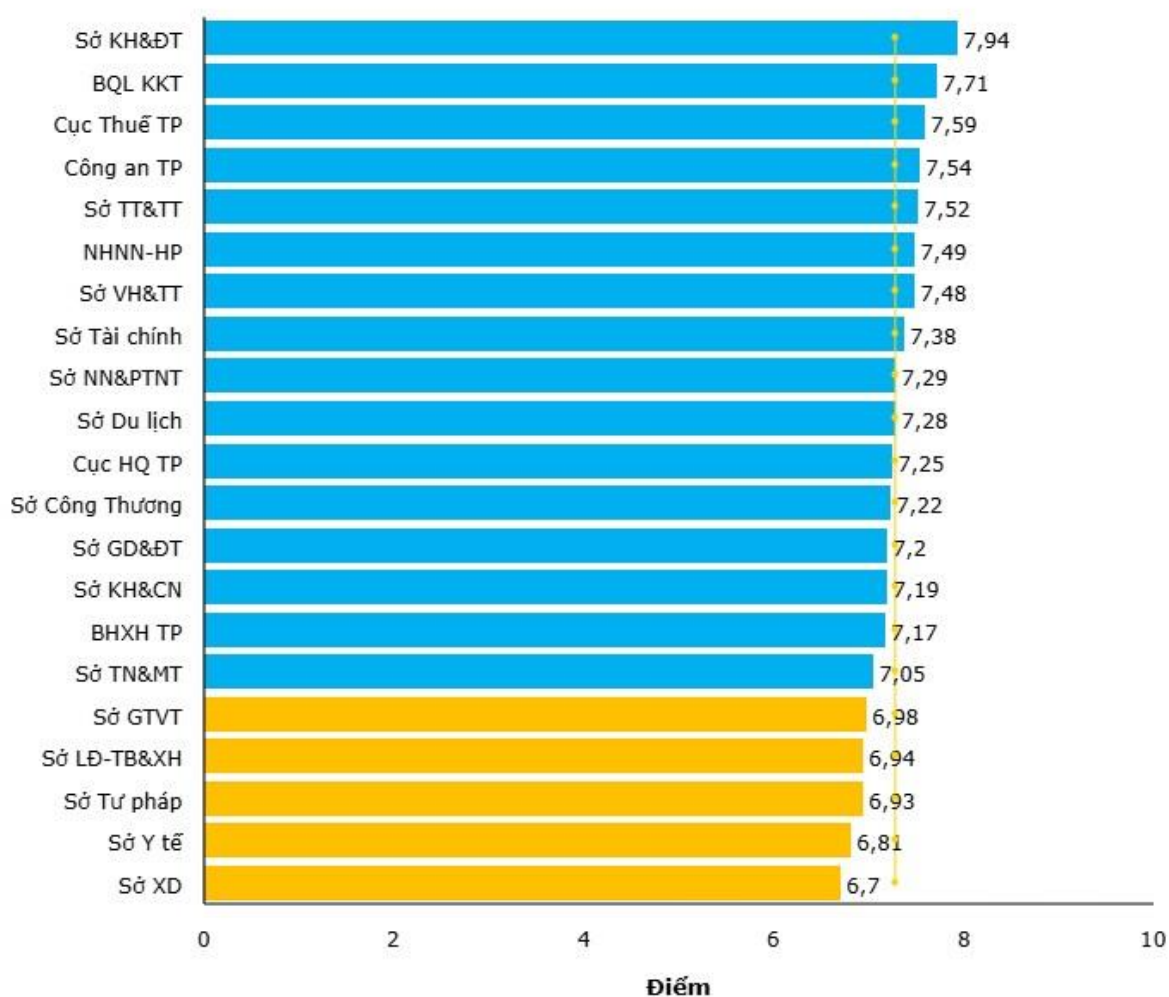
Biểu đồ 3.12. Mức thay đổi điểm số CSTP chi phí không chính thức trong năm 2023-2024



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

3.2.6. Cạnh tranh bình đẳng

Biểu đồ 3.13. Điểm số CSTP cạnh tranh bình đẳng

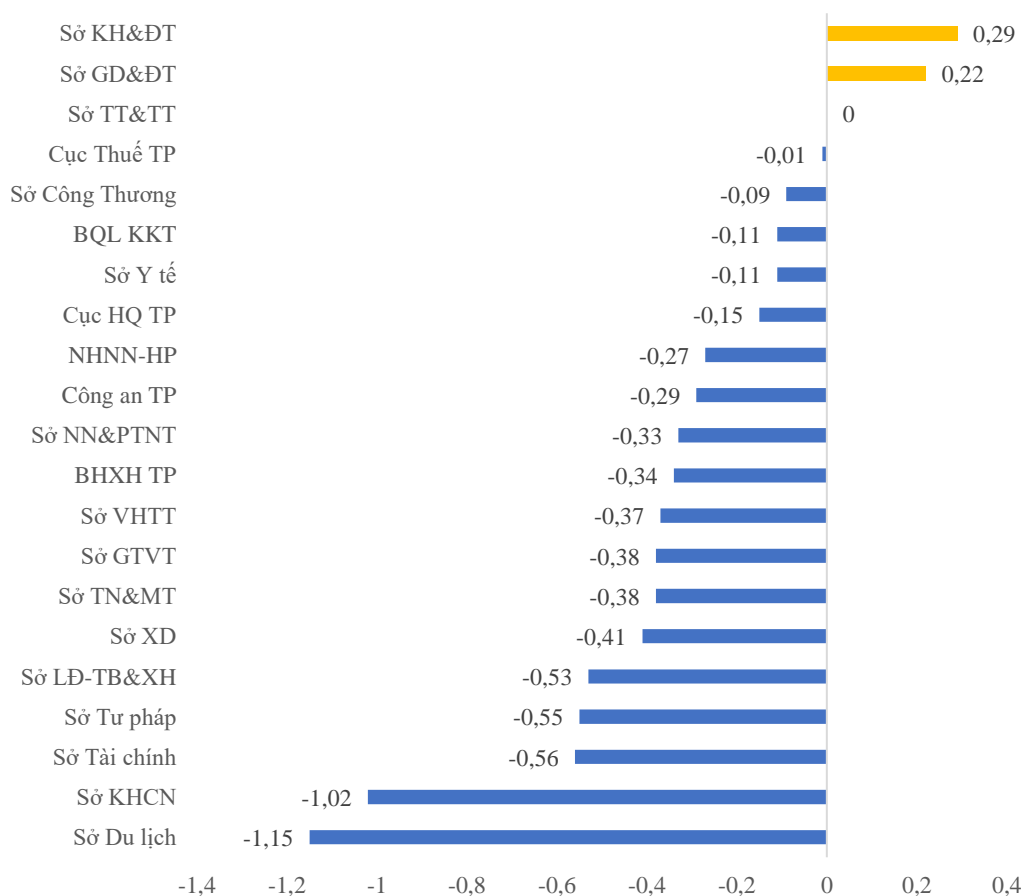


Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Khảo sát DDCI tại các Sở, ban, ngành cũng ghi nhận CSTP này còn thấp 7,27 điểm, giảm 0,31 điểm so với năm 2023. 16/21 Sở, ban, ngành thuộc nhóm điểm khá với mức điểm trong khoảng 7-7,9 điểm với Sở KH&ĐT dẫn đầu với 7,94 điểm. Ngược lại là 5 cơ quan cần quan tâm nhiều hơn đến khía cạnh này trong quản lý điều hành là Sở GTVT, Sở LĐ-TB&XH, Sở Tư pháp, Sở Y tế, Sở Xây dựng khi có mức điểm trung bình khá dưới 7 điểm.

Dưới góc độ DDCI Sở, ban, ngành, cạnh tranh bình đẳng còn nhiều chỉ tiêu thấp điểm. Có 52,62% DN/HTX cho rằng thông tin, cơ hội kinh doanh, chính sách ưu đãi, hỗ trợ chỉ rơi vào tay các DN FDI, DN lớn, 53,69% DN/HTX cảm thấy vẫn còn tồn tại ưu ái giữa DN này với DN khác khi thực hiện TTHC, 51,79% ý kiến nhận định Sở, ban, ngành vẫn luôn ưu ái, nhẹ tay với DN FDI, DN lớn, khi thực hiện thanh tra, kiểm tra. Bên cạnh đó, vẫn còn tồn tại các ưu tiên cho một số DN khi giải quyết các kiến nghị, khó khăn (52,6% nhận định).

Biểu đồ 3.14. Mức thay đổi điểm số chỉ số cạnh tranh bình đẳng của các Sở, ban, ngành năm 2023-2024



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

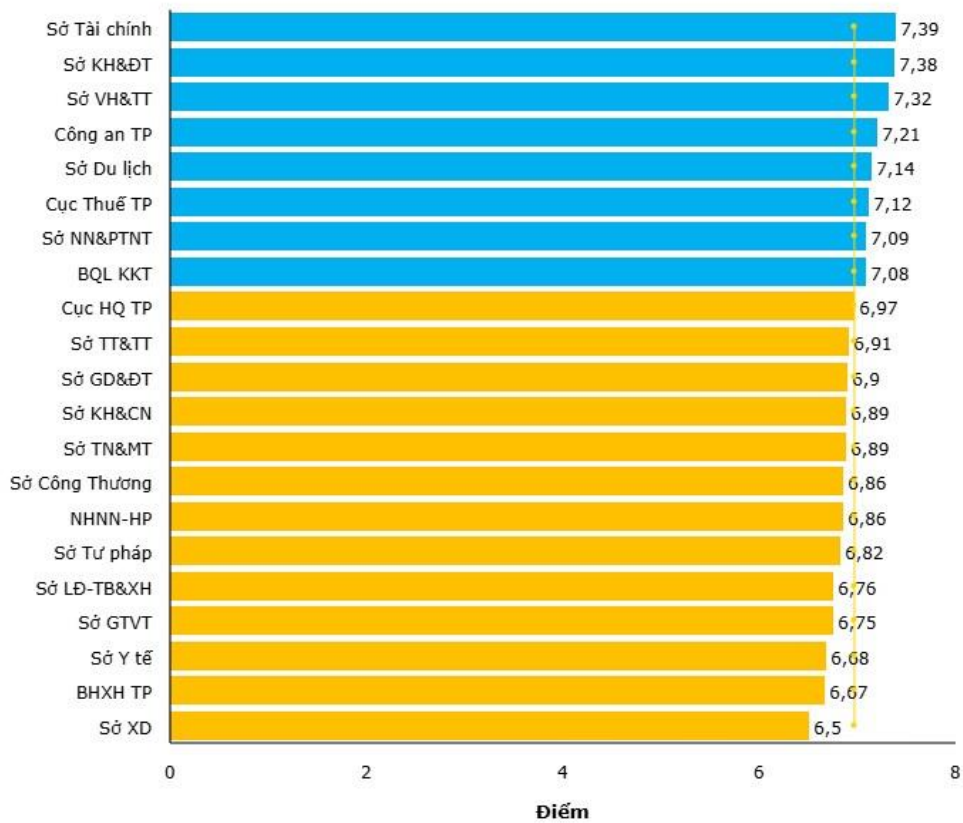
3.2.7. Hỗ trợ sản xuất kinh doanh

Hỗ trợ sản xuất kinh doanh tại các Sở, ban, ngành Hải Phòng đạt mức điểm trung bình chung là 6,96 điểm, giảm 0,12 điểm so với năm 2023. Đây cũng là CSTP còn thấp điểm nhất khi đánh giá DDCI cấp Sở, ban, ngành. Nếu như năm 2023, bảng điểm CSTP hỗ trợ sản xuất kinh doanh chiếm đa số là màu xanh da trời (mức điểm khá) thì đến năm 2024, xuất hiện nhiều Sở, ban, ngành ở mức điểm trung bình khá (màu cam).

DDCI cấp Sở, ban, ngành tìm hiểu chính sách hỗ trợ thông qua hệ thống các tiêu chí cụ thể. Hiệu quả của các chương trình hỗ trợ gia nhập thị trường và nâng cao hoạt động SXKD đạt điểm số 7,29 điểm. Tác động của các chương trình hỗ trợ ở về kết nối DN với thị trường, chuỗi cung ứng cũng chỉ dừng lại ở 7,3 điểm, trong khi kết nối DN với nhà cung cấp dịch vụ kinh doanh, tổ chức hỗ trợ DN cũng chỉ đạt 7,36 điểm. Các biện pháp hỗ trợ trong các trường hợp chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh cũng chưa thực sự hiệu quả, dừng lại ở mức điểm 7,38 điểm.

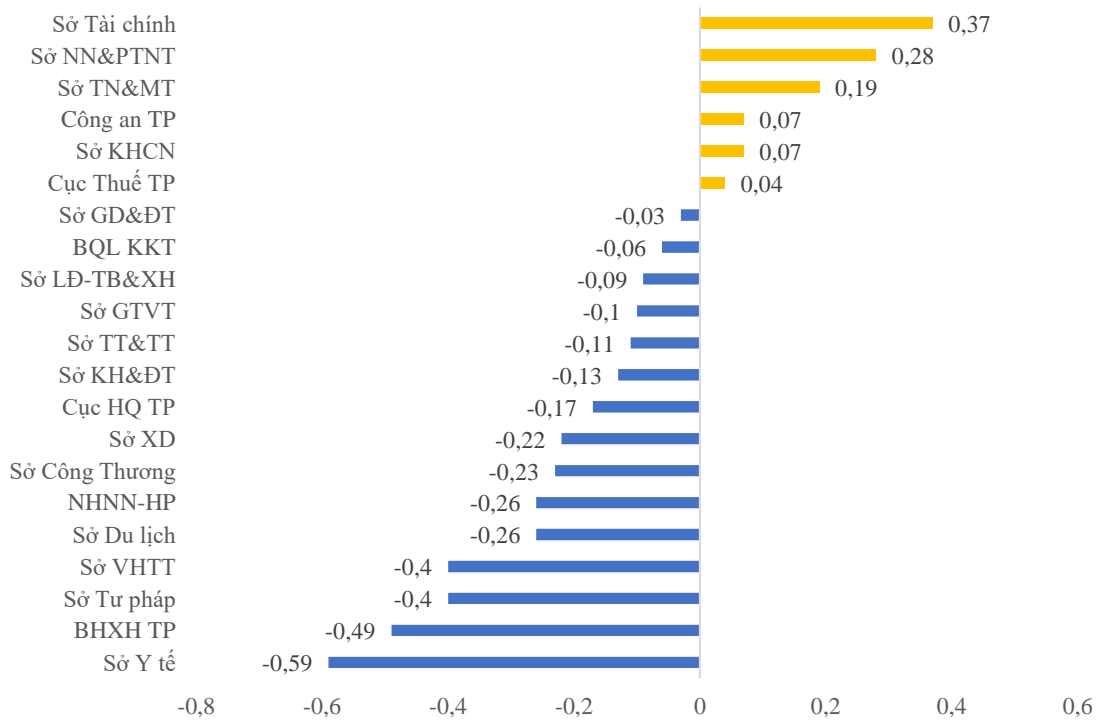
Chỉ tiêu có điểm số thấp nhất khi xem xét các chương trình hỗ trợ liên quan đến tần suất được mời/tham gia, nhận hỗ trợ từ các chương trình, hoạt động hỗ trợ. Có tới gần 1/3 số DN/HTX tham gia khảo sát cho rằng họ chưa bao giờ hoặc hiếm khi được mời/tham gia nhận hỗ trợ. Khoảng cách giữa nhu cầu và thực tế đáp ứng việc nhận hỗ trợ của các DN/HTX vẫn còn một khoảng cách kì vọng khá xa.

Biểu đồ 3.15. Điểm số CSTP hỗ trợ SXKD



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Biểu đồ 3.16. Mức thay đổi điểm số chỉ số hỗ trợ SXKD của các Sở, ban, ngành năm 2023-2024



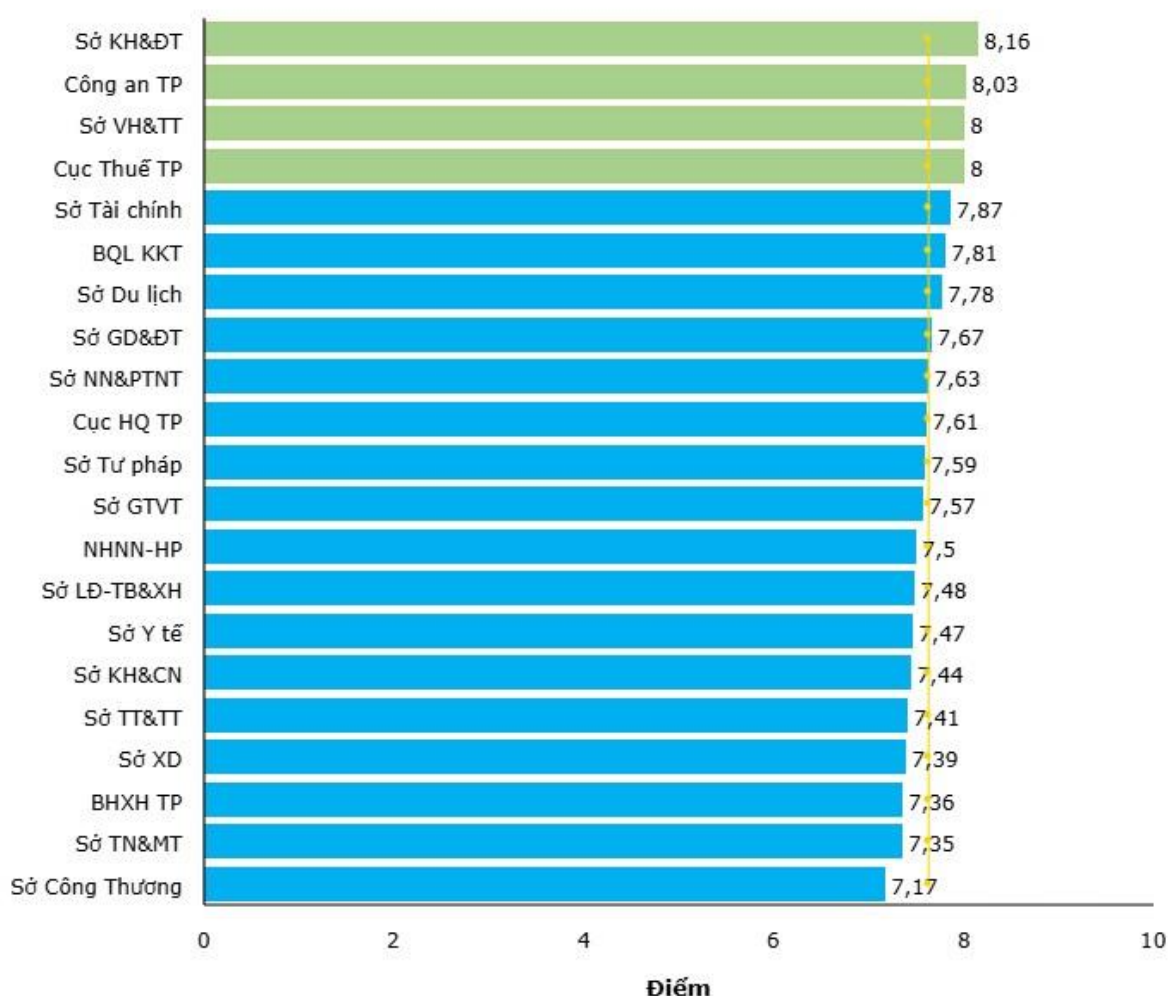
Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

3.2.8. Hiệu lực thiết chế

Năm 2024, kết quả CSTP về hiệu lực thiết chế đạt 7,63 điểm, giảm 0,23 điểm so với năm 2023. 4 cơ quan đạt mức điểm tốt trên 8 điểm, dẫn đầu chỉ số này gồm Sở KH&ĐT, Công an TP, Sở VH&TT, Cục Thuế TP. 17 cơ quan còn lại thuộc nhóm điểm khá với dải điểm trong khoảng 7,1-7,8 điểm.

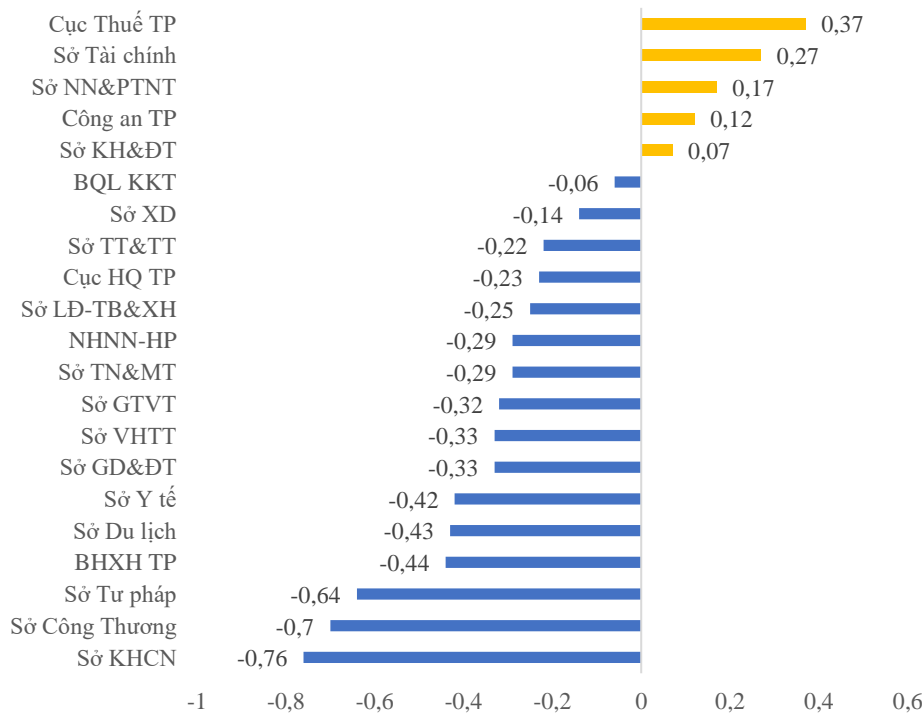
Ở cấp độ Sở, ban, ngành, do chức năng, nhiệm vụ các Sở, ban, ngành là khác nhau, nên hiệu lực thiết chế quan tâm đến việc công khai, tuyên truyền thông tin về chính sách pháp luật; hiệu quả thực hiện các chính sách trên; hiệu quả của hoạt động tiếp các DN/HTX tại các Sở, ban, ngành; hiệu quả của cơ chế tiếp nhận khiếu nại tố cáo; khiếu nại vượt cấp; hỗ trợ pháp lý và cơ chế khiếu nại... Mặc dù vậy, cộng đồng DN/HTX vẫn chỉ ra một số điểm chưa hài lòng về công tác hiệu lực thiết chế tại các cơ quan. Theo kết quả khảo sát, có 16 Sở, ban, ngành giảm điểm hiệu lực thiết chế so với năm 2023. Các chỉ tiêu nổi trội năm 2024 như hiệu quả thực hiện các chính sách, văn bản pháp luật do các sở ban ngành triển khai và thực thi (7,67 điểm) và sự minh bạch, công bằng của cơ chế giải quyết khiếu nại, tố cáo (7,6 điểm) đều giảm điểm so với năm 2023. Các chỉ tiêu chính của chỉ số này chưa có chỉ tiêu nào đạt mức điểm tốt.

Biểu đồ 3.17. Điểm số CSTP hiệu lực thiết chế



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Biểu đồ 3.18. Mức thay đổi điểm số chỉ số hiệu lực thiết chế các Sở, ban, ngành năm 2023-2024

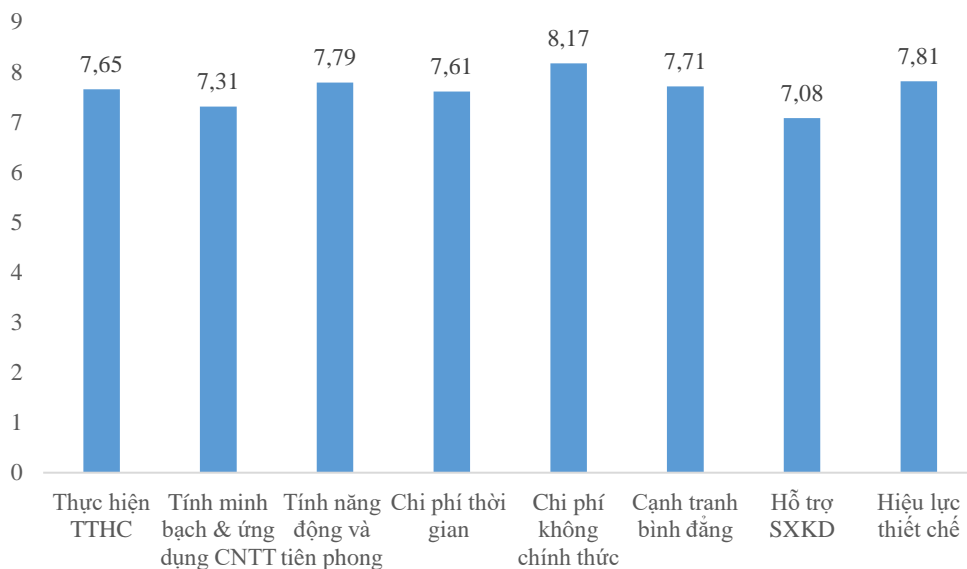


Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

3.4. Kết quả DDCI theo Sở, ban, ngành

3.4.1. Ban quản lý Khu kinh tế

Biểu đồ 3.19. Điểm số các CSTP của BQL KKT



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

BQL KKT đạt 76,41 điểm, giảm 0,98 điểm so với năm 2023, đứng thứ 6/21 Sở, ban, ngành được đánh giá. BQL KKT có 2 chỉ số tăng điểm so với năm 2023 là thực hiện TTHC tăng 0,21 điểm và tính năng

động và tiên phong tăng nhẹ 0,09 điểm. Các chỉ số giảm điểm gồm: tính minh bạch và ứng dụng CNTT giảm nhẹ 0,04 điểm, hỗ trợ SXKD và hiệu lực thiết chế cùng giảm 0,06 điểm, cạnh tranh bình đẳng giảm 0,11 điểm, chi phí thời gian giảm 0,34 điểm, chi phí không chính thức giảm 0,47 điểm.

Các chỉ số thành phần có điểm số cao là chỉ số chi phí không chính thức (8,17 điểm), hiệu lực thiết chế (7,81 điểm), tính năng động và tiên phong (7,79 điểm) và thực hiện TTHC (7,65 điểm). Các DN/HTX phản hồi về khía cạnh hài lòng nhất của BQL KKT năm 2024 gồm: triển khai hệ thống nộp văn bản trực tuyến, rút ngắn thời gian cho DN; cán bộ hướng dẫn hồ sơ tận tình, chi tiết; tuyên truyền phổ biến, hướng dẫn cơ chế, chính sách, văn bản pháp luật.

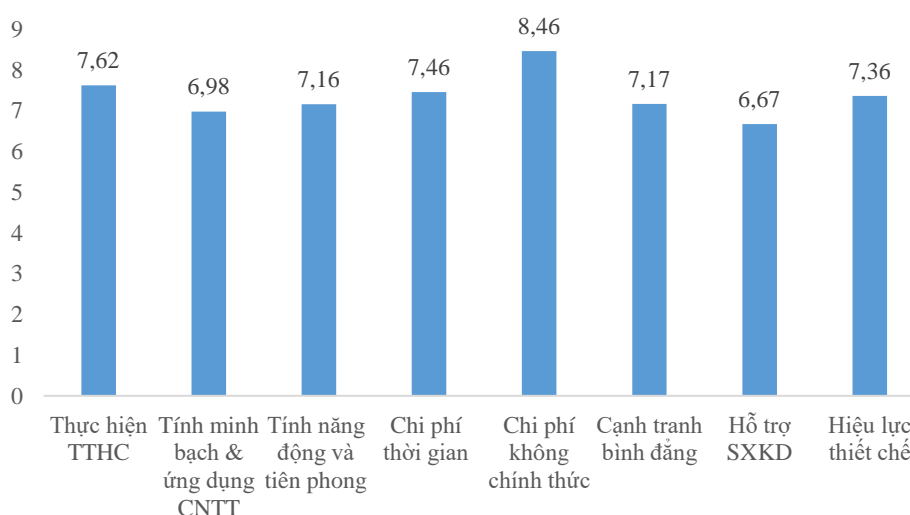
Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Hỗ trợ SXKD: Các DN đề xuất BQL KKT cần phối hợp với các cơ quan khác để tăng cường tính liên thông thông tin.
- Tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Nhiều DN cho biết việc cung cấp thông tin và giải đáp thông tin vẫn chưa kịp thời. Các văn bản, quy định pháp luật cần được cập nhật kịp thời, phổ biến rộng rãi, theo hướng dễ hiểu, dễ thực hiện cho DN. Giao diện nộp hồ sơ trực tuyến chưa thuận tiện cho DN sử dụng.
- Thời gian thực hiện TTHC: DN phản ánh vẫn còn nhiều thủ tục, thời gian tiếp nhận và xử lý hồ sơ vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của DN.

3.4.2. Bảo hiểm xã hội thành phố

BHXH TP đạt 73,6 điểm, giảm 3,25 điểm, xếp thứ 16/21 Sở, ban, ngành. So với năm 2023, BHXH TP giảm điểm nhiều do 7/8 chỉ số đều giảm điểm, chỉ có chỉ số chi phí không chính thức vẫn giữ nguyên mức điểm cũ 8,46 điểm. Các chỉ số giảm điểm nhiều gồm: hỗ trợ SXKD và tính minh bạch và ứng dụng CNTT (giảm 0,49 điểm), chi phí thời gian giảm 0,48 điểm, hiệu lực thiết chế giảm 0,44 điểm, cạnh tranh bình đẳng giảm 0,34 điểm, tính năng động và tiên phong giảm 0,31 điểm và thực hiện TTHC giảm nhẹ 0,05 điểm.

Biểu đồ 3.20. Điểm số các CSTP của BHXH TP



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Các lĩnh vực được DN/HTX đánh giá cao: Chi phí không chính thức, thực hiện TTHC, chi phí thời gian và hiệu lực thiết chế đều đạt trên 7,3 điểm. Ngoài ra, DN cũng ghi nhận những điểm hài lòng nhất là: tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả đúng thời gian quy định, giảm thời gian đi lại và phiền hà, cán bộ nhiệt

tình, hướng dẫn chi tiết cho DN, thường xuyên cập nhật các nội dung, quy định mới cho DN thông qua mạng xã hội của các DN.

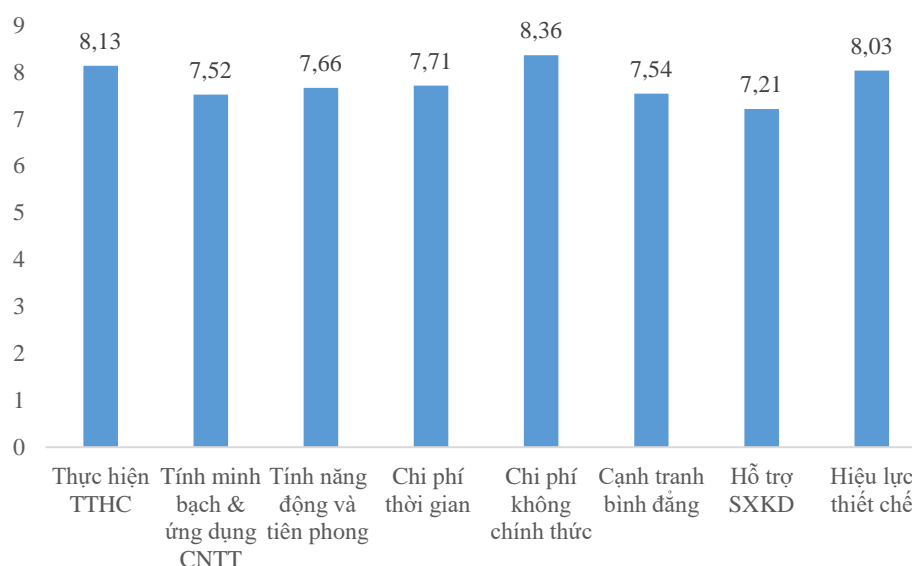
Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Hỗ trợ SXKD: Phần lớn các DN/HTX mong muốn được tham gia đối thoại nhiều hơn với cơ quan để phản ánh những vấn đề DN và người lao động đang gặp phải. Các DN mong muốn tham dự nhiều buổi tập huấn để phổ biến các quy định mới.
- Thực hiện TTHC: Một số thủ tục vẫn phải nộp hồ sơ giấy tới BHHX TP, cần đẩy mạnh các thủ tục toàn phần và có sự hướng dẫn nhất quán giữa các cơ quan. Một số DN/HTX phản ánh khi gọi điện để hỏi thêm thông tin, phần giải đáp của cán bộ vẫn chưa kịp thời và phản hồi chậm.
- Chi phí thời gian: Nhiều DN phản ánh việc thời gian giải quyết đúng thời hạn nhưng chưa nhanh chóng so với yêu cầu của DN. Đặc biệt, thời gian chờ kết quả xử lý các chính sách, chế độ cho người lao động vẫn mất khá nhiều thời gian như chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động...
- Tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Các văn bản hướng dẫn chưa rõ ràng và còn khó hiểu với DN/HTX; việc phản hồi các yêu cầu thông tin của DN/HTX chưa kịp thời. Về ứng dụng CNTT, các DN/HTX cho biết hệ thống BHHX vẫn hay bị lỗi mạng, truy cập chậm; ứng dụng VssID chưa hoàn thiện, chưa dễ thực hiện trên một số điện thoại thông minh.

3.4.3. Công an thành phố

Công an thành phố đạt 77,7 điểm, tăng 0,66 điểm so với năm 2023, đứng thứ 5/21 Sở, ban, ngành đánh giá. So với năm 2023, Công an TP có chỉ số cải thiện điểm là: thực hiện TTHC tăng 0,52 điểm, chi phí không chính thức tăng 0,18 điểm, hiệu lực thiết chế tăng 0,12 điểm, tính minh bạch và ứng dụng CNTT tăng 0,11 điểm, hỗ trợ SXKD và tính năng động và tiên phong tăng nhẹ lần lượt là 0,07 điểm và 0,01 điểm.

Biểu đồ 3.21. Điểm số các CSTP của Công an TP



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Các chỉ số được đánh giá cao trong năm 2024 là: Chi phí không chính thức; thực hiện TTHC, hiệu lực thiết chế đạt mức điểm trên 7,8 điểm trở nên. Các DN/HTX cũng ghi nhận một số điểm hài lòng trong năm 2024 của Công an TP như thời gian thực hiện TTHC đã được rút ngắn, ứng dụng CNTT trong thực

hiện TTHC. Đặc biệt, công tác tổ chức các buổi tuyên truyền, tập huấn kỹ năng, kiến thức về phòng cháy chữa cháy (PCCC) rất chi tiết, hiệu quả và thiết thực, được các DN/HTX ủng hộ cao.

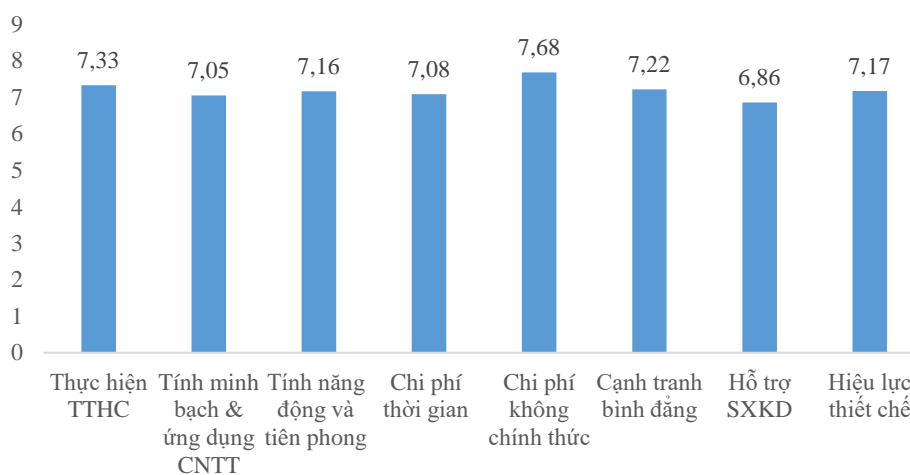
Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Tăng cường tổ chức hiệu quả các buổi đối thoại và có sự tiếp thu, thay đổi hoạt động quản lý hành chính nói chung sau đối thoại; tổ chức nhiều các chương trình tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới,... Bên cạnh đó, nhanh chóng hoàn thành các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc và triển khai các chương trình và các sáng kiến, hoạt động nhằm hỗ trợ DN hoạt động hiệu quả hơn.
- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Các DN/HTX mong muốn nhận được kịp thời thông tin về các chính sách, quy định mới, đặc biệt là cung cấp các văn bản hướng dẫn chi tiết, cụ thể, dễ hiểu đối với DN/HTX. Về triển khai ứng dụng CNTT, DN/HTX phản ánh tình trạng hệ thống mạng xử lý còn chậm, bị lỗi, chưa hoàn thiện nên một số trường hợp DN/HTX không nộp được hồ sơ.
- Chỉ số thực hiện TTHC: DN/HTX thực hiện TTHC vẫn còn phức tạp. Một số TTHC vẫn yêu cầu nộp cả bản cứng và một số giấy tờ liên quan dù đã thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Bộ hồ sơ cần nhiều loại giấy tờ phải cung cấp và còn nhiều yêu cầu về thủ tục.

3.4.4. Sở Công Thương

Năm 2024, Sở Công Thương đạt 71,94 điểm, giảm 4,81 điểm so với năm 2023, xếp thứ 20/21 Sở, ban, ngành. Nguyên nhân giảm điểm là do Sở Công Thương không có chỉ số nào cải thiện điểm trong năm 2024 và có nhiều chỉ số giảm điểm mạnh như chi phí thời gian giảm 1,01 điểm, chi phí không chính thức giảm 0,76 điểm, hiệu lực thiết chế giảm 0,7 điểm và tính minh bạch và ứng dụng CNTT giảm 0,53 điểm.

Biểu đồ 3.22. Điểm số các CSTP của Sở Công Thương



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Các chỉ số được đánh giá tốt gồm: Chi phí không chính thức và thực hiện TTHC đạt trên 7,3 điểm. Bên cạnh đó, các DN/HTX cũng đánh giá hài lòng ở một số khía cạnh như: Cán bộ hướng dẫn chi tiết, phản hồi thông tin nhanh chóng, nhiều TTHC được thực hiện trực tuyến, giúp DN không phải đi lại nhiều lần.

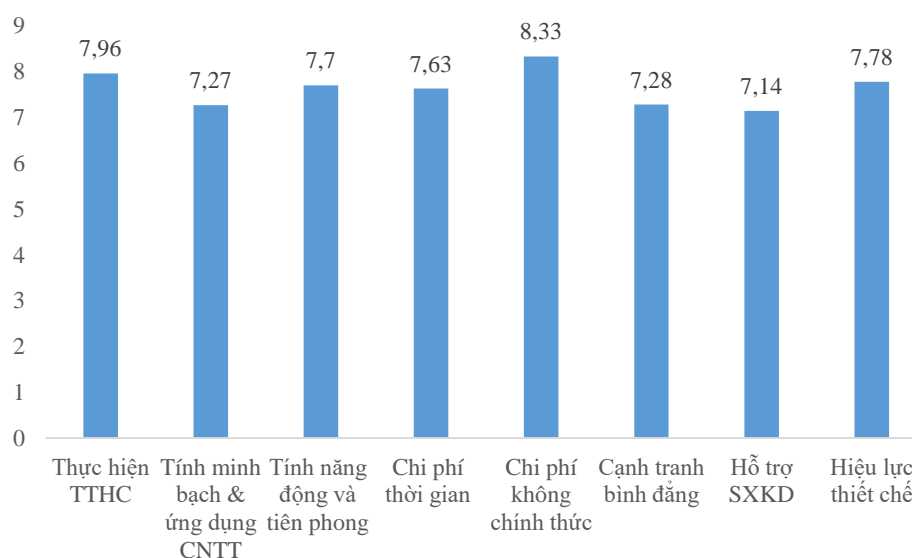
Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Tỷ lệ DN/HTX tham gia các chương trình hỗ trợ SXKD còn thấp, có 22,86% DN/HTX cho biết không được hoặc ít khi được mời tham gia. Thủ tục thực hiện để nhận hỗ trợ tương đối phức tạp với DN/HTX muốn nhận hỗ trợ. DN/HTX cũng phản ánh rằng một số chương trình, chính sách chưa mang lại hiệu quả như DN/HTX kì vọng.
- Chỉ số chi phí thời gian: DN/HTX phản ánh về thực trạng mất nhiều thời gian xử lý hồ sơ của một số thủ tục còn khá chậm, nhất là các thủ tục liên quan giữa các Sở, ngành. Bên cạnh đó, theo ý kiến của DN/HTX, hoạt động thanh tra, kiểm tra vẫn tốn nhiều thời gian của DN/HTX.
- Chỉ số chi phí không chính thức: Một số DN/HTX phản ánh vẫn còn tình trạng cán bộ gây khó khăn cho DN/HTX khi thực hiện TTHC hoặc làm việc với cơ quan, cần lưu ý tới hoạt động thanh tra, kiểm tra cần thực hiện nhanh chóng, hiệu quả.
- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Các DN/HTX cho biết đã tiếp cận được thông tin văn bản pháp luật nhưng thiếu các văn bản hướng dẫn chi tiết cho DN/HTX thực hiện hoặc đôi khi nhận kết quả còn chậm trễ. Về ứng dụng CNTT, dịch vụ công trực tuyến toàn phần vẫn chưa được áp dụng đối với một số TTHC; hệ thống thực hiện thanh toán vẫn bị lỗi, khiến DN/HTX phải thực hiện lại nhiều lần để nộp hồ sơ.

3.4.5. Sở Du lịch

Năm 2024, điểm số của Sở Du lịch đạt 76,36 điểm, giảm 1,55 điểm so với năm 2023, đứng thứ 7/21. Sở Du lịch chỉ có 3 chỉ số tăng điểm là thực hiện TTHC tăng 0,5 điểm, chi phí không chính thức tăng 0,35 điểm và tính năng động và tiên phong cải thiện nhẹ 0,03 điểm. 5 chỉ số còn lại đều giảm điểm, trong đó một số chỉ số giảm điểm nhiều như cạnh tranh bình đẳng giảm 1,15 điểm, hiệu lực thiết chế giảm 0,43 điểm và hỗ trợ SXKD giảm 0,26 điểm.

Biểu đồ 3.23. Điểm số các CSTP của Sở Du lịch



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Mặc dù vậy, năm 2023, một số khía cạnh vẫn được DN/HTX đánh giá tích cực như chi phí không chính thức, thực hiện TTHC đều đạt trên 7,9 điểm. Ngoài ra, DN/HTX cũng ghi nhận một số nội dung hài lòng nhất trong năm 2024 như trình tự thủ tục rõ ràng, đầy đủ, thực hiện nhanh, không gây khó khăn, cán bộ hướng dẫn chi tiết, nhẹ nhàng, tận tình, thực hiện dịch vụ công trực tuyến thuận lợi.

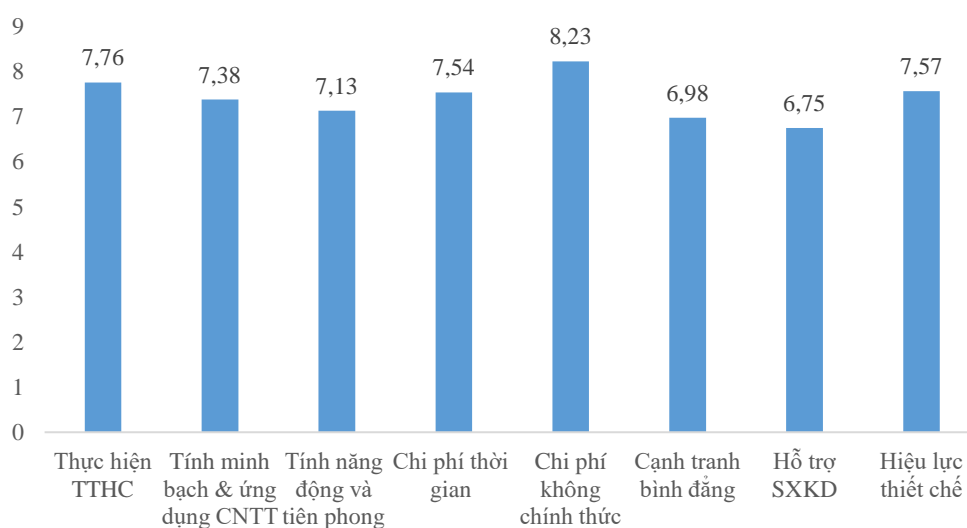
Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Một số DN/HTX quy mô nhỏ cho biết vẫn chưa biết đến hoặc tiếp cận được các chương trình, chính sách hỗ trợ của Sở Du lịch. Hiệu quả các chương trình hỗ trợ SXKD chưa đáp ứng được kì vọng của DN/HTX. Một số DN/HTX cũng kiến nghị về việc các lớp tập huấn chuyên môn về ngành du lịch cũng như kết nối với các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành du lịch.
- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Cần phải có “mối quan hệ” với cán bộ để tiếp cận thông tin và việc yêu cầu cung cấp thông tin không sẵn có cho DN/HTX chưa được kịp thời là các chỉ tiêu hiện đang có điểm số thấp.
- Chỉ số cạnh tranh bình đẳng: Một số DN/HTX phản ánh Sở Du lịch cần quan tâm nhiều hơn nữa tới các DN/HTX có quy mô nhỏ trong việc tiếp cận các chương trình hỗ trợ SXKD và các cơ hội hợp tác kinh doanh trong lĩnh vực du lịch.

3.4.6. Sở Giao thông vận tải

Sở Giao thông vận tải đạt 74,18 điểm, giảm 1,73 điểm so với năm 2023, xếp thứ 13/21 Sở, ban, ngành đánh giá. Năm 2024, Sở GTVT có 2 chỉ số cải thiện điểm gồm chỉ số thực hiện TTHC tăng 0,28 điểm và chỉ số chi phí không chính thức tăng 0,01 điểm. 7 chỉ số còn lại của Sở GTVT đều giảm điểm với mức giảm khác nhau, trong đó chỉ số giảm điểm nhiều là chi phí thời gian giảm 0,53 điểm, cạnh tranh bình đẳng, tính năng động và tiên phong và hiệu lực thiết chế giảm hơn 0,3 điểm.

Biểu đồ 3.24. Điểm số các CSTP của Sở GTVT



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Các chỉ số được đánh giá cao là chỉ số chi phí không chính thức, thực hiện TTHC, hiệu lực thiết chế và chi phí thời gian đều đạt trên 7,5 điểm. Các DN/HTX cũng ghi nhận một số điểm hài lòng nhất ở Sở GTVT trong năm qua: Đa dạng các phương thức cung cấp thông tin, thủ tục được xử lý đúng quy định, thái độ và hướng dẫn phục vụ tốt, nhiệt tình, dịch vụ công trực tuyến giúp giảm bớt thời gian thực hiện TTHC.

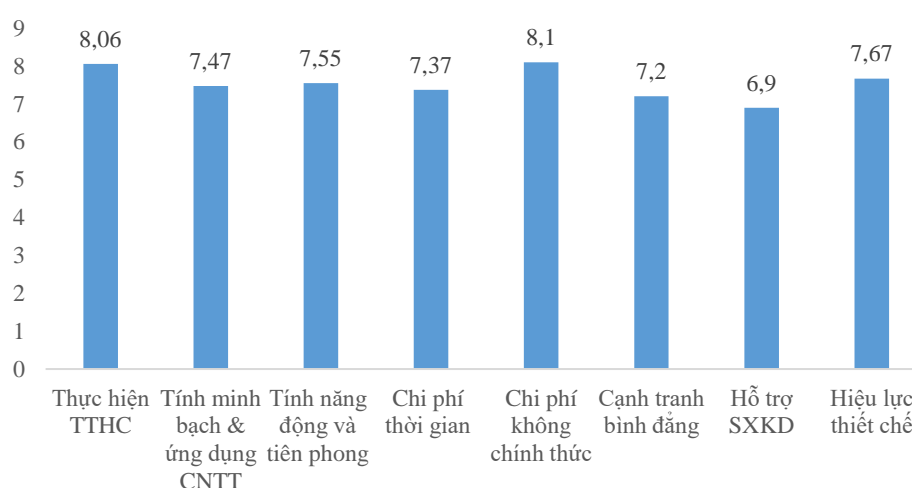
Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số hỗ trợ SXKD bị đánh giá thấp ở một số chỉ tiêu như tỉ lệ DN/HTX tham gia các chương trình, chính sách hỗ trợ còn thấp; thủ tục hưởng các chính sách hỗ trợ chưa thuận lợi; các chương trình, chính sách chưa kịp thời và hiệu quả với DN/HTX.

- Chỉ số cạnh tranh bình đẳng: Sở GTVT cần quan tâm đến các DN/HTX có quy mô nhỏ trong tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh, tiếp cận các nguồn vốn, trong việc thực hiện TTHC, dịch vụ công và tiếp cận các chính sách ưu đãi.
- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Các DN/HTX phản ánh rằng có nhiều văn bản mới DN/HTX chưa có hướng dẫn cụ thể. Sở GTVT cần đẩy mạnh việc phổ biến các quy định, văn bản pháp luật tới DN/HTX kịp thời và dễ hiểu hơn. Về ứng dụng CNTT, DN/HTX cho biết hệ thống vẫn bị lỗi, khiến DN/HTX phải mất thời gian điền thông tin nhiều lần.
- Chỉ số thực hiện TTHC: DN/HTX cho biết vẫn còn nhiều TTHC rắc rối, yêu cầu nhiều giấy tờ, thủ tục và một số TTHC chưa triển khai trực tuyến toàn phần. Một số trường hợp, cán bộ chưa hướng dẫn chi tiết, còn gây khó khăn cho DN/HTX và DN/HTX phải chỉnh sửa nhiều lần, mất thời gian.

3.4.7. Sở Giáo dục và Đào tạo

Biểu đồ 3.25. Điểm số các CSTP của Sở GD&ĐT



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Sở Giáo dục và Đào tạo đạt 75,40 điểm, giảm 1,38 điểm, đứng thứ 9/21 Sở, ban, ngành. Sở GD&ĐT có 2/8 CSTP cải thiện điểm số so với năm 2023. Trong đó, chỉ số thực hiện TTHC tăng 0,45 điểm và cạnh tranh bình đẳng tăng 0,22 điểm. Sở GD&ĐT có 6 chỉ số giảm điểm là chi phí thời gian giảm 0,82 điểm, hiệu lực thiết chế và chi phí không chính thức giảm hơn 0,3 điểm, tính năng động và tiên phong giảm 0,23 điểm, tính minh bạch và ứng dụng CNTT và hỗ trợ SXKD giảm nhẹ 0,02 và 0,03 điểm.

Các chỉ số được đánh giá tốt của Sở GD&ĐT trong năm 2024 là chi phí không chính thức, thực hiện TTHC đạt hơn 8 điểm. Các DN ghi nhận một số nội dung nổi bật trong năm 2024 của Sở GD&ĐT: hướng dẫn hồ sơ đầy đủ, đúng quy trình, cán bộ hướng dẫn, hỗ trợ nhiệt tình, giảm các giấy tờ không cần thiết khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Vẫn còn nhiều DN chưa được tiếp cận, tham gia các hoạt động, chương trình, chính sách hỗ trợ của Sở. Các chính sách, chương trình hỗ trợ cần kịp thời và bám sát yêu cầu thực tế của DN để mang lại hiệu quả tốt nhất.
- Chỉ số thực hiện TTHC và chi phí thời gian: Các DN cần tiếp tục giảm thời gian xử lý hồ sơ. DN vẫn gặp khó khăn khi tự thực hiện một số TTHC trực tuyến nên mong muốn Sở GD&ĐT có thể hướng dẫn từ xa hoặc tổ chức các buổi tập huấn cho DN thực hiện thử nghiệm.

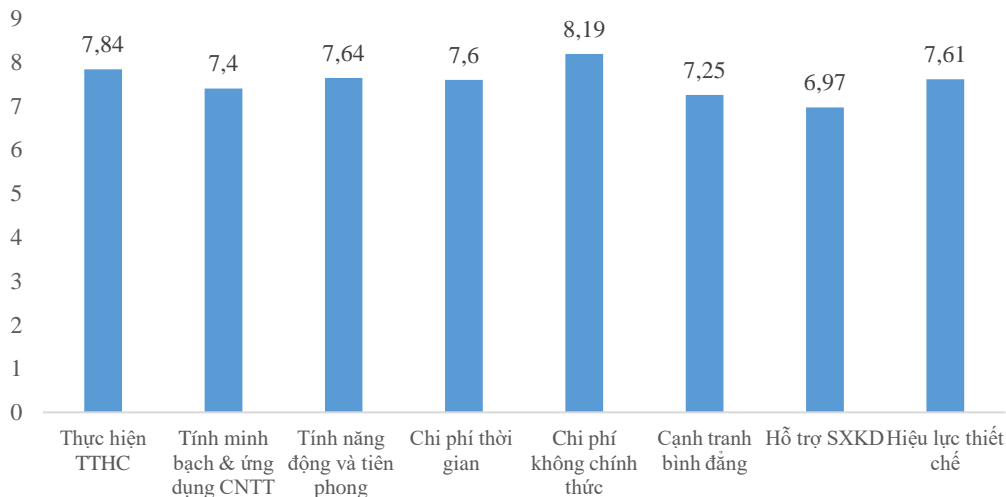
- Chỉ số cạnh tranh bình đẳng: Cần tạo sự bình đẳng trong giải quyết các vấn đề, vướng mắc cho DN; hỗ trợ các DN nhỏ và vừa trong tiếp cận các thông tin, cơ hội kinh doanh, chính sách ưu đãi, hỗ trợ khi các DN cho biết vẫn có sự ưu ái với DN lớn, “thân hữu” với chính quyền.

3.4.8. Cục Hải quan thành phố

Cục Hải quan thành phố đạt 75,63 điểm, giảm 1,25 điểm, đứng thứ 8/21 Sở, ban, ngành. Kết quả năm 2024 so sánh với năm 2023 của Cục Hải quan có 2 chỉ số cải thiện là tính năng động và tiên phong tăng 0,03 điểm và thực hiện TTHC tăng 0,29 điểm. 6 chỉ số còn lại giảm điểm nhưng phần lớn đều giảm nhẹ so với năm 2023, chỉ số chi phí thời gian giảm 0,39 điểm và tính minh bạch và ứng dụng CNTT giảm 0,31 điểm và hiệu lực thiết chế giảm 0,23 điểm.

Các chỉ số được đánh giá cao gồm chi phí không chính thức (8,19 điểm), thực hiện TTHC (7,84 điểm), tính năng động và tiên phong (7,64 điểm) và hiệu lực thiết chế (7,61 điểm). Các khía cạnh được DN/HTX đánh giá hài lòng nhất là việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT thực hiện TTHQ thông qua hệ thống hải quan một cửa, TTHQ được nhanh gọn hơn, giảm thời gian và đi lại cho DN; việc hướng dẫn DN thực hiện các thủ tục hải quan được cải thiện rõ rệt; xây dựng kênh đối thoại, tổ tư vấn để hỗ trợ DN.

Biểu đồ 3.26. Điểm số các CSTP của Cục HQ TP



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

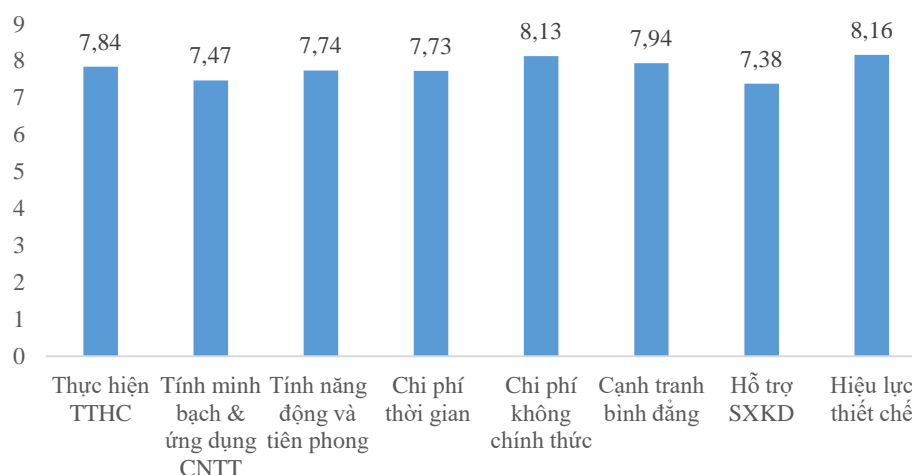
Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Có nhiều quy định mới mà DN chưa kịp cập nhật; giải đáp các chính sách mới và văn bản pháp luật chưa rõ ràng dễ hiểu đối với DN/HTX. Về ứng dụng CNTT, hệ thống phần mềm chưa hoàn thiện là vấn đề DN/HTX phản ánh nhiều nhất trong khảo sát DDCI. Các DN/HTX cho biết hệ thống VNACSS hải quan thường xuyên bị lỗi, quá tải, gặp sự cố, đôi khi còn bị lỗi kéo dài, ảnh hưởng đến tiến độ DN khai tờ khai hải quan, ảnh hưởng đến khai báo hàng xuất khẩu.
- Chỉ số hỗ trợ DN/HTX: DN/HTX chưa được tiếp cận với nhiều chương trình, chính sách hỗ trợ, gắn với thực tế, mang lại hiệu quả thiết thực; hoạt động tập huấn nghiệp vụ, cập nhật quy định, chính sách mới cũng chưa được triển khai nhiều.
- Chỉ số tính năng động và tiên phong: DN/HTX mong muốn các vấn đề, vướng mắc sau đối thoại được giải quyết kịp thời, triệt để.
- Chỉ số thực hiện TTHC và chi phí thời gian: DN/HTX cho biết vẫn còn một số số thủ tục kiểm tra, giám sát chuyên ngành còn phức tạp, chồng chéo, gây lãng phí thời gian.

3.4.9. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Sở KH&ĐT là một trong hai đơn vị trong 5 năm 2020-2024 liên tiếp duy trì thứ hạng ổn định top 5 cơ quan khối Sở, ban, ngành. Kết quả DDCI năm 2024 của Sở KH&ĐT đứng thứ 2/21 Sở, ban, ngành, điểm số đạt 77,99 điểm, giảm 1,15 điểm so với năm 2023. Các chỉ số có cải thiện trong năm 2024 so với năm 2023 là chỉ số thực hiện TTHC tăng 0,14 điểm, hiệu lực thiết chế tăng 0,07 điểm và cạnh tranh bình đẳng tăng 0,29 điểm. Sở có 5 chỉ số giảm điểm là: chi phí thời gian giảm 0,45 điểm, tính minh bạch và ứng dụng CNTT giảm 0,35 điểm, chi phí không chính thức giảm 0,29 điểm, tính năng động và tiên phong giảm 0,2 điểm, hỗ trợ SXKD giảm 0,13 điểm.

Biểu đồ 3.27. Điểm số các CSTP của Sở KH&ĐT



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Các chỉ số được DN/HTX đánh giá cao trong năm 2024 là chỉ số chi phí không chính thức, hiệu lực thiết chế, cạnh tranh bình đẳng đều đạt trên 7,9 điểm. DN/HTX cũng ghi nhận những điểm hài lòng nhất ở Sở KH&ĐT gồm: Ứng dụng CNTT hiệu quả để thực hiện TTHC (giải đáp trực tuyến bằng AI tiếng Việt và tiếng Anh trên website, Fanpage Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng, gửi tin nhắn brandname), rút ngắn thời gian cho DN/HTX; thủ tục giấy đăng ký doanh nghiệp nhanh chóng, được hỗ trợ đầy đủ (hỗ trợ trực tuyến trên Zalo page “Phòng Đăng ký kinh doanh Hải Phòng”); cán bộ nhiệt tình hỗ trợ, giải đáp. Các chỉ tiêu về mức độ thuận lợi khi tiếp cận thông tin, mức độ hữu ích thông tin trên trang web và mức độ minh bạch thông tin đều được phần lớn DN/HTX đánh giá khá tốt.

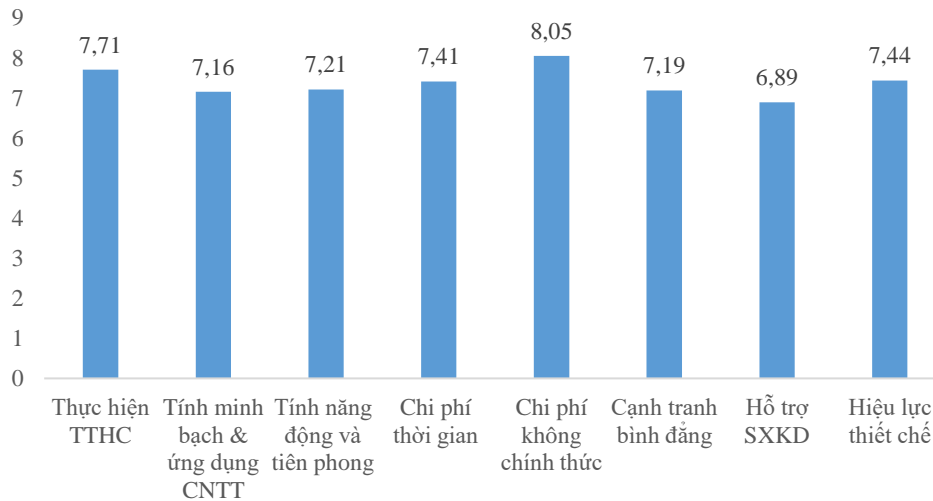
Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số hỗ trợ SXKD cần cải thiện ở các chỉ tiêu về tỉ lệ DN/HTX được thụ hưởng các chương trình, chính sách hỗ trợ và triển khai hiệu quả các chương trình hỗ trợ. Tổ chức nhiều hơn nữa các hoạt động đối thoại với doanh nghiệp, đặc biệt là hỗ trợ DN/HTX trong quá trình thực hiện thủ tục cấp phép đầu tư.
- Chỉ số thực hiện TTHC: Một số DN/HTX cho biết phải chỉnh sửa hồ sơ hoặc phải đi lại nhiều lần để nộp hồ sơ hợp lệ. Trong trường hợp, DN/HTX bị trả hồ sơ chưa hợp lệ, gặp khó khăn trong việc liên hệ với cán bộ thực hiện và chưa nhận được hướng dẫn rõ ràng, nhiệt tình. Cán bộ cần nhiệt tình và thân thiện hơn với DN/HTX khi giao tiếp trực tiếp và hỗ trợ từ xa. Một số TTHC chưa được thực hiện trực tuyến toàn phần, phải nộp bổ sung bản cứng.
- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Các DN/HTX cũng phản ánh ý kiến về việc cập nhật và giải thích rõ các nội dung thay đổi khi quy định pháp luật thay đổi để DN/HTX kịp thời điều chỉnh. Về thực hiện TTHC trực tuyến, hệ thống đăng ký kinh doanh còn chậm, cần nâng

cấp; một số doanh nghiệp phản ánh hướng dẫn chưa cụ thể cho DN thực hiện trực tuyến, nhất là các DN gặp khó khăn khi thao tác trên Cổng dịch vụ công.

3.4.10. Sở Khoa học và Công nghệ

Biểu đồ 3.28. Điểm số các CSTP của Sở KH&CN



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Sở KH&CN đạt 73,83 điểm, giảm 2,01 điểm so với năm 2023, đứng thứ 14/21 Sở, ban, ngành. Điểm số của Sở KH&CN giảm do chỉ có 4/8 chỉ số tăng điểm là chỉ số thực hiện TTHC tăng 0,61 điểm, tính minh bạch và ứng dụng CNTT tăng 0,15 điểm, hỗ trợ SXKD tăng 0,07 điểm và chi phí không chính thức tăng nhẹ 0,05 điểm. Các chỉ số còn lại đều giảm trên 0,1 điểm như chỉ số cạnh tranh bình đẳng giảm 1,02 điểm, hiệu lực thiết chế giảm 0,76 điểm, tính năng động và tiên phong giảm 0,55 điểm, chi phí thời gian giảm 0,16 điểm.

Các chỉ số thành phần được đánh giá cao là chỉ số chi phí không chính thức, thực hiện TTHC, hiệu lực thiết chế, chi phí thời gian đạt trên 7,4 điểm. Các khía cạnh khác được DN/HTX ghi nhận hài lòng nhất là: Thủ tục trực tuyến nhanh gọn, tiết kiệm thời gian, chi phí; ứng dụng CNTT hiệu quả; có nhiều hoạt động thúc đẩy mối quan hệ liên kết các DN/HTX cùng phát triển.

Các chỉ số cần phải cải thiện:

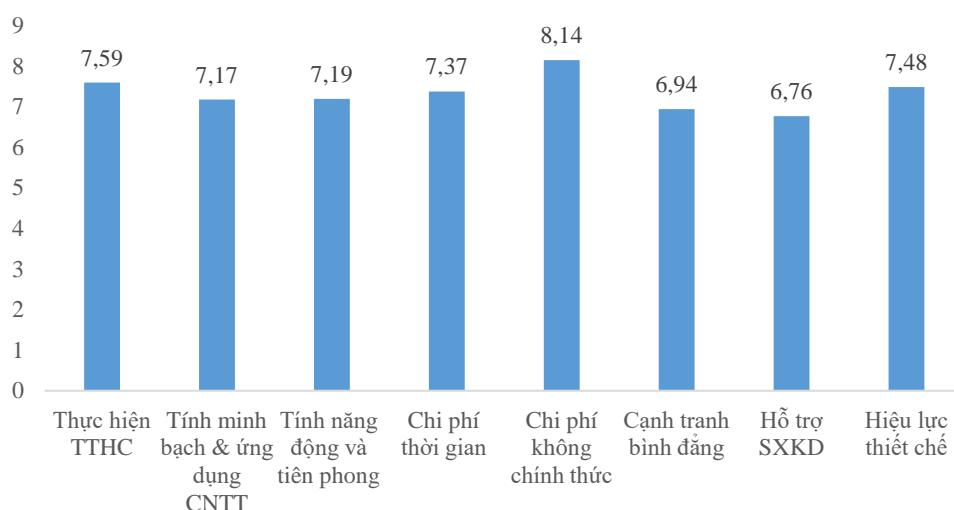
- Chỉ số chi phí thời gian: Lĩnh vực DN/HTX phản ánh còn nhiều bất cập là hoạt động thanh tra, kiểm tra mất nhiều thời gian cho DN/HTX. Trong một số trường hợp, DN/HTX phản ánh tình trạng thanh tra, kiểm tra gây áp lực, phiền hà cho DN/HTX, phải chi trả các khoản chi phí không chính thức.
- Chỉ số hỗ trợ SXKD: DN/HTX chưa thấy có nhiều chương trình, chính sách hỗ trợ DN trong ngành công nghệ hiệu quả. DN/HTX mong muốn tiếp cận nguồn vốn, chuyển giao khoa học công nghệ, tổ chức các hoạt động kết nối, hỗ trợ DN trong ngành và ngoài ngành.
- Chỉ số thực hiện TTHC: DN/HTX phản ánh mất nhiều thời gian hoàn thiện hồ sơ và chờ kết quả khá dài, mất thời gian cho DN.
- Chỉ số tính minh bạch và tiếp cận CNTT: DN/HTX gặp khó khăn trong việc tìm hiểu thông tin về các văn bản pháp luật, thiếu các văn bản hướng dẫn chi tiết. Trường hợp DN/HTX cần thông tin, phản hồi chưa nhanh chóng, thiếu hướng dẫn cụ thể. Về ứng dụng CNTT, hệ thống thực hiện TTHC trực tuyến chưa hoàn thiện, hay gặp vấn đề, không nộp được hồ sơ.

3.4.11. Sở Lao động - Thương binh & Xã hội

Năm 2024, Sở LĐ-TB&XH đạt 73,3 điểm, giảm 1,86 điểm so với năm 2023, đứng thứ 19/21 Sở, ban, ngành. Nguyên nhân giảm điểm của Sở LĐ - TB&XH là do Sở có 7/8 chỉ số giảm điểm so với năm 2023, có duy nhất chỉ số thực hiện TTHC tăng 0,16 điểm. Các chỉ số chỉ giảm nhẹ là chỉ số chi phí không chính thức (giảm 0,09 điểm), chi phí không chính thức giảm 0,1 điểm, tính minh bạch và ứng dụng CNTT giảm 0,15 điểm và tính năng động và tiên phong giảm 0,16 điểm. Các chỉ số giảm điểm nhiều là chỉ số cạnh tranh bình đẳng giảm 0,53 điểm, chi phí thời gian giảm 0,37 điểm, hiệu lực thiết chế giảm 0,25 điểm.

Các chỉ số thành phần có điểm số cao là chỉ số chi phí không chính thức (8,14 điểm), thực hiện TTHC (7,59 điểm). Các DN/HTX cũng ghi nhận những khía cạnh hài lòng trong năm 2024 của Sở là: Triển khai giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến nhanh chóng, mất ít thời gian; đã đẩy mạnh ứng dụng CNTT; hướng dẫn cẩn thận, chi tiết, giải quyết hồ sơ nhanh gọn; cán bộ chuyên ngành hỗ trợ có nghiệp vụ, nhiệt tình.

Biểu đồ 3.29. Điểm số các CSTP của Sở LĐ-TB&XH



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Các chỉ số cần phải cải thiện:

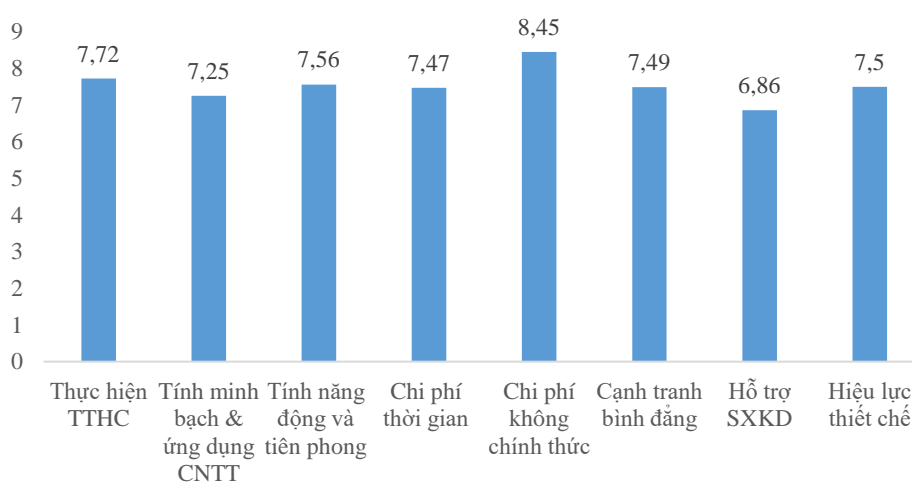
- Chỉ số chi phí thời gian: Việc thực hiện dịch vụ công chưa toàn phần, vẫn phải lên trực tiếp Sở để nộp hồ sơ và nhận kết quả. Một số TTHC vẫn phải nộp bổ sung bản cứng, tốn thời gian của DN/HTX. Một số DN/HTX phản ánh tình trạng thanh tra, kiểm tra tạo gánh nặng về thời gian và áp lực. Thời gian xử lý hồ sơ của DN/HTX vẫn mất thời gian.
- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Việc yêu cầu thông tin không có sẵn chưa được cung cấp kịp thời. Về ứng dụng CNTT, DN/HTX phản ánh cần cập nhật đầy đủ văn bản, chính sách và các mẫu biểu trên trang thông tin theo cách dễ tìm kiếm; hệ thống thực hiện TTHC còn chậm, hay gặp vấn đề khi nộp hồ sơ.
- Chỉ số hỗ trợ SXKD: DN/HTX phản ánh về việc chưa tiếp cận được các thông tin về chương trình, chính sách hỗ trợ SXKD của Sở. DN/HTX cũng đề xuất tổ chức nhiều buổi đào tạo và hướng dẫn DN/HTX để ứng dụng kịp thời CNTT trong quá trình thực hiện TTHC.
- Chỉ số cạnh tranh bình đẳng: Sở cần quan tâm hỗ trợ các DN có quy mô nhỏ trong việc tiếp cận thông tin, cơ hội kinh doanh.

3.4.12. Ngân hàng nhà nước - Chi nhánh Hải Phòng

Ngân hàng nhà nước - Chi nhánh Hải Phòng đạt 75,38 điểm, giảm 1,48 điểm so với năm 2023, đứng thứ 10/21 Sở, ban, ngành được đánh giá. Phần lớn điểm số các CSTP của NHNN - HP đều giảm điểm so với năm 2023, có 02 chỉ số thực hiện TTHC tăng 0,35 điểm và tính năng động và tiên phong tăng 0,23 điểm. Các chỉ số giảm nhiều là chỉ số chi phí không chính thức giảm 0,42 điểm, chi phí thời gian giảm 0,34 điểm, hiệu lực thiết chế giảm 0,29 điểm, hỗ trợ SXKD giảm 0,26 điểm.

Các chỉ số thành phần được đánh giá cao là chỉ số chi phí không chính thức đạt 8,45 điểm, thực hiện TTHC đạt 7,72 điểm và tính năng động và tiên phong đạt 7,56 điểm. Các DN/HTX cũng ghi nhận một số khía cạnh nổi bật trong năm là: nộp hồ sơ trực tuyến, tiết kiệm thời gian chi phí đi nộp hồ sơ cho doanh nghiệp; sát sao trong công tác quản lý; ứng dụng công nghệ thông tin nên hiệu quả công việc nhanh hơn; cán bộ tiếp xúc với DN/HTX thân thiện, nhiệt tình hướng dẫn.

Biểu đồ 3.30. Điểm số CSTP của NHNN - HP



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Các chỉ số cần phải cải thiện:

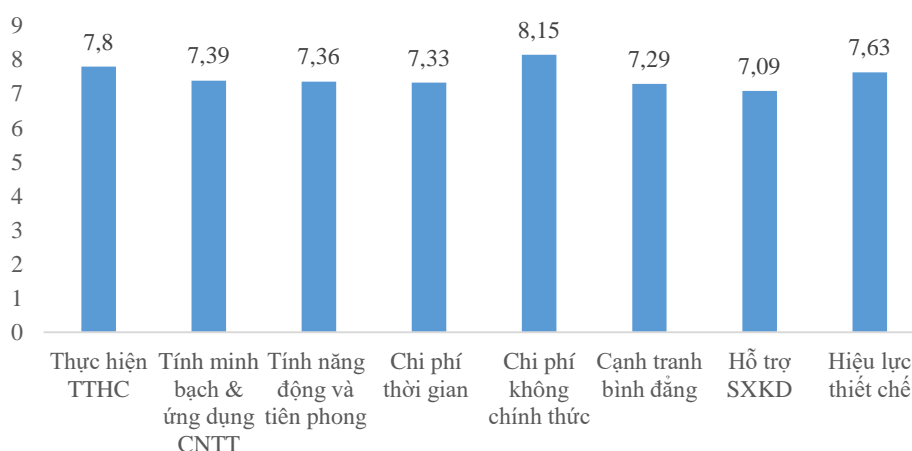
- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Các DN/HTX phản ánh rằng nhiều văn bản và quy định mới được ban hành nhưng thiếu sự hướng dẫn cụ thể, dẫn đến việc hiểu sai hoặc khó khăn trong thực hiện chính sách. Về mặt ứng dụng CNTT, việc triển khai các TTHC trực tuyến vẫn chưa được áp dụng phổ biến. DN/HTX đề nghị cần có hướng dẫn chi tiết và rõ ràng hơn khi sử dụng công nghệ này để nộp hồ sơ trực tuyến, nhằm tránh lãng phí thời gian và công sức.
- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Nhiều DN/HTX chia sẻ rằng họ chưa được tiếp cận hoặc không nắm rõ thông tin về các chương trình và chính sách hỗ trợ SXKD. Ngoài ra, thủ tục để hưởng các hỗ trợ và chính sách vẫn còn khá phức tạp, gây khó khăn cho DN/HTX trong quá trình thực hiện. Các DN/HTX mong muốn có nhiều buổi đối thoại, làm việc với cơ quan để trao đổi các vướng mắc cũng như tham gia các buổi tập huấn về chính sách, quy định mới.

3.4.13. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Sở NN&PTNT đạt 75,05 điểm, giảm 0,76 điểm so với năm 2023 và đứng thứ 12/21 Sở, ban, ngành. Kết quả điểm số cho thấy Sở NN&PTNT có 4 chỉ số tăng điểm gồm: thực hiện TTHC tăng 0,22 điểm, tính minh bạch và ứng dụng CNTT tăng 0,17 điểm, hỗ trợ SXKD tăng 0,28 điểm và hiệu lực thiết chế tăng 0,17 điểm. 4 chỉ số còn lại giảm điểm với 3 chỉ số giảm mạnh là chi phí thời gian giảm 0,63 điểm,

chi phí không chính thức giảm 0,42 điểm, cạnh tranh bình đẳng giảm 0,33 điểm, tính năng động và tiên phong giảm nhẹ 0,07 điểm.

Biểu đồ 3.31. Điểm số CSTP của Sở NN&PTNT



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Các chỉ số được đánh giá cao là chỉ số chi phí không chính thức (8,15 điểm), thực hiện TTHC (7,8 điểm), hiệu lực thiết chế (7,63 điểm). Các DN/HTX đã ghi nhận một số khía cạnh tiêu biểu của Sở NN&PTNT trong năm 2023 là: Thủ tục hành chính nhanh chóng và tiện lợi hơn; ứng dụng CNTT trong phục vụ DN/HTX giúp tiết kiệm thời gian và chi phí; quan tâm và lắng nghe tới DN/HTX nhiều hơn trước đây.

Các chỉ số cần phải cải thiện:

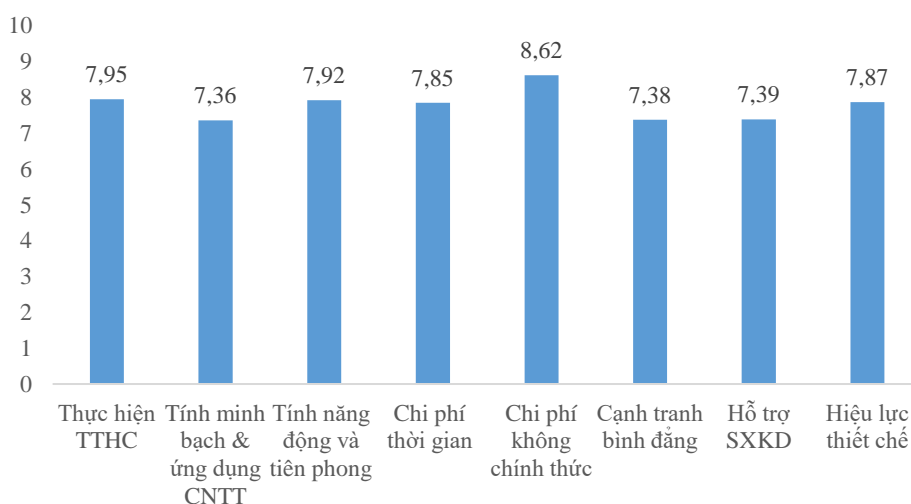
- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Các DN/HTX nhận định rằng việc tiếp cận các chính sách, chương trình hỗ trợ SXKD còn gặp nhiều khó khăn. DN/HTX mong muốn các chính sách hỗ trợ cần được xây dựng sát với nhu cầu thực tế, triển khai kịp thời và đảm bảo mang lại hiệu quả rõ rệt hơn.
- Chỉ số hiệu lực thiết chế: DN/HTX cho rằng cần cải thiện sự linh hoạt và tính kịp thời trong việc triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ. Đồng thời, nên tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật và quy định theo cách dễ hiểu, dễ tiếp cận, giúp DN/HTX thực hiện dễ dàng hơn.
- Chỉ số thực hiện TTHC và chi phí thời gian: Mặc dù đã có cải tiến, DN/HTX vẫn gặp khó khăn với thủ tục hành chính phức tạp, thời gian xử lý kéo dài và qua nhiều cơ quan trung gian. Việc hỗ trợ qua điện thoại thường chưa đáp ứng nhu cầu, quy trình hướng dẫn hồ sơ chưa thực sự rõ ràng. DN/HTX kỳ vọng quy trình cần được tinh gọn hơn và đội ngũ hỗ trợ cần chuyên nghiệp, minh bạch.
- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Mức độ triển khai TTHC trực tuyến còn hạn chế, nhiều thủ tục vẫn yêu cầu nộp hồ sơ bản cứng, hạ tầng CNTT chưa đáp ứng tốt, thường xuyên xảy ra lỗi hệ thống. DN/HTX mong muốn được hướng dẫn chi tiết, đầy đủ về cách sử dụng các hệ thống trực tuyến và phần mềm hỗ trợ, nhằm giảm thiểu rủi ro và thời gian khi thực hiện TTHC.

3.4.14. Sở Tài chính

Kết quả DDCI năm 2024 của Sở Tài chính đạt 77,93 điểm, tăng 1,42 điểm so với năm 2023, đứng thứ 3/21 Sở, ban, ngành. Sự tăng điểm này là có sự đóng góp của 6 CSTP đã có cải thiện so với năm 2023: chi phí không chính thức tăng 0,42 điểm, hỗ trợ SXKD tăng 0,37 điểm, tính năng động và tiên phong

tăng 0,35 điểm, thực hiện TTHC tăng 0,28 điểm, hiệu lực thiết chế tăng 0,27 điểm. Hai chỉ số giảm điểm là cạnh tranh bình đẳng giảm 0,56 điểm và chi phí thời gian giảm 0,01 điểm.

Biểu đồ 3.32. Điểm số CSTP của Sở Tài chính



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Các chỉ số thành phần được đánh giá cao gồm: Chỉ số chi phí không chính thức (8,62 điểm), thực hiện TTHC (7,95 điểm), tính năng động và tiên phong (7,92 điểm), hiệu lực thiết chế (7,87 điểm) và chi phí thời gian (7,85 điểm). Các DN/HTX đánh giá một số khía cạnh nổi bật của Sở trong năm qua là: Sở đã thực hiện tốt việc cải cách TTHC, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ và hỗ trợ DN/HTX giải quyết thủ tục một cách thuận tiện hơn, việc triển khai các giải pháp CNTT đã giúp DN/HTX thực hiện công việc nhanh chóng và hiệu quả hơn, đặc biệt trong việc nộp hồ sơ trực tuyến và tra cứu thông tin, cán bộ đã dần được nâng cao trình độ về chuyên môn, nghiệp vụ.

Các chỉ số cần phải cải thiện:

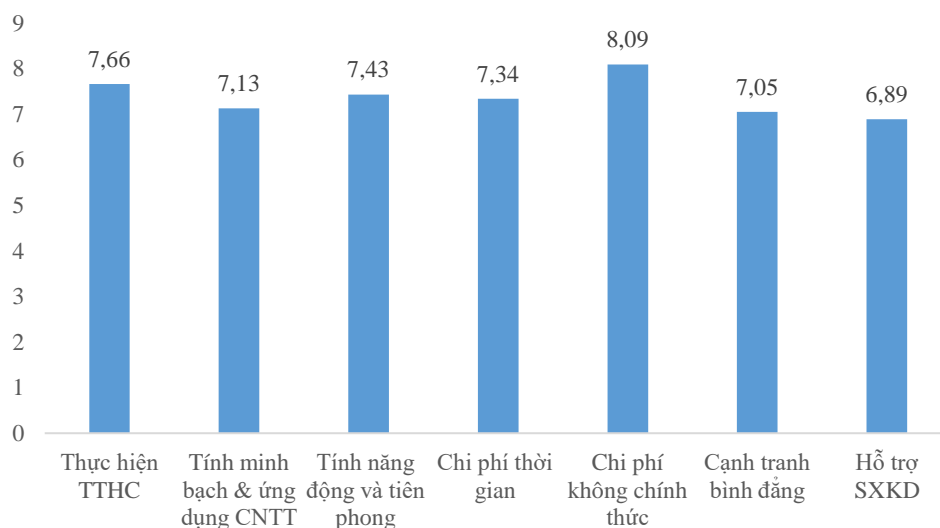
- Chỉ số cạnh tranh bình đẳng: DN/HTX cho biết vẫn còn gặp khó khăn trong việc tiếp cận các chương trình chính sách của Sở, đặc biệt là các DN/HTX có quy mô nhỏ.
- Chỉ số hỗ trợ SXKD: DN/HTX cho biết chưa tham gia hoặc chưa biết đến các chương trình, chính sách hỗ trợ SXKD. Chất lượng của các chính sách hỗ trợ và các buổi đối thoại lấy ý kiến vẫn chưa thiết thực, mang nặng tính hình thức.
- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Cập nhật các thông tin quan trọng như chính sách, quy định pháp luật, các chương trình hỗ trợ DN trên website và các kênh truyền thông của Sở chưa thường xuyên, ngôn ngữ trong các văn bản chưa dễ hiểu, cần có hình thức trình bày trực quan, các tài liệu hướng dẫn chi tiết để hỗ trợ DN/HTX dễ dàng nắm bắt.

3.4.15. Sở Tài nguyên và Môi trường

Sở TN&MT đạt 73,68 điểm, giảm nhẹ 0,03 điểm so với năm 2023, đứng thứ 15 trên bảng xếp hạng. Trong 8 CSTP so với năm 2023, Sở TN&MT có 4 chỉ số tăng điểm là: thực hiện TTHC tăng 0,54 điểm, tính minh bạch và ứng dụng CNTT tăng 0,24 điểm, hỗ trợ SXKD tăng 0,19 điểm, tính năng động và tiên phong tăng 0,08 điểm. Các chỉ số giảm điểm trong năm 2024 so với năm 2023 là cạnh tranh bình đẳng (giảm 0,38 điểm), hiệu lực thiết chế (giảm 0,29 điểm), chi phí thời gian (giảm 0,23 điểm), chi phí không chính thức (giảm 0,18 điểm).

Các chỉ số có điểm số cao là chi phí không chính thức (8,09 điểm), thực hiện TTHC (7,66 điểm), tính năng động và tiên phong (7,43 điểm). Các DN/HTX ghi một số chuyển biến tích cực của Sở TN&MT gồm: Cán bộ tại Sở được đánh giá có thái độ nhiệt tình hơn, chuyên nghiệp hơn trong việc hướng dẫn và hỗ trợ DN/HTX, tạo sự hài lòng và thiện cảm, dịch vụ công trực tuyến giúp DN/HTX tiết kiệm thời gian đáng kể trong việc giải quyết các thủ tục liên quan đến đất đai, tài nguyên, môi trường, mang lại sự thuận tiện hơn so với trước đây.

Biểu đồ 3.33. Điểm số CSTP của Sở TN&MT



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

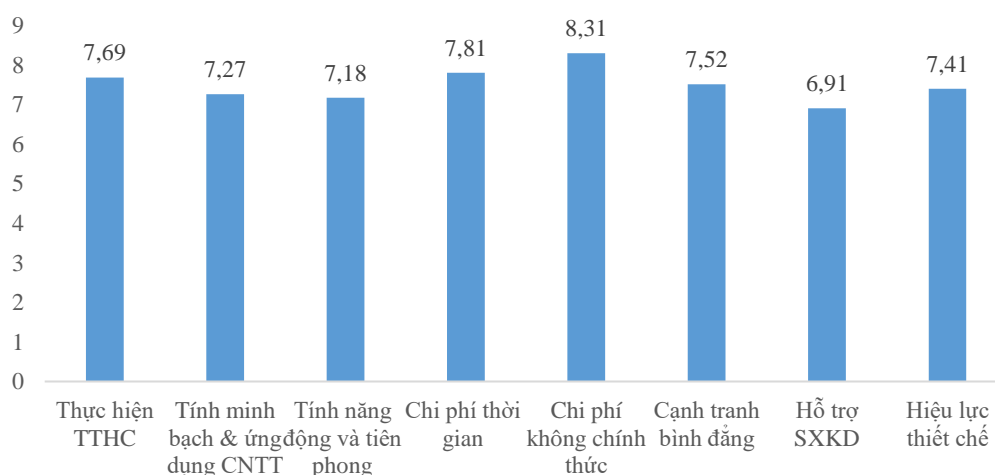
Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số quy trình thực hiện TTHC: DN/HTX gặp trở ngại với số lượng lớn thủ tục hành chính phức tạp. Một số cán bộ được phản ánh thiếu nhiệt tình và chưa chủ động hỗ trợ, chuyên môn còn hạn chế, không đáp ứng được nhu cầu giải đáp kịp thời và chính xác của DN/HTX.
- Chỉ số chi phí thời gian: DN/HTX cho rằng thời gian xử lý hồ sơ còn kéo dài, nhất là các thủ tục ở lĩnh vực đất đai.
- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Các DN/HTX phản ánh khó tiếp cận thông tin mới, chính sách và các hướng dẫn. Các văn bản thường quá dài và khó hiểu, khiến việc thực hiện gặp khó khăn. Sở cũng được ghi nhận phản hồi chậm trễ đối với các yêu cầu cung cấp thông tin và giải quyết văn bản của DN/HTX.
- Chỉ số hỗ trợ SXKD, tính năng động, tiên phong: DN/HTX kỳ vọng Sở trở nên linh hoạt hơn trong xử lý vướng mắc và chủ động tổ chức các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh. Việc duy trì thường xuyên các buổi đối thoại, phổ biến chính sách cần được cải thiện cả về chất lượng và tính hiệu quả, đảm bảo giải quyết các vấn đề cụ thể mà DN/HTX gặp phải.

3.4.16. Sở Thông tin và Truyền thông

Sở TT&TT đạt 75,13 điểm, giảm 0,66 điểm so với năm 2023, đứng thứ 11/21 Sở, ban, ngành. Sự giảm điểm này thể hiện qua sự giảm điểm của 6/8 CSTP là hiệu lực thiết chế giảm 0,22 điểm, chi phí không chính thức giảm 0,14 điểm, chi phí không chính thức và tính năng động và tiên phong giảm 0,12 điểm, hỗ trợ SXKD giảm 0,11 điểm và tính minh bạch và ứng dụng CNTT giảm nhẹ 0,01 điểm. Chỉ số thực hiện TTHC là chỉ số duy nhất có cải thiện ở Sở TT&TT với mức tăng 0,19 điểm so với năm 2023 và chỉ số cạnh tranh bình đẳng vẫn duy trì mức điểm của năm 2023.

Biểu đồ 3.34. Điểm số CSTP của Sở TT&TT



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

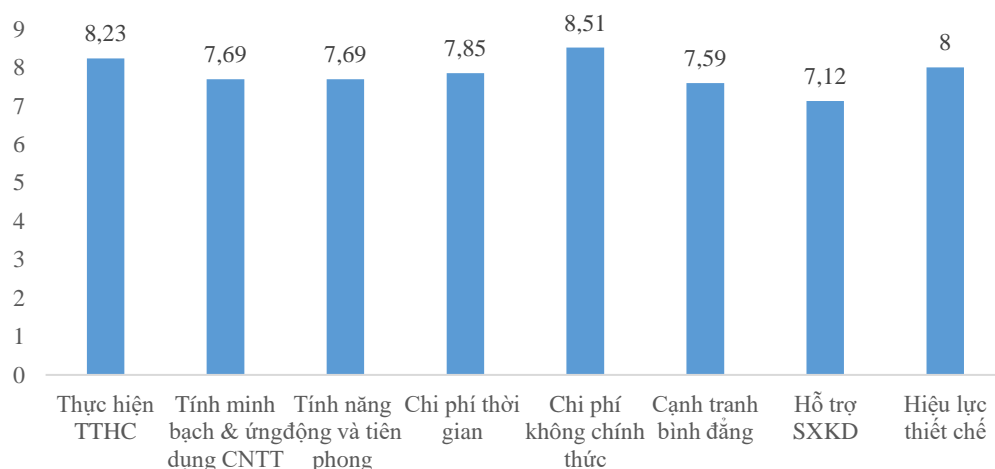
Các chỉ số thành phần được đánh giá cao là chỉ số chi phí không chính thức (8,31 điểm); chi phí thời gian (7,81 điểm), thực hiện TTHC (7,69 điểm). Các DN/HTX đánh giá một số điểm tích cực của Sở TTTT như: Công khai, minh bạch quy trình giải quyết các TTHC; bộ phận tiếp nhận một cửa của Sở nhiệt tình hướng dẫn DN/HTX trong việc giải quyết các TTHC; thực hiện TTHC trực tuyến giúp tiết kiệm thời gian, thủ tục cấp giấy phép có cải thiện tích cực.

Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số thực hiện TTHC và chi phí thời gian: Một số TTHC vẫn chưa thực hiện trực tuyến toàn phần và phải nộp bổ sung bản cứng hoặc làm trực tiếp. Thời gian xử lý hồ sơ cần tiếp tục rút ngắn hơn cho DN/HTX.
- Chỉ số hỗ trợ SXKD: DN/HTX chưa tiếp cận được các thông tin, chính sách hỗ trợ một cách dễ dàng và mong muốn được tham gia nhiều các hoạt động phổ biến chính sách cũng như các chương trình hỗ trợ trong thời gian tới.

3.4.17. Cục Thuế thành phố

Biểu đồ 3.35. Điểm số CSTP của Cục Thuế TP



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Kết quả DDCI năm 2024 của Cục Thuế thành phố đạt 78,35 điểm, tăng 1,91 điểm so với năm 2023, đứng thứ 1/21 Sở, ban, ngành. Kết quả tích cực này nhờ vào sự cải thiện điểm số của hầu hết các chỉ số thành phần như chỉ số thực hiện TTHC tăng 0,68 điểm, hiệu lực thiết chế tăng 0,37 điểm, chi phí không chính thức tăng 0,26 điểm, tính năng động và tiên phong tăng 0,15 điểm, tính minh bạch và ứng dụng CNTT và hỗ trợ SXKD tăng nhẹ dưới 0,1 điểm. Tuy nhiên, Cục Thuế TP vẫn còn 2 chỉ số giảm điểm nhẹ là chỉ số chi phí thời gian giảm 0,03 điểm và cạnh tranh bình đẳng giảm 0,01 điểm.

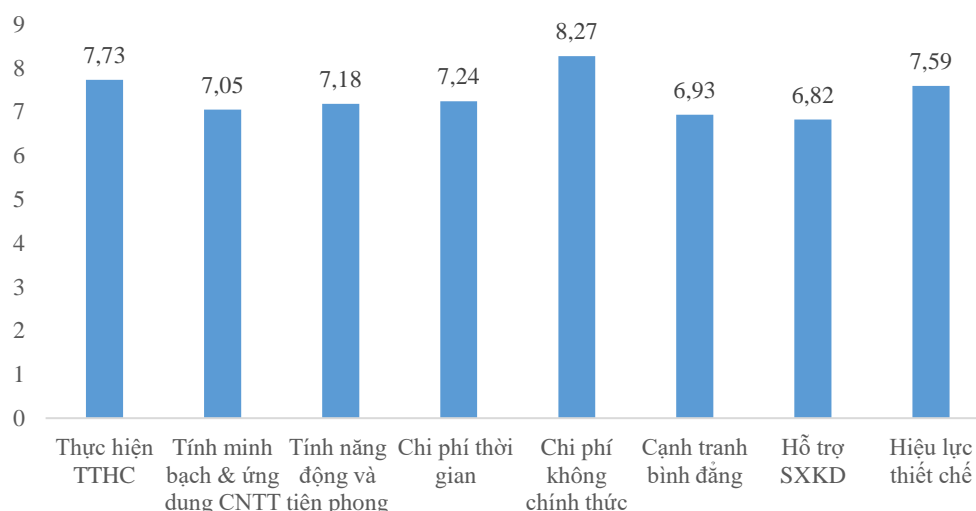
Các chỉ số thành phần được đánh giá cao là chỉ số chi phí không chính thức (8,51 điểm), thực hiện TTHC (8,23 điểm) và hiệu lực thiết chế (8 điểm). Các DN/HTX cũng ghi nhận một số nỗ lực của Cục Thuế trong năm 2024 như: Nhiều thủ tục hành chính được rút gọn, cán bộ hỗ trợ nhiệt tình, giúp DN giải quyết thủ tục và công việc hiệu quả; tạo cơ sở dữ liệu nộp thuế tiện lợi, liên thông; hệ thống kê khai thuế ngày càng hoàn thiện; các kiến nghị, thắc mắc về chính sách thuế được giải quyết nhanh chóng, hiệu quả (trong vòng 1 ngày); thực hiện kịp thời chính sách hỗ trợ DN khi gặp thiên tai (siêu bão Yagi).

Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số thực hiện TTHC và chi phí thời gian: DN/HTX mong muốn đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến nhiều hơn hiện nay với mức độ toàn phần. Quy trình thực hiện của một số TTHC vẫn còn rắc rối, mất nhiều thời gian thực hiện và chờ đợi xử lý kết quả.
- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: DN/HTX cho biết các thông tư, nghị định hướng dẫn chưa rõ ràng, việc giải thích của cán bộ Cục Thuế cần cụ thể hơn nữa. DN/HTX đề nghị các hướng dẫn về thay đổi hoặc các điểm mới của các quy định mới được ban hành cần chi tiết, cụ thể và sớm nhất có thể gửi tới DN và hướng dẫn thực hiện một cách thống nhất. Hệ thống phần mềm thuế vẫn bị lỗi khi vào các đợt báo cáo cuối năm, nhiều thông tin DN/HTX đã nộp lên trước đó nhưng hệ thống chưa cập nhật.
- Chỉ số cạnh tranh bình đẳng: Các DN/HTX có quy mô vừa và nhỏ phản ánh về tình trạng chưa được tiếp cận đến các chương trình, chính sách và cần hỗ trợ nhiều hơn về năng lực và nghiệp vụ.
- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Các chính sách ưu đãi về thuế và hỗ trợ thuế cần được phổ biến và hướng dẫn DN/HTX chi tiết, rõ ràng hơn.

2.4.18. Sở Tư pháp

Biểu đồ 3.36. Điểm số CSTP của Sở Tư pháp



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Sở Tư pháp đạt 73,51 điểm, giảm 4,74 điểm so với năm 2023, xếp thứ 17/21 Sở, ban, ngành được đánh giá. Năm 2024, Sở Tư pháp chưa có chỉ số nào cải thiện điểm số và có nhiều chỉ số giảm điểm mạnh như chi phí thời gian giảm 0,84 điểm, hiệu lực thiết chế giảm 0,64 điểm, cạnh tranh bình đẳng giảm 0,55 điểm, các chỉ số còn lại giảm ở mức điểm từ 0,2 - 0,4 điểm.

Các chỉ số thành phần có điểm số cao là chỉ số chi phí không chính thức (8,27 điểm), thực hiện TTHC (7,73 điểm), hiệu lực thiết chế (7,59 điểm). Các DN/HTX cũng ghi nhận một số khía cạnh nổi bật trong năm 2024 là: việc áp dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào quá trình xử lý các thủ tục đã giúp giảm thiểu thời gian chờ đợi và mang lại sự tiện lợi cho DN/HTX. Bên cạnh đó, các cán bộ giải quyết TTHC thể hiện thái độ làm việc thân thiện, chuyên nghiệp và lịch sự, luôn hỗ trợ và hướng dẫn chi tiết để đảm bảo mọi thủ tục đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

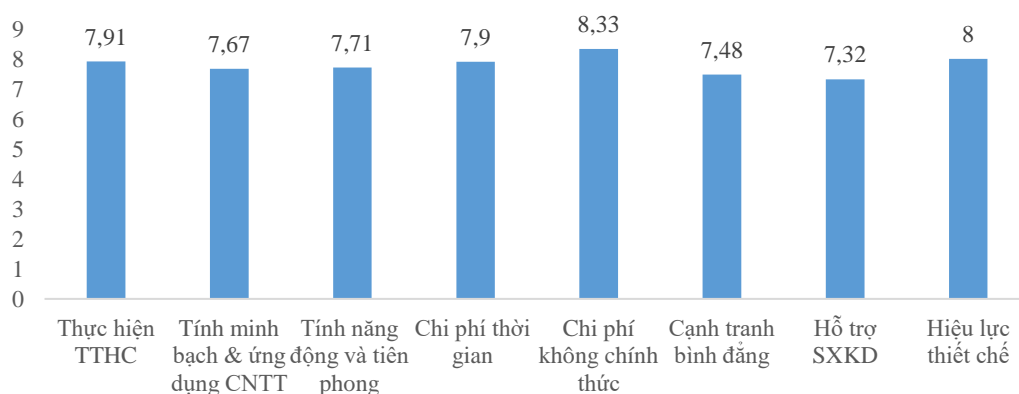
Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Duy trì và tổ chức thêm nhiều hoạt động tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao kiến thức pháp luật với sự tham gia của nhiều DN/HTX hiệu quả và kịp thời. Các thủ tục nhận hỗ trợ các chương trình, chính sách cũng cần được đơn giản hóa để DN/HTX thuận lợi trong việc thụ hưởng.
- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Việc hỗ trợ thông tin công chứng còn chậm. Việc tra cứu thông tin về đất đai, hồ sơ công chứng... chưa được ứng dụng CNTT hoặc đôi khi chưa cập nhật kịp thời. Trang web của Sở chưa cập nhật các thông tin và văn bản pháp luật mới.
- Chỉ số thực hiện TTHC và chi phí thời gian: DN/HTX cho biết vẫn còn nhiều TTHC rườm rà, chưa được đơn giản hóa. Nhiều TTHC chưa được triển khai trực tuyến, vẫn phải nộp bản cứng hoặc làm trực tiếp (như hồ sơ thành lập văn phòng luật sư). Quá trình xử lý hồ sơ và hướng dẫn thực hiện hồ sơ đôi khi còn chậm và thiếu hướng dẫn chi tiết, cụ thể.

2.4.19. Sở Văn hóa và Thể thao

Năm 2024, Sở VH&TT đạt 77,9 điểm, giảm 3,08 điểm, xếp thứ 4/21 Sở, ban, ngành được đánh giá. Sở VH&TT là một trong hai đơn vị trong 5 năm đánh giá 2020-2024 luôn giữ vị trí top 5 khối các Sở, ban, ngành, tuy nhiên vị trí xếp hạng không duy trì ổn định mà biến động theo từng năm. So sánh với năm 2023, Sở VH&TT không có chỉ số nào cải thiện, cả 8 chỉ số đều giảm điểm. Trong đó, chỉ số giảm điểm nhiều gồm: chi phí không chính thức giảm 0,41 điểm, hỗ trợ SXKD giảm 0,4 điểm, tính năng động và tiên phong giảm 0,39 điểm, cạnh tranh bình đẳng giảm 0,37 điểm, hiệu lực thiết chế giảm 0,33 điểm, tính minh bạch và ứng dụng CNTT giảm 0,31 điểm. Các chỉ số còn lại có mức giảm thấp hơn là thực hiện TTHC giảm 0,02 điểm và chi phí thời gian giảm 0,23 điểm.

Biểu đồ 3.37. Điểm số CSTP của Sở VH&TT



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

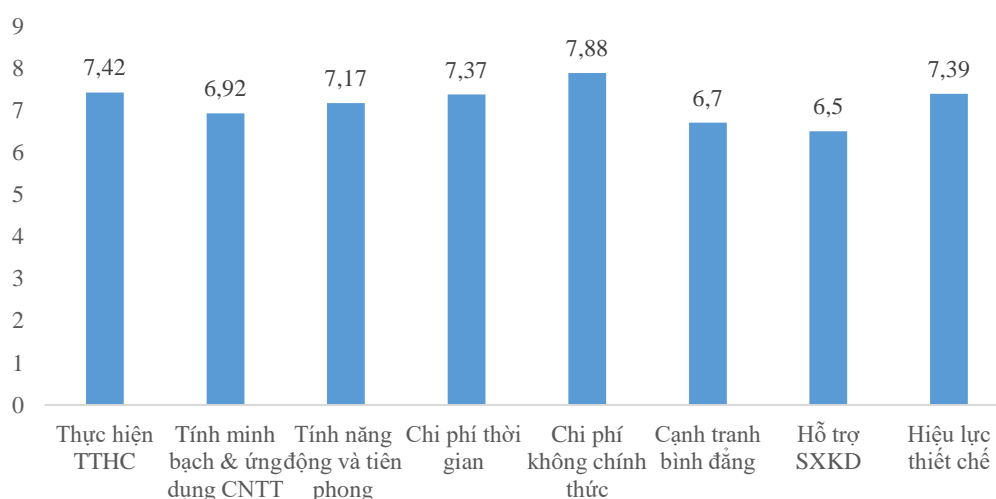
Các chỉ số thành phần được đánh giá cao là chỉ số chi phí không chính thức, hiệu lực thiết chế và thực hiện TTHC (đều đạt trên 7,9 điểm). Các khía cạnh được DN/HTX đánh giá nổi bật nhất trong năm 2024 của Sở VH&TT là: Nộp hồ sơ trực tuyến không mất nhiều thời gian đi lại; cán bộ hướng dẫn cụ thể, nhiệt tình; TTHC nhanh chóng, thuận tiện.

Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Hoạt động và chính sách hỗ trợ sản xuất kinh doanh chưa được phổ biến rộng rãi đến DN/HTX, dẫn đến hạn chế trong việc tiếp cận. Các chương trình hỗ trợ SXKD chưa thực sự hiệu quả đối với DN/HTX và có ít DN/HTX được tham gia.
- Chỉ số thực hiện TTHC và chi phí thời gian: Một số thủ tục vẫn còn phức tạp, thiếu hướng dẫn rõ ràng, cụ thể, cần giải quyết linh hoạt hơn cho DN/HTX. Mặc dù thời gian xử lý đúng hạn nhưng cần được rút ngắn hơn nữa để tăng hiệu quả.

3.4.20. Sở Xây dựng

Biểu đồ 3.38. Điểm số CSTP của Sở XD



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Kết quả DDCI năm 2024 của Sở Xây dựng đạt 71,69 điểm, giảm 1,41 điểm so với năm 2023, đứng thứ 21 trên bảng xếp hạng. So với năm 2023, Sở Xây dựng có 2 chỉ số cải thiện điểm là: Chỉ số thực hiện TTHC tăng 0,31 điểm; chỉ số tính năng động và tiên phong tăng 0,03 điểm. Sở XD cũng có 6 chỉ số giảm điểm là chỉ số cạnh tranh bình đẳng giảm 0,41 điểm, tính minh bạch và ứng dụng CNTT giảm 0,29 điểm, chi phí thời gian và hỗ trợ SXKD cùng giảm 0,22 điểm, chi phí không chính thức giảm 0,19 điểm, hiệu lực thiết chế giảm 0,14 điểm.

Các chỉ số được đánh giá cao của Sở XD là chỉ số chi phí không chính thức đạt 7,88 điểm; chỉ số chi phí thời gian và hiệu lực thiết chế đạt khoảng 7,4 điểm. Các DN/HTX cũng đã ghi nhận một số khía cạnh nổi bật của Sở XD gồm: Quy trình thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) trở nên thuận tiện và nhanh gọn hơn nhờ áp dụng công nghệ, Sở XD đã tích cực tiếp nhận và phản hồi thông tin từ DN/HTX.

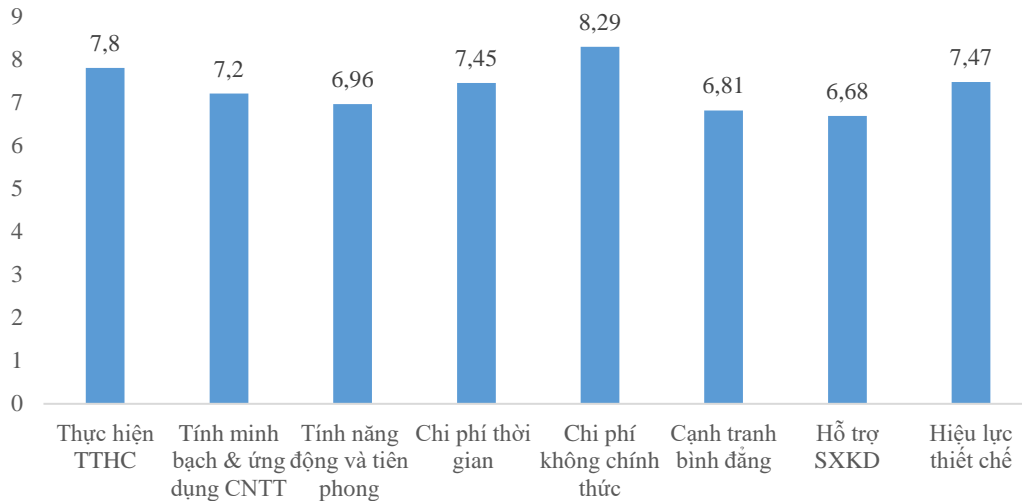
Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số thực hiện TTHC: DN/HTX phản ánh rằng các thủ tục còn phức tạp, mất nhiều thời gian để tìm hiểu và thực hiện, phải qua nhiều phòng ban để phê duyệt. Cán bộ hướng dẫn chưa chi tiết, kịp thời khiến DN/HTX phải sửa hồ sơ nhiều lần hoặc thuê dịch vụ bên ngoài.

- Chỉ số chi phí thời gian: Thời gian xử lý hồ sơ chưa đáp ứng được yêu cầu của DN/HTX. Dịch vụ công trực tuyến chưa được triển khai rộng rãi, nhiều thủ tục vẫn cần thực hiện trực tiếp hoặc phải nộp bản cứng.
- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Hướng dẫn thông tin trực tuyến còn hạn chế, DN/HTX gặp khó khăn khi tự tiếp cận. Việc cập nhật nội dung liên quan đến quy hoạch và quản lý quy hoạch chưa đầy đủ và kịp thời.

3.4.21. Sở Y tế

Biểu đồ 3.39. Điểm số CSTP của Sở Y tế



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Năm 2024, điểm số DDCI của Sở Y tế đạt 73,33 điểm, giảm 2,17 điểm so với năm 2023, đứng thứ 18 trên bảng xếp hạng. Trong 8 CSTP, Sở Y tế chỉ có chỉ số thực hiện TTHC cải thiện 0,4 điểm so với năm 2023, các chỉ số còn lại đều giảm điểm ở nhiều mức khác nhau. Các chỉ số giảm điểm mạnh trong năm 2024 là hỗ trợ SXKD giảm 0,59 điểm, hiệu lực thiết chế giảm 0,42 điểm và chi phí thời gian giảm 0,4 điểm.

Các chỉ số có điểm số cao của Sở Y tế trong năm 2024 là chỉ số chi phí không chính thức (8,29 điểm), thực hiện TTHC (7,8 điểm). Các khía cạnh nổi bật của Sở Y tế được DN/HTX đánh giá cao là: DN/HTX đánh giá cao sự nhanh chóng, đơn giản trong quy trình xử lý TTHC trực tuyến. Hồ sơ được hướng dẫn chi tiết, tỉ mỉ, tạo thuận lợi cho DN/HTX khi gặp khó khăn, tiếp nhận và xử lý hồ sơ đạt hiệu quả cao, được DN/HTX đánh giá tốt về thái độ phục vụ và chuyên môn việc.

Các chỉ số cần cải thiện:

- Chỉ số cạnh tranh bình đẳng: DN/HTX, nhất là DN nhỏ và vừa cần được quan tâm trong tiếp cận các chương trình, chính sách của Sở cũng như thực hiện TTHC, tiếp cận thông tin, giải quyết vướng mắc, khó khăn.
- Chỉ số tính năng động và tiên phong: Hoạt động đối thoại cần được tổ chức thường xuyên và tăng cường cam kết giải quyết triệt để vấn đề sau mỗi buổi đối thoại.
- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Một số văn bản pháp luật, quy định chưa được hướng dẫn đầy đủ, gây khó khăn trong việc thực hiện. DN/HTX mong muốn hệ thống CNTT hoạt động ổn định hơn, giảm lỗi và nâng cao tốc độ xử lý. Ngoài ra, cần đẩy mạnh số hóa toàn phần cho các TTHC để hạn chế việc nộp hồ sơ trực tiếp.

- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Hoạt động tập huấn, phổ biến chủ trương, chính sách mới chưa được thực hiện rộng rãi đến tất cả các DN/HTX. Cần đổi mới và sáng tạo trong cách tổ chức chương trình hỗ trợ, đảm bảo tính hiệu quả và thực tế, giúp DN/HTX nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh.



CHƯƠNG IV

Kết quả DDCI cấp Địa phương

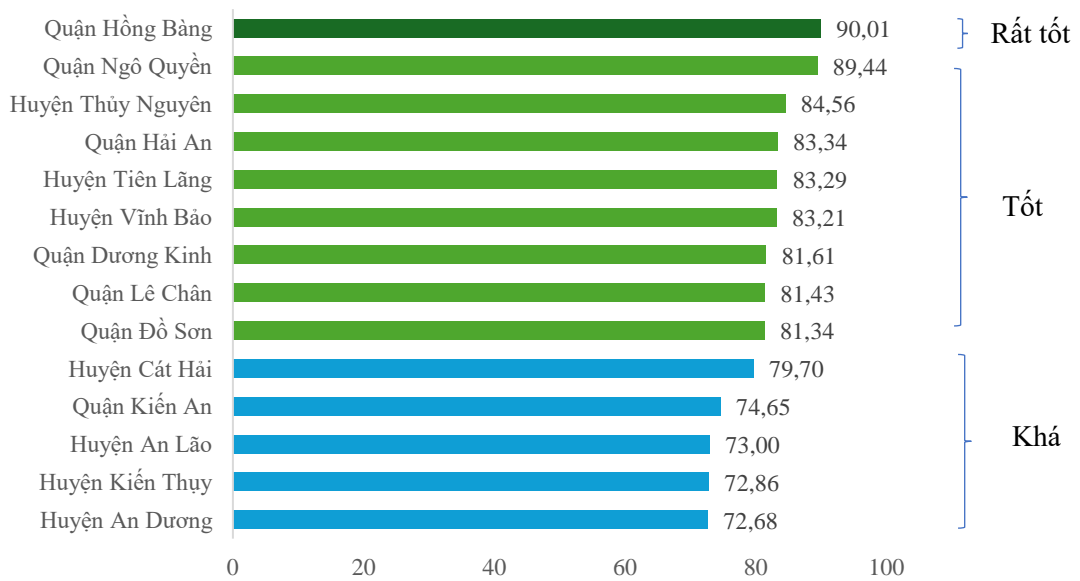




CHƯƠNG IV. KẾT QUẢ DDCI CẤP ĐỊA PHƯƠNG

4.1. Kết quả và xếp hạng

Biểu đồ 4.1. Kết quả DDCI cấp địa phương năm 2024



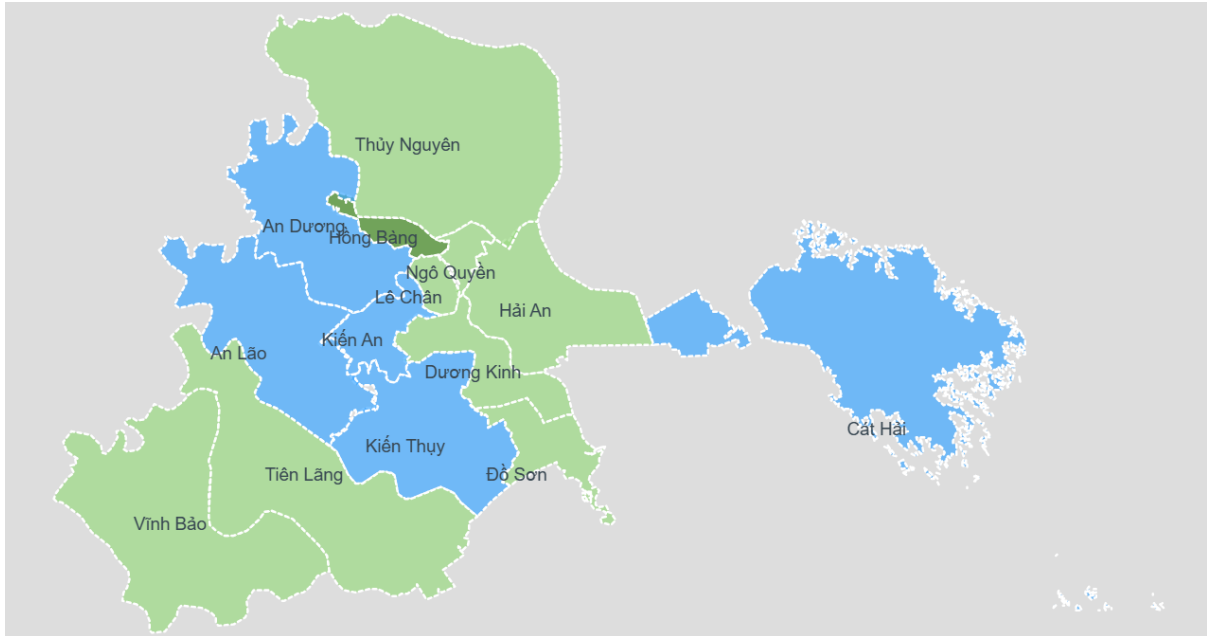
Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Điểm trung bình chung DDCI Hải Phòng cấp địa phương năm 2024 là 80,80 điểm (giảm 2,64 điểm so với năm 2023), tuy nhiên vẫn ở mức điểm tốt trung bình cả khối địa phương. Khoảng cách điểm số giữa các địa phương không quá lớn với chênh lệch điểm số giữa địa phương đứng đầu và đứng cuối bảng là 17,33 điểm. Với thang điểm tối đa là 100, điểm tổng hợp chỉ số DDCI cấp địa phương được thể hiện ở biểu đồ 4.1 và bản đồ 4.1. Cụ thể, theo phân nhóm:

- ❖ Nhóm “Rất tốt” là quận Hồng Bàng, đây là năm thứ 2 quận dẫn đầu bảng xếp hạng với 90,01 điểm và cũng là địa phương duy nhất thuộc nhóm quản trị “rất tốt” trên 90 điểm. Năm 2024, quận Hồng Bàng tiếp tục nhiều giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ công, đảm bảo sự kết nối, chia sẻ dữ liệu cùng với hoạt động truyền thông, hướng dẫn các DN/HTX tích cực tham gia, đầu tư hạ tầng kỹ thuật và dữ liệu số, bảo đảm vận hành thông suốt.
- ❖ Nhóm “Tốt” là những địa phương có điểm số từ 80,00 điểm trở lên, bao gồm 8 quận, huyện: quận Ngô Quyền ở vị trí thứ hai với 89,44 điểm, ở vị trí thứ ba là huyện Thủy Nguyên với 84,56 điểm. Tiếp theo là quận Hải An (83,34 điểm), huyện Tiên Lãng (83,39 điểm), huyện Vĩnh Bảo (83,21 điểm), quận Dương Kinh (81,61 điểm), quận Lê Chân (81,43 điểm), quận Đồ Sơn (81,34 điểm).

- ❖ Nhóm “Khá” là những địa phương có điểm số từ 70 tới dưới 80 điểm, bao gồm: huyện Cát Hải (79,7 điểm), Kiến An (74,65 điểm), huyện An Lão (73 điểm), huyện Kiến Thụy (72,86 điểm) và huyện An Dương (72,86 điểm).

Bản đồ 4.1. Bản đồ phân phối điểm DDCI cấp địa phương năm 2024



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

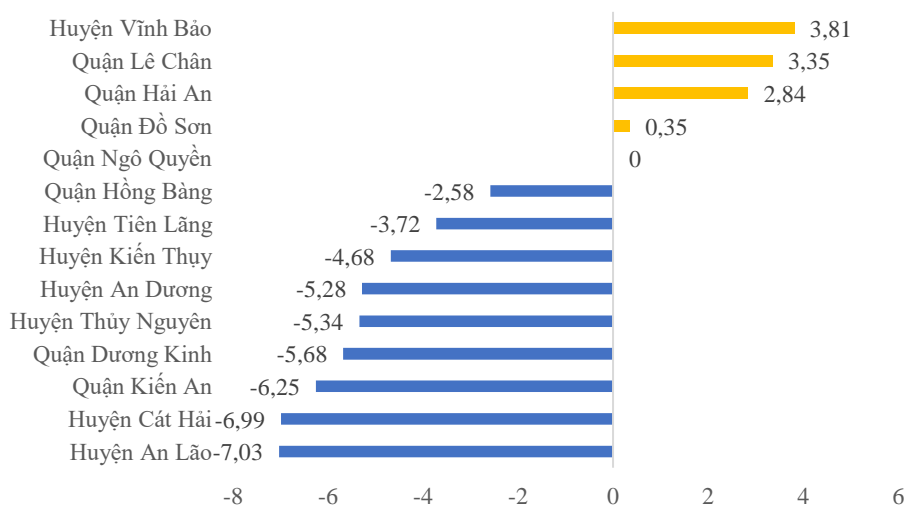
Xét về CSTP, chỉ số chi phí không chính thức đạt điểm số cao nhất với mức điểm trung bình là 8,5. Tiếp theo là chỉ số đạt điểm cao thứ hai là hiệu lực thiết chế với 8,44 điểm. Các chỉ số khác thuộc nhóm điểm tốt gồm thực hiện TTHC, chi phí thời gian và cạnh tranh bình đẳng. Ba chỉ số có mức điểm khá là tính năng động và tiên phong, tính minh bạch và ứng dụng CNTT và hỗ trợ SXKD. Theo kết quả khảo sát năm trước đó, đây cũng là các CSTP cần nhiều cải thiện trong thời gian tới.

4.2. Sự thay đổi kết quả DDCI

Điểm số trung bình của DDCI cấp địa phương năm 2024 có sự giảm điểm nhẹ so với các năm 2023 nhưng vẫn ở mức tốt, cho thấy chất lượng quản lý, điều hành của các quận, huyện đang cải thiện theo xu hướng khả quan; tuy nhiên các địa phương vẫn không có những cải cách thủ tục hành chính mang tính đột phá, sáng tạo, chủ yếu vận dụng từ các tỉnh, thành phố khác. So sánh về cải thiện điểm số trong năm 2024 so với năm 2023, có 4 địa phương có cải thiện điểm số, 1 địa phương là quận Ngô Quyền giữ nguyên điểm số và 9 địa phương giảm điểm. Cụ thể:

- Nhóm địa phương có điểm số tăng: Huyện Vĩnh Bảo và quận Lê Chân là 2 địa phương có mức cải thiện nhiều nhất với số điểm tăng hơn 3 điểm. Tiếp theo là quận Hải An tăng hơn 2 điểm và quận Đồ Sơn tăng 0,35 điểm. Với các địa phương tăng điểm nhiều đã giúp cải thiện thứ hạng trên bảng xếp hạng như quận Hải An và huyện Vĩnh Bảo.
- Nhóm địa phương có điểm số giảm: Các quận huyện có điểm số giảm mạnh dẫn đến giảm thứ hạng gồm huyện An Lão, huyện Cát Hải, quận Kiến An, quận Dương Kinh, huyện Thủy Nguyên, huyện An Dương đều giảm trên 5 điểm. Các địa phương còn lại giảm điểm ít hơn nhưng cũng đều giảm trên 2 điểm. Một số địa phương có nền tảng điểm số tốt nên vẫn giữ được thứ hạng trong năm 2024 nhưng các địa phương cũng cần tiếp tục đẩy mạnh cải thiện các chỉ số để nâng cao điểm số và thứ hạng.

Biểu đồ 4.2 Mức thay đổi điểm số DDCI của các địa phương năm 2023-2024

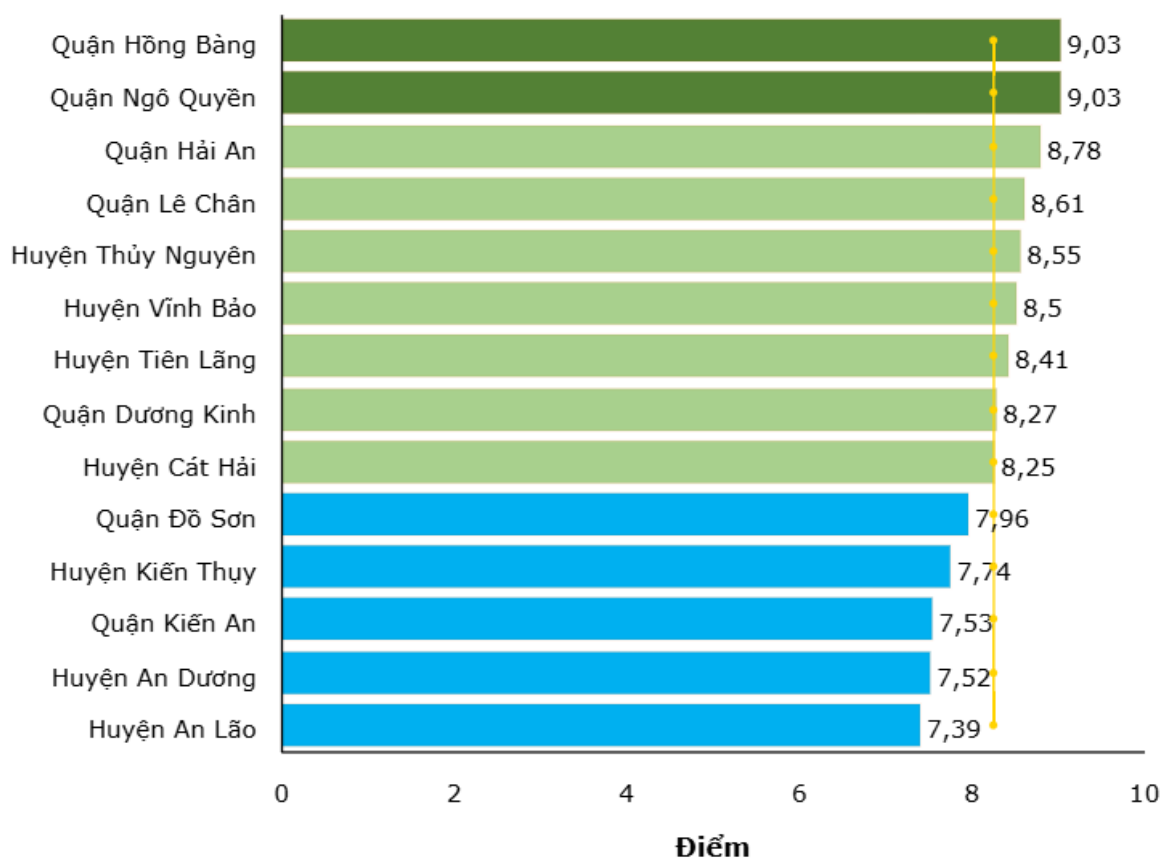


Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

4.3. Kết quả DDCI cấp địa phương theo chỉ số thành phần

4.3.1. Thực hiện TTHC

Biểu đồ 4.3. Điểm số CSTP thực hiện TTHC



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng (2024)

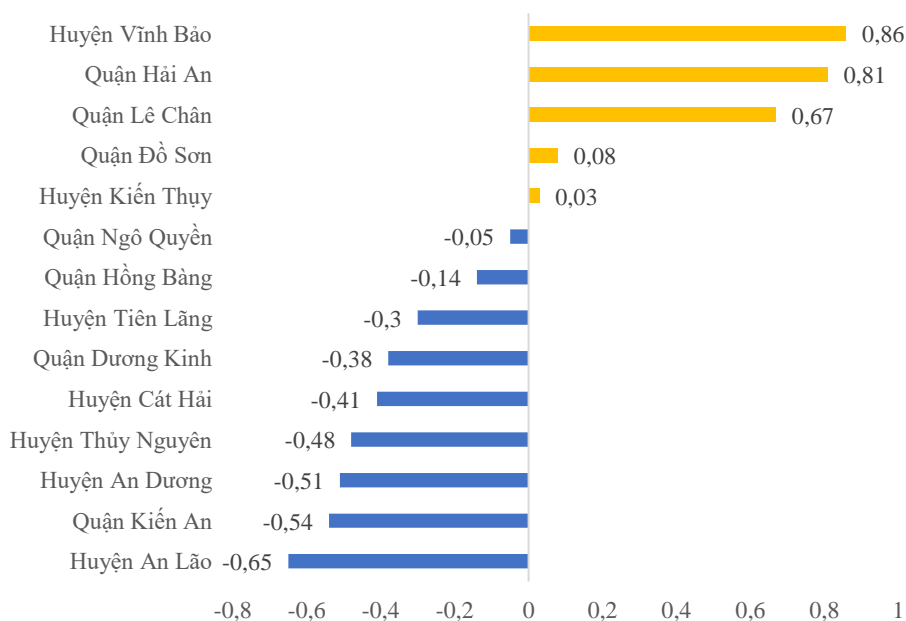
Năm 2024, điểm số thực hiện TTHC của DDCI cấp địa phương đạt 8,26 điểm, giảm nhẹ 0,07 điểm so với năm 2023 nhưng vẫn nằm trong số nhóm CSTP có mức điểm tốt. Điều này cũng phản ánh qua kết quả của các địa phương khi phần lớn các địa phương có mức điểm thuộc nhóm tốt trên 8 điểm. Trong đó, quận Hồng Bàng và quận Ngô Quyền cùng có mức điểm rất tốt trên 9 điểm ở chỉ số này. Các địa phương có mức điểm khá dưới 8 điểm cần nỗ lực cải thiện hơn chỉ số này là quận Đồ Sơn, huyện Kiến Thụy, quận Kiến An, huyện An Dương và huyện An Lão.

Theo kết quả DDCI 2024, các HKD tiếp tục ghi nhận sự tích cực về chất lượng hướng dẫn, tổ chức thực hiện TTHC, thái độ và chuyên môn của cán bộ công chức làm việc, tiếp xúc với HKD. Điểm số của các chỉ tiêu này đều đạt trên 8,5 điểm. Tuy nhiên một số HKD cho biết vẫn còn phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ thêm 2-3 lần nữa mới được chấp nhận là hồ sơ hợp lệ.

Tìm hiểu về các thủ tục cụ thể, các TTHC về đăng ký kinh doanh, nông - lâm thủy sản, văn hóa thể thao và du lịch tại các phòng ban địa phương được đánh giá là dễ dàng, thuận lợi hơn các thủ tục còn lại. Trong khi đó về thủ tục đất đai, địa chính, giấy phép xây dựng, tài nguyên là các lĩnh vực vẫn còn tồn tại một số khó khăn (mức điểm dưới 8 điểm).

Nhìn chung, CSTP về thực hiện TTHC là lĩnh vực vẫn có cải thiện trong năm vừa qua. Tuy nhiên, chưa có thể hiện tính bền vững khi các lĩnh vực, tiêu chí riêng lẻ tăng điểm không đồng đều. Yếu tố về con người và tổ chức thực hiện là điểm sáng cốt lõi trong thực hiện TTHC.

Biểu đồ 4.4. Mức thay đổi điểm số CSTP thực hiện TTHC của các địa phương năm 2023-2024

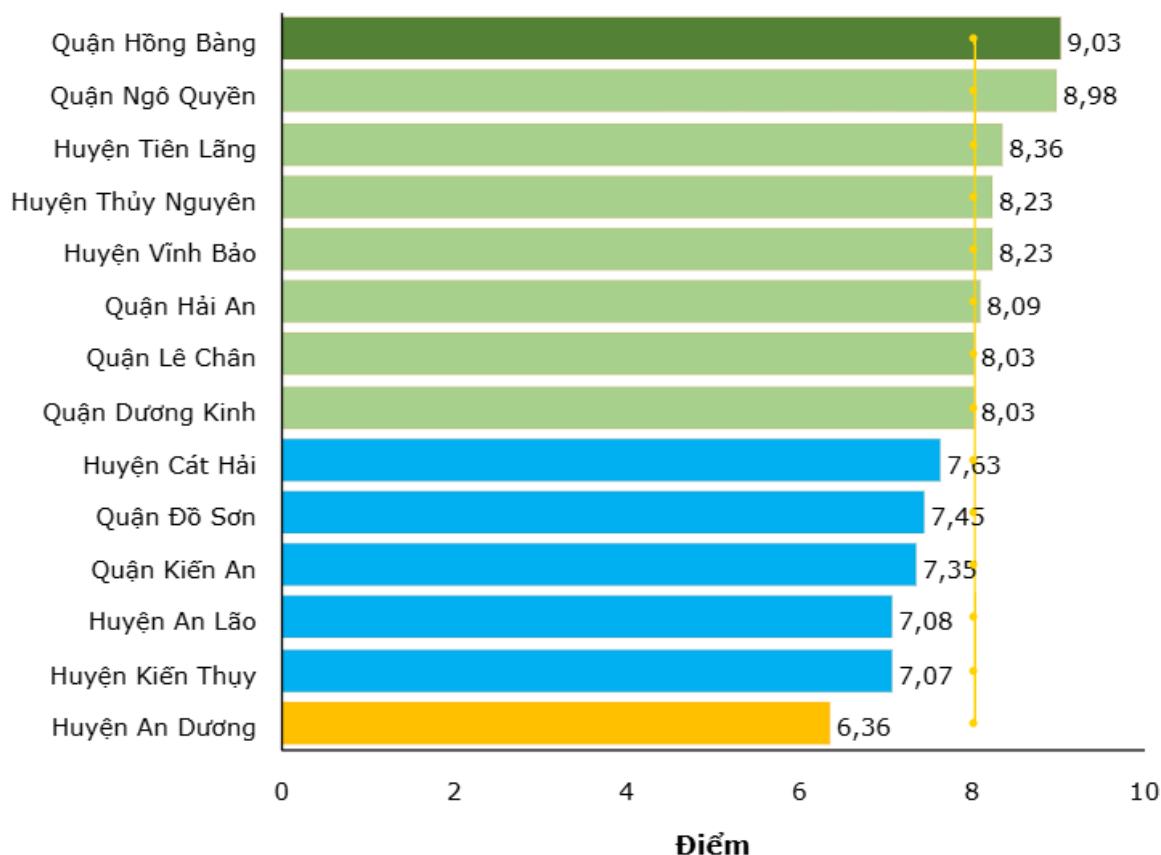


Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng (2024)

4.3.2. Tính minh bạch và ứng dụng CNTT

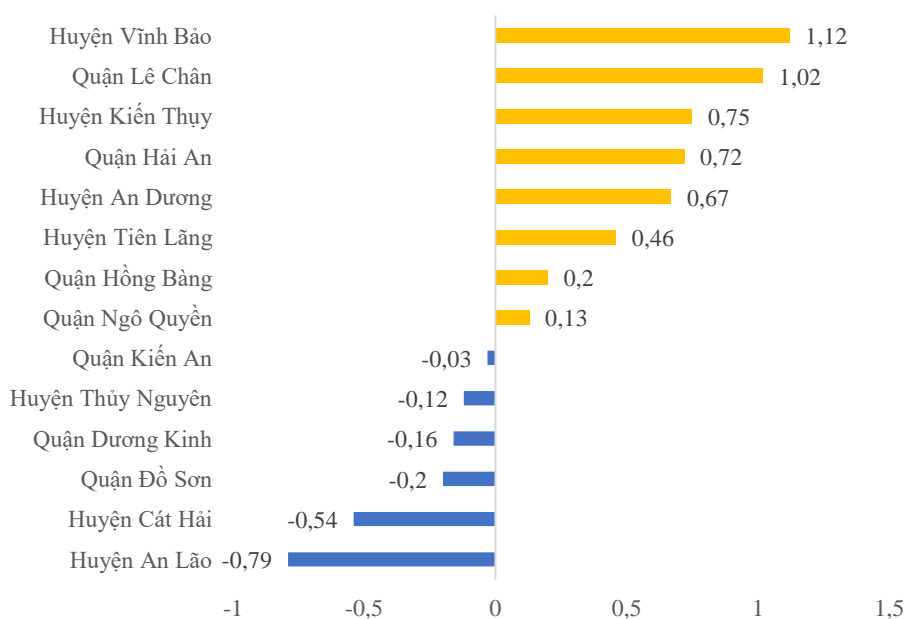
Tính minh bạch và ứng dụng CNTT tiếp tục là một CSTP quan trọng trong hệ thống các chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh địa phương. Năm 2024, CSTP này có điểm số trung bình chung là 7,85 điểm, tăng 0,23 điểm so với năm 2023. Điểm số về tính minh bạch và ứng dụng CNTT có sự khác biệt rõ ràng giữa các địa phương. Biểu đồ điểm số cho thấy 4 mảng màu phân theo mức đánh giá: rất tốt của Hồng Bàng, 7 quận, huyện ở nhóm điểm tốt, 5 địa phương ở nhóm khá có cải thiện song vẫn còn nhiều rào cản và huyện An Dương ở nhóm điểm trung bình khá, cần đẩy mạnh ứng dụng CNTT và cung cấp thông tin thuận lợi cho HKD.

Biểu đồ 4.5. Điểm số CSTP tính minh bạch và ứng dụng CNTT



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Biểu đồ 4.6. Mức thay đổi điểm số của chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT năm 2023-2024



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

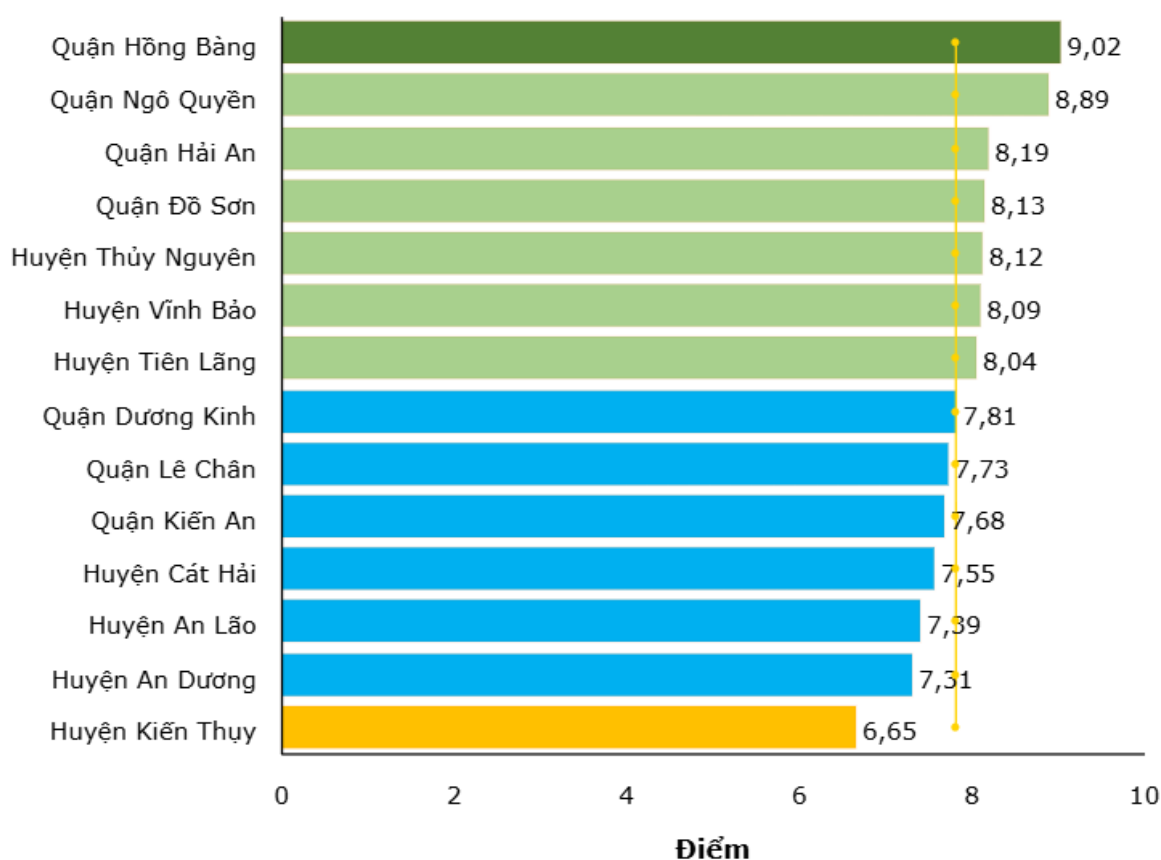
DDCI cấp địa phương đánh giá tính minh bạch qua hệ thống các chỉ tiêu: Văn bản quy phạm pháp luật; TTHC; cơ chế chính sách mới (8 điểm), bản đồ, quy hoạch sử dụng đất (7,76 điểm), dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công (7,58 điểm), thông tin công khai khoản đóng góp của cơ sở SXKD cho NSNN (7,77 điểm), yêu cầu cung cấp các thông tin, văn bản không có sẵn (7,64 điểm), cần có “mối quan hệ” để được cung cấp thông tin (7,31 điểm), mức độ hữu ích của các thông tin trên cổng thông tin điện tử của địa phương (8,34 điểm) và nỗ lực ứng dụng CNTT trong việc tham vấn ý kiến, giải đáp thắc mắc và cung cấp dịch vụ công (8,4 điểm).

Có thể thấy các HKD đánh giá cao việc ứng dụng CNTT trong quá trình điều hành của các địa phương nhưng các địa phương vẫn cần quan tâm, có giải pháp hợp lý, phân công nhân sự theo dõi và cập nhật đa dạng thông tin tới các HKD. Các thông tin khó tiếp cận với HKD cần được đẩy mạnh truyền thông về cách thức tiếp cận và khai thác, sử dụng trên các cổng thông tin điện tử. Các chỉ tiêu về cung cấp thông tin kịp thời và không sẵn có, tham vấn ý kiến, giải đáp thắc mắc và cung cấp dịch vụ công cho các HKD cũng chưa mang lại thay đổi rõ nét, còn chênh lệch lớn giữa các địa phương.

4.3.3. Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương

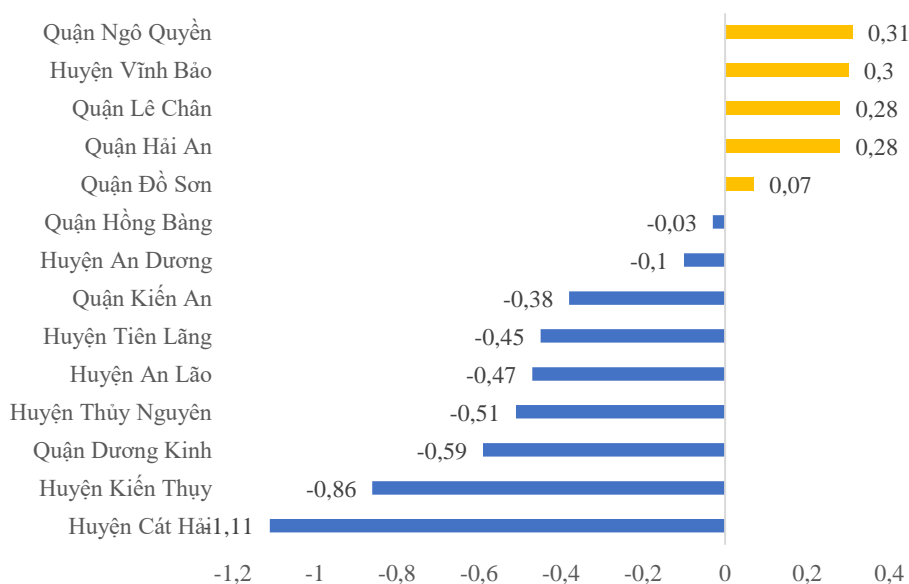
Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương có điểm số trung bình 7,9 điểm, giảm 0,23 điểm. Quận Hồng Bàng tiếp tục là địa phương được đánh giá tích cực nhất ở chỉ số này với 9,02 điểm. Tiếp theo là quận Ngô Quyền, quận Hải An, quận Đồ Sơn, huyện Thủy Nguyên, huyện Vĩnh Bảo và huyện Tiên Lãng thuộc nhóm tốt (trên 8 điểm). Ở chiều ngược lại, 6 địa phương là quận Dương Kinh, quận Lê Chân, quận Kiến An, huyện Cát Hải, huyện An Lão, huyện An Dương ở nhóm điểm khá và huyện Kiến Thụy ở nhóm điểm trung bình khá.

Biểu đồ 4.7. Điểm số của CSTP tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Biểu đồ 4.8. Mức thay đổi điểm số của chỉ số tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương năm 2023-2024



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Theo kết quả khảo sát đánh giá, lãnh đạo các địa phương đã thực hiện hiệu quả và linh hoạt các chương trình, chủ trương của UBND thành phố trong khuôn khổ pháp luật (8,37 điểm), sáng tạo, mạnh dạn triển khai các chủ trương/quyết định nhằm giải quyết các vấn đề phát sinh mới và tham mưu đề xuất phù hợp (8,25 điểm), không có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ hay đùn đẩy trách nhiệm (8,32 điểm). Tỷ lệ HKD đồng ý với các nhận định trên cũng ở mức cao, trên 80%.

Tuy nhiên, tần suất được mời/ tham gia các kênh, diễn đàn đối thoại, tham vấn đối với DN/HTX/HKD vẫn tiếp tục là chỉ tiêu thấp điểm (5,27 điểm) khi có gần 35% HKD cho biết chưa từng được mời tham gia. Với một số HKD đã tham gia, chất lượng của các kênh, diễn đàn đối thoại, tham vấn đối với DN/HTX/HKD cũng chưa đạt kỳ vọng của cộng đồng HKD (7,76 điểm). Kết quả này cũng vẫn là điểm nghẽn tương tự như trong DDCI cấp Sở, ban, ngành.

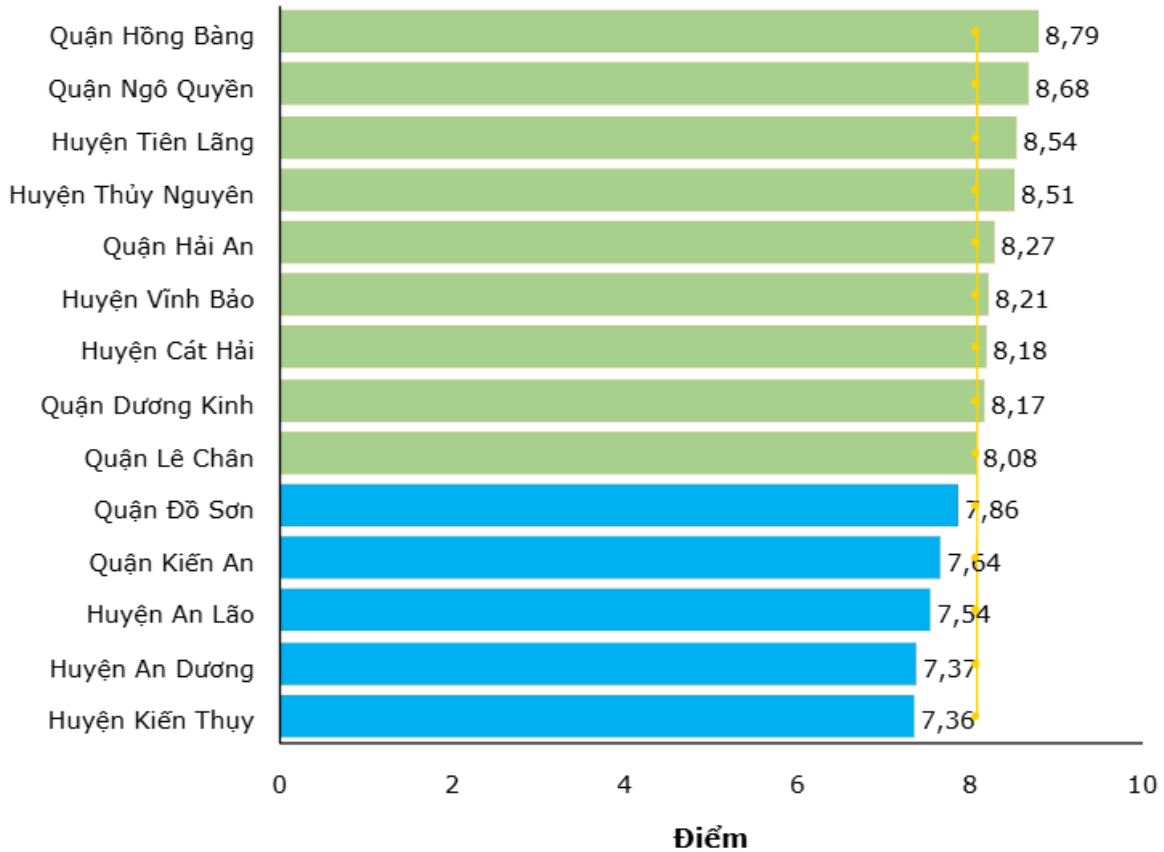
Do đó, tăng cường lắng nghe ý kiến của cộng đồng DN, HTX, HKD thông qua các hoạt động đối thoại, đa dạng hóa các kênh thông tin để tiếp cận gần hơn các phản hồi, khó khăn của cộng đồng sản xuất kinh doanh sẽ là giải pháp hữu hiệu để nâng cao tính năng động và tiên phong của mỗi địa phương. Các địa phương cần nắm được “chìa khóa” này để tìm ra giải pháp tốt hơn cho việc nâng cao năng lực cạnh tranh tại địa phương mình nói riêng và toàn thành phố nói chung.

4.3.4. Chi phí thời gian

Chi phí thời gian với 8,09 điểm, giảm 0,51 điểm, là mức điểm giảm đáng kể khi so sánh với CSTP còn lại. Mặc dù vậy, đây vẫn là chỉ số có 9/14 địa phương thuộc nhóm điểm tốt với phổ điểm từ 8,0-8,8 điểm. 5 địa phương ở cuối bảng xếp hạng thuộc nhóm điểm khá, cần tập trung cải thiện chỉ số này trong thời gian tới là quận Đồ Sơn, quận Kiến An, huyện An Lão, huyện An Dương và huyện Kiến Thụy.

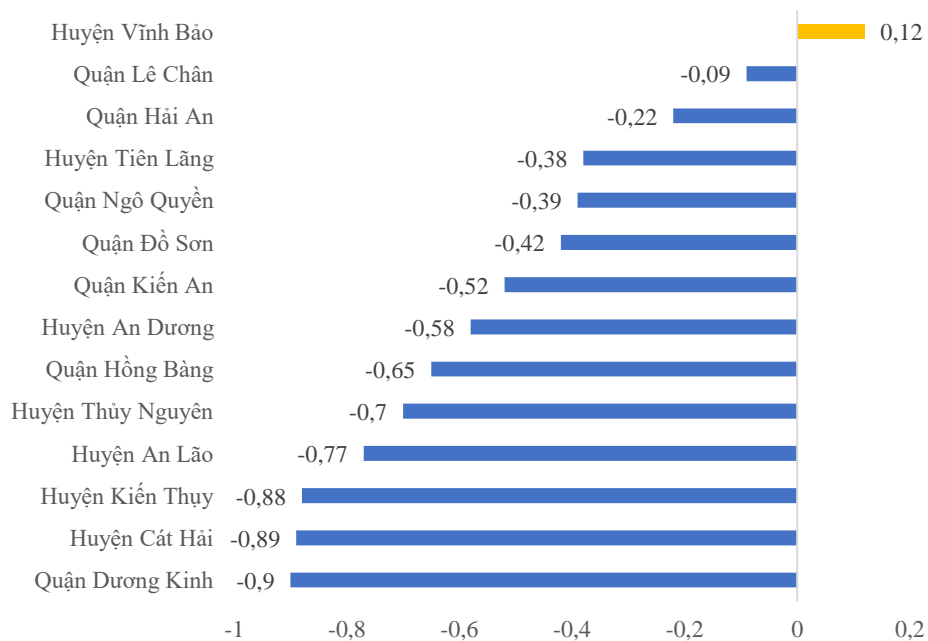
Theo kết quả khảo sát DDCI 2024, 44,58% HKD cho biết thời gian TTHC thực hiện ở các địa phương ngắn hơn so với quy định nhưng vẫn còn hơn 4% HKD cho biết vẫn còn chậm trễ. Điểm sáng của chỉ số này là việc ứng dụng CNTT và dịch vụ công trực tuyến đã giúp cắt giảm thời gian đáng kể cho các HKD, giảm việc phải nộp các giấy tờ bản cứng và tương đối dễ dàng thực hiện. Điểm số các chỉ tiêu này đều trên 8 điểm.

Biểu đồ 4.9. Điểm số CSTP chi phí thời gian



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Biểu đồ 4.10. Mức thay đổi điểm số CSTP chi phí thời gian năm 2023-2024



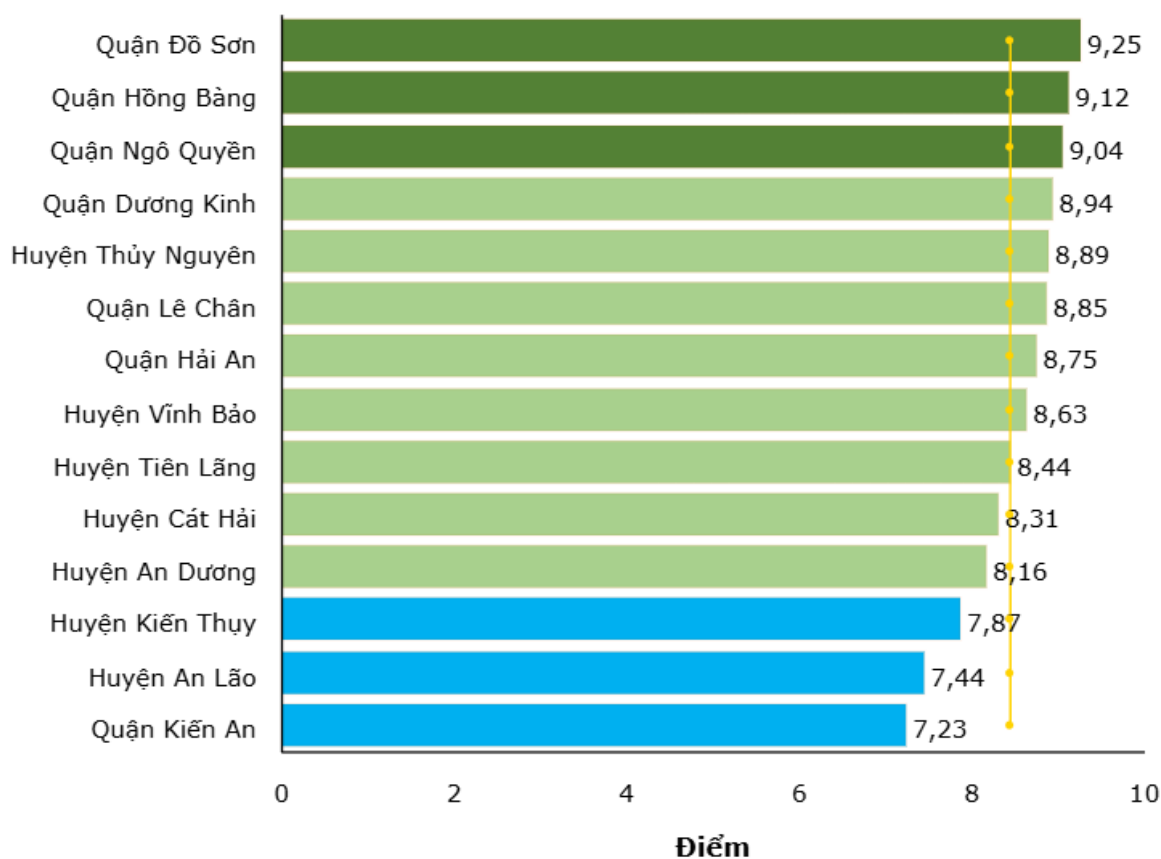
Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Tuy nhiên, nội dung về thanh tra, kiểm tra chưa có cải thiện đã khiến điểm số của chỉ số này giảm xuống trong năm 2024. Mặc dù phần lớn các HKD không phải tiếp các đợt thanh tra, kiểm tra trong năm 2024 nhưng hoạt động thanh tra, kiểm tra theo đánh giá của các HKD vẫn còn gây mất tương đối thời gian của HKD (7,11 điểm), khó khăn cho các HKD, có phần cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh (7,3 điểm).

4.3.5. Chi phí không chính thức

CSTP chi phí không chính thức trong DDCI cấp địa phương Hải Phòng 2024 được ghi nhận với mức điểm 8,5 điểm, giảm 0,43 điểm nhưng vẫn là CSTP có điểm số cao nhất trong 8 CSTP. 3 quận có điểm số cao nhất ở chỉ số này là quận Đồ Sơn, quận Hồng Bàng và quận Ngô Quyền đều đạt trên 9 điểm, mức điểm rất tốt. Nhóm điểm số tốt có 7 địa phương và 3 địa phương là huyện Kiến Thụy, huyện An Lão và quận Kiến An vẫn còn một số lĩnh vực cần cải thiện nhiều hơn khi có điểm số ở mức khá dưới 8 điểm.

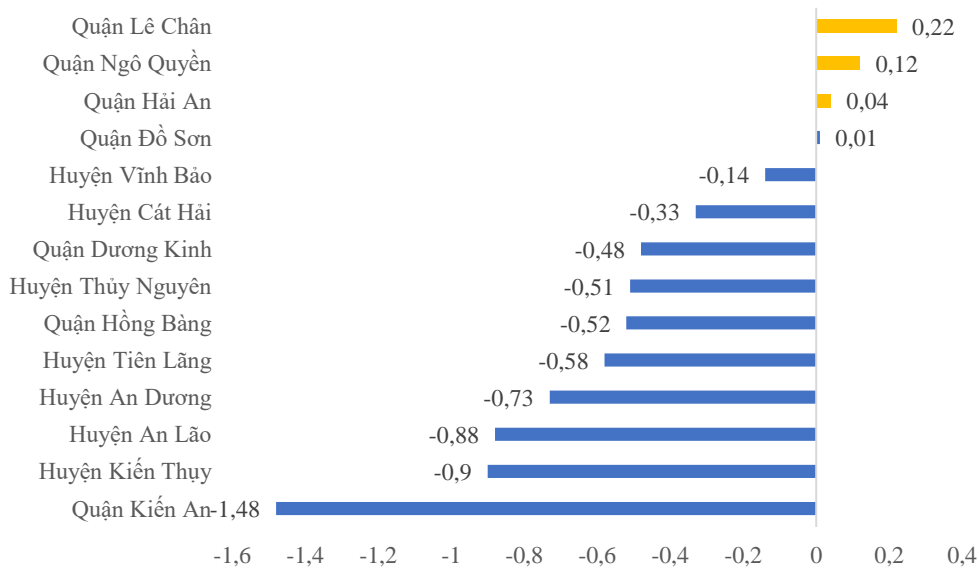
Biểu đồ 4.11. Điểm số CSTP chi phí không chính thức



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Đánh giá về mức độ phổ biến của chi phí không chính thức, tình trạng gợi ý chi phí không chính thức của cán bộ, 21,72% HKD cho biết chi phí không chính thức vẫn còn xảy ra. 23,39% HKD cho rằng chi phí không chính thức vẫn phát sinh ở các hoạt động thanh tra, kiểm tra. Đặc biệt, các lĩnh vực như đất đai - địa chính, xây dựng, tài nguyên vẫn có nhiều phản ánh về tình trạng chi trả chi phí không chính thức cao hơn các lĩnh vực khác. Mặc dù vậy, hơn 80% HKD cho biết xu thế của các khoản chi này đang có xu hướng giảm, một tín hiệu tích cực cho các địa phương trong việc cải thiện môi trường kinh doanh.

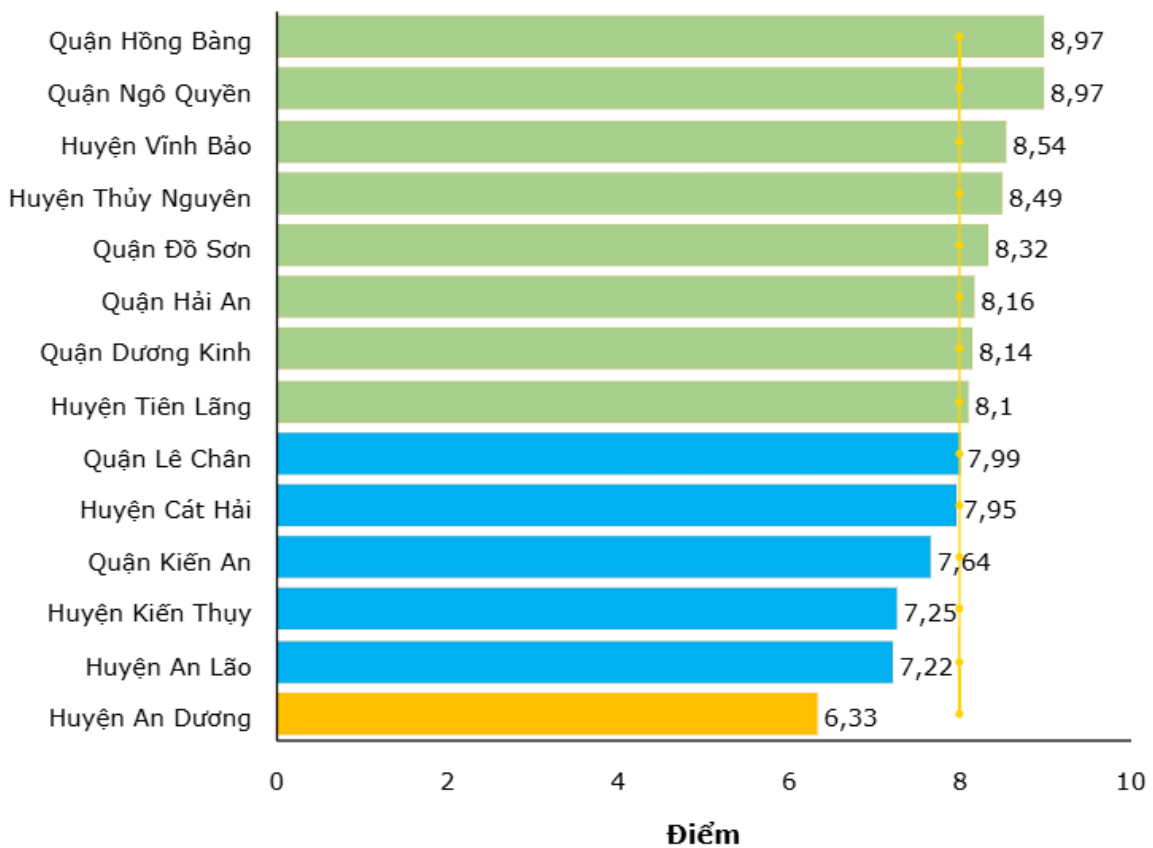
Biểu đồ 4.12. Sự thay đổi điểm số của chỉ số chi phí không chính thức năm 2023-2024



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

4.3.6. Cạnh tranh bình đẳng

Biểu đồ 4.13. Điểm số CSTP cạnh tranh bình đẳng

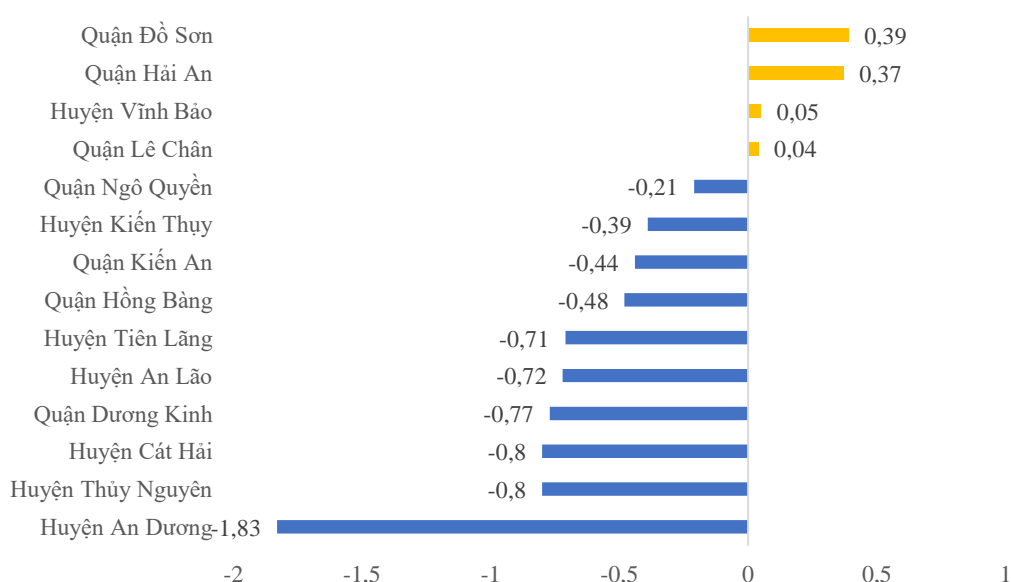


Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Trong DDCI cấp địa phương, chỉ số cạnh tranh bình đẳng xếp thứ 6/8 CSTP với điểm trung bình là 8 điểm, thuộc nhóm điểm tốt, giảm 0,46 điểm so với năm 2023. Phân phối điểm của chỉ số này chia làm 3 nhóm chính: nhóm các địa phương có điểm số tốt trên 8 điểm gồm 8 quận, huyện; nhóm địa phương có điểm số khá từ 7,2 - 7,9 điểm gồm 5 địa phương và huyện An Dương là địa phương duy nhất thuộc nhóm điểm trung bình khá dưới 7 điểm.

Theo kết quả DDCI 2024, tỷ lệ ý kiến cho rằng vẫn tồn tại ưu tiên cung cấp thông tin, cơ hội kinh doanh, chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho một số DN/HTX/HKD là 13,83%. Bên cạnh đó, 13,97% các cơ sở SXKD cho rằng chính quyền địa phương vẫn ưu ái thực hiện TTHC cho các DN lớn. Đối với việc giải quyết các khuyến nghị, khó khăn, 14,18% các ý kiến khảo sát cho rằng vẫn còn tồn tại ưu ái cho cơ sở sản xuất kinh doanh này so với cơ sở sản xuất kinh doanh khác. 13,76% ý kiến cho rằng chính quyền còn “nhẹ tay” trong công tác thanh tra, kiểm tra với một số DN/HTX/HKD. Điểm số của các chỉ tiêu này đều trong khoảng 8 điểm.

Biểu đồ 4.14. Mức thay đổi điểm số CSTP cạnh tranh bình đẳng năm 2023-2024



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

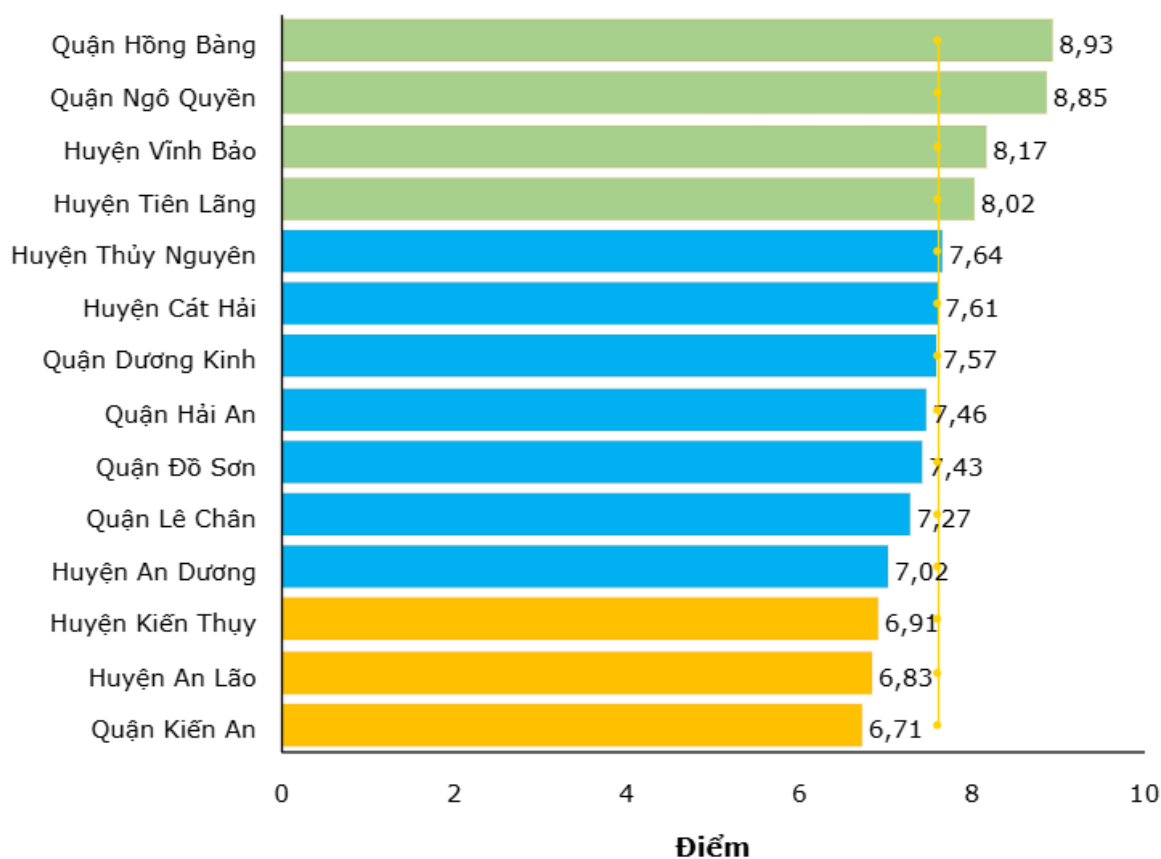
4.3.7. Hỗ trợ SXKD

Năm 2024, hoạt động hỗ trợ sản xuất kinh doanh tại các địa phương vẫn là chỉ số thấp điểm và không có nhiều cải thiện so với năm trước đó. Năm 2024, chỉ số này đạt 7,6 điểm, là CSTP thấp điểm nhất, giảm 0,35 điểm so với năm 2023. Ngoại trừ 4 địa phương là quận Hồng Bàng, quận Ngô Quyền, huyện Vĩnh Bảo và huyện Tiên Lãng nhận được một số tín hiệu tích cực từ đánh giá của cộng đồng SXKD, các địa phương còn lại đều còn thiếu các chương trình, chính sách hỗ trợ đi vào thực tế theo đánh giá của cộng đồng các DN/HTX/HKD. Do đó, điểm số của chỉ số thành phần này còn thấp với các địa phương nói riêng, toàn thành phố nói chung.

Kết quả khảo sát DDCI 2024 chỉ ra rằng tần suất được mời/tham gia, nhận hỗ trợ từ các chương trình, tập huấn, hoạt động hỗ trợ SXKD do địa phương tổ chức còn thấp, 34,73% HKD cho rằng chưa bao giờ được mời, 11,62% hiếm khi biết đến các thông tin trên, 26,95% cho rằng thỉnh thoảng được cập nhật hoặc được mời tham gia. Chính vì vậy, các HKD đánh giá không cao việc phổ biến, thiết kế các chương trình hỗ trợ. Theo các chương trình hỗ trợ, hiệu quả các hỗ trợ về gia nhập thị trường và kể nối với chuỗi cung ứng là các chỉ tiêu còn thấp điểm, với lần lượt 8,03 và 7,98 điểm. Trong khi đó, các kết

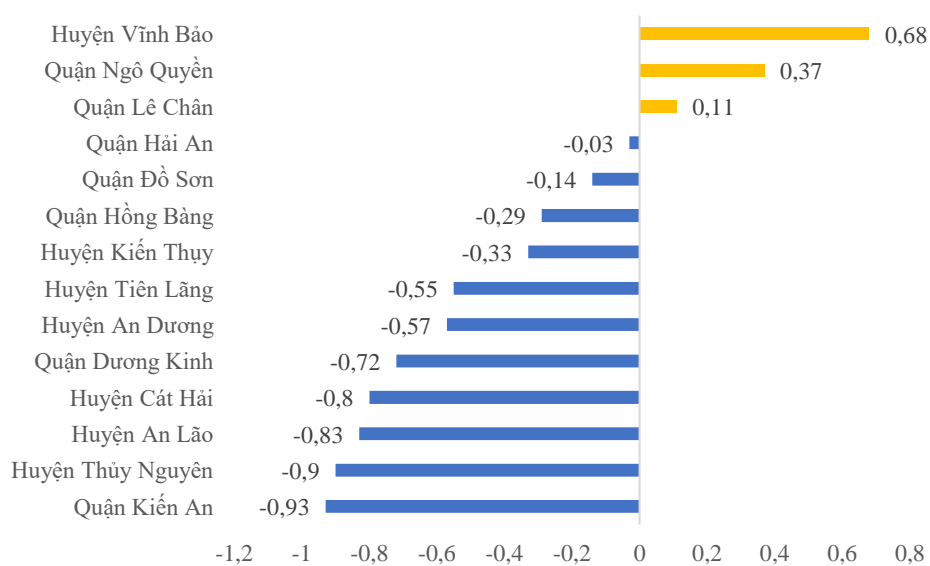
nối với nhà cung cấp (đầu vào), các biện pháp hỗ trợ khi có ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh tuy được chú trọng nhưng chưa đáp ứng được kì vọng của các HKD (điểm số lần lượt là 8,04 điểm và 8,16 điểm).

Biểu đồ 4.15. Điểm số CSTP hỗ trợ SXKD



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Biểu đồ 4.16. Mức thay đổi điểm số CSTP hỗ trợ SXKD năm 2023-2024

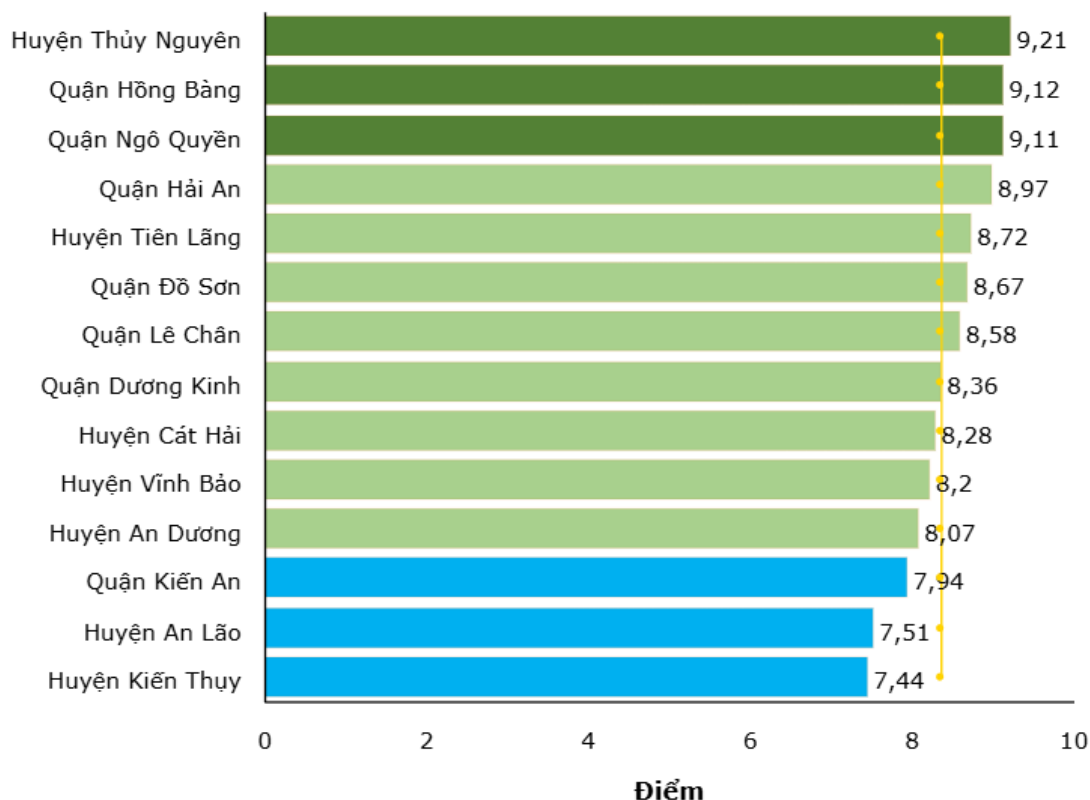


Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

4.3.8. Hiệu lực thiết chế

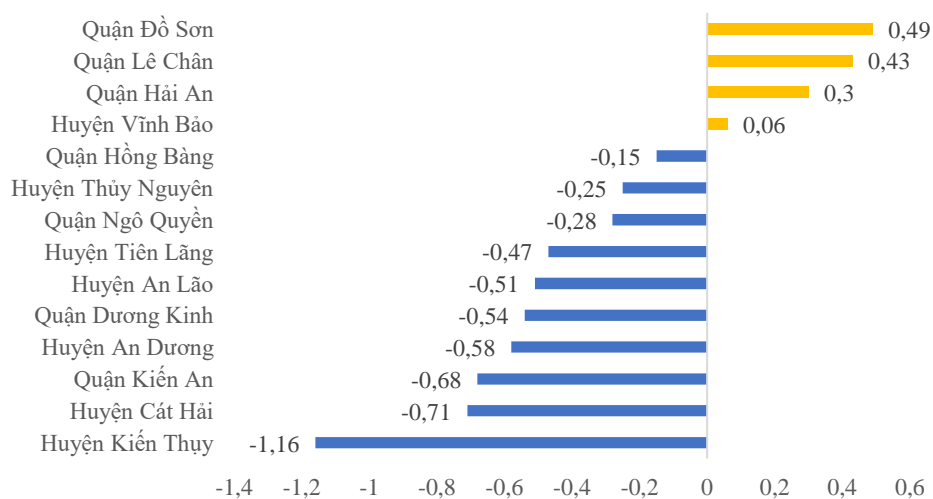
Năm 2024, chỉ số hiệu lực thiết chế và an ninh trật tự có điểm số 8,44 điểm, giảm 0,29 điểm so với năm 2023. 3 địa phương đứng đầu chỉ số này là huyện Thủy Nguyên, quận Hồng Bàng và quận Ngô Quyền với điểm số trên 9 điểm, thuộc nhóm điểm rất tốt. 8 địa phương có điểm số thuộc nhóm điểm tốt, các địa phương còn lại nằm trong phổ điểm từ 7,4 - 7,9 điểm (nhóm điểm khá).

Biểu đồ 4.17. Điểm số CSTP hiệu lực thiết chế và ANTT



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Biểu đồ 4.18. Mức thay đổi điểm số của chỉ số hiệu lực thiết chế và ANTT năm 2023-2024



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

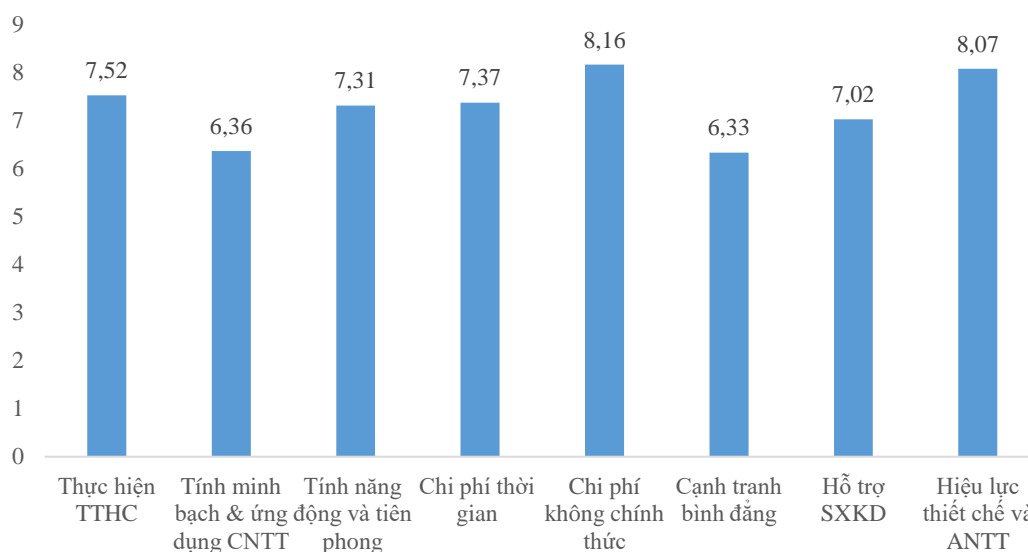
Đối với các nội dung về hiệu lực thiết chế, xét trung bình chung, hầu hết các chỉ tiêu đều đạt điểm số hơn 8,3 điểm, chưa có nhiều bứt phá so với năm trước đó. Trong đó, hiệu quả tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cơ chế, chính sách, văn bản pháp luật đạt 8,37 điểm; hiệu quả thực hiện các chính sách, văn bản pháp luật đạt 8,4 điểm; hiệu quả giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại đạt 8,39 điểm; hiệu quả các biện pháp hỗ trợ, bảo vệ thông tin cho DN, HTX, HKD khi họ có kiến nghị đạt 8,38 điểm. Hơn 80% các HKD khi được hỏi đều hài lòng với hiệu quả triển khai các tiêu chí trên. Về khía cạnh an ninh trật tự, khoảng 91% HKD hài lòng về môi trường đầu tư, kinh doanh được đảm bảo an toàn, không bị quấy rối hay mất trật tự với điểm số đều đạt trên 8,5 điểm.

4.4. Kết quả DDCI theo địa phương

4.4.1. Huyện An Dương

Huyện An Dương đạt 72,68 điểm, giảm 5,28 điểm so với năm 2023, đứng thứ 14. So với năm 2023, huyện An Dương có duy nhất một chỉ số cải thiện điểm số là chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT tăng 0,67 điểm, nhưng 7 chỉ số còn lại đều giảm điểm mạnh. Các chỉ số giảm điểm mạnh là cạnh tranh bình đẳng giảm 1,83 điểm, chi phí không chính thức giảm 0,73 điểm. Các chỉ số thực hiện TTHC, chi phí thời gian, hỗ trợ SXKD, hiệu lực thiết chế và ANTT đều giảm hơn 0,5 điểm và chỉ số tính năng động và tiên phong giảm nhẹ 0,1 điểm.

Biểu đồ 4.19. Điểm số các CSTP của huyện An Dương



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Các chỉ số được đánh giá cao là chi phí không chính thức (8,16 điểm), hiệu lực thiết chế và ANTT (8,07 điểm). Các HKD đánh giá một số chỉ tiêu như thực hiện TTHC ngày càng nhanh chóng hơn, thái độ, chuyên môn phục vụ của cán bộ tốt hơn, việc thực thi các chính sách, quy định pháp luật hiệu quả giúp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh.

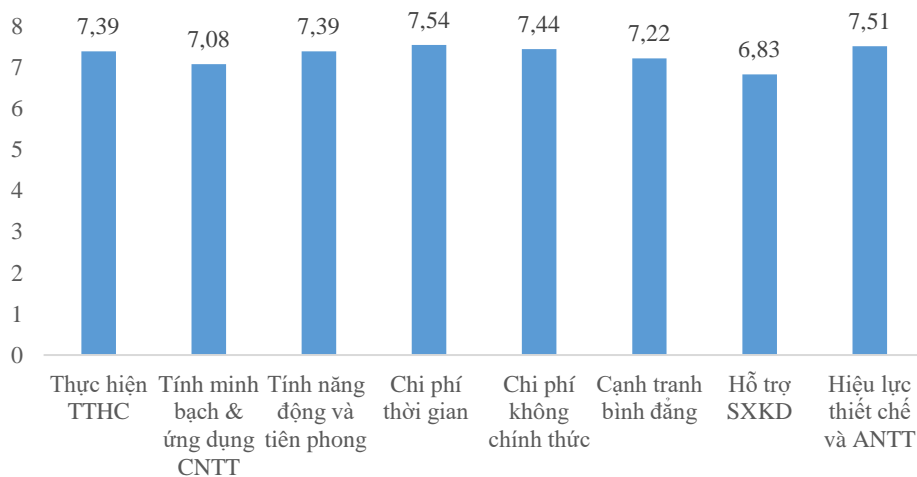
Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Nhiều HKD cho rằng tiếp cận và tìm hiểu được các loại thông tin về bản đồ, quy hoạch, dự án, hạng mục đầu tư gặp nhiều khó khăn, không tiếp cận được hoặc khi có yêu cầu thực hiện cung cấp thông tin chưa được cung cấp kịp thời.

- Chỉ số tính năng động và tiên phong: Một điểm yếu đáng chú ý của chỉ số này là sự thiếu vắng các buổi đối thoại giữa chính quyền và HKD khi có nhiều HKD cho biết chưa từng hoặc ít khi tham gia các buổi đóng góp ý kiến chính sách, đối thoại ở địa phương. Đây là một vấn đề lớn mà huyện An Dương cần tập trung giải quyết nhằm thúc đẩy sự gắn kết giữa chính quyền và cộng đồng kinh doanh, tạo ra môi trường đối thoại hiệu quả và mang tính xây dựng hơn.
- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Tỷ lệ tham gia của HKD vào các chương trình hỗ trợ SXKD tại địa phương còn khá thấp, với điểm số chỉ đạt 3,59. Các chương trình hỗ trợ, bao gồm hướng dẫn khởi sự kinh doanh, hỗ trợ thuế, xúc tiến thương mại hoặc liên kết kinh doanh, chưa đáp ứng được kỳ vọng của các HKD. Để cải thiện, cần triển khai các sáng kiến hỗ trợ thiết thực, gần gũi hơn với nhu cầu thực tế của các HKD, nhằm nâng cao hiệu quả và giá trị mà các chương trình này mang lại.

4.4.2. Huyện An Lão

Biểu đồ 4.20. Điểm số CSTP của huyện An Lão



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Huyện An Lão đạt 73 điểm, giảm 7,03 điểm so với năm 2023. Huyện An Lão không có chỉ số nào cải thiện và các chỉ số đều giảm điểm trên 0,4 điểm. Trong đó, chỉ số giảm điểm nhiều là chỉ số chi phí không chính thức giảm 0,88 điểm, hỗ trợ SXKD giảm 0,83 điểm, tính minh bạch và ứng dụng CNTT giảm 0,79 điểm, chi phí thời gian giảm 0,77 điểm, cạnh tranh bình đẳng giảm 0,72 điểm.

Các chỉ số được đánh giá cao là chi phí thời gian (7,54 điểm), hiệu lực thiết chế (7,51 điểm). Các HKD đánh giá môi trường kinh doanh đang ngày càng minh bạch hơn; chuyên môn và thái độ của cán bộ phục vụ HKD được đánh giá khá tích cực.

Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Điểm hạn chế đáng chú ý trong chỉ số này là việc các HKD chưa được biết đến hoặc không được mời tham gia các chương trình và chính sách hỗ trợ SXKD, dẫn đến điểm số chỉ đạt 4,51 điểm, giảm gần 2 điểm so với năm 2023. Ngoài ra, hiệu quả của các chương trình hỗ trợ chưa đáp ứng được kỳ vọng của HKD, cho thấy cần có những cải thiện rõ rệt trong khâu triển khai và truyền thông để đảm bảo các chương trình thực sự mang lại giá trị thiết thực.
- Chỉ số tính năng động và tiên phong: Mặc dù các HKD đánh giá khá tích cực về sự linh hoạt và chủ động của chính quyền huyện trong việc thực hiện các chính sách và văn bản pháp luật, nhưng công tác tổ chức đối thoại vẫn là một điểm yếu lớn. Việc tăng cường các buổi đối thoại

với HKD để lắng nghe và giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc, cùng với việc thực hiện nghiêm túc các cam kết sau đối thoại, sẽ là nền tảng quan trọng để cải thiện chỉ số này trong thời gian tới.

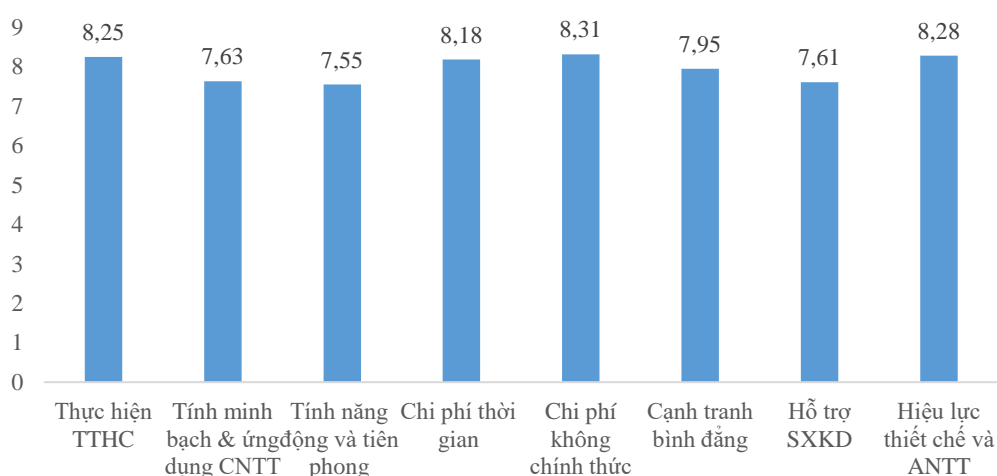
- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Các HKD vẫn gặp nhiều trở ngại trong việc tiếp cận thông tin quan trọng. Đồng thời, cần có giải pháp mạnh mẽ hơn để tăng cường việc ứng dụng CNTT, đồng thời hỗ trợ các HKD quen dần với các nền tảng dịch vụ công trực tuyến.
- Chỉ số chi phí không chính thức: Mặc dù huyện đã có nỗ lực cải thiện, nhưng một số HKD vẫn phản ánh tình trạng phải chi trả các khoản phí không minh bạch hoặc cán bộ gây khó khăn trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính. Đây là yếu tố cần được xử lý triệt để để đảm bảo môi trường kinh doanh công bằng, minh bạch và tạo niềm tin cho cộng đồng doanh nghiệp và HKD.

4.4.3. Huyện Cát Hải

Năm 2024, điểm số DDCI của huyện Cát Hải đạt 79,70 điểm, giảm 6,99 điểm so với năm 2023, xếp hạng thứ 10/14 địa phương. Đối chiếu với năm 2023, sự giảm điểm này xuất phát từ việc giảm điểm của cả 8 CSTEP. Trong đó, một số chỉ số giảm điểm mạnh như tính năng động và tiên phong giảm 1,11 điểm, chi phí thời gian giảm 0,89 điểm, cạnh tranh bình đẳng và hỗ trợ SXKD giảm 0,8 điểm.

Các chỉ số được đánh giá cao nhất là chỉ số chi phí không chính thức (8,31 điểm), hiệu lực thiết chế và ANTT (8,28 điểm), thực hiện TTHC (8,25 điểm) và chi phí thời gian (8,18 điểm). Các HKD đánh giá hiện tượng chi trả chi phí không chính thức gần như không xảy ra; môi trường kinh doanh bình đẳng, không có phân biệt đối xử; làm tốt trong việc giữ vững an ninh trật tự, tạo nền tảng ổn định để các HKD yên tâm hoạt động.

Biểu đồ 4.21. Điểm số các CSTEP của huyện Cát Hải



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Cung cấp hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, giúp HKD dễ dàng thực hiện; Nâng cao chất lượng và hiệu quả của website chính quyền địa phương, đảm bảo thông tin được cập nhật đầy đủ, dễ tìm kiếm và thuận tiện truy cập.
- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Tổ chức các chương trình tập huấn, hội thảo, phổ biến và hướng dẫn triển khai các chủ trương, chính sách mới một cách kịp thời và thực tế; tăng cường tiếp thu các ý

kiến đóng góp từ HKD, áp dụng linh hoạt và thay đổi trong các hoạt động quản lý hành chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi hơn cho cộng đồng HKD.

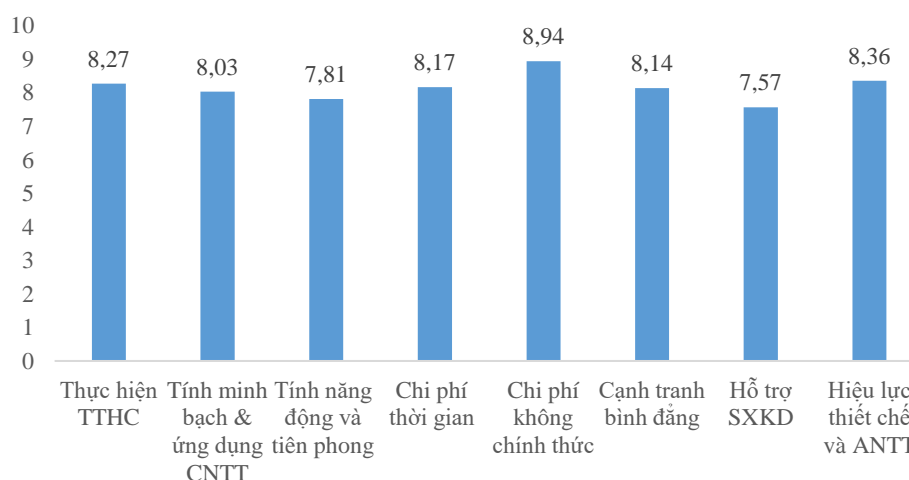
- Chỉ số tính năng động và tiên phong: Sự tham gia chủ động của các lãnh đạo và cán bộ địa phương trong việc hỗ trợ HKD tháo gỡ vướng mắc, đặc biệt trong các lĩnh vực như tiếp cận thông tin, giải quyết thủ tục, và triển khai chính sách cần được đẩy mạnh.

4.4.4. Quận Dương Kinh

Năm 2024, điểm số DDCI của quận Dương Kinh đạt 81,61 điểm, giảm 5,68 điểm so với năm 2023, do đó, quận Dương Kinh giảm xuống vị trí thứ 7 trên bảng xếp hạng. Sự giảm điểm này thể hiện ở các khía cạnh đánh giá khi các chỉ số đều có sự giảm điểm so với năm 2023 như: Chỉ số chi phí thời gian giảm 0,9 điểm; cạnh tranh bình đẳng giảm 0,77 điểm; hỗ trợ SXKD giảm 0,72 điểm; tính năng động và tiên phong giảm 0,59 điểm.

Các chỉ số được đánh giá cao của quận Dương Kinh là chỉ số chi phí không chính thức (8,94 điểm), hiệu lực thiết chế và ANTT (8,36 điểm), thực hiện TTHC (8,27 điểm); chi phí thời gian (8,17 điểm), cạnh tranh bình đẳng (8,14 điểm) và tính minh bạch và ứng dụng CNTT (8,03 điểm). Trong năm 2024, quận Dương Kinh tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính (TTHC) với những sáng kiến và giải pháp thiết thực nhằm nâng cao hiệu quả phục vụ như hiện đại hóa và ứng dụng công nghệ số, rút ngắn thời gian xử lý TTHC, tăng cường công tác truyền thông và hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý và điều hành.

Biểu đồ 4.22. Điểm số các CSTP của quận Dương Kinh



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Các chỉ số cần phải cải thiện:

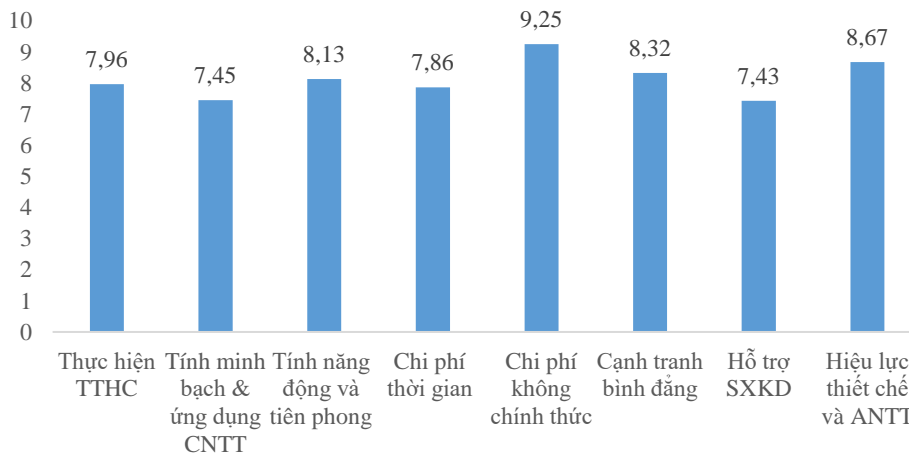
- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Các chính sách hỗ trợ về khởi sự kinh doanh, hoặc kết nối chuỗi cung ứng chưa được triển khai rộng rãi hoặc chưa đáp ứng nhu cầu thực tế của các HKD. Nhiều hộ kinh doanh phản ánh rằng, dù đã có sự hỗ trợ từ các cơ quan chức năng, nhưng kết quả thực tế không đạt được như kỳ vọng, đặc biệt trong việc tiếp cận các nguồn lực và thông tin hữu ích.
- Chỉ số tính năng động và tiên phong: Thiếu các hoạt động đối thoại, giải quyết khó khăn thực chất cho HKD, phần lớn HKD phản ánh chưa từng tham gia các buổi đối thoại hoặc chương trình đóng góp ý kiến chính sách. Thiếu tính chủ động trong hỗ trợ HKD khi chính quyền địa phương chưa linh hoạt trong việc hỗ trợ giải quyết các vấn đề phát sinh, đặc biệt là trong thực thi các chính sách cấp trên.

- Chỉ số chi phí thời gian: Các thủ tục vẫn còn khá phức tạp, gây khó khăn cho các HKD, đặc biệt đối với những thủ tục cần xác nhận từ nhiều cơ quan khác nhau. Dịch vụ công trực tuyến cần được triển khai hiệu quả hơn, kết hợp hướng dẫn cụ thể để khuyến khích các HKD áp dụng. Hoạt động thanh tra, kiểm tra cần thực hiện hiệu quả, tránh gây mất thời gian, làm ảnh hưởng tới hoạt động SXKD.

4.4.5. Quận Đồ Sơn

Kết quả DDCI của quận Đồ Sơn đạt 81,34 điểm năm 2024, tăng 0,35 điểm so với năm 2023, đứng thứ 9/14 quận, huyện. Kết quả này xuất phát từ phần lớn 5/8 chỉ số được đánh giá của quận Đồ Sơn có cải thiện. Trong đó, một số chỉ số có mức thay đổi nổi bật như hiệu lực thiết chế và ANTT tăng 0,49 điểm, cạnh tranh bình đẳng tăng 0,39 điểm. Ba chỉ số mà quận Đồ Sơn cần lưu ý giải pháp cải thiện là chỉ số chi phí thời gian giảm 0,42 điểm và tính minh bạch và ứng dụng CNTT giảm 0,2 điểm.

Biểu đồ 4.23. Điểm số các CSTP của quận Đồ Sơn



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Các chỉ số được đánh giá cao năm 2024 của quận Đồ Sơn là chỉ số chi phí không chính thức đạt 9,25 điểm và các chỉ số khác như hiệu lực thiết chế, cạnh tranh bình đẳng, tính năng động và tiên phong đều đạt trên 8 điểm. Năm 2024, quận Đồ Sơn đã tập trung vào chuyển đổi số và nâng cao hiệu quả giải quyết dịch vụ công thông qua đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến, tăng cường minh bạch thông tin, giảm thời gian xử lý TTHC.

Các chỉ số cần phải cải thiện:

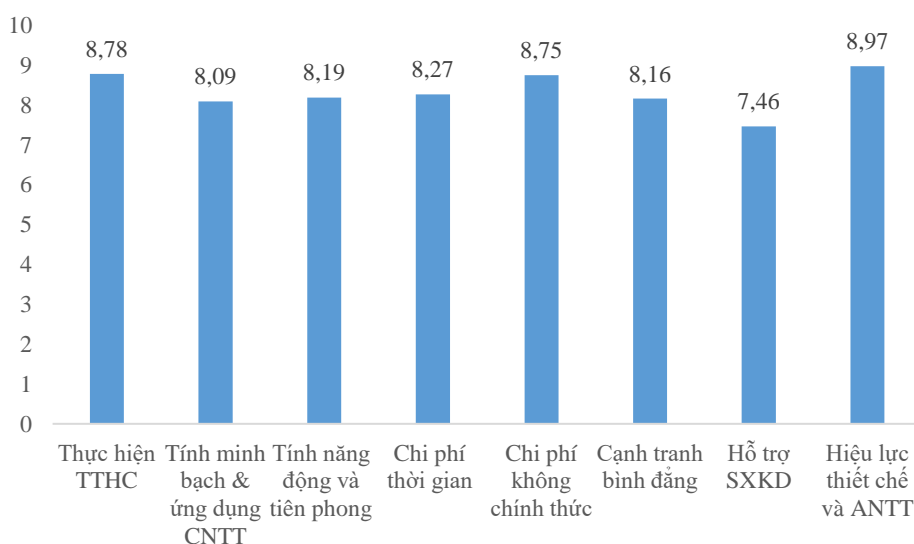
- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Nhiều HKD chưa nhận được thông tin hoặc không tham gia các chương trình hỗ trợ SXKD do quận tổ chức. Các chương trình hỗ trợ vẫn chưa được đánh giá cao bởi cộng đồng doanh nghiệp và HKD.
- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Mặc dù đã công khai các văn bản pháp luật và TTHC, nhưng nhiều HKD vẫn gặp trở ngại trong việc tìm kiếm thông tin liên quan đến dự án đầu tư, ngân sách, hoặc đấu thầu. Việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình vẫn chưa phổ biến.
- Chỉ số chi phí thời gian: Mặc dù đã có nỗ lực cải cách, nhưng thời gian xử lý nhiều loại TTHC vẫn chưa được rút ngắn như mong đợi, nhất là các lĩnh vực đất đai - địa chính, tài nguyên, xây dựng, thanh tra, kiểm tra. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến sự hài lòng của các HKD trong việc tiếp cận và sử dụng các dịch vụ công.

4.4.6. Quận Hải An

Năm 2024, kết quả DDCI của quận Hải An đạt 83,34 điểm, tăng 2,84 điểm so với năm 2023, đứng thứ 4/14 quận, huyện được đánh giá. Sự cải thiện này thể hiện qua sự tăng điểm của 6/8 CSTP của quận là: Thực hiện TTHC (tăng 0,81 điểm), tính minh bạch và ứng dụng CNTT (tăng 0,72 điểm), cạnh tranh bình đẳng (tăng 0,37 điểm), hiệu lực thiết chế và ANTT (tăng 0,3 điểm), tính năng động và tiên phong (tăng 0,28 điểm) và chi phí không chính thức (tăng 0,04 điểm). 2 chỉ số giảm điểm là chỉ số chi phí thời gian (giảm 0,22 điểm) và hỗ trợ SXKD (giảm 0,03 điểm).

Các chỉ số được đánh giá cao là chi phí không chính thức, hiệu lực thiết chế và ANTT và thực hiện TTHC đều đạt trên 8,7 điểm, ở mức điểm tốt. Các HKD đánh giá môi trường kinh doanh ngày càng tích cực hơn ở quận Hải An với các chính sách, quy định được triển khai hiệu quả, tạo thuận lợi cho hoạt động SXKD của HKD, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và trực tuyến toàn trình đối với các thủ tục hành chính; hướng dẫn người dân và HKD thực hiện dịch vụ công trực tuyến; duy trì tổ chức đối thoại với người dân và DN.

Biểu đồ 4.24. Điểm số CSTP của quận Hải An



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Các chỉ số cần phải cải thiện:

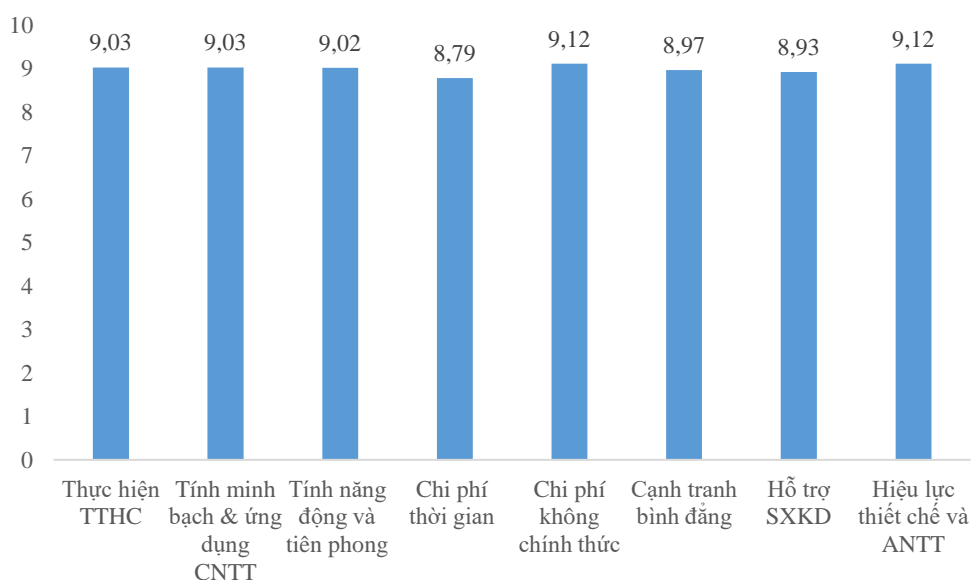
- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Các thông tin liên quan đến dự án đầu tư, đấu thầu, ngân sách và các hạng mục cụ thể chưa được cung cấp đủ rõ ràng, khiến HKD gặp khó khăn khi muốn tìm kiếm và sử dụng. Việc khuyến khích HKD ứng dụng CNTT trong quá trình thực hiện TTHC cũng chưa đạt được hiệu quả cao.
- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Nhiều HKD cho biết chưa được mời tham gia hoặc không có thông tin về các chương trình hỗ trợ như tập huấn, hướng dẫn, hay triển khai các chính sách mới. Bên cạnh đó, hiệu quả của các chương trình hỗ trợ SXKD chưa đáp ứng được kỳ vọng của HKD. Điều này làm giảm sự hài lòng và hiệu quả hỗ trợ từ chính quyền địa phương.
- Chỉ số cạnh tranh bình đẳng: Quận cần chú trọng vào việc cải thiện sự công bằng trong tiếp cận các nguồn lực như thông tin kinh doanh, vốn vay ưu đãi, và các chính sách hỗ trợ giữa các HKD. Một số HKD phản ánh tình trạng thiếu công bằng trong phân bổ các cơ hội kinh doanh, tiếp cận các dự án đầu tư, hoặc đấu thầu. Đặc biệt, cần đảm bảo các nhóm HKD nhỏ không bị thiệt thòi so với các doanh nghiệp lớn, FDI hoặc DN có lợi thế tiếp cận từ trước.

4.4.7. Quận Hồng Bàng

Năm 2024, kết quả DDCI của quận Hồng Bàng đạt 90,01 điểm, giảm 2,58 điểm so với năm 2023 nhưng vẫn duy trì vị trí dẫn đầu nhóm địa phương. So với năm 2023, quận Hồng Bàng chỉ có chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT tăng 0,2 điểm. Trong khi đó, 7 chỉ số còn lại đều giảm điểm. Các chỉ số có mức giảm mạnh như chi phí thời gian giảm 0,65 điểm, chi phí không chính thức giảm 0,52 điểm, cạnh tranh bình đẳng giảm 0,48 điểm.

Phần lớn các chỉ số của quận Hồng Bàng đều đạt trên mức điểm 9, đứng đầu ở nhiều chỉ số, trong đó các chỉ số được đánh giá cao nhất là chỉ số chi phí không chính thức, hiệu lực thiết chế, tính minh bạch và ứng dụng CNTT. Điểm hài lòng nhất mà DN/HTX/HKD đánh giá cao ở quận Hồng Bàng là cơ sở vật chất hiện đại, thủ tục hành chính nhanh chóng và được hướng dẫn chi tiết. Năm 2024, quận Hồng Bàng đã triển khai các biện pháp cải cách hành chính, đặc biệt là chuyển đổi số trong công tác quản lý nhà nước, rút ngắn thời gian thực hiện TTHC, hướng dẫn DN, HTX, HKD sử dụng dịch vụ công trực tuyến hiệu quả, nhanh chóng.

Biểu đồ 4.25. Điểm số các CSTP của quận Hồng Bàng



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Các chỉ số cần phải cải thiện:

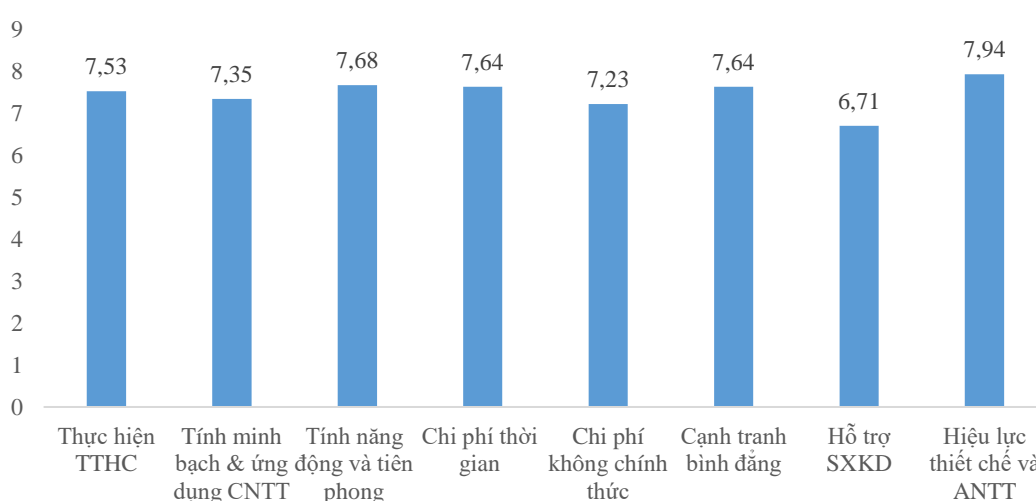
- Chỉ số chi phí thời gian: Quận cần tập trung vào việc cải thiện các chỉ tiêu như nâng cao khả năng hướng dẫn rõ ràng, dễ hiểu về các thủ tục hành chính (TTHC) để HKD có thể thực hiện một cách thuận tiện và nhanh chóng. Bên cạnh đó, cần tăng cường việc tuyên truyền và phổ biến rộng rãi các kênh thông tin và hướng dẫn sử dụng các phần mềm, ứng dụng công nghệ để HKD có thể tự thực hiện TTHC tại cơ sở mà không phải đến trực tiếp cơ quan hành chính.
- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Để nâng cao hiệu quả hỗ trợ cho các HKD, quận cần duy trì hoạt động đối thoại thường xuyên, đặc biệt là với sự tham gia của đa dạng các nhóm đối tượng như DN/HTX/HKD. Đồng thời, các vấn đề của HKD cần được giải quyết triệt để và nhanh chóng ngay sau mỗi buổi đối thoại, đảm bảo rằng các cam kết sau đối thoại thực sự mang lại hiệu quả thực tế.

4.4.8. Quận Kiến An

Năm 2024, kết quả DDCI của quận Kiến An đạt 74,65 điểm, giảm 6,25 điểm so với năm 2023, xếp thứ 11/14 quận, huyện đánh giá. So sánh với năm 2023, sự giảm điểm này xuất hiện ở các CSTP. Trong đó một số chỉ số giảm điểm đáng lưu ý như: Chi phí không chính thức (giảm 1,48 điểm), hỗ trợ SXKD (giảm 0,93 điểm), hiệu lực thiết chế và ANTT (giảm 0,68 điểm), thực hiện TTHC (giảm 0,54 điểm), chi phí thời gian (giảm 0,52 điểm).

Các chỉ số được đánh giá cao nhất trong năm 2024 là chỉ số hiệu lực thiết chế (7,94 điểm), tính năng động và tiên phong (7,68 điểm), chi phí thời gian và cạnh tranh bình đẳng (7,64 điểm). Kết quả DDCI của quận Kiến An cho thấy có phần lớn HKD hài lòng về thời gian thực hiện TTHC ở quận, về chuyên môn và thái độ phục vụ của cán bộ thực hiện. Việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến giúp giảm chi phí và thời gian so với cách truyền thống.

Biểu đồ 4.26. Điểm số các CSTP của quận Kiến An



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Các chỉ số cần phải cải thiện:

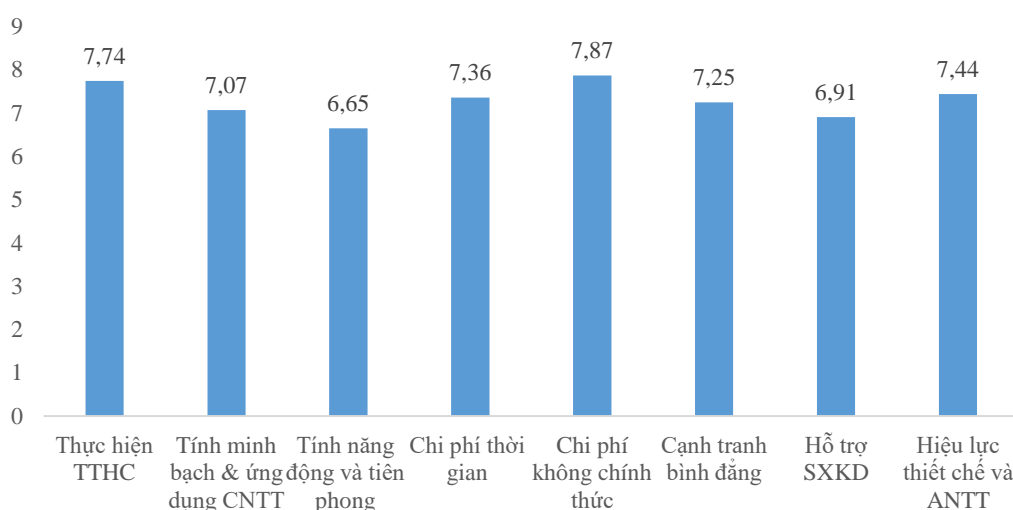
- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Quận cần tập trung tổ chức các chương trình tập huấn, hướng dẫn và triển khai các chính sách mới để hỗ trợ hiệu quả hoạt động của các HKD. Đồng thời, các TTHC cần được giải quyết nhanh chóng, giúp HKD dễ dàng tham gia vào các chương trình hỗ trợ của Trung ương và thành phố, đặc biệt là các chương trình liên quan đến khởi sự kinh doanh và liên kết chuỗi cung ứng. Các buổi đối thoại cần được tổ chức hiệu quả, đảm bảo những vấn đề được nêu ra sẽ được giải quyết triệt để, tạo cơ hội phát triển cho các HKD.
- Chỉ số chi phí không chính thức: Cần có những biện pháp quyết liệt để loại bỏ tình trạng chi phí không chính thức trong quá trình thực hiện TTHC ở một số lĩnh vực như đất đai, xây dựng, thanh tra, kiểm tra.
- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Các hướng dẫn về TTHC cần phải rõ ràng, dễ thực hiện, đặc biệt trong việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Cần cung cấp đầy đủ các biểu mẫu thủ tục hành chính và công bố các văn bản pháp lý liên quan đến các hoạt động của hộ kinh doanh, chẳng hạn như các dự án đầu tư, đấu thầu, quy hoạch đất đai, ngân sách. Hệ thống website cần được cải thiện và cập nhật thường xuyên, đảm bảo tính dễ dàng tiếp cận và tìm kiếm các thông tin, biểu mẫu cần thiết. Quận cũng cần khuyến khích và tạo điều kiện để HKD làm quen và thực hiện TTHC qua môi trường trực tuyến.

4.4.9. Huyện Kiến Thụy

Kết quả DDCI năm 2024 của huyện Kiến Thụy đạt 72,86 điểm, giảm 4,68 điểm so với năm 2023, đứng thứ 13 trên bảng xếp hạng. So với năm 2023, huyện Kiến Thụy có 2 chỉ số tăng điểm là tính minh bạch và ứng dụng CNTT tăng 0,75 điểm và thực hiện TTHC tăng 0,03 điểm. 6 CSTP còn lại đều giảm điểm là: hiệu lực thiết chế và ANTT giảm 1,16 điểm, chi phí không chính thức giảm 0,9 điểm, chi phí thời gian giảm 0,88 điểm, tính năng động và tiên phong giảm 0,86 điểm, cạnh tranh bình đẳng và hỗ trợ SXKD giảm hơn 0,3 điểm.

Các chỉ số được đánh giá cao trong năm 2024 là chỉ số chi phí không chính thức, hiệu lực thiết chế và ANTT và thực hiện TTHC. Năm 2024, huyện Kiến Thụy tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính như: đẩy mạnh cơ chế một cửa, một cửa liên thông, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; đầu tư cơ sở vật chất, CNTT tại bộ phận một cửa; cán bộ hướng dẫn nhiệt tình và chi tiết với chuyên môn ngày càng được cải thiện hơn.

Biểu đồ 4.27. Điểm số các CSTP của huyện Kiến Thụy



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

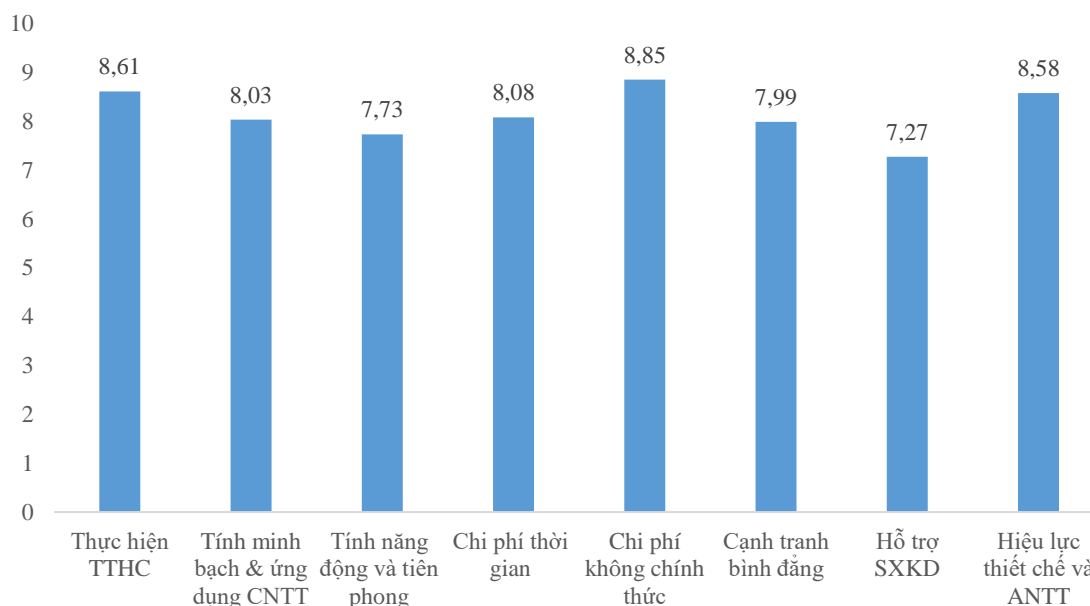
Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Huyện cần nỗ lực hơn nữa trong việc cung cấp thông tin công khai về ngân sách, dự án đầu tư, đấu thầu và quy hoạch đất đai, vì hiện tại các HKD phản ánh rằng họ gặp khó khăn khi tiếp cận các thông tin này, với điểm số dưới 7 điểm. Huyện cần cải thiện trang thông tin điện tử của mình, đảm bảo rằng các tài liệu hướng dẫn và thông tin liên quan được trình bày rõ ràng, dễ hiểu. Đồng thời, khuyến khích sử dụng dịch vụ công trực tuyến và tạo điều kiện cho HKD tham gia vào các thủ tục này một cách thuận tiện, hiệu quả.
- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Tỷ lệ HKD biết đến và tham gia các chương trình hỗ trợ SXKD của huyện vẫn còn hạn chế, chỉ đạt 4,6 điểm. Hiệu quả của các chương trình này cũng chưa đạt được kỳ vọng, đặc biệt là trong các chính sách kết nối chuỗi cung ứng.
- Chỉ số tính năng động và tiên phong: Huyện cần tạo ra các hoạt động đối thoại hiệu quả và chủ động tiếp thu ý kiến đóng góp từ HKD để kịp thời điều chỉnh và cải thiện các chính sách. Việc triển khai các sáng kiến hỗ trợ phát triển kinh tế, đặc biệt là các chính sách liên quan đến môi trường kinh doanh và cải cách thủ tục hành chính, cần được thực hiện mạnh mẽ và linh hoạt hơn để thúc đẩy sự phát triển của các HKD.

4.4.10. Quận Lê Chân

Năm 2024, kết quả điểm số DDCI của quận Lê Chân đạt 81,43 điểm, tăng 3,35 điểm so với năm 2023, đứng thứ 8 trên bảng xếp hạng. Điểm số được cải thiện ở 6/8 chỉ số như: chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT tăng 1,02 điểm, thực hiện TTHC tăng 0,67 điểm, hiệu lực thiết chế và ANTT tăng 0,43 điểm, chi phí không chính thức tăng 0,22 điểm. Chỉ số chi phí thời gian chỉ giảm nhẹ 0,09 điểm.

Biểu đồ 4.28. Điểm số các CSTP của quận Lê Chân



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Các chỉ số được đánh giá cao của quận trong năm 2024 là chỉ số chi phí không chính thức (8,85 điểm), thực hiện TTHC (8,61 điểm), hiệu lực thiết chế và ANTT (8,58 điểm). Phần lớn các HKD hài lòng về thời gian thực hiện TTHC ở quận đúng hạn, nhanh chóng, đánh giá cao việc thực hiện TTHC trực tuyến giúp giảm bớt thời gian và chi phí.

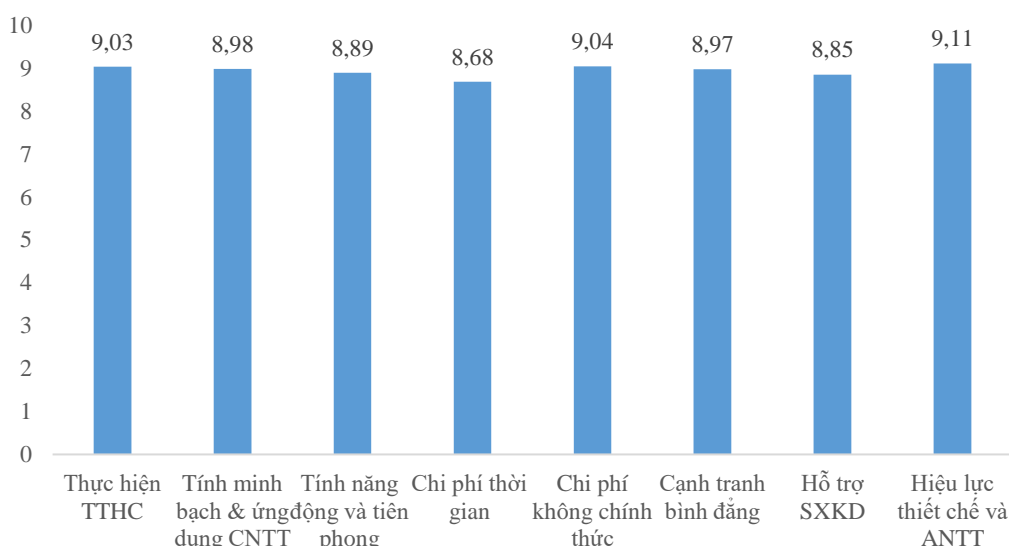
Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Tỷ lệ HKD tham gia hoặc biết đến các chương trình, chính sách hỗ trợ SXKD tại quận còn thấp, cho thấy còn nhiều hạn chế trong việc truyền thông và tiếp cận. Các chương trình hỗ trợ SXKD hiện tại chưa đáp ứng được kỳ vọng của các HKD. Quận cần cải thiện việc thông báo và cung cấp thông tin về các chương trình này, đồng thời nâng cao chất lượng của các chương trình hỗ trợ để chúng thực sự có tác động tích cực đến cộng đồng HKD.
- Chỉ số tính năng động và tiên phong: Chỉ số này cần cải thiện mạnh mẽ, đặc biệt là trong các hoạt động đối thoại. Quận cần tổ chức các buổi đối thoại, tham vấn với các nhóm đối tượng như DN, HTX, HKD để hiểu rõ những khó khăn, vướng mắc mà họ gặp phải trong quá trình hoạt động. Sau các buổi tham vấn, cần giải quyết nhanh chóng và triệt để những vấn đề cụ thể để nâng cao mức độ tin tưởng và sự tham gia của các HKD vào các hoạt động của quận.
- Chỉ số cạnh tranh bình đẳng: Quận cần chú trọng đến việc đảm bảo sự công bằng trong tiếp cận các cơ hội kinh doanh, nguồn lực và chính sách ưu đãi giữa các HKD, DN và HTX. Điều này bao gồm việc cải thiện cơ chế tiếp cận các nguồn vốn, thông tin, và các chính sách liên quan đến phát triển kinh doanh, đảm bảo không có sự phân biệt đối xử giữa các nhóm đối tượng khác nhau.

4.4.11. Quận Ngô Quyền

Kết quả DDCI năm 2024 của quận Ngô Quyền đạt 89,44 điểm, đứng vị trí thứ 2 và đang tiệm cận khá gần tới nhóm rất tốt. Kết quả tích cực này được thể hiện qua những chỉ số có cải thiện như hỗ trợ SXKD tăng 0,37 điểm, tính năng động và tiên phong tăng 0,31 điểm, tính minh bạch và ứng dụng CNTT tăng 0,13 điểm, chi phí không chính thức tăng 0,12 điểm. 4 chỉ số mà quận Ngô Quyền cần lưu ý trong thời gian tới là chi phí thời gian giảm 0,39 điểm, hiệu lực thiết chế và ANTT giảm 0,28 điểm, cạnh tranh bình đẳng giảm 0,21 điểm và thực hiện TTHC giảm 0,05 điểm.

Biểu đồ 4.29. Điểm số CSTP của quận Ngô Quyền



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

8 chỉ số thành phần của quận Ngô Quyền đều được đánh giá trên 8 điểm, ở nhóm tốt và rất tốt. Các chỉ số được đánh giá cao trong năm 2024 là: hiệu lực thiết và ANTT (đạt 9,11 điểm), chi phí không chính thức (9,04 điểm), thực hiện TTHC (9,03 điểm). Theo kết quả DDCI năm 2024, các HKD đánh giá thời gian thực hiện TTHC ở quận nhanh chóng và đúng hạn, hài lòng về chuyên môn và thái độ phục vụ của cán bộ thực hiện và việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến giúp giảm chi phí và thời gian.

Các chỉ số cần phải cải thiện:

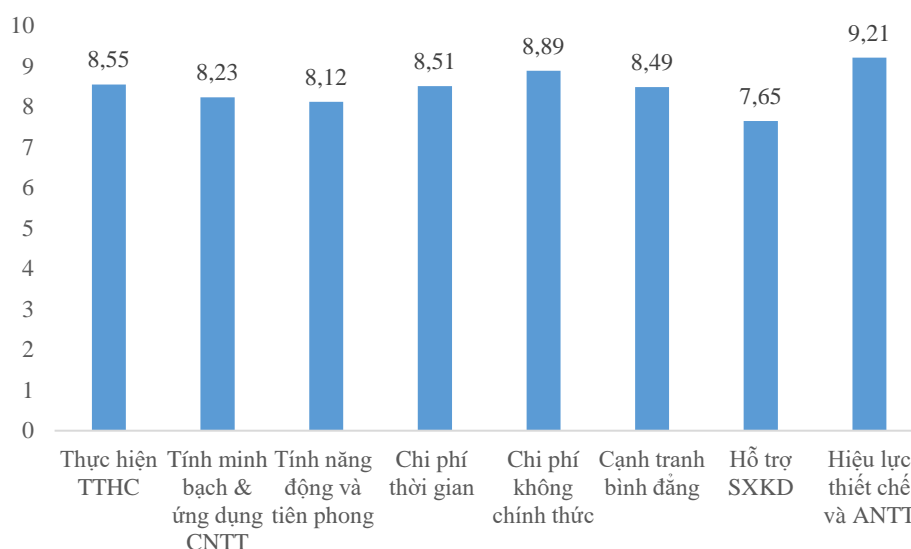
- Chỉ số chi phí thời gian: Quận cần nỗ lực giảm thiểu thời gian xử lý thủ tục hành chính (TTHC) bằng cách cải thiện quy trình làm việc, nâng cao hiệu quả công tác hướng dẫn và cung cấp thông tin cho các tổ chức, doanh nghiệp. Đẩy mạnh việc triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình và tạo ra các công cụ hỗ trợ doanh nghiệp có thể tự thực hiện TTHC, giúp giảm bớt thời gian và chi phí cho các HKD. Hoạt động thanh tra, kiểm tra cần được thực hiện đúng quy trình, không làm gián đoạn hoặc gây bất tiện cho hoạt động của HKD.
- Chỉ số tính năng động và tiên phong: Quận cần tăng cường tổ chức các buổi tham vấn, đối thoại giữa chính quyền và DN, HTX, HKD. Các cuộc đối thoại này cần có sự tham gia rộng rãi, đảm bảo lắng nghe đầy đủ các ý kiến đóng góp và giải quyết triệt để, nhanh chóng các vấn đề của HKD sau mỗi buổi tham vấn.

4.4.12. Huyện Thủy Nguyên

Kết quả DDCI năm 2024 của huyện Thủy Nguyên đạt 84,56 điểm, giảm 5,34 điểm so với năm 2023, xếp vị trí thứ 3 trên bảng xếp hạng. Huyện Thủy Nguyên giảm điểm ở 8 CSTP. Trong đó, các chỉ số có

mức giảm nhiều nhất là hỗ trợ SXKD giảm 0,9 điểm, cạnh tranh bình đẳng giảm 0,8 điểm, chi phí thời gian giảm 0,7 điểm, tính năng động và tiên phong giảm 0,51 điểm.

Biểu đồ 4.30. Điểm số các CSTP của huyện Thủy Nguyên



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Năm 2024, phần lớn các chỉ số thành phần của huyện Thủy Nguyên đều được đánh giá ở mức điểm tốt trở lên với một số chỉ số được đánh giá cao là: Chỉ số hiệu lực thiết chế (9,21 điểm), chi phí không chính thức (8,89 điểm), thực hiện TTHC (8,55 điểm). Kết quả khảo sát DDCI năm 2024 cho thấy đa số HKD hài lòng về thời gian thực hiện TTHC đúng hạn, nhanh chóng và chuyên môn và thái độ phục vụ của cán bộ; các HKD đánh giá cao việc ứng dụng CNTT/phương thức mới trong việc quản lý, điều hành của huyện.

Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Một số HKD phản ánh việc cung cấp thông tin chưa được thực hiện kịp thời, đặc biệt khi yêu cầu những thông tin không có sẵn. Mức độ khai thác thông tin qua cổng thông tin điện tử của huyện vẫn còn thấp nên cần đẩy mạnh việc cải thiện việc cung cấp thông tin trực tuyến và hỗ trợ HKD sử dụng các dịch vụ công trực tuyến.
- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Huyện Thủy Nguyên cần cải thiện hiệu quả các chương trình hỗ trợ SXKD, đặc biệt trong việc triển khai các chính sách, chủ trương mới. Các chương trình tập huấn, phổ biến và hướng dẫn về các chủ trương này chưa được tổ chức đầy đủ và tiếp cận được nhiều HKD. Bên cạnh đó, một số HKD cũng phản ánh rằng các chính sách hỗ trợ của huyện chưa đạt hiệu quả như mong đợi.
- Chỉ số tính năng động và tiên phong: Địa phương cần tăng cường tổ chức các buổi đối thoại có sự tham gia của nhiều đối tượng và đảm bảo các vấn đề của HKD được giải quyết nhanh chóng và hiệu quả. Đồng thời, việc tiếp thu ý kiến và thay đổi hoạt động quản lý hành chính sau các buổi đối thoại sẽ giúp nâng cao mức độ hài lòng và thúc đẩy sự tham gia tích cực hơn từ phía HKD.

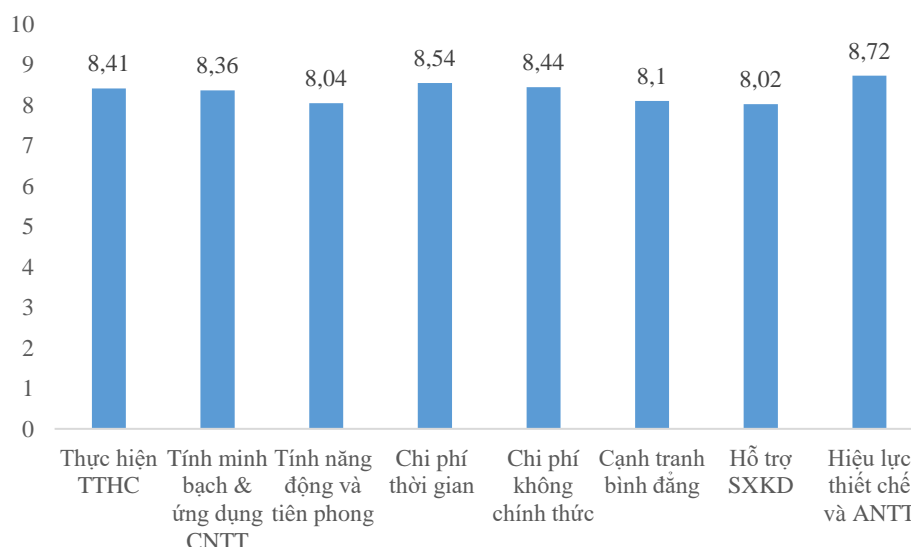
4.4.13. Huyện Tiên Lãng

Năm 2024, điểm số DDCI của huyện Tiên Lãng đạt 83,29 điểm, giảm 3,72 điểm so với năm 2023, đứng thứ 5/14 quận, huyện được đánh giá. So sánh với năm 2023, huyện Tiên Lãng có 1 chỉ số tăng điểm là

chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT tăng 0,46 điểm. 7 CSTP còn lại giảm điểm là: Chỉ số cạnh tranh bình đẳng giảm 0,71 điểm, chi phí không chính thức giảm 0,58 điểm, hỗ trợ SXKD giảm 0,55 điểm và các chỉ số còn lại đều giảm trên 0,3 điểm.

Kết quả DDCI năm 2024 của huyện Tiên Lãng cho thấy các chỉ số đạt mức điểm tốt. Các chỉ số được đánh giá cao như: Hiệu lực thiết chế và ANTT đạt 8,72 điểm, chi phí không chính thức đạt 8,44 điểm và chi phí thời gian đạt 8,54 điểm. Các HKD đánh giá cao việc triển khai các quy định, chính sách của huyện hiệu quả và cho biết thời gian thực hiện TTHC ở huyện đúng thời gian và nhanh chóng và hài lòng về thái độ và chuyên môn của cán bộ thực hiện.

Biểu đồ 4.31. Điểm số các CSTP của huyện Tiên Lãng



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Tỷ lệ HKD biết đến/tham gia các chương trình, chính sách hỗ trợ SXKD của huyện còn thấp. Hiệu quả các chương trình hỗ trợ SXKD cũng chưa đạt được kỳ vọng của HKD, lưu ý ở các chính sách về khởi sự kinh doanh, kết nối chuỗi cung ứng.
- Chỉ số tính năng động và tiên phong: Việc tổ chức các buổi đối thoại chưa được triển khai hiệu quả và chưa có sự thay đổi rõ rệt trong hoạt động quản lý hành chính sau các buổi đối thoại. Huyện cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, khuyến khích sự tham gia của nhiều nhóm đối tượng trong các buổi đối thoại và đảm bảo rằng các vấn đề cụ thể của họ sẽ được giải quyết nhanh chóng và hiệu quả, từ đó tạo động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế của địa phương.
- Chỉ số cạnh tranh bình đẳng: Các chỉ tiêu về cạnh tranh bình đẳng của huyện đã đạt mức tốt, tuy nhiên huyện cần tập trung vào việc hỗ trợ các HKD nhỏ và siêu nhỏ, giúp họ dễ dàng tiếp cận thông tin, chính sách và thực hiện các thủ tục hành chính (TTHC). Điều này sẽ giúp các HKD nhỏ và siêu nhỏ có cơ hội phát triển đồng đều với các doanh nghiệp lớn, đồng thời tránh tình trạng cảm nhận rằng chính quyền ưu ái các doanh nghiệp lớn hoặc có mối quan hệ thân thiết với chính quyền.

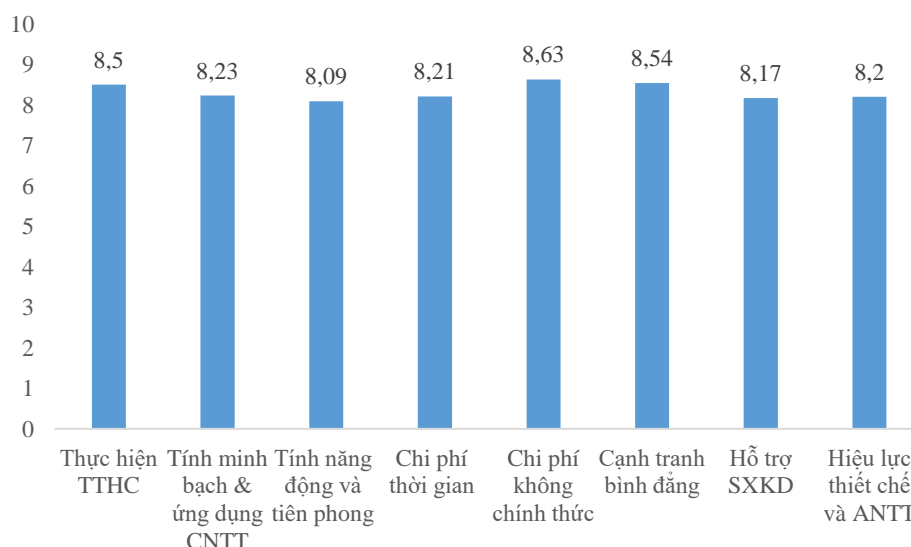
4.4.14. Huyện Vĩnh Bảo

Năm 2024, kết quả DDCI của huyện Vĩnh Bảo đạt 83,21 điểm, tăng 3,81 điểm so với năm 2023, xếp thứ 6 trên bảng xếp hạng. Huyện Vĩnh Bảo đang có những bước cải thiện chắc chắn với 7 các chỉ số

thành phần tăng điểm so với năm 2023. Trong đó, các chỉ số có cải thiện nổi bật là: Chỉ số tính minh bạch và ứng dụng CNTT tăng 1,12 điểm, thực hiện TTHC tăng 0,86 điểm và hỗ trợ SXKD tăng 0,68 điểm. Chỉ số chi phí không chính thức là chỉ số duy nhất giảm nhẹ 0,14 điểm.

Năm 2024, các chỉ số của huyện được đánh giá cao là chỉ số chi phí không chính thức (8,63 điểm), cạnh tranh bình đẳng (8,54 điểm), thực hiện TTHC (8,5 điểm) và chi phí thời gian (8,21 điểm). Kết quả khảo sát DDCI năm 2024 cho thấy các HKD hài lòng về thời gian thực hiện TTHC ở huyện, chuyên môn và thái độ phục vụ của cán bộ thực hiện và đánh giá việc thực hiện TTHC trực tuyến giúp giảm thời gian và chi phí so với phương thức truyền thống.

Biểu đồ 4.32. Điểm số các CSTP của huyện Vĩnh Bảo



Nguồn: Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024

Các chỉ số cần phải cải thiện:

- Chỉ số hỗ trợ SXKD: Huyện Vĩnh Bảo cần tập trung vào việc cải thiện các chỉ tiêu hỗ trợ SXKD, đặc biệt là trong việc tổ chức các chương trình đào tạo, phổ biến chính sách và các sáng kiến hỗ trợ. Mặc dù đã có một số chương trình hỗ trợ, tỷ lệ HKD tham gia còn thấp, với chỉ tiêu này đạt 6,49 điểm. Để nâng cao hiệu quả, huyện cần tổ chức các buổi tập huấn, phổ biến chính sách một cách rõ ràng và dễ tiếp cận hơn.
- Chỉ số tính năng động và tiên phong: Huyện cần cải thiện khả năng tổ chức các buổi đối thoại, tham vấn với các nhóm đối tượng như doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh. Để nâng cao tính năng động và tiên phong, huyện cần tăng cường tính linh hoạt trong việc giải quyết các vấn đề của HKD sau mỗi buổi đối thoại, đồng thời tạo điều kiện để các HKD dễ dàng tiếp cận các chính sách hỗ trợ. Điều này sẽ giúp nâng cao chất lượng quản lý hành chính và phát triển kinh tế địa phương.

CHƯƠNG V

Kết luận và đề xuất

DDCI
HẢI PHÒNG





CHƯƠNG V. TỔNG KẾT VÀ ĐỀ XUẤT

5.1. Tổng kết

Khảo sát DDCI Hải Phòng năm 2024 có một số điểm nổi bật như sau:

- Điểm số trung bình năm 2024 của khối Sở, ban, ngành đạt 75,15 điểm, giảm 1,44 điểm so với năm 2023. Điểm số trung bình năm 2024 của khối địa phương đạt 80,80 điểm, giảm 2,64 điểm so với năm 2023.
- Công tác cải cách môi trường kinh doanh được ghi nhận với nỗ lực từ các cơ quan và lãnh đạo trong việc thực hiện các quy định và chính sách của Trung ương và thành phố, giúp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

Các nội dung có cải thiện trong năm 2024:

- Chi phí không chính thức đạt điểm cao nhất ở cả 2 khối giảm mạnh ở cả hai khối. Đây là tín hiệu tích cực, khẳng định sự quyết tâm của các cơ quan chính quyền Hải Phòng trong việc minh bạch hóa quy trình và giảm gánh nặng không chính thức cho DN/HTX/HKD.
- Thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) ở cả hai khối tiếp tục ghi nhận sự tiến bộ, với điểm số tương đối cao. Quy trình ngày càng đơn giản hóa, thời gian xử lý được rút ngắn, đáp ứng phần nào kỳ vọng của cộng đồng doanh nghiệp.
- Chi phí thời gian tiếp tục được DN/HTX/HKD đánh giá ngày càng được rút ngắn, cho thấy nỗ lực giảm thiểu thời gian chờ đợi và cải thiện các thủ tục phức tạp.
- Hiệu lực thiết chế được đánh giá cao, phản ánh tính nghiêm minh và hiệu quả trong việc triển khai chính sách, góp phần củng cố niềm tin của DN vào cơ quan công quyền.

Các nội dung cần cải thiện trong thời gian tới:

- Hỗ trợ SXKD chưa bao phủ rộng rãi và hiệu quả chưa như mong đợi. Do chỉ một phần nhỏ DN tiếp cận được chính sách, và các biện pháp hỗ trợ chưa thực sự thiết thực hoặc phù hợp với từng nhóm DN, đặc biệt là DN nhỏ và siêu nhỏ.
- Tính minh bạch và ứng dụng CNTT: Dù các cơ quan đang nỗ lực cải thiện nhưng khảo sát cho thấy DN/HTX/HKD vẫn gặp khó khăn trong việc tiếp cận thông tin công khai hoặc thực hiện TTHC trực tuyến. Nguyên nhân bao gồm: Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách còn hạn chế, Hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ hoặc chưa phù hợp với nhu cầu thực tế.
- Tính năng động và tiên phong: Các cơ quan cần gia tăng sự chủ động và linh hoạt hơn nữa trong hỗ trợ DN/HTX/HKD, cải thiện việc lắng nghe và phản hồi nhu cầu từ cộng đồng DN/HTX/HKD.

5.2. Đề xuất

5.2.1. Đề xuất cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh

a) Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan

- Tăng cường liên kết giữa các Sở, ban, ngành và địa phương để tránh chồng chéo trong thực thi chính sách và thủ tục hành chính (TTHC).
- Triển khai cơ chế đánh giá định kỳ về hiệu quả phối hợp, nhằm phát hiện và xử lý kịp thời các vướng mắc.

b) Phát triển năng lực cán bộ công chức

- Tổ chức các khóa đào tạo định kỳ, tập trung vào: Kỹ năng giao tiếp và phục vụ doanh nghiệp và năng lực xử lý TTHC thông qua nền tảng CNTT.
- Thiết lập cơ chế giám sát hiệu suất làm việc, với hệ thống đánh giá gắn liền với chất lượng phục vụ và mức độ hài lòng của doanh nghiệp.

c) Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện

- Đẩy mạnh xây dựng cơ sở dữ liệu liên thông giữa các cơ quan hành chính, tạo điều kiện cho việc xử lý TTHC trực tuyến hiệu quả hơn.
- Xây dựng hệ thống hỗ trợ trực tuyến như chatbot hoặc hotline giải đáp 24/7, giúp DN/HTX/HKD xử lý nhanh các thắc mắc liên quan đến TTHC.

d) Tăng cường các biện pháp hỗ trợ thực chất cho DN

- Phổ biến rộng rãi các chương trình hỗ trợ dành cho DN/HTX/HKD nhỏ và vừa thông qua các cơ quan phối hợp liên ngành.
- Tổ chức hội thảo chuyên đề, kết hợp với tư vấn trực tiếp từ các chuyên gia và cơ quan quản lý nhà nước để giải quyết các vấn đề và hỗ trợ DN/HTX/HKD kịp thời.

e) Đẩy mạnh công khai, minh bạch thông tin

- Tăng cường sử dụng các nền tảng truyền thông xã hội để công khai thông tin về chính sách, quy trình TTHC, và các chương trình hỗ trợ.
- Thiết kế hệ thống thông tin thân thiện với người dùng, đơn giản hóa ngôn ngữ trong văn bản hành chính để DN/HTX/HKD dễ tiếp cận.

f) Xây dựng cơ chế phản hồi và giám sát minh bạch

- Thiết lập kênh tiếp nhận ý kiến từ DN/HTX/HKD, đảm bảo phản hồi nhanh chóng và hiệu quả.
- Tăng cường vai trò của các hiệp hội doanh nghiệp trong việc giám sát quá trình thực thi chính sách, qua đó cải thiện sự minh bạch và trách nhiệm giải trình.

5.2.2. Đề xuất triển khai DDCI các năm tiếp theo

a) Tăng cường công tác truyền thông

- Nâng cao nhận thức cộng đồng DN/HTX/HKD: Tổ chức các chiến dịch truyền thông đa dạng nhằm giải thích ý nghĩa, mục đích của khảo sát DDCI trước, trong và sau khảo sát. Các phương tiện có thể sử dụng bao gồm: Báo chí, đài phát thanh và truyền hình địa phương; Thường xuyên đưa tin về tiến độ, kết quả, và giá trị của khảo sát. Mạng xã hội: Sử dụng các nền tảng như Facebook, Zalo để phổ biến thông tin đến doanh nghiệp một cách nhanh chóng và trực quan.

Kênh giao dịch trực tiếp: Cung cấp thông tin qua các cơ quan nơi DN/HTX/HKD thực hiện thủ tục hành chính (TTHC).

- Khuyến khích sự tham gia: Tạo động lực bằng cách công khai kết quả khảo sát, vinh danh các đơn vị đạt thành tích tốt, đồng thời công bố những cải tiến dựa trên phản hồi từ DN/HTX/HKD.

b) Phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan

- Cập nhật dữ liệu doanh nghiệp định kỳ: Các cơ quan cần phải cập nhật danh sách DN/HTX/HKD hàng tháng, đặc biệt những đơn vị thực hiện TTHC hoặc có tương tác trực tiếp với cơ quan.
- Đóng góp ý kiến cải thiện phương pháp: Chủ động tham gia các buổi thảo luận về việc tối ưu hóa phương pháp khảo sát.
- Thúc đẩy truyền thông nội bộ: Các cơ quan cần lồng ghép thông tin về DDCI trong các cuộc họp với DN/HTX/HKD hoặc qua các hội nghị công khai để tăng mức độ nhận diện.

c) Tăng cường vai trò của Hiệp hội doanh nghiệp

- Huy động sự hỗ trợ từ Hiệp hội DN: Các tổ chức như Hiệp hội doanh nghiệp, các hội doanh nhân quận, huyện cần chủ động hơn trong việc hỗ trợ triển khai khảo sát DDCI với vai trò như thu thập ý kiến từ DN thành viên, hỗ trợ tuyên truyền về ý nghĩa và quy trình khảo sát.
- Xây dựng mạng lưới chia sẻ thông tin: Tạo kênh liên lạc giữa hiệp hội và cơ quan khảo sát để kịp thời xử lý khó khăn hoặc phản hồi từ cộng đồng DN.
- Đẩy mạnh tính đại diện: Đảm bảo mọi quy mô và loại hình DN đều được phản ánh trong quá trình khảo sát thông qua các hiệp hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Nội vụ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Hội Cựu chiến binh Việt Nam (2015-2023), “*Báo cáo Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước năm 2015-2018 (SIPAS 2015-2018)*”.
2. CECODES, VFF-CRT, RTA & UNDP (2009-2023), “*Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) 2009-2022*”.
3. Chính phủ Việt Nam (2020a), Nghị quyết số 84/NQ-CP, ngày 29 tháng 5 “*Về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh đại dịch COVID-19*”
4. Chính phủ Việt Nam (2020b), Nghị quyết số 42/NQ-CP, ngày 09 tháng 4 “*Về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19*”
5. Cục Thống kê Hải Phòng (2019-2023), “*Niên giám thống kê Hải Phòng năm 2019-2023*”.
6. Cục Thống kê Hải Phòng (2010-2023), “*Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội các năm 2010-2023*”.
7. Economica Vietnam (2018), “*Khu vực kinh tế tư nhân Việt Nam: Năng suất và Thịnh Vượng*”
8. Edmund J. M. (2008), “*A Peek Under the Engine Hood: The Methodology of the Asia*”
9. GEM và VCCI (2016), “*Báo cáo về tinh thần khởi nghiệp toàn cầu - Việt Nam 2015/2016*”.
10. GSO (2005 - 2022), “*Niên giám thống kê các năm 2005-2022*”.
11. GSO (2012), “*Sự phát triển của doanh nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2011*”, Nhà xuất Bản Thống kê
12. Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ (2018-2021), “*Báo cáo chỉ số Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính APCI 2018-2021*”
13. MPI/ GSO (2015-2016), “*Báo cáo khảo sát lực lượng lao động*”, Tổng cục Thống kê/ Bộ KHĐT, Hà Nội, Việt Nam
14. Quốc hội Việt Nam (2020), Nghị quyết số 116/2020/QH14, ngày 19 tháng 6 “*Về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác*”
15. UBND thành phố Hải Phòng (2020-2023), “*Báo cáo kết quả năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương DDCI*”
16. UBND thành phố Hải Phòng (2015-2023), “*Báo cáo kinh tế - xã hội 2015-2023*”
17. UBND thành phố Hải Phòng (2020), “*Báo cáo tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020, định hướng giai đoạn 2021-2030 của thành phố Hải Phòng*”
18. USAID/VNCI-VCCI (2006-2023), “*Báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam (2006–2023)*”. www.pcivietnam.org/reports.php
19. VCCI (2018-2021), “*Báo cáo dòng chảy pháp luật kinh doanh 2018-2021*”
20. VCCI (2021), “*Báo cáo thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư - đất đai - xây dựng - môi trường. Một số kết quả từ khảo sát doanh nghiệp năm 2020*”
21. VCCI (2021), “*Báo cáo nghiên cứu giải pháp cắt giảm gánh nặng chi phí tuân thủ pháp luật cho doanh nghiệp*”
22. VCCI (2021), “*Báo cáo: Chương trình cải cách môi trường kinh doanh Việt Nam: Góc nhìn từ doanh nghiệp*”
23. VCCI (2021), “*Báo cáo: Mức độ hài lòng của doanh nghiệp về việc thực hiện thủ tục hành chính xuất nhập khẩu*”
24. VCCI (2021), “*Báo cáo: Tác động của dịch bệnh COVID-19 đối với doanh nghiệp Việt Nam: Một số phát hiện chính từ điều tra*”
25. VCCI (2010-2017), *Báo cáo nghiên cứu MEI: Chỉ số hiệu quả hoạt động xây dựng và thị hành pháp luật về kinh doanh của các Bộ 2010-2017*
26. VCCI (2010-2019), “*Báo cáo thường niên doanh nghiệp Việt Nam*”, NXB Chính trị Quốc gia
27. VCCI (2019), “*Báo cáo đánh giá cải cách thủ tục hành chính thuế*”, Hà Nội.
28. VCCI. (2020), “*Báo cáo đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp và thời gian thực hiện thủ tục hành chính qua cơ chế một cửa quốc gia*”, Hà Nội

29. World Bank (2018-2024), “*Doing Business 2018-2024*”
30. Bộ luật số: 45/2019/QH14, *Bộ luật Lao động* ngày 20 tháng 11 năm 2019
31. Luật số: 77/2015/QH13, *Luật Tổ chức chính quyền địa phương* ngày 19 tháng 06 năm 2015.
32. Luật số: 104/2016/QH13, *Luật Tiếp cận thông tin* ngày 06 tháng 04 năm 2016
33. Luật số: 47/2019/QH14, *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương* ngày 22 tháng 11 năm 2019
34. Luật số: 20/VBHN-VPQH, *Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa*, ngày 15 tháng 07 năm 2020

PHỤ LỤC

1. DDCI cấp Sở, ban, ngành

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	SỞ, NGÀNH																				TB	
	Sở KH & ĐT	Sở Tài chính	Sở TN& MT	Sở XD	Sở NN& PTNT	Sở GT& VT	Sở KH& CN	Sở GD& ĐT	Sở LĐ - TB &XH	Sở CT	Sở Tư pháp	Sở TT& TT	Sở Y tế	Sở VH& TT	Sở Du lịch	BQL KKT	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục HQ TP	BH XH TP		NH NN-HP
Thực hiện TTHC	7,84	7,95	7,66	7,42	7,8	7,76	7,71	8,06	7,59	7,33	7,73	7,69	7,8	7,91	7,96	7,65	8,13	8,23	7,84	7,62	7,72	7,78
B2. Ông/bà bị yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ bao nhiêu lần rồi mới được chấp nhận là hồ sơ hợp lệ?	8,18	8,43	8	7,86	8,12	8,23	7,77	8,34	7,77	7,71	8,07	8,11	8	8,46	8,08	7,28	8,45	8,75	8,11	8,2	7,66	8,07
B8. Ông/bà đánh giá thế nào về thời gian DN/HTX bỏ ra để hoàn thành TẤT CẢ các TTHC/công việc tại SỞ/BAN/NGÀNH NÀY để chính thức hoạt động hoặc chương trình, dự án, kế hoạch kinh doanh đủ điều kiện triển khai so với quy định?	7,09	7,33	6,79	6,64	7,19	7,15	7,07	7,33	6,67	6,24	6,62	7,08	6,87	7,54	7,27	6,95	7,1	7,07	7,03	6,65	6,4	6,95
B3N. Ông/bà đánh giá thế nào về chất lượng hướng dẫn của cơ quan về trình tự, hồ sơ TTHC/thực hiện công việc?	7,8	8	7,79	7,51	7,64	7,74	7,64	8,13	7,63	7,33	7,73	7,65	8	7,66	7,87	7,75	8,27	8,19	7,78	7,53	7,87	7,79
B4. Ông/bà đánh giá thế nào về tác động của việc thực hiện TTHC/công việc ở SỞ/BAN/NGÀNH NÀY đến kế hoạch kinh doanh?	7,85	7,75	7,65	7,66	7,96	7,8	7,73	8,07	7,94	7,5	7,93	7,8	7,87	8,11	8	8	8,18	8,23	7,96	7,6	7,79	7,88

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	SỞ, NGÀNH																				TB	
	Số KH & ĐT	Số Tài chính	Số TN& MT	Số XD	Số NN& PTNT	Số GT& VT	Số KH& CN	Số GD& ĐT	Số LD - TB &XH	Số CT	Số Tư pháp	Số TT& TT	Số Y tế	Số VH& TT	Số Du lịch	BQL KKT	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục HQ TP	BH XH TP		NH NN-HP
B5. Chuyên môn, hiệu quả giải quyết công việc	8,1	8,13	7,87	7,38	7,93	7,84	8,09	8,4	7,76	7,56	8,07	7,8	8,13	8,06	8,2	7,79	8,46	8,56	8,07	7,91	8,27	8,02
B6. Thái độ phục vụ và sự nhiệt tình của cán bộ, công chức khi tiếp xúc với DN/HTX/HKD	8,07	8	7,89	7,42	8	7,84	8,13	8,27	7,84	7,6	7,93	7,75	7,93	7,89	8,34	8	8,38	8,55	8,13	7,94	8,34	8,01
B7. Ông/bà đánh giá thế nào về tổ chức thực hiện TTHC/công việc của cơ quan so với văn bản quy định?	7,81	8	7,66	7,47	7,78	7,74	7,55	7,87	7,54	7,39	7,73	7,65	7,8	7,66	7,93	7,75	8,11	8,22	7,76	7,53	7,73	7,75
Tính minh bạch & ứng dụng CNTT	7,47	7,36	7,13	6,92	7,39	7,38	7,16	7,47	7,17	7,05	7,05	7,27	7,2	7,67	7,27	7,31	7,52	7,69	7,4	6,98	7,25	7,29
B6. Ông/ bà hãy đánh giá mức độ thuận lợi khi tiếp cận với các thông tin, văn bản quy phạm pháp luật; TTHC; cơ chế chính sách mới ở SỞ/BAN/NGÀNH NÀY?	7,81	7,63	7,63	7,32	7,7	7,52	7,56	7,93	7,49	7,44	7,4	7,6	7,6	7,76	7,59	7,8	7,88	7,97	7,69	7,25	7,6	7,63
B8. Khi ông/bà có yêu cầu cung cấp thông tin, văn bản KHÔNG CÓ SẴN trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc tại trụ sở thì ông/bà đánh giá thế nào về tính chủ động và kịp thời của SỞ/BAN/NGÀNH NÀY trong việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của ông/bà?	7,13	6,93	6,87	6,81	7,12	7,18	6,77	7,27	6,81	6,67	6,87	6,94	6,73	7,65	7,27	7,18	6,92	7,03	7,15	6,59	6,93	6,99

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	SỞ, NGÀNH																				TB	
	Sở KH & ĐT	Sở Tài chính	Sở TN & MT	Sở XD	Sở NN & PTNT	Sở GT & VT	Sở KH & CN	Sở GD & ĐT	Sở LĐ - TB & XH	Sở CT	Sở Tư pháp	Sở TT & TT	Sở Y tế	Sở VH & TT	Sở Du lịch	BQL KKT	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục HQ TP	BH XH TP		NH NN-HP
B9. Ông/bà đánh giá thế nào về vai trò của các “mối quan hệ với cán bộ nhà nước” khi tiếp cận thông tin, giải quyết công việc tại SỞ/BAN/NGÀNH NÀY?	6,35	6,38	5,81	5,6	6,63	6,63	6,05	6,2	6,48	5,67	6,14	6,31	6,07	6,35	5,86	5,54	6,53	6,62	6,38	5,86	6,07	6,17
B10. Ông/bà đánh giá thế nào về mức độ hữu ích của thông tin trên trang web của SỞ/BAN/NGÀNH này đối với DN/HTX trong việc tìm kiếm thông tin? (website có tên miền kết thúc bằng gov.vn)	8,04	7,88	7,68	7,42	7,77	7,77	7,64	7,93	7,65	7,71	7,52	7,7	7,93	8,36	7,79	7,95	8,23	8,43	8,05	7,62	7,87	7,85
B12. Ông/bà đánh giá thế nào về nỗ lực ứng dụng CNTT/chuyển đổi số để công khai thông tin, tương tác với doanh nghiệp, tham vấn ý kiến, giải đáp thắc mắc và cung cấp dịch vụ công cho các cơ sở SXKD tại SỞ/BAN/NGÀNH NÀY?	8,02	8	7,65	7,47	7,74	7,79	7,78	8	7,41	7,78	7,33	7,8	7,66	8,24	7,87	8,1	8,03	8,38	7,72	7,58	7,8	7,82
Tính năng động và tiên phong của Sở, ban, ngành	7,74	7,92	7,43	7,17	7,36	7,13	7,21	7,55	7,19	7,16	7,18	7,18	6,96	7,71	7,7	7,79	7,66	7,69	7,64	7,16	7,56	7,43

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	SỞ, NGÀNH																				TB	
	Sở KH & ĐT	Sở Tài chính	Sở TN& MT	Sở XD	Sở NN& PTNT	Sở GT& VT	Sở KH& CN	Sở GD& ĐT	Sở LĐ - TB &XH	Sở CT	Sở Tư pháp	Sở TT& TT	Sở Y tế	Sở VH& TT	Sở Du lịch	BQL KKT	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục HQ TP	BH XH TP		NH NN-HP
B17. “Thực hiện hiệu quả và linh hoạt các chương trình, chủ trương của UBND thành phố trong khuôn khổ pháp luật, nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các DN/HTX”	8,14	8,38	7,71	7,45	7,44	7,58	7,55	7,87	7,39	7,6	7,4	7,55	7,4	8,17	7,73	7,95	8,04	8,19	8,02	7,46	7,93	7,76
B18. “Khi quy định của Trung ương và thành phố chưa rõ ràng, SỞ/BAN/NGÀNH NÀY rất sáng tạo và mạnh dạn triển khai các chủ trương/quyết định, giải quyết các vấn đề phát sinh mới và tham mưu UBND thành phố các đề xuất phù hợp”	8,02	8	7,63	7,32	7,37	7,5	7,27	7,67	7,28	7,33	7,2	7,15	7,07	8,06	7,73	7,9	8,07	8,08	7,78	7,36	7,6	7,59
B19. “Không có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ hay đùn đẩy trách nhiệm khi thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND thành phố và cấp TW”	8,19	8,13	7,68	7,45	7,67	7,52	7,41	7,73	7,39	7,22	7,27	7,5	6,93	8,23	7,73	7,95	8,11	8,16	7,93	7,43	8,07	7,7
B23. Tần suất được mời/tham gia các kênh, diễn đàn đối thoại, tham vấn đối với DN/HTX/HKD về các vấn đề mà ông/bà gặp phải?	5,71	6,13	6,08	5,53	6,08	4,77	5,95	6,53	6,11	6,06	6,3	5,84	5,33	5,88	6,93	6,82	5,45	5,24	6,11	5,73	5,86	5,93

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	SỞ, NGÀNH																				TB	
	Số KH & ĐT	Số Tài chính	Số TN& MT	Số XD	Số NN& PTNT	Số GT& VT	Số KH& CN	Số GD& ĐT	Số LD - TB &XH	Số CT	Số Tư pháp	Số TT& TT	Số Y tế	Số VH& TT	Số Du lịch	BQL KKT	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục HQ TP	BH XH TP		NH NN-HP
B20. “Việc thực hiện chủ trương, chính sách của ngành, thành phố trong việc tạo thuận lợi cho DN hoạt động là ổn định, nhất quán”	8,19	8,13	7,84	7,5	7,63	7,6	7,41	7,73	7,35	7,33	7,33	7,45	7,13	8,17	7,87	8,05	8,11	8,18	7,95	7,48	8,07	7,74
B21. “Lãnh đạo SỞ/BAN/NGÀNH NÀY thể hiện tinh thần dám quyết/dám làm và dám chịu trách nhiệm trong việc thực thi các quy định, chính sách và tiên phong thực hiện cải cách”	8,17	8,25	7,74	7,55	7,51	7,5	7,55	7,67	7,39	7,39	7,4	7,44	7,33	8,06	7,93	8	8,04	8,16	7,96	7,4	7,93	7,73
B22. “Lãnh đạo SỞ/BAN/NGÀNH NÀY đã giám sát và có biện pháp kịp thời để xử lý các trường hợp gây những nhiễu, khó khăn cho các cơ sở SXKD”	8,16	8,38	7,71	7,4	7,69	7,58	7,55	7,73	7,44	7,31	7,38	7,35	7,2	8,06	8	8,21	8,01	8,09	7,93	7,44	7,8	7,73
B24. Ông/bà đánh giá thế nào về hiệu quả của của các kênh, diễn đàn đối thoại, tham vấn đối với DN/HTX/HKD về các vấn đề mà họ gặp phải?	7,34	8	7,01	7,14	7,52	6,95	6,97	7,47	7,15	7,03	7,13	7,15	7,25	7,03	7,66	7,47	7,45	7,42	7,45	6,97	7,21	7,28
Chi phí thời gian	7,73	7,85	7,34	7,37	7,33	7,54	7,41	7,37	7,37	7,08	7,24	7,81	7,45	7,9	7,63	7,61	7,71	7,85	7,6	7,46	7,47	7,53

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	SỞ, NGÀNH																				TB	
	Số KH & ĐT	Số Tài chính	Số TN& MT	Số XD	Số NN& PTNT	Số GT& VT	Số KH& CN	Số GD& ĐT	Số LD - TB &XH	Số CT	Số Tư pháp	Số TT& TT	Số Y tế	Số VH& TT	Số Du lịch	BQL KKT	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục HQ TP	BH XH TP		NH NN-HP
B26. Ông/bà đánh giá thế nào về thời gian thực hiện TTHC tại SỞ, BAN, NGÀNH này so với quy định?	6,59	7,07	6,48	6,28	6,58	6,55	6,53	6,47	6,49	6	6,13	6,82	6,47	6,88	6,93	6,45	6,66	6,37	6,6	6,35	6,33	6,53
B31. Số lần thanh tra, kiểm tra RIÊNG của SỞ/BAN/NGÀNH NÀY mà ông/bà phải tiếp trong năm vừa qua? (Thanh tra, kiểm tra bao gồm các hoạt động thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch được thông báo trước, kiểm tra đột xuất, kiểm tra chuyên ngành của Sở/ban/ngành đang đánh giá, không bao gồm hoạt động kiểm tra đề hoàn thành TTHC)	9,01	8,27	8,27	8,76	8,43	9,28	8,29	8,07	8,39	7,94	8,33	9,67	8,07	9,03	7,86	8,84	8,6	9,24	8,79	8,95	8,69	8,61
B32. Ông/bà đánh giá thế nào về thời gian của 1 đợt thanh tra, kiểm tra thực tế so với thời gian trong quyết định (QĐ) thanh tra, kiểm tra do SỞ/BAN/NGÀNH này ban hành?	6,97	6,89	6,24	6,77	6,29	6,91	6,56	6,09	6,42	6,17	6,53	6,73	6,22	7,47	6,61	6,56	6,48	6,4	6,77	6,36	6,29	6,56
B33. Theo ông/bà, việc thanh tra, kiểm tra của SỞ/BAN/NGÀNH NÀY ảnh hưởng thế nào đối với hoạt động SXKD của DN/HTX?	7,29	7,6	7,29	6,85	7,17	6,65	6,92	7,04	7,07	6,64	7	7,71	7,33	7	7,36	7,14	7,27	7,18	7,1	6,87	6,71	7,1
B27. Việc thực hiện các thủ tục trực tuyến là dễ dàng và đơn giản	8,02	8,25	7,71	7,49	7,56	7,71	7,91	7,93	7,71	7,56	7,47	7,8	8	8,46	8	8,1	8,29	8,55	8,02	7,81	8,13	7,93

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	SỞ, NGÀNH																				TB	
	Sở KH & ĐT	Sở Tài chính	Sở TN& MT	Sở XD	Sở NN& PTNT	Sở GT& VT	Sở KH& CN	Sở GD& ĐT	Sở LĐ - TB &XH	Sở CT	Sở Tư pháp	Sở TT& TT	Sở Y tế	Sở VH& TT	Sở Du lịch	BQL KKT	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục HQ TP	BH XH TP		NH NN-HP
B28. Việc thực hiện các thủ tục trực tuyến tiết kiệm thời gian và chi phí so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)	8,1	8,38	7,73	7,73	7,67	7,87	7,91	7,93	7,86	7,61	7,59	8,15	8,27	8,41	8,27	8,25	8,36	8,67	8,05	8,03	8,27	8,05
B29. Không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ đã được yêu cầu cung cấp trước đó bởi một cơ quan hành chính cấp tỉnh theo phương thức truyền thống	8,13	8,5	7,63	7,71	7,64	7,77	7,73	8,07	7,65	7,66	7,63	7,8	7,8	8,06	8,4	7,95	8,32	8,58	7,89	7,84	7,87	7,93
Chi phí không chính thức	8,13	8,62	8,09	7,88	8,15	8,23	8,05	8,1	8,14	7,68	8,27	8,31	8,29	8,33	8,33	8,17	8,36	8,51	8,19	8,46	8,45	8,23
B35. Ông/bà đánh giá như thế nào về mức độ phổ biến của chi phí không chính thức; trình trạng gợi ý, gây khó khăn, cản trở của cán bộ, công chức mà DN/HTX/HKD phải bỏ ra khi thực hiện TTHC và giải quyết công việc tại ở SỞ/BAN/NGÀNH NÀY?	7,96	8,75	7,86	7,59	7,89	7,93	7,64	7,72	8	7,09	8,27	8,32	8,14	8,06	8,27	7,9	8,07	8,25	7,83	8,24	8,07	7,99
B38. Theo ông/bà, xu thế tăng/giảm chung về chi phí không chính thức phải chi trả khi thực hiện các TTHC hoặc các công	8,31	8,92	8,31	7,9	8,35	8,45	8,62	8,07	8,26	7,94	8,22	8,39	8,52	8,71	8,36	8,72	8,67	8,9	8,5	8,8	8,86	8,47

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	SỞ, NGÀNH																				TB	
	Sở KH & ĐT	Sở Tài chính	Sở TN& MT	Sở XD	Sở NN& PTNT	Sở GT& VT	Sở KH& CN	Sở GD& ĐT	Sở LĐ - TB &XH	Sở CT	Sở Tư pháp	Sở TT& TT	Sở Y tế	Sở VH& TT	Sở Du lịch	BQL KKT	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục HQ TP	BH XH TP		NH NN-HP
việc liên quan tại SỞ/BAN/NGÀNH NÀY có thay đổi như thế nào trong năm vừa qua?																						
B29. Mức độ phổ biến của chi phí không chính thức khi DN/HTX/HKD bị thanh tra, kiểm tra?	7,78	7,87	7,84	7,64	7,63	7,84	7,63	8	7,69	7,5	8,13	8	7,93	7,83	7,86	7,85	8,06	8,08	7,83	7,95	8,07	7,86
B30. Tác động của chi phí không chính thức đối với quyết định kinh doanh, đầu tư của DN/HTX/HKD?	8,48	8,93	8,35	8,41	8,75	8,7	8,33	8,6	8,61	8,18	8,44	8,53	8,55	8,74	8,85	8,21	8,65	8,79	8,59	8,87	8,79	8,59
Cạnh tranh bình đẳng	7,94	7,38	7,05	6,7	7,29	6,98	7,19	7,2	6,94	7,22	6,93	7,52	6,81	7,48	7,28	7,71	7,54	7,59	7,25	7,17	7,49	7,27
B40. “SỞ/BAN/NGÀNH NÀY ưu ái thực hiện TTHC đối với DN FDI, DN lớn, DN thân hữu với chính quyền so với DN nhỏ và vừa”.	7,93	7,25	7,03	6,76	7,3	7,01	7,24	7,13	6,99	7,22	6,93	7,51	6,8	7,47	7,4	7,7	7,48	7,57	7,23	7,16	7,52	7,27
B41. “Thông tin, cơ hội kinh doanh, chính sách ưu đãi, hỗ trợ ở SỞ/BAN/NGÀNH NÀY chỉ rơi vào tay các DN FDI, DN lớn, DN thân hữu với chính quyền”	7,94	7,38	7,03	6,58	7,26	6,98	7,11	7,2	6,85	7,06	6,93	7,38	6,8	7,43	7,07	7,7	7,55	7,56	7,22	7,12	7,66	7,23
B42. “SỞ/BAN/NGÀNH NÀY luôn ưu tiên giải quyết kiến nghị, khó khăn đối với DN FDI, DN lớn, DN thân hữu với chính	7,98	7,38	7,05	6,71	7,3	6,95	7,16	7,2	6,93	7,28	6,93	7,59	6,8	7,43	7,4	7,75	7,56	7,58	7,24	7,18	7,36	7,27

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	SỞ, NGÀNH																				TB	
	Số KH & ĐT	Số Tài chính	Số TN& MT	Số XD	Số NN& PTNT	Số GT& VT	Số KH& CN	Số GD& ĐT	Số LD - TB &XH	Số CT	Số Tư pháp	Số TT& TT	Số Y tế	Số VH& TT	Số Du lịch	BQL KKT	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục HQ TP	BH XH TP		NH NN-HP
quyền so với DN nhỏ và vừa”.																						
B43. “SỞ/BAN/NGÀNH NÀY thường “nhẹ tay” trong công tác thanh tra, kiểm tra với DN FDI, DN lớn, DN thân hữu với chính quyền so với DN nhỏ và vừa.”	7,92	7,5	7,11	6,77	7,3	6,98	7,24	7,27	7	7,31	6,93	7,58	6,83	7,6	7,27	7,7	7,57	7,65	7,33	7,22	7,45	7,31
Hỗ trợ SXKD	7,38	7,39	6,89	6,5	7,09	6,75	6,89	6,9	6,76	6,86	6,82	6,91	6,68	7,32	7,14	7,08	7,21	7,12	6,97	6,67	6,86	6,96
B44. Trong năm vừa qua, ông/bà có hay được mời/thông báo tham gia các chương trình hỗ trợ DN/HTX (khóa đào tạo, tập huấn, phổ biến chủ trương, chính sách vay vốn...) do SỞ/BAN/NGÀNH NÀY tổ chức?	5,06	6,13	5,68	4,64	6,04	4,55	5,81	5,79	5,42	5,83	6,27	5,75	5,47	5,37	6	5,9	5,27	4,84	5,54	5,16	4,67	5,48
B46. Hiệu quả của các chương trình hỗ trợ gia nhập thị trường, và nâng cao hoạt động SXKD của DN/HTX/HKD	8,01	7,5	7,24	6,9	7,24	7,24	7,24	7,07	7,09	7,22	6,87	7,05	6,97	7,77	7,33	7,33	7,65	7,66	7,27	7,02	7,47	7,29
B47. Hiệu quả của các biện pháp hỗ trợ trong các trường hợp chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh (ví dụ như bão Yagi)	8,04	7,75	7,21	7,05	7,45	7,29	7,11	7,33	7,04	7,06	7,13	7,15	7,1	7,94	7,7	7,3	7,81	7,72	7,31	7,06	7,47	7,38

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	SỞ, NGÀNH																				TB	
	Số KH & ĐT	Số Tài chính	Số TN& MT	Số XD	Số NN& PTNT	Số GT& VT	Số KH& CN	Số GD& ĐT	Số LD - TB &XH	Số CT	Số Tư pháp	Số TT& TT	Số Y tế	Số VH& TT	Số Du lịch	BQL KKT	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục HQ TP	BH XH TP		NH NN-HP
B48. Hiệu quả của các chương trình, chính sách cho DN/HTX/HKD do phụ nữ, người yếu thế làm chủ	7,98	7,73	7,03	6,88	7,37	7,2	7,14	7,2	6,99	7,11	7,03	7,2	7,03	7,89	7,33	7,45	7,68	7,63	7,27	7,01	7,4	7,31
B45. Ông/bà đánh giá thế nào về thủ tục đề được hưởng các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh ở SỞ/BAN/NGÀNH NÀY?	6,65	7,25	6,76	6,1	6,82	6,49	6,68	6,53	6,49	6,51	6,48	6,79	6,14	6,73	6,48	6,86	6,88	6,73	6,7	6,34	6,28	6,6
B39. Hiệu quả của các chương trình hỗ trợ kết nối DN/HTX/HKD với thị trường, chuỗi cung ứng	7,93	7,5	7,13	6,9	7,26	7,26	7,16	7,13	7,15	7,11	6,93	7,2	6,97	7,77	7,56	7,38	7,62	7,64	7,32	7,02	7,33	7,3
B40. Hiệu quả của các chương trình hỗ trợ kết nối DN/HTX/HKD với nhà cung cấp dịch vụ kinh doanh, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp	7,99	7,88	7,18	7,05	7,45	7,23	7,11	7,27	7,15	7,17	7,03	7,25	7,1	7,77	7,56	7,35	7,6	7,62	7,34	7,05	7,4	7,36
Hiệu lực thiết chế	8,16	7,87	7,35	7,39	7,63	7,57	7,44	7,67	7,48	7,17	7,59	7,41	7,47	8	7,78	7,81	8,03	8	7,61	7,36	7,5	7,63
B49. Hiệu quả thực hiện các cơ chế, chính sách, văn bản pháp luật.	8,17	7,88	7,37	7,41	7,63	7,55	7,51	7,67	7,55	7,22	7,6	7,55	7,6	8,12	7,8	7,85	8,08	8,01	7,6	7,39	7,47	7,67

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	SỞ, NGÀNH																				TB	
	Số KH & ĐT	Số Tài chính	Số TN& MT	Số XD	Số NN& PTNT	Số GT& VT	Số KH& CN	Số GD& ĐT	Số LD - TB & XH	Số CT	Số Tư pháp	Số TT& TT	Số Y tế	Số VH& TT	Số Du lịch	BQL KKT	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục HQ TP	BH XH TP		NH NN-HP
B50. Hiệu quả tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cơ chế, chính sách, văn bản pháp luật	8,24	7,88	7,47	7,41	7,67	7,6	7,56	7,8	7,52	7,28	7,67	7,4	7,33	7,94	7,73	7,85	8,12	8,05	7,67	7,39	7,53	7,67
B53. Hiệu quả giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của DN/HTX/HKD.	8,08	7,88	7,31	7,32	7,6	7,55	7,33	7,67	7,44	7,06	7,59	7,4	7,4	8	7,73	7,8	7,97	7,97	7,58	7,35	7,52	7,6
B54. Hiệu quả thực hiện các biện pháp hỗ trợ, bảo vệ cho các DN/HTX/HKD khi họ có phản ánh, kiến nghị, và khiếu nại.	8,14	7,87	7,25	7,43	7,6	7,56	7,36	7,53	7,43	7,11	7,52	7,28	7,53	7,94	7,87	7,75	7,96	7,97	7,6	7,33	7,47	7,6
TĂNG TRƯỞNG XANH, PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG	7,46	8,36	7,93	7,33	7,58	7,39	7,41	7,84	7,67	7,65	6,96	7,35	8,06	7,76	7,98	8,08	8	7,78	7,46	7,01	7,93	7,67
A25. SỐ/BAN/NGÀNH NÀY rất quan tâm các vấn đề phát triển bền vững, bao trùm (xã hội, môi trường sinh thái, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh...) trong các hoạt động quản lý, điều hành kinh tế	7,46	8,4	7,92	7,36	7,53	7,38	7,47	7,93	7,7	7,67	6,97	7,32	8,09	7,76	7,93	8	7,99	7,76	7,47	7,03	7,93	7,67
A26. SỐ/BAN/NGÀNH NÀY tích cực và hiệu quả trong khuyến khích DN/HTX/HKD thực hiện các biện pháp, thực tiễn tốt, cách làm tốt để giảm thiểu ô nhiễm môi trường	7,36	8,4	7,95	7,32	7,6	7,4	7,36	7,79	7,62	7,61	7	7,32	8	7,65	8,07	8,15	7,97	7,78	7,5	7	8	7,66

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	SỞ, NGÀNH																				TB	
	Sở KH & ĐT	Sở Tài chính	Sở TN& MT	Sở XD	Sở NN& PTNT	Sở GT& VT	Sở KH& CN	Sở GD& ĐT	Sở LĐ - TB &XH	Sở CT	Sở Tư pháp	Sở TT& TT	Sở Y tế	Sở VH& TT	Sở Du lịch	BQL KKT	Công an TP	Cục Thuế TP	Cục HQ TP	BH XH TP		NH NN-HP
và tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu																						
A27. “SỞ/BAN/NGÀNH NÀY thể hiện vai trò tiên phong trong các biện pháp, hành động bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh và bền vững	7,56	8,27	7,92	7,3	7,6	7,38	7,41	7,79	7,7	7,67	6,93	7,42	8,09	7,88	7,93	8,1	8,06	7,79	7,4	7,01	7,86	7,67
Tổng	7,8	7,79	7,37	7,17	7,51	7,42	7,38	7,54	7,33	7,19	7,35	7,51	7,33	7,79	7,64	7,64	7,77	7,83	7,56	7,36	7,54	7,52

2. DDCI cấp địa phương

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	Địa phương														TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiên An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
Thực hiện TTHC	9,03	9,03	8,61	8,78	7,53	7,96	8,27	8,55	7,52	7,39	7,74	8,41	8,5	8,25	8,26
B1. Ông/bà đánh giá thế nào về chất lượng hướng dẫn của cơ quan cấp quận/huyện về trình tự, hồ sơ TTHC/công việc?	9,11	9,2	8,8	8,84	8,04	8,4	8,63	9,04	7,94	7,56	8,1	8,57	8,92	8,6	8,55
B2. Ông/bà đánh giá thế nào về tổ chức thực hiện TTHC/công việc của cơ quan cấp quận/huyện so với văn bản quy định?	9,11	9,18	8,9	8,93	8,12	8,53	8,57	8,93	7,91	7,56	7,94	8,7	8,69	8,6	8,55
B3. Ông/bà bị yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ bao nhiêu lần rồi mới được chấp nhận là hồ sơ hợp lệ?	9,23	8,94	8,74	9,45	7,91	9	8,53	9,52	7,97	8,69	8,2	9,32	8,6	8,74	8,78
B4. Chuyên môn, hiệu quả giải quyết công việc	9,11	9,3	8,77	9,02	7,88	8,2	8,57	9,11	8	7,41	8,1	9,14	8,88	8,67	8,58
B5. Thái độ phục vụ và sự nhiệt tình của cán bộ, công chức khi tiếp xúc với DN/HTX/HKD	9,07	9,4	8,81	9,02	7,72	8,6	8,57	9,23	8	7,48	8,1	9,17	8,9	8,6	8,62
B6. Đăng kí kinh doanh	9,11	9,18	8,61	8,95	7,76	7,93	8,4	8,64	8,03	7,33	7,94	8,41	8,4	8,47	8,37
B7. Đất đai - địa chính	8,76	8,5	8,13	8,32	5,4	6,76	7,94	7,85	6,26	7,02	6,74	7,14	7,76	7,4	7,43

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	Địa phương														TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
B8. Xây dựng như giấy phép xây dựng (trong thẩm quyền của quận, huyện)...	8,84	8,57	8,46	8,41	6,6	7,2	8	8,2	7	7,25	7,23	7,78	8,08	7,4	7,79
B9. Giấy chứng nhận thực hiện các quy định an toàn thực phẩm	8,89	9,03	8,69	8,97	7,32	8,07	8,17	8,48	7,31	7,14	7,65	8,32	8,49	8,2	8,19
B10. Công Thương như giấy phép kinh doanh/giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh ngành nghề có điều kiện thuộc lĩnh vực công thương (như sản xuất kinh doanh rượu, bia, thuốc lá, khí dầu mỏ, hóa lỏng...)...	8,93	9,07	8,67	8,64	7,72	7,8	8,23	8,57	7,39	7,53	7,55	8,1	8,45	8,07	8,19
B11. Tài nguyên-MT như giấy phép thực hiện các quy định về TN-MT...	8,89	8,85	8,69	8,59	6,32	7,4	8,23	8,15	6,58	6,94	7,52	7,68	8,19	7,73	7,84
B12. Nông nghiệp	9,11	9,1	8,69	9,15	8,24	8	8,34	8,76	7,83	7,41	7,71	8,48	8,56	8,47	8,42
B13. Văn hóa - thể thao - du lịch	9,11	9,1	8,79	9,15	8,28	8,07	8,34	8,63	7,91	7,45	7,74	8,74	8,54	8,53	8,46
B14. Ông/bà đánh giá thế nào về tác động của việc thực hiện TTHC/công việc ở quận/huyện NÀY đến kế hoạch kinh doanh?	9,11	9,23	8,38	8,76	8,65	8,07	8,12	7,83	7,57	7,36	7,87	8,48	8,65	8,2	8,31

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	Địa phương														TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
B15. Ông/bà đánh giá thế nào về thời gian DN/HTX/HKD bỏ ra để hoàn thành TẤT CẢ các TTHC/công việc tại quận/huyện này để chính thức hoạt động hoặc chương trình, dự án, kế hoạch kinh doanh đủ điều kiện triển khai so với quy định?	9,11	8,82	8,06	7,51	7	7,33	7,45	7,35	7,06	6,76	7,81	8,13	8,41	8,07	7,78
Tính minh bạch & ứng dụng công nghệ thông tin	9,03	8,98	8,03	8,09	7,35	7,45	8,03	8,23	6,36	7,08	7,07	8,36	8,23	7,63	7,85
B16. Văn bản quy phạm pháp luật; TTHC; cơ chế chính sách mới	9,07	9,05	8,23	8,31	7,52	7,67	8,23	8,58	6,57	7,25	7,16	8,51	8,29	7,53	8
B17. Bản đồ, quy hoạch sử dụng đất của quận/huyện, với các thông tin công khai về giải tỏa và giá đền bù trong giải phóng mặt bằng	8,89	9,07	7,9	7,73	7,2	7,93	8,17	8,04	5,09	7,33	7,13	8,44	8,24	7,47	7,76
B18. Dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công do quận, huyện quản lý	8,89	8,93	7,73	7,82	6,8	7,6	8,34	7,91	4,54	7,29	6,9	8,25	8,16	7	7,58
B19. Thông tin công khai khoản đóng góp của cơ sở SXKD cho ngân sách nhà nước (NSNN)	8,98	8,93	7,83	7,91	7,36	7,53	8,34	7,83	6,26	7,37	6,94	8,35	8,22	7	7,77

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	Địa phương														TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
B20. Khi ông/bà có yêu cầu cung cấp thông tin, văn bản KHÔNG CÓ SẴN trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc tại trụ sở thì ông/bà đánh giá thế nào về tính chủ động và kịp thời của quận/huyện NÀY trong việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của ông/bà?	9,07	8,6	8,04	6,73	7,59	7,07	7,71	7,42	6,55	7,1	7,84	7,75	8,05	7,47	7,64
B21. Ông/bà đánh giá thế nào về vai trò của các “mối quan hệ với cán bộ nhà nước khi tiếp cận thông tin, giải quyết công việc tại quận/huyện này”?	9,11	9,15	7,31	8,28	5,8	4,87	6,97	8,62	6,94	5,54	5,85	7,81	8,05	8,07	7,31
B22. Ông/bà đánh giá thế nào về mức độ hữu ích của thông tin trên trang web của quận/huyện NÀY trong việc tìm kiếm thông tin? (website có tên miền kết thúc bằng gov.vn)	9,11	9,05	8,65	8,98	8,32	8,67	8,17	8,62	7,13	7,24	7,39	8,7	8,45	8,33	8,34
B23. Ông/bà đánh giá thế nào về nỗ lực ứng dụng CNTT/chuyển đổi số để công khai thông tin, tương tác với doanh nghiệp, tham vấn ý kiến, giải đáp thắc mắc và cung cấp dịch vụ công cho các cơ sở SXKD tại quận/huyện NÀY?	9,11	9,08	8,55	8,98	8,24	8,27	8,29	8,84	7,83	7,49	7,34	9,05	8,38	8,2	8,4

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	Địa phương														TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
Tính năng động và tiên phong của chính quyền địa phương	9,02	8,89	7,73	8,19	7,68	8,13	7,81	8,12	7,31	7,39	6,65	8,04	8,09	7,55	7,9
B24. “Thực hiện hiệu quả và linh hoạt các chương trình, chủ trương của UBND thành phố trong khuôn khổ pháp luật, nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các cơ sở SXKD”	9,07	9,03	8,46	9,07	7,96	8,47	8,4	9,05	7,97	7,84	7,13	8,35	8,4	7,93	8,37
B25. “Khi quy định của Trung ương và thành phố chưa rõ ràng, UBND quận/huyện rất sáng tạo và mạnh dạn triển khai các chủ trương/quyết định, giải quyết các vấn đề phát sinh mới và tham mưu UBND thành phố các đề xuất phù hợp”	8,89	9	8,46	8,98	7,92	8,2	8,51	8,88	7,83	7,8	7,13	8,1	7,89	7,87	8,25
B26. “Không có hiện tượng trì hoãn/chậm trễ hay đùn đẩy trách nhiệm khi thực hiện các quyết định/chủ trương của UBND thành phố và cấp TW”	9,11	8,98	8,46	9,16	7,96	8,47	8,4	8,74	8	7,8	7,13	8,1	8,32	7,93	8,32

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	Địa phương														TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
B27. “Việc thực hiện chủ trương, chính sách của ngành, thành phố trong việc tạo thuận lợi cho cơ sở SXKD hoạt động là ổn định, nhất quán”	9,02	8,98	8,48	9,16	8,08	8,47	8,34	8,96	8,03	7,73	7,13	8,16	8,29	7,8	8,33
B28. “Lãnh đạo địa phương thể hiện tinh thần dám quyết/dám làm và dám chịu trách nhiệm trong việc thực thi các quy định, chính sách và tiên phong thực hiện cải cách”	9,11	9	8,5	9,07	8,52	8,93	8,51	8,8	8,11	7,8	7,16	8,32	8,35	7,8	8,43
B29. “Lãnh đạo địa phương đã giám sát và có biện pháp kịp thời để xử lý các trường hợp gây nhiễu, khó khăn cho các cơ sở SXKD”.	9,23	9,07	8,56	9,2	8,33	9,2	8,4	8,88	7,8	8,12	7,19	8,48	8,48	7,8	8,48
B30. Tần suất được mời/tham gia các kênh, diễn đàn đối thoại, tham vấn đối với DN/HTX/HKD về các vấn đề mà ông/bà gặp phải?	8,71	8,28	3,82	3,32	5,28	5,73	4,29	3,95	3,26	4,82	3,35	6,3	6,97	5,67	5,27
B31. Ông/bà đánh giá thế nào về hiệu quả của các kênh, diễn đàn đối thoại, tham vấn đối với DN/HTX/HKD về các vấn đề mà họ gặp phải?	9,02	8,78	7,11	7,57	7,41	7,6	7,6	7,69	7,5	7,18	6,96	8,56	8	7,62	7,76

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	Địa phương														TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
Chi phí thời gian	8,79	8,68	8,08	8,27	7,64	7,86	8,17	8,51	7,37	7,54	7,36	8,54	8,21	8,18	8,09
B32. Ông/bà đánh giá thế nào về thời gian thực hiện các TTHC ở quận/huyện so với quy định?	8,93	7,82	7,36	6,59	6,21	6,8	7,41	6,85	6,6	6,4	7,15	8,07	8,28	7,71	7,3
B33. Việc thực hiện các thủ tục trực tuyến là dễ dàng và đơn giản	9,29	9,32	8,72	9,02	8,36	7,93	8,69	9,25	7,89	7,41	7,68	9,11	8,64	8,67	8,57
B34. Việc thực hiện các thủ tục trực tuyến tiết kiệm thời gian và chi phí so với phương thức truyền thống (nộp hồ sơ giấy, gặp mặt trực tiếp)	9,24	9,32	8,76	9,16	8,4	8,6	8,69	9,35	7,91	7,65	7,71	9,05	8,75	8,67	8,66
B35. Không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ đã được yêu cầu cung cấp trước đó bởi một cơ quan hành chính cấp tỉnh theo phương thức truyền thống	9,29	9,32	8,76	9,11	8,36	8,67	8,69	9,28	7,8	7,65	7,7	9,03	8,69	8,48	8,63
B36. Số lần thanh tra, kiểm tra RIÊNG của quận/huyện NÀY mà ông/bà phải tiếp trong năm vừa qua? (Thanh tra, kiểm tra bao gồm các hoạt động thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch được thông	9,33	9,65	8,88	9,36	9,36	8,67	8,46	9,01	8,32	9,18	8,74	9,14	9,05	9,27	9,03

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	Địa phương														TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
báo trước, kiểm tra đột xuất, kiểm tra chuyên ngành của quận/huyện đang đánh giá, không bao gồm hoạt động kiểm tra đề hoàn thành TTHC)															
B37. Ông/bà đánh giá thế nào về thời gian của 1 đợt thanh tra, kiểm tra thực tế so với thời gian trong quyết định (QĐ) thanh tra, kiểm tra do UBND cấp quận, huyện ban hành?	7,73	7,85	6,96	7	6,25	6,82	7,14	7,67	6,33	7,26	6,56	7,83	7,29	6,91	7,11
B38. Theo ông/bà, việc thanh tra, kiểm tra của quận/huyện này ảnh hưởng thế nào đối với hoạt động SXKD của DN/HTX/HKD?	7,73	7,45	7,11	7,67	6,53	7,53	8,15	8,14	6,76	7,26	6	7,52	6,8	7,54	7,3
Chi phí không chính thức	9,12	9,04	8,85	8,75	7,23	9,25	8,94	8,89	8,16	7,44	7,87	8,44	8,63	8,31	8,5
B39. Ông/ bà đánh giá như thế nào về mức độ phổ biến của chi phí không chính thức; trình trạng gợi ý, gây khó khăn, cản trở của cán bộ, công chức mà DN/HTX/HKD phải bỏ ra khi thực hiện TTHC và giải quyết công việc tại ở quận/huyện NÀY?	9,29	9,19	9,07	9,07	7,04	9,4	9,26	8,89	8,12	7,25	8,16	8,55	8,97	8,73	8,64

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	Địa phương														TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
B40. Đăng ký kinh doanh	9,24	9,28	8,87	8,62	7,32	9,27	9,14	8,94	9,19	7,41	8,13	8,56	8,75	8,67	8,67
B41. Đất đai - địa chính	8,98	8,63	8,3	8,31	5,32	8,67	8,29	8,22	6,72	6,88	7	7,42	7,89	7,53	7,72
B42. Xây dựng	8,98	8,68	8,53	8,36	6,94	8,8	8,51	8,64	8	7,32	7,32	8,06	8,27	7,6	8,14
B43. Công thương (công nghiệp, dịch vụ - thương mại)	9,07	9,23	8,89	8,62	7,6	9,33	8,57	8,99	8,06	7,8	7,77	8,35	8,59	8,4	8,52
B44. Nông nghiệp	9,11	9,2	8,89	8,7	7,88	9,33	8,86	9,14	9,11	7,88	7,74	8,58	8,37	8,4	8,66
B45. Tài nguyên, môi trường	9,07	8,9	8,89	8,45	6,76	9,2	8,8	8,59	7,24	6,68	7,71	8	8,56	7,93	8,2
B46. Văn hóa - thể thao - du lịch	9,2	9,21	8,93	8,73	7,96	9,33	9,09	9,1	9,18	7,92	7,87	8,97	8,64	8,55	8,76
B47. Mức độ phổ biến của chi phí không chính thức khi DN/HTX/HKD bị thanh tra, kiểm tra?	9,16	8,84	9,06	8,98	7,18	9,07	9,31	8,55	7,74	7,06	8,16	8,32	8,97	8,6	8,5

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	Địa phương														TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
B48. Tác động của chi phí không thức đối với quyết định kinh doanh, đầu tư của DN/HTX/HKD?	9,16	9,22	9,02	9,24	7,78	9,47	9,41	9,17	8,34	7,8	8,55	8,86	8,97	8,41	8,81
B49. Theo ông/bà, xu thế tăng/giảm chung về chi phí không chính thức phải chi trả khi thực hiện các TTHC hoặc các công việc liên quan tại địa phương có thay đổi như thế nào trong năm vừa qua?	9,11	9,13	8,93	9,19	7,72	9,87	9,12	9,59	8,09	7,83	8,16	9,21	8,93	8,53	8,81
Cạnh tranh bình đẳng	8,97	8,97	7,99	8,16	7,64	8,32	8,14	8,49	6,33	7,22	7,25	8,1	8,54	7,95	8
B50. “Thông tin, cơ hội kinh doanh, chính sách ưu đãi, hỗ trợ ở quận/huyện NÀY chỉ rơi vào tay các DN FDI, DN/HKD lớn, DN/HKD thân hữu với chính quyền”	8,93	8,95	8,04	8,18	7,56	8,27	8,11	8,5	6,38	7,37	7,15	8,19	8,54	8	8,01
B51. “Quận/huyện NÀY ưu ái thực hiện TTHC đối với DN/HTX/HKD lớn, DN/HTX/HKD thân hữu với chính quyền so với DN/HTX/HKD nhỏ và vừa”.	8,93	8,98	7,98	8,18	7,6	8,27	8,06	8,42	6,29	7,29	7,28	8,06	8,57	8	7,99
B52. “Quận/huyện NÀY luôn ưu tiên giải quyết kiến nghị, khó khăn đối với DN FDI, DNHTX/HKD lớn, DN/HTX/HKD thân hữu với chính quyền so với DN/HTX/HKD nhỏ và vừa”.	8,93	8,98	8	8,14	7,76	8,33	8,11	8,51	6,29	7,22	7,28	8,06	8,54	7,87	8
B53. “Quận/huyện NÀY thường “nhẹ tay” trong công	9,07	8,96	7,94	8,14	7,64	8,4	8,29	8,51	6,35	6,98	7,31	8,1	8,52	7,93	8,01

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	Địa phương														TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
tác thanh tra, kiểm tra với DN FDI, DN/HTX/HKD lớn, DN/HTX/HKD thân hữu với chính quyền so với DN/HTX/HKD nhỏ và vừa.”															
Hỗ trợ SXKD	8,93	8,85	7,27	7,46	6,71	7,43	7,57	7,65	7,02	6,83	6,91	8,02	8,17	7,61	7,6
B54. Trong năm vừa qua, ông/bà có hay được mời/thông báo tham gia các chương trình hỗ trợ DN/HTX/HKD (khóa đào tạo, tập huấn, phổ biến chủ trương, chính sách...) do quận/huyện NÀY tổ chức?	8,84	8,3	3,78	3,47	3,35	5,07	4,82	4,47	3,59	4,51	4,18	6,5	6,61	5,59	5,22
B55. Ông/bà đánh giá thế nào về thủ tục để được hưởng các chương trình hỗ trợ sản xuất kinh doanh ở quận/huyện NÀY?	9,02	8,87	7,02	7,13	6,13	7,27	8,08	7,79	6,75	6,5	7,91	8,5	8,38	7,62	7,64
B56. Hiệu quả của các chương trình hỗ trợ ở về gia nhập thị trường, và nâng cao hoạt động SXKD của DN/HTX/HKD	8,93	8,96	7,66	8,36	7,48	7,93	8,06	8,22	7,66	7,37	7,26	8,16	8,45	7,87	8,03
B57. Hiệu quả của các chương trình kết nối DN/HTX/HKD với thị trường, chuỗi cung ứng	8,84	8,96	7,68	8,31	7,48	7,8	8,06	7,95	7,69	7,41	7,23	8,25	8,27	7,87	7,98

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	Địa phương														TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
B58. Hiệu quả của các chương trình kết nối DN/HTX/HKD với nhà cung cấp dịch vụ kinh doanh, tổ chức hỗ trợ DN/HTX/HKD	8,93	8,96	7,75	8,27	7,52	7,93	8,17	8,09	7,66	7,25	7,26	8,19	8,43	8,13	8,04
B59. Hiệu quả của các biện pháp hỗ trợ trong các trường hợp chịu ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh (ví dụ như bão Yagi)	8,98	8,96	8,46	8,36	7,52	8	7,94	8,57	7,83	7,33	7,26	8,35	8,53	8,13	8,16
B60. Hiệu quả của các chương trình, chính sách cho DN/HTX/HKD do phụ nữ, người yếu thế làm chủ	8,98	8,96	8,53	8,36	7,48	8	7,89	8,42	7,97	7,44	7,26	8,19	8,49	8,07	8,15
Hiệu lực thiết chế & ANTT	9,12	9,11	8,58	8,97	7,94	8,67	8,36	9,21	8,07	7,51	7,44	8,72	8,2	8,28	8,44
B61. Hiệu quả tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cơ chế, chính sách, văn bản pháp luật.	9,11	9	8,48	8,93	8,2	8,27	8,06	9,03	8,17	7,57	7,19	8,6	8,43	8,13	8,37
B62. Hiệu quả thực hiện các cơ chế, chính sách, văn bản pháp luật	9,07	9	8,48	8,93	8,32	8,53	8,06	8,97	8,23	7,69	7,19	8,57	8,38	8,13	8,4
B63. Hiệu quả giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của DN/HTX/HKD	9,11	9,03	8,51	8,89	8,04	8,53	8,23	8,95	8,09	7,73	7,26	8,54	8,43	8,07	8,39
B64. Hiệu quả thực hiện các biện pháp hỗ trợ, bảo vệ cho các DN/HTX/HKD khi họ có phản ánh, kiến nghị, và khiếu nại.	9,11	9,03	8,53	8,89	8,12	8,47	8,23	8,84	8,17	7,76	7,26	8,52	8,45	8	8,38

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	Địa phương														TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
B65. “Quận/huyện đã giải quyết hiệu quả các vụ việc liên quan tới an ninh, trật tự khi cơ sở SXKD phản ánh, kiến nghị”.	9,16	9,25	8,69	9,11	7,6	8,87	8,63	9,6	7,86	7,37	7,71	8,95	7,95	8,53	8,52
B66. “Hiện tượng tội phạm quấy nhiễu cơ sở SXKD tại địa phương hoàn toàn không còn tồn tại”	9,16	9,25	8,69	8,98	7,64	8,93	8,63	9,49	7,97	7,14	7,71	8,92	7,92	8,53	8,5
B67. “Hoàn toàn không có hiện tượng cơ sở SXKD phải chi trả tiền cho các nhóm đối tượng để được yên ổn làm ăn”	9,16	9,25	8,69	9,07	7,68	9,07	8,69	9,57	8	7,33	7,77	8,92	7,81	8,53	8,54
Tăng trưởng xanh, phát triển bền vững	9,11	9	8,77	8,64	8,47	8,4	8,82	8,61	7,9	7,69	7,86	8,23	8,59	8,53	8,47
A25. “Quận/huyện NÀY rất quan tâm các vấn đề phát triển bền vững, bao trùm (xã hội, môi trường sinh thái, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh...) trong các hoạt động quản lý, điều hành kinh tế”.	9,11	9	8,71	8,67	8,52	8,47	8,8	8,69	7,77	7,64	7,87	8,25	8,68	8,53	8,48

CHỈ SỐ THÀNH PHẦN/CHỈ TIÊU	Địa phương														TB
	Quận Hồng Bàng	Quận Ngô Quyền	Quận Lê Chân	Quận Hải An	Quận Kiến An	Quận Đồ Sơn	Quận Dương Kinh	Huyện Thủy Nguyên	Huyện An Dương	Huyện An Lão	Huyện Kiến Thụy	Huyện Tiên Lãng	Huyện Vĩnh Bảo	Huyện Cát Hải	
A26. "Tích cực và hiệu quả trong khuyến khích DN/HTX/HKD thực hiện các biện pháp, thực tiễn tốt, cách làm tốt để giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu"	9,16	9	8,78	8,67	8,24	8,27	8,91	8,6	7,97	7,76	7,87	8,22	8,62	8,53	8,47
A27. "Quận/huyện NÀY thể hiện vai trò tiên phong trong các biện pháp, hành động bảo vệ môi trường, tăng trưởng xanh và bền vững".	9,07	9	8,82	8,6	8,64	8,47	8,74	8,55	7,97	7,68	7,84	8,22	8,46	8,53	8,47
Tổng	9	8,94	8,14	8,34	7,47	8,13	8,16	8,46	7,27	7,3	7,29	8,33	8,32	7,97	8,08



ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

"Hải Phòng - Tăng tốc và bứt phá"



DDCI 2024
HẢI PHÒNG